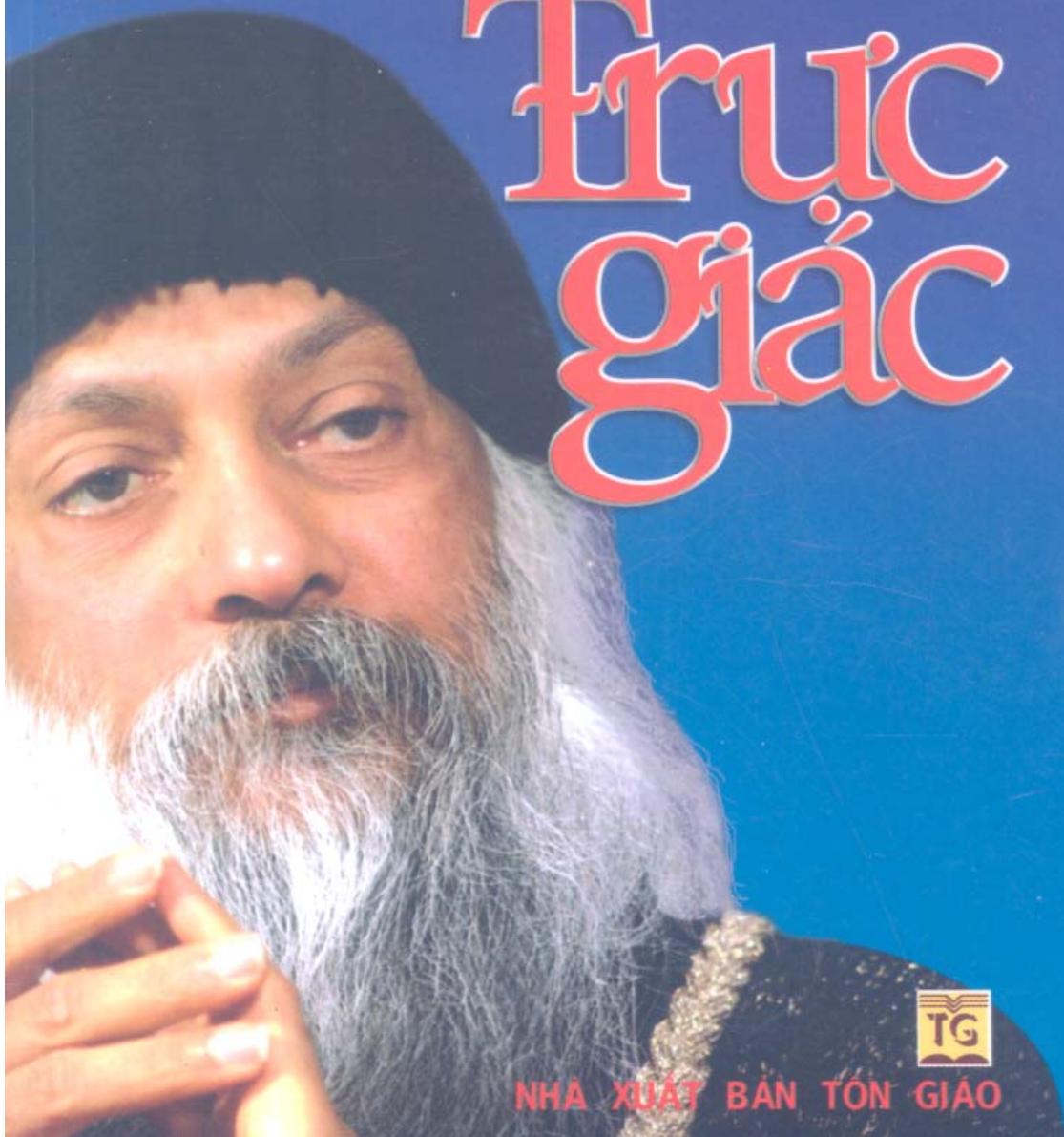


OSHO

Trực giáć



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

OSHO

Người dịch: MINH ĐỨC

TRỰC GIÁC

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

LỜI NÓI ĐẦU

Con người ta vẫn không thể nào lý giải một cách khoa học về trực giác, có lẽ, bởi trực giác vốn dĩ là một hiện tượng lạ kì đầy phi lý và phi khoa học. Con người không thể áp cho trực giác bất cứ một cách luận giải nào. Nếu chỉ đơn thuần đứng trên góc độ ngôn ngữ học thì một câu hỏi đại loại như: “Có thể giải thích được trực giác không?” chẳng có gì đáng bàn cãi. Nhưng xét về bản chất, người đặt câu hỏi ấy lẽ ra phải diễn đạt rằng: “Có thể quy trực giác về với trí năng của con người được hay không?” Trực giác, đó là thứ thực sự đã vượt ra ngoài trí năng của con người, không lệ thuộc vào ý chí của chúng ta, và nó xuất phát từ một nơi nào đó mà trí óc của con người hoàn toàn không thể nhận thức được. Bằng trí năng của mình, con người chỉ có thể cảm nhận, mà không thể nào lý giải.

Sự xuất hiện đột ngột của trực giác luôn đi kèm với một khoảng trống nào đó mà con người chúng ta có thể phát hiện ra. Chính trí năng giúp chúng ta cảm nhận được sự tồn tại của trực giác, nhờ trí năng mà chúng ta có thể nhận thấy rằng đã có việc gì đó khác thường xảy ra, nhưng chúng ta không thể giải thích được điều đó,

đơn giản là vì mọi lý giải đều cần phải có căn cứ hợp lý. Lý giải về trực giác cũng có nghĩa là tìm câu trả lời cho câu hỏi: trực giác tới từ đâu, tại sao lại có trực giác, và nguyên do của tất cả những điều ấy là gì. Nhưng có một điều rõ ràng, đó là nó không xuất phát từ bản thân trí năng mà xuất phát từ một nơi nào đó, bởi vậy, bằng trí tuệ của mình, con người không thể tìm thấy lời giải thích nào rõ ràng. Sự tồn tại của trực giác không có căn nguyên, không sợi dây liên hệ, không chung nguồn mạch nào với trí năng của chúng ta.

Trực giác là một miền đất khác lạ, nơi đang diễn ra những sự việc không hề có mối liên hệ nào với trí óc con người, mặc dù nó tồn tại ngay bên trong trí óc của chúng ta. Trực giác bước vào trong trí năng cũng tương tự như sự thâm nhập của một dạng tồn tại ở cấp cao vào bên trong một dạng tồn tại ở cấp độ thấp hơn, có điều, sự thâm nhập ấy chỉ diễn ra theo một chiều, không hề có chiều ngược lại.

Giống như việc trí tuệ có thể thâm nhập vào thể xác con người, trong khi thể xác không làm được điều ngược lại, sự tồn tại cũng có thể quyết định được trí tuệ, nhưng trí tuệ, một lần nữa, lại không thể thâm nhập trở lại vào bản thân sự tồn tại.

Giống như việc trí tuệ có thể thâm nhập vào thể xác con người, trong khi thể xác không làm được điều ngược lại, sự tồn tại cũng có thể quyết định được trí tuệ, nhưng trí tuệ, một lần nữa, lại không thể thâm nhập trở lại vào bản

thân sự tồn tại. Đó là lý do tại sao để tiến tới *tồn tại* ta lại cần phải tách bạch chính mình với cả thân thể và tâm trí. Thân thể và tâm trí không thể tiến lên cấp độ cao hơn nó được.

Để bước tới một hình thái cao hơn, thế giới hiện tại nhất thiết phải tự cắt gọt. Các thuật ngữ của con người không còn tồn tại và không còn đủ ý nghĩa để lý giải cho điều đó, nhưng trí năng thì vẫn cảm nhận được sự khác biệt ấy, vẫn có thể nhận ra được sự khác biệt ấy. Trí năng có thể nhận ra rằng “có thứ gì đó vẫn đang diễn ra, nhưng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng ta.” Thậm chí, trí năng còn có thể làm được nhiều hơn cả sự nhận biết đó.

Nhưng cũng có thể, trí năng sẽ không thừa nhận những gì đã xảy ra. Ở đây, vấn đề là có hay không một đức tin. Những ai tin rằng không có gì thực sự tồn tại trên đời mà không thể giải thích được bằng khoa học, là người “vô thần”. Và sự tồn tại của họ vẫn sẽ cứ tiếp tục chảy quẩn quanh ở cấp thấp, cấp bậc của trí năng, họ tiếp tục bị bó buộc trong thế giới của những điều có thể giải thích được ấy. Họ không thừa nhận những bí ẩn vốn không thể nào giải thích nổi, và tất nhiên là cũng không để cho trực giác có cơ hội lên tiếng.

Đó là hình ảnh của người theo chủ nghĩa duy lý. Họ thậm chí sẽ không nhận ra rằng bản thân mình đang có cơ hội tiếp xúc với điều kì lạ đến tuyệt diệu, mà nếu chỉ dùng những gì có trong thế giới của mình, họ sẽ chẳng bao giờ giải thích được. Trở thành một sản phẩm của chủ nghĩa duy lý có nghĩa là sẽ không thừa nhận một

cấp độ tồn tại cao hơn, sẽ phủ nhận nó bằng mọi cách, và khăng khăng: “Không thể nào. Điều đó chỉ có trong trí tưởng tượng hoặc trong mơ. Tôi sẽ không thừa nhận điều đó trừ khi tôi có thể chứng minh nó bằng tri thức.” Một bộ óc duy lý là một bộ óc hạn hẹp, đóng chặt cửa bằng những giới hạn của lập luận, và bởi thế, trực giác không thể nào đặt chân vào đó.

Tuy nhiên, con người vẫn có thể sử dụng trí năng và hệ thống lý luận như một công cụ hữu ích để mở cửa chính mình. Hãy linh hội những tầm cao mới, nếu chúng đến, hãy mở cửa đón nhận. Khi đó trí năng đã trở thành một công cụ trợ giúp hữu hiệu.

Mặt khác, trí năng có thể được sử dụng để diễn tả trực giác, vâng, là diễn tả chứ không phải là diễn giải. Đức Phật chẳng hề giải thích bất cứ điều gì. Thay vào đó, người thể hiện nó, chứ không thanh minh, cũng không giải thích.

Tất cả những bộ áo Nghĩa thư (Phê đàm đa/Upanishads) cũng đều hướng tới sự biểu hiện mà không hề giảng giải. Trong đó chỉ nói rằng: “Đó là cái này..., đây là cái này ...; đó là những gì đang xảy ra. Nếu muốn, hãy tự bước vào thế giới ấy. Đừng chỉ đứng từ ngoài nhìn vào. Chỉ đứng ngoài sẽ chẳng bao giờ có thể thấu hiểu những gì diễn ra trong đó. Bởi vậy, hãy mở cửa bước vào, hãy trở thành người trong cuộc.”

Thậm chí cho dù đã bước chân vào thế giới ấy rồi, cũng không thể trông chờ được nhận những lời giải thích. Ta chỉ có thể bước tới để biết và cảm nhận những

gì chung quanh. Như một lẽ đương nhiên, lúc này, trí óc của chúng ta bắt đầu vận động để cố gắng tìm ra câu trả lời, nhưng thất bại sẽ là điều chắc chắn. Một thế giới ở cấp độ cao không thể nào lùi lại cấp thấp hơn.

TRỰC GIÁC DU NGOẠN TRÊN CHIẾC XE VÔ HÌNH, đó là lý do tại sao người ta nói trực giác là một bước nhảy vọt; cũng là lý do tại sao nó lại được coi là một bước ngoặt lớn. Trực giác là bước nhảy từ một điểm này tới một điểm khác dù giữa hai điểm ấy không hề có bất cứ mối quan hệ hay sự liên kết nào. Nếu tôi tiến từ từ từng bước tới trước mặt một người, hành động đó không được coi là bước nhảy. Chỉ khi nào tôi xuất hiện trước mặt người đó mà không hề dùng tới một bước đi nào, đó mới được gọi là bước nhảy. Và, một bước nhảy thực sự thậm chí còn có ý nghĩa sâu xa hơn nhiều. Nó có nghĩa là: một thứ từng tồn tại ở điểm A nào đó, đã chuyển sự tồn tại của mình qua một điểm B, điều quan trọng là

giữa hai điểm A và B lại không hề có một sợi dây tồn tại nào liên kết cả.

Trực giác thực sự là một bước nhảy, nó không đến với con người ta tuần tự từng bước một. Chính xác thì trực giác là một thứ gì đó “diễn ra” với chúng ta chứ không phải là thứ gì đó “tiến đến” với chúng ta

Trực giác thực sự là một bước nhảy, nó không đến với con người ta tuần tự từng bước một. Chính xác thì trực giác là một thứ gì đó “diễn ra” với chúng ta chứ không phải

là thứ gì đó “tiến đến” với chúng ta, nó diễn ra mà không hề có mối quan hệ nhân quả với bất cứ điều gì, cũng không thể xác định được nguồn gốc từ đâu. Nó hoàn toàn xảy đến bất ngờ. Nếu như nó không diễn ra đột ngột, hoặc giả có một mối liên hệ gì đó với những gì đã xảy ra trước đó, thì có lẽ con người đã có thể bám lấy kênh dẫn hay những mạch nguồn nào đó của vấn đề để tìm ra câu trả lời cho mình, cho dù việc làm đó có thể mất nhiều thời gian công sức. Trí tuệ của con người át hẳn sẽ cho chúng ta khả năng có thể nhận biết, nắm bắt và kiểm soát nó, để rồi một ngày nào đó, khi mà hệ thống công cụ của con người đủ mạnh, sẽ có một thiết bị thích hợp để thu được tín hiệu của trực giác, cũng tương tự như *radio* thu sóng phát thanh hay TV thu sóng truyền hình mà thôi.

Nếu như trực giác được thể hiện ở dạng tia hay dạng sóng chắc chắn sẽ không khó để tạo ra một thiết bị có thể thu được nó. Nhưng con người lại không thể làm được điều đó đơn giản là vì trực giác không phải là sóng, cho dù là loại một loại sóng đặc biệt nào đi nữa. Mà thực tế thì trực giác cũng hoàn toàn không phải là một sự vật, cho dù là sự vật đặc biệt nhất. Nó là một bước nhảy, một bước nhảy để trở thành tồn tại từ trong chính hư vô.

Trực giác chỉ là thế, đây cũng chính là lý do khiến cho trí tuệ luôn không thừa nhận nó. Sở dĩ trí tuệ không thừa nhận trực giác là bởi vì trí tuệ không thể nào tiếp cận được nó. Trí tuệ chỉ có thể tiếp cận được với

những thực thể nếu như nó có thể áp được thực thể ấy vào công thức “nguyên nhân - kết quả” mà thôi.

Đứng trên góc độ của trí năng, thì có hai dạng tồn tại: những gì đã sáng tỏ và những gì chưa sáng tỏ. Trong đó, những gì chưa biết được hiểu là những thực thể chưa được khám phá, nhưng sẽ được làm sáng tỏ trong một ngày nào đó. Tuy nhiên những người theo chủ nghĩa thần bí lại chia sự tồn tại làm ba địa hạt: những điều đã biết, những gì chưa biết và những gì không thể nhận biết được. Theo đó, những gì không thể nhận biết được chính là những thứ nằm ngoài khả năng nhận biết của con người cho dù con người có cố gắng tới mức nào.

Trí năng bao hàm cả những gì đã biết và những gì chưa biết, nhưng không bao hàm những gì mà nằm ngoài giới hạn nhận biết của con người. Những điều còn lại đó thuộc về phạm vi của trực giác. Đó không chỉ là vấn đề mất bao lâu thì những điều đó được khám phá, mà bản chất của vấn đề là ở chỗ, chúng ta không có khả năng khám phá được chúng. Đó không phải là chuyện hệ thống công cụ của con người có đủ hiện đại, tư duy của con người có khả năng bắt kịp được không, hay là vấn đề về khả năng toán học của con người. Bản chất bên trong của “những gì con người không thể nhận biết được” chính là ở tính chất “không thể nhận biết được”. Chúng luôn tồn tại như những thực thể không thể nào nhận biết được.

Đây là lĩnh vực thuộc về trực giác.

Sự chuyển biến từ khu vực của những gì không thể nhận biết sang khu vực vừa những gì đã được nhận biết thực sự là một bước nhảy, không có kênh liên hệ nào, không có sự chuyển tiếp nào, và cũng không có một hành trình nào từ điểm này tới điểm khác.

Tuy nhiên, chuyến du ngoạn ấy dường như là một điều ngoài sức tưởng tượng, cho nên khi tôi nói rằng tôi có thể cảm nhận được nó nhưng không thể hiểu được nó, tôi cũng biết rằng mình đang phát ngôn trong vô giác. “Vô giác” ở đây được hiểu là những gì không thể nhận thức được bằng giác quan. Và tâm hồn chúng ta cũng là một giác quan, một giác quan tinh tế nhất.

Rõ ràng trực giác là hoàn toàn có thực, có thực giống như sự tồn tại thực tế của những gì mà con người không thể nhận thức được. Khoa học phủ nhận sự tồn tại của những điều kỳ bí này bởi lẽ khoa học cho rằng: “Chỉ có một cách phân chia duy nhất: những điều đã biết và những điều chưa được khoa học khám phá. Nếu như có Chúa Trời, chúng ta nhất định sẽ có phương pháp nghiên cứu để biết được. Và nếu như Chúa thực sự tồn tại, khoa học nhất định sẽ tìm ra nơi Người ở.”

Ngược lại, những người theo chủ nghĩa thần bí lại nói rằng: “Bất cứ việc gì chúng ta làm, cho dù dựa trên những cơ sở chắc chắn nhất của sự tồn tại đi chăng nữa thì vẫn cứ bao hàm những điều mà con người không có khả năng tiếp cận, những điều huyền bí.” Và nếu như quan điểm này là không đúng đắn thì tôi cho rằng khoa

học sắp sửa phá vỡ mất ý nghĩa trọn vẹn của cuộc sống này. Nếu không còn gì được coi là bí mật, rõ ràng là cuộc sống không giữ được cái ý nghĩa đầy đủ của nó và toàn bộ cái đẹp vốn có cũng không còn.

Những điều nằm ngoài khả năng nhận thức của con người chính là cái đẹp, là ý nghĩa, là khát vọng, là những mục tiêu, bởi lẽ cuộc sống chỉ có ý nghĩa nếu như có chúng. Khi tất cả đều rõ mồn một, đều tường tận, thì cuộc sống trở nên bằng phẳng, đều đều.

Những điều không thể biết chính là bí mật của cuộc sống, và là chính bản thân cuộc sống của chúng ta.

Và tôi cho rằng:

Lý trí là sự nỗ lực để biết được những điều chưa biết, còn trực giác là sự diễn tiến của những điều con người không bao giờ có thể biết được. Con người có thể bước chân vào thế giới của những điều như thế, nhưng lý giải nó là điều không tưởng.

Cảm nhận thì có thể nhưng luận giải thì không. Càng cố gắng tìm cách giải thích, chúng ta càng tự bó buộc mình lại, bởi vậy, đừng cố làm điều đó. Hãy cứ để cho lý trí của chúng ta làm đúng phận sự của nó, nhưng hãy luôn nhớ rằng còn có những “địa hạt” sâu hơn. Có những lớp sâu hơn mà lý trí không thể nào nhận thức được. Và có những lớp cao hơn cả sự tưởng tượng của lý trí con người.

BẢN ĐỒ

Lý trí là sự nỗ lực để biết được những điều chưa biết còn trực giác là sự diễn tiến của những điều con người không bao giờ có thể biết được.

Con người có thể bước chân vào thế giới của những điều như thế, nhưng lý giải nó là điều không tưởng.

Cảm nhận thì có thể, nhưng luận giải thì không.

Khi thân thể hoạt động theo chức năng một cách tự nhiên, ta gọi đó là bản năng.

Khi tâm hồn ta lên tiếng theo một cách cũng tự nhiên như thế, ta gọi đó là trực giác.

Chúng giống nhau, nhưng lại cách xa nhau quá nhiều.

Bản năng thuộc về phần “con”, là phần thô sơ; còn trực giác thuộc về tâm hồn, là phần tinh tế.

Thú ở giữa chính là trí tuệ, phần chuyên sâu, thứ không bao giờ hoạt động một cách bột phát.

Trí tuệ có nghĩa là sự hiểu biết.

Sự hiểu biết thì không thể tự nhiên mà có.

Bản năng là lớp sâu hơn trí năng và trực giác là lớp cao hơn trí năng.

Cả hai đều nằm ngoài trí năng, và cả trực giác lẫn bản năng đều thật là tuyệt diệu.

KHỐI ÓC, CON TÌM, VÀ SỰ TỒN TẠI

Nếu chỉ với mục đích để hiểu thì cá tính của một con người cũng có thể phân tích được. Đó là một thể đơn nhất thống nhất của khối óc, con tim và sự tồn tại.

Trí năng chính là sự vận hành của bộ não, bản năng thuộc về hoạt động của thân thể, còn trực giác là tiếng nói của trái tim. Đằng sau ba bộ phận ấy chính là sự tồn tại của chúng ta mà chỉ có đặc tính của sự tồn tại ấy mới có thể trở thành bằng chứng.

Cái đầu của chúng ta chỉ có thể nghĩ; do đó, nó không thể đưa ra được kết luận. Nó hoạt động trên lĩnh vực ngôn từ, diễn đạt và trên cơ sở logic, nhưng bởi vì nó không bắt rẽ từ thực tại, cho nên thành tựu hàng nghìn năm của tư duy triết học vẫn không thể đưa cho chúng ta một kết luận chính thức. Triết học đã trở thành bài tập lớn nhất của sự vô ích. Trí năng thực sự nhanh nhạy trong việc thiết lập các câu hỏi và sau đó tìm ra câu trả lời, để rồi từ các câu trả lời đó lại tiếp tục hình thành các câu hỏi và trả lời khác. Trí năng có thể xây nên những tòa cung điện của ngôn từ, những hệ thống lý thuyết, nhưng tất cả chỉ là những lý thuyết trống rỗng mà thôi.

Thân thể không thể ý lại vào trí năng, bởi thân thể chúng ta cần phải duy trì sự sống. Đó là lý do tại sao tất

cả các chức năng thiết yếu của cơ thể đều thuộc về bản năng, chẳng hạn như hít thở, nhịp đập của tim, quá trình tiêu hóa thức ăn, tuần hoàn máu. Có cả một nghìn lẻ một quá trình sống đang diễn ra bên trong cơ thể mà chúng ta không để ý tới. Và tạo hóa đã thật tuyệt vời khi sáng tạo ra những quá trình tài tình như thế bên trong cơ thể chúng ta. Nếu không phải như thế, nếu lý trí lại đảm nhận việc chăm sóc cỗ máy cơ thể, thì sự sống dường như là một điều không thể có. Bởi lẽ, sẽ có đôi khi chúng ta có thể quên mất rằng mình phải thở, khi ngủ say chẳng hạn, ít nhất là vào ban đêm, làm sao mà thở được khi chúng ta còn bận ngủ?

Và khi bận rộn với những mớ ý nghĩ, ai sẽ đảm nhiệm việc tuần hoàn máu, để kiểm soát liệu có đủ oxy vào mỗi khoang tim? Liệu thức ăn mà chúng ta đưa vào cơ thể có được chuyển hóa thành các dưỡng chất cần thiết, và liệu các thành phần dưỡng chất này có được đưa tới đúng bộ phận đang cần tới chúng? Rõ ràng là bản năng của chúng ta đã và đang đảm nhiệm núi công việc khổng lồ. Không đợi chúng ta phải nhận ra sự cần thiết. Thậm chí bản năng vẫn tiếp tục công việc ngay cả lúc chúng ta bị hôn mê.

Tạo hóa đã tạo ra tất cả các chức năng cần thiết của cơ thể để có thể tồn tại, đồng thời tạo hóa cũng để lại tất cả những gì cần thiết làm cuộc sống của con người trở nên có ý nghĩa... bởi vì nếu chỉ để tồn tại, nếu chỉ để sống được, cuộc sống thực sự không có nghĩa. Để mang tới giá trị cho sự sống, sự tồn tại đã đem tới cho con tim

của chúng ta thứ được gọi là trực giác. Trực giác là cơ sở hình thành năng khiếu nghệ thuật, khiếu thẩm mỹ, tình yêu, tình bạn - và tất cả những gì thuộc về hoạt động sáng tạo đều thuộc về trực giác.

Tuy nhiên, trên thương trường, trực giác lại trở thành không cần thiết. Nó không hoạt động dựa trên tình cảm, hay cảm giác của chúng ta; nó chỉ gồm những thứ khô đặc và trần tục. Đó chính là công việc của trí năng, phần nồng nhất trong một tổng thể tồn tại của mỗi người. Trí năng đảm nhiệm phần trần tục của cuộc sống thường nhật, khi mà con người còn tồn tại trong thế giới này, để cho con người chúng ta có đủ khả năng thực hiện các chức năng của mình. Là toán học, là địa lý, là lịch sử hay hóa học - khoa học và công nghệ là do trí năng của chúng ta xây dựng nên. Tư duy *logic* và khả năng hình họa giúp ích cho con người rất nhiều, nhưng thực tế là trí năng hoàn toàn mù tịt. Trí năng chỉ biết tiếp tục công việc thiết lập, hay kiến tạo của mình mà không hề biết những sản phẩm của sự sáng tạo ấy có được dùng vào việc tạo ra những thứ khác có ích hay là bị sử dụng để phá hủy chính cuộc sống của con người. Một ví dụ điển hình chính là hạt nhân và chiến tranh hạt nhân, cuộc chiến do chính trí tuệ của con người gây ra.

TG-2

Để mang tới giá trị cho sự sống, sự tồn tại đã đem tới cho con tim của chúng ta thứ được gọi là trực giác. Trực giác là cơ sở hình thành năng khiếu nghệ thuật, khiếu thẩm mỹ, tình yêu, tình bạn

Trí năng rõ ràng hữu ích, nhưng nó có thể trở thành nguy cơ thảm họa vì một lý do chẳng may nào đó. Mà trên thực tế thì trí tuệ của con người đã từng gây ra hàng loạt các vấn đề cho cái thế giới này.

“Ông chủ” đứng sau bộ ba: thân thể, lý trí và trái tim, chính là sự tồn tại. Có điều là chúng ta chẳng bao giờ bước vào nó được, mọi con đường đều hướng ra phía ngoài sự tồn tại ấy, và tất cả cảm giác của chúng ta cũng vậy. Tất cả thành tựu của mỗi con người đều nằm ở phía ngoài, trong thế giới của chúng ta.

Trí tuệ phát huy tác dụng trong thế giới của con người, và toàn bộ hệ thống giáo dục của con người không gì khác, chính là hệ thống các kỹ xảo, phương pháp nhằm giúp con người tránh khỏi tầm kiểm soát của trái tim, và dồn mọi nguồn năng lượng của cơ thể vào khói óc. Rõ ràng là con tim có thể gây ra nhiều vấn đề rắc rối cho cái đầu, con tim không tuân theo bất cứ một *logic* nào. Con tim có một trung tâm chức năng hoàn toàn khác biệt, và đó là trực giác. Con tim chỉ biết tới một thứ, là tình cảm, có điều là trong thế giới trần tục nơi tính năng và công dụng mới là những thứ người ta cần quan tâm, tình cảm lại không phải thứ vật phẩm có được sự quan tâm đó. Con tim cũng biết tới cái đẹp, có điều là người ta biết làm gì với cái được coi là cái đẹp đó trên thương trường?

Những con người đi theo sự thôi thúc của trái tim, các danh họa, các thi sĩ, nhạc sĩ, vũ công, hay diễn viên chẳng hạn, đều không gán cho cuộc sống của họ *logic* này nọ. Họ sáng tạo những công trình kì vĩ của cái đẹp,

họ là những tâm hồn yêu lớn lao, nhưng học hoàn toàn không phù hợp với một xã hội nơi mọi thứ đều phải được chỉ đạo, và quyết định bởi bộ óc. Các bạn có nhận thấy một điều rằng, trong xã hội của chúng ta, dù ít dù nhiều, các nghệ sĩ vẫn cứ bị coi là những người thừa của cuộc sống, gàn dở hay thậm chí bị cho là thuộc nhóm người có vấn đề về thần kinh? Chẳng mấy ông bố bà mẹ lại mong muốn con mình sau này trở thành nhạc sĩ, họa sĩ hay vũ công cả. Họ đều muốn con mình trở thành bác sĩ, kĩ sư, nhà khoa học vì những hứa hẹn mà những nghề nghiệp đó mang lại. Trong khi đó thì vẽ vời, làm thơ hay nhảy múa đều được xem là “không ổn định”, là “mạo hiểm”, có khi lại phải kết thúc sự nghiệp bằng việc đứng thổi sáo để xin tiền trên phố cung nên.

Con người đã từ chối lắng nghe tiếng nói của trái tim, tiện đây, cũng phải nói luôn rằng, sự phủ nhận những chỉ dẫn của trái tim cũng có nghĩa là phủ nhận luôn vai trò của người phụ nữ. Vai trò của người phụ nữ sẽ vẫn không được thừa nhận chừng nào mà tiếng nói của tình cảm vẫn còn bị phủ định. Người phụ nữ cũng sẽ không thể được giải phóng chừng nào mà trái tim vẫn chưa có được cơ hội bình đẳng như khôi óc. Phụ nữ là con tim còn đần ông là khôi óc. Sự khác biệt ấy là quá rõ ràng.

Khuynh hướng tự nhiên, tạo hóa đã nhào nặn trên đôi tay của mình. Và bất cứ khi nào chúng ta chống lại khuynh hướng tự nhiên ấy, chúng ta đã vô tình tạo ra sự xuyên tạc. Tất cả các loại tôn giáo đã làm công việc đó, chúng đều phản bác lại thể xác con người mà trên

thực tế thì thân thể của chúng ta hoàn toàn vô tội, thể xác chưa từng gây ra điều gì sai trái cả. Thể xác sẽ mang đến cho con người cả núi công dụng nếu như con người để nó tồn tại trong trạng thái hoàn toàn tự nhiên vốn có của mình. Thể xác sẽ nâng đỡ cho tâm hồn, nuôi dưỡng tâm hồn của chúng ta. Thể xác cũng sẽ giúp cho trí tuệ của chúng ta trở nên sắc sảo hơn, bởi vì những yếu tố nuôi dưỡng trí tuệ vốn đều được lấy từ cơ thể, và nguồn sống của tâm hồn cũng vậy. Và một khi cả thể xác, trí óc và tâm hồn có thể hòa quyện với nhau như một bản hòa tấu thì khi đó, việc cảm nhận rằng mình đang tồn tại thực sự là một việc làm dễ dàng nhất ở trên đời. Nhưng trên thực tế, cuộc sống của chúng ta đang bị lãng phí rất nhiều trong chính những mâu thuẫn vốn có giữa những thành phần ấy, mâu thuẫn giữa bản năng, trí năng, và trực giác.

Kẻ khôn ngoan là người có thể thiết lập được sự hài hòa tương đối giữa trí óc, tâm hồn và thể xác. Chính trong sự hài hòa này, con người có thể khám phá ra được nguồn gốc của cuộc sống, của những giá trị cốt lõi, của tâm hồn. Và đó chính là sự thăng hoa lớn nhất, không chỉ với nhân loại mà với toàn vũ trụ - sẽ chẳng còn sự thăng hoa nào tuyệt vời hơn thế nữa.

Tôi chẳng hề chống lại lập luận nào cả. Tôi chỉ chống lại những thứ không hài hòa mà thôi, và bởi lẽ trí óc của chúng ta đang tạo ra những trạng thái bất hài hòa, cho nên tôi chỉ muốn rằng trí óc sẽ được đặt vào đúng vị trí của nó, làm đúng công việc của nó. Nó là nô

lệ chứ không phải là ông chủ. Là người giúp việc, trí óc phải thật hữu dụng.

Một người bán sữa ở Dublin (thủ đô của cộng hòa Ireland), vừa mới giao xong sữa, anh ta dừng ngựa và đỗ xe ngay bên một quán rượu và vào uống. Sau một tiếng đồng hồ, anh ta quay trở ra và phát hiện thấy ai đó đã sơn con ngựa của mình thành màu xanh nhạt. Giận dữ, anh ta bước vội vào trong quán và yêu cầu: “Ai trong số các anh vừa mới sơn con ngựa của tôi thành màu xanh?”

Một người đàn ông Ailen khổng lồ cao tới hai thước, cao lớn gấp nhiều anh ta, đứng dậy và nói: “Ta làm đây. Muốn làm gì nào?”

Người bán sữa tái mặt, cười cười đáp: “Tôi chỉ muốn vào nói rằng, lớp lông đầu tiên của con ngựa đã khô rồi đó!”

Trí tuệ rõ ràng thật là có ích! Trong rất nhiều tình huống, con người rất cần tới trí thông minh, nhưng trí óc chỉ có thể đóng vai trò của một người làm, chứ không phải là vai trò của ông chủ.

QUÁ KHỨ, HIỆN TẠI, VÀ TƯƠNG LAI

Chúng ta đều có một quá khứ, một hiện tại và có một tương lai. Phần bản năng trong mỗi con người thuộc về quá khứ động vật của chúng ta. Nó là thành

phần lâu đời, khó thay đổi và là cái mà con người được thừa hưởng qua hàng triệu năm sinh tồn. Và chẳng có đáng chê trách khi nói đó là phần tương đồng với động vật của con người. Có lẽ khi nghe thấy từ “động vật”, tất thảy các thầy tu hay linh mục đều liên tưởng tới sự kết án, nhưng đơn giản là tôi chỉ nêu lên một sự thật, không hề có bất cứ sự kết tội nào. Quá khứ của chúng ta là quá khứ của động vật. Chúng ta đã từng trải qua tất cả các nấc thang phát triển của động vật; quá trình tiến hóa thành con người hiện nay đã trải qua đặc điểm của tất cả các loài. Đó là một hành trình dài dằng dặc để trở thành “nhân loại”.

Trí tuệ là cái làm nên con người. Đó là hiện tại của chúng ta. Thông qua trí tuệ, chúng ta thực hiện các chức năng sống. Và tất cả hoạt động khoa học, tất cả các hoạt động kinh doanh,

hay nghề nghiệp khác, bất cứ hoạt động gì đang diễn ra trong thế giới của chúng ta, nền chính trị của chúng ta, hệ thống tôn giáo của chúng ta, các hoạt động tâm lý... cũng đều dựa vào một nền tảng chung là trí tuệ. Trí tuệ là cái làm nên con người.

Bản năng là cái hâu như luôn đúng bởi lẽ nó là cái lâu đời, đã thành thực. Bạn có đang nháy mắt không đấy? Rõ ràng là tự bản thân cơ thể bạn đang làm những thứ đại loại như vậy, đó là bản năng. Tim của chúng ta

Trí tuệ là cái làm nên con người. Đó là hiện tại của chúng ta. Thông qua trí tuệ, chúng ta thực hiện các chức năng sống. Và tất cả hoạt động khoa học, tất cả các hoạt động kinh doanh,

đang đậm, hít vào thở ra,... những cơ chế thiết yếu cho sự sống ấy không cần tới sự chỉ đạo của trí óc. Chúng thuộc về bản năng bởi bản năng không bao giờ sai lầm. Bản năng không bao giờ quên hít thở, cũng không bao giờ bỏ quên điều gì.

Còn trí năng thì ngược lại, không phải lúc nào cũng đúng, bởi vì trí năng là cái mới, cái đến sau. Trí năng vẫn còn đang trong giai đoạn mò mẫm trong bóng tối, vẫn còn đang cố gắng tìm xem nó là gì và thuộc về đâu. Và bởi vì không bắt rẽ từ những trải nghiệm lâu dài, cho nên nó thay thế cho sự trải nghiệm đó bằng hệ thống tín ngưỡng, triết học, hay hệ tư tưởng. Và tất cả những điều đó đều tập trung về trí tuệ con người. Tuy nhiên, chúng không phải lúc nào cũng đúng đắn, bởi lẽ dù sao tất cả cũng chỉ là những sản phẩm được tạo ra bởi một vài cá nhân giỏi giang nào đó của nhân loại mà thôi. Con người cũng không thể sử dụng những sản phẩm ấy trong mọi tình huống. Chúng có thể đúng trong tình huống này nhưng không trong tình huống khác. Trí năng giống như bị mù. Nó lại không có được khả năng giải quyết những cái mới. Trí năng toàn lấy những cái gì đã biết để trả lời cho những câu hỏi mới.

Paddy và Sean đang ngồi đối diện với một nhà thờ ở Dublin, bàn luận về đức hạnh theo quan niệm của Thiên Chúa giáo. Đột nhiên, Gideon Greenberg, một

giáo sĩ Do Thái trong vùng xuất hiện ngay trước nhà thổ, nhìn trước ngó sau, rồi vội vã leo lên cầu thang.

“Anh thấy gì không đấy?” Paddy kêu lên. “Tôi thấy mừng vì mình là một người theo đạo Thiên Chúa.”

Mười phút sau, một thày tu của Anh giáo lại xuất hiện ngay trước cửa nhà thổ, đảo mắt nhìn quanh, rồi cũng lẹ làng bước vào trong.

“Lại thêm một kẻ đạo đức giả” Paddy nói, và cười lớn. “Đội ơn Chúa vì con là một người của công giáo”.

Lại vài phút sau đó, Sean khẽ huých tay Paddy, nói nhỏ: “Này anh, nhìn kia! Có cha O’Murphy đang tới.”

Hai người đàn ông nín thở dõi theo và sững sốt khi thấy vị cha xứ mất hút sau cánh cửa của nhà thổ. Đột nhiên, Paddy đứng bật dậy, làm dấu nhắc với Sean: “Sự tôn kính của anh đâu rồi? Hãy đứng dậy và bỏ mū ra đi chứ! Chắc hẳn là vừa có ai đó qua đời trong cái nhà thó kia rồi!”

Trí tuệ sống dựa vào những định kiến; nó không bao giờ có được tính công bằng. Với bản chất của mình, trí tuệ không thể đạt được điều đó vì trí tuệ không xuất phát từ việc kế thừa hay tích lũy. Trong khi bản năng lại luôn luôn công bằng và chỉ cho chúng ta thấy một cách chính xác những cách thức tự nhiên nhất, những hướng đi thoái mái nhất, cũng chính là những cách thức, những hướng đi mà vũ trụ tuân theo. Nhưng có điều kì lạ là bản năng thì luôn bị lên án trong tất thảy mọi tôn giáo, trong khi đó trí năng lại được ngợi ca.

Lẽ dĩ nhiên, nếu con người ta chỉ hành động theo bản năng, thì tôn giáo, Chúa Trời, và các thầy tu sẽ trở nên không còn cần thiết. Động vật đâu có cần tới Chúa mà chúng vẫn chạy nhảy tung tăng đó thôi. Tôi chẳng bao giờ nhận thấy chúng đang tưởng nhớ tới một đức Chúa nào. Không hề có một con vật đơn độc, một chú chim lẻ loi, hay một cái cây rơi trọi nào cần tới Chúa. Chúng vẫn cứ tận hưởng cuộc sống bằng vẻ đẹp toát ra của chúng, hoàn toàn giản đơn: không sợ hãi vì phải xuống địa ngục, không tham vọng được lên tới thiên đàng, cũng không phải tranh cãi vì những khác biệt trong quan điểm triết học. Sẽ không còn những con sư tử (Lion, nghĩa là những người giác ngộ) của Thiên Chúa giáo, cũng không có những con sư tử của đạo Tin Lành hay đạo Hindu.

Toàn bộ cuộc sống sẽ cười với con người, với những gì đã xảy đến với loài người. Nếu như loài chim có thể tung cánh bay mà không cần tới tôn giáo, nhà thờ Thiên Chúa, nhà thờ Hồi giáo, hay điện dài miếu mạo, thì tại sao con người lại không thể làm như thế? Loài chim chẳng bao giờ đánh nhau vì những cuộc chiến tôn giáo, các loài động vật và cỏ cây cũng thế. Nhưng nếu anh là tín đồ Hồi giáo còn tôi là người theo đạo Hindu thì chúng ta không thể cùng tồn tại, hoặc là hãy đi theo tôn giáo của tôi, hoặc là hãy chuẩn bị sẵn sàng di, vì tôi sẽ cho anh được lên thiên đàng ngay lập tức!

Nếu như con người ta tôn thờ bản năng, thì tất thảy tôn giáo đều mất đi căn nguyên của nó, cũng không còn

lý do để tồn tại, và do đó, con người sẽ chuyển sang tân dương trí tuệ.

Và yếu tố thứ ba là trực giác, thứ vẫn còn đang nằm ở tương lai của chúng ta. Bởi vậy những gì được nói về nó ở sau đây ta cần phải ngầm hiểu với nhau.

Bản năng là mặt tự nhiên, thuộc về quá khứ của chúng ta, dựa trên kinh nghiệm của hàng triệu năm tiến hóa, luôn luôn đúng, không bao giờ phạm sai lầm và đôi khi chính chúng ta thậm chí cũng không thể nhận ra được những điều kì diệu mà bản năng mang lại. Thức ăn chuyển hóa thành máu nuôi dưỡng cơ thể bằng cách nào? Vì sao mà chế độ thở vẫn hoạt động ngay cả khi chúng ta đang ngủ? Làm cách nào mà cơ thể con người lại có thể tách lấy oxy từ hỗn hợp với nitơ? Làm sao mà thế giới tự nhiên lại có thể trao cho chúng ta một thân thể hoàn chỉnh, trong đó mỗi bộ phận đều phù hợp với chức năng? Trí não con người cần bao nhiêu oxy để hoạt động minh mẫn? Làm thế nào để có một lượng chính xác oxy theo vòng tuần hoàn máu đi tới khắp nơi trong cơ thể, cung cấp oxy mới, thu lại cái đã dùng rồi, thay thế những tế bào đã chết bằng những thành phần mới và đưa chúng tới chính xác nơi mà chúng sẽ bị đào thải ra ngoài.

Các nhà khoa học nói rằng chỉ có bản năng tự nhiên mới làm được điều đó, con người chưa có đủ khả năng. Trong một cơ thể nhỏ bé, bản năng tự nhiên đảm nhiệm vô số những công việc phi thường. Nếu một ngày nào đó khoa học muốn làm được những công việc mà bản năng

tự nhiên đang đảm nhiệm trong một cơ thể sống, thì mỗi một cơ thể riêng biệt sẽ phải cần tới một nhà máy rộng ít nhất là một dặm vuông. Một núi máy móc khổng lồ! Trong khi đó, vẫn không có gì đảm bảo cho động máy móc đó vận hành trơn tru, bởi vì máy móc thì có thể hỏng hóc, có thể ngừng giữa chừng, điện cũng có thể bị ngắt lúc nào không biết. Thế mà trong suốt hơn 70 năm ròng rã, thậm chí với một số người là cả trăm năm, cỗ máy được vận hành bởi bản năng của tự nhiên vẫn cứ liên tục hoàn thành mọi chức năng của nó một cách hoàn hảo. Chẳng bao giờ có chuyện mất điện. Cũng không phạm phải một sai lầm nào. Mọi việc cứ diễn ra theo đúng như kế hoạch, và kế hoạch đó đều có trong mỗi phần của cơ thể. Ngày mà con người có thể đọc bản mã tế bào của cơ thể mình, cũng là ngày mà chúng ta có thể biết được một đứa trẻ sẽ như thế nào cho dù nó chưa được sinh ra, thậm chí là ngay cả khi đứa trẻ ấy chưa xuất hiện trong bụng mẹ. Tế bào của bố mẹ đều đã có những chương trình được quy định sẵn, trong đó, tuổi, thể trạng, bệnh tật mà mỗi người gặp phải, tài năng thiên phú, trí thông minh, năng khiếu, hay vận mệnh của cả đời mỗi con người đều đã được ấn định.

Và, cũng giống như bản năng, ở một thái cực khác của sự tồn tại, vượt ra ngoài phạm vi của suy nghĩ và cảm giác, những thứ vốn là thế giới của trí năng, chính là thế giới riêng của trực giác.

Chính thiên định là cơ hội để mở cánh cửa của trực giác. Đó đơn giản chỉ là tiếng gõ cửa nhẹ nhàng, để trực

giác mở ra. Trực giác cũng đã sẵn sàng để mở cánh cửa của mình. Nó không phát triển lên; còn chúng ta cũng được thừa hưởng điều đó từ trong chính sự sống của mình. Trực giác chính là một trạng thái tinh túng của con người, là một dạng tồn tại của con người.

Trí năng thể hiện qua tâm trí con người. Bản năng thể hiện thông qua cơ thể. Và chỉ khi nào mà bản năng thực hiện một cách hoàn hảo vai trò của nó, nhân danh thân thể chúng ta thì trực giác mới có thể đảm nhiệm trọn vẹn chức năng của nó giống như một trạng thái tinh

Trí năng nằm giữa
hai điều này: một hành
lang để con người ta
đi qua, một cây cầu để
con người vượt qua

tường nhát mà con người có thể có được. Trí năng nằm giữa hai điều này: một hành lang để con người ta đi qua, một cây cầu để con người vượt qua. Thế nhưng có rất nhiều người, có hàng triệu người vẫn chưa vượt qua được cây cầu ấy. Họ mới chỉ đơn thuần ngồi trên cầu nhưng lại nghĩ rằng đã về được tới nhà.

Trong khi thực tế thì nhà vẫn còn ở xa tít tắp bên kia bờ biển, ở phía đầu bên kia của cây cầu. Cây cầu đó nối giữa bản năng và trực giác. Nhưng tất cả lại phụ thuộc vào con người. Con người thay vì đi hết cây cầu sang đầu bên kia, có thể sẽ xây luôn cho mình một ngôi nhà ở trên cầu, và thế là con người không bao giờ có thể đi được tới đích.

Trí tuệ không phải là căn nhà mà chúng ta hướng đến. Trí tuệ chỉ là một công cụ nhỏ bé, sẽ được con

người sử dụng vào mục đích duy nhất là di chuyển từ bản năng sang trực giác. Bởi vậy mà con người chỉ được gọi là thông tuệ khi mà con người biết sử dụng trí tuệ để vươn tới những gì còn nằm ngoài cả chính nó.

Trực giác thuộc về sự tồn tại của con người. Còn bản năng thuộc về tự nhiên. Và trí năng thì đang dò dẫm trong bóng tối. Con người càng sớm dò được đường vượt ra ngoài tầm trí năng càng tốt; trí năng có thể trở thành cái *barie* chắn đường đối với những ai vẫn cứ cho rằng chẳng có gì cao hơn trí năng của con người. Ngược lại, trí năng lại có thể trở thành một lối đi đầy hoa lá để những người có niềm tin vào trực giác tiến tới cái đích của mình.

Khoa học của nhân loại đã tự đặt ra điểm dừng đốí với trí năng, đó là lý do tại sao mà bản thân khoa học cũng không thể lượng hóa được trạng thái, ý thức của con người. Sự vận dụng trí năng mà không hề gắn với nhận thức về trực giác là một trong những điều nguy hiểm nhất đối với thế giới của con người. Và chúng ta đang sống trong sự đe dọa của mối nguy hiểm cận kề vì chính trí năng đã trao cho khoa học sức mạnh khổng lồ, trong khi sức mạnh ấy lại đang được giao phó trên đôi tay của những đứa trẻ, chứ không phải trong tay của những kẻ khôn ngoan.

Trực giác mang đến cho con người sự thông thái, người ta gọi đó là sự khai sáng, là sự giác ngộ... nhưng nói chung đó là những cách gọi khác nhau của sự hiểu biết. Trí năng chỉ có thể trở thành một kẻ giúp việc giỏi

giang khi nó được chỉ dẫn, được sử dụng bởi đôi bàn tay của sự hiểu biết.

Đồng thời, khi đó, bản năng và trực giác mới có thể cùng nhau thực hiện xuất sắc chức năng của mình: một ở cấp độ thể xác, một ở cấp độ linh hồn. Vấn đề cơ bản của con người chính là tự chặn đường mình khi mới ở giữa con đường: tức là ở cấp độ tâm hồn, cấp độ trí năng. Đέ rồi sau đó thì con người chúng ta tự chuốc lấy những nỗi thống khổ, những mối lo âu, cả những nỗi đớn đau, những điều vô nghĩa và tất thảy mọi sức ép đường như không thể tháo gỡ nổi trong cuộc sống. Trí năng làm nảy sinh vấn đề từ tất cả mọi thứ nhưng lại không thể đưa ra giải pháp. Bản năng thì lại chẳng bao giờ gây ra rắc rối và thế nên bản năng không cần thiết phải có giải pháp nào, nó chỉ đơn giản là thực hiện chức năng của mình một cách hoàn toàn tự nhiên. Trong khi đó thì trực giác lại đơn thuần là kho giải pháp, bản thân trực giác không có vấn đề gì. Cần phải nhấn mạnh lại rằng: trí năng chính là các vấn đề rắc rối mà hoàn toàn không đưa ra các giải quyết.

Nếu chúng ta nhìn nhận một cách đúng đắn cách phân chia ấy thì không khó để hiểu ra rằng: ta sẽ chết nếu bản năng không vận động, và cuộc sống sẽ trở thành vô nghĩa nếu trực giác không tồn tại, khi đó kiếp sống của mỗi con người chẳng khác nào một cỗ xe đang lặng lẽ trượt đi. Chúng ta cũng chỉ như một loài cây cỏ nào đó mà thôi.

Trực giác mang tới cho cuộc sống ý nghĩa lớn lao, mang tới những điều lộng lẫy, huy hoàng, mang cả

niềm vui sướng và phúc lành cho con người. Trực giác trao cho chúng ta những bí mật của cuộc sống, những khoảng lặng quý giá và những bức tranh sống thanh bình, những thứ ấy được giữ lại bên ta mà không có một thế lực nào có thể cướp chúng đi.

Con người vẫn hoàn toàn có thể sử dụng trí năng của mình vào những mục đích đúng đắn khi có sự kết hợp hài hòa giữa bản năng và trực giác. Ngược lại, chúng ta sẽ chỉ đi tới được nửa đường chứ không chạm đích. Trí năng không có đích để cán. Đây chính là thứ đã tạo ra một thế giới như của ngày hôm nay, trong đó nền khoa học của con người vẫn không ngừng tạo ra của cải vật chất mà không thể lý giải nổi tại sao. Các chính trị gia cứ tiếp tục sử dụng những thứ đó mà không biết rằng bản thân họ đang dần hủy diệt, đang xúc tiến cho sự ‘tự vẫn’ của toàn thể loài người. Thế giới của chúng ta đang rất cần một cuộc nổi dậy toàn diện, một cuộc cách mạng đủ mạnh để có thể đưa cả thế giới này bước ra ngoài phạm vi của trí năng, tiến vào vùng thanh tịnh của trực giác.

Ý nghĩa của từ *trực giác* (intuition) cần phải được thấu hiểu tường tận. Từ trực giác có thể được cắt nghĩa làm hai phần: *giác / tuition* là sự giảng giải, là sự thấu hiểu, giác ngộ, tri thức đến từ phía ngoài, đến từ một người khác, một đối nơi khác. Nhưng *trực / in* lại mang hàm ý xuất phát từ bên trong. Cho nên *trực giác / intuition* muốn nói đến những điều xuất hiện bên trong bản thân sự tồn tại của một con người, thuộc về tiềm

năng của con người. Sự thông tuệ thì không thể nào cho vay hay cho mượn. Cho nên nếu như không có được sự hiểu biết của chính mình, tầm nhìn của riêng mình, sự sáng tỏ của riêng mình và con mắt tinh tường để nhìn nhận thì một người sẽ không thể nào cảm nhận những điều kì diệu của cuộc sống.

Vẫn giữ nguyên quan điểm như những gì đã nói, bản thân tôi đặc biệt coi trọng vai trò của bản năng. Đừng làm xáo trộn bản năng của con người.

Không có tôn giáo nào lại không mách con người ta tác động tới bản năng, tôn giáo dạy con người ta ăn chay nhưng chính ăn chay lại là hoạt động gây xáo trộn bản năng tự nhiên của con người. Cơ thể đói khát và đòi hỏi được ăn trong khi con người ta lại cứ dần mình chịu đói vì một lý do tinh thần nào đó. Một thứ tâm linh kì lạ nào đó cứ đeo bám lấy sự tồn tại của con người. Có thể gọi đó đơn giản là sự ngu muội chứ không phải là thứ tâm linh. Bản năng của chúng ta đang kêu gào vì cơn khát; cơ thể chúng ta cần có nước. Nhưng tôn giáo ...cụ thể là đạo Giai-na (Ấn Độ) lại không cho phép bất cứ tín đồ nào được uống nước ngay cả ban đêm. Đứng từ góc độ cơ thể mà nói thì cơn khát là điều hết sức bình thường, đặc biệt là trong mùa hè nóng nực ở những vùng như Ấn Độ. Trong khi đó thì không chỉ ở Ấn Độ mới có người theo đạo Giai-na.

Suốt những ngày thơ ấu, tôi vẫn thường cảm thấy day dứt vì đã phải uống trộm nước khi đêm xuống. Tôi không tài nào chợp mắt nổi nếu như không được uống

lấy một lần trong những đêm hè nóng như thiêu đốt, nhưng tôi thấy đường như mình vừa mới phạm phải một tội lỗi ghê gớm lắm vì đã làm một việc không được phép làm. Rõ ràng là những ý tưởng kì quái và ngu ngốc vẫn cứ đang được áp đặt lên con người chúng ta.

Thực sự là tôi đánh giá rất cao vai trò của bản năng tự nhiên. Và có một bí mật tôi rất muốn chia sẻ cùng với mọi người: nếu con người ta đi theo sự thôi thúc của bản năng một cách hoàn toàn, thì việc tìm thấy con đường tiến vào thế giới của trực giác trở lên dễ dàng hơn bao giờ hết. Bởi lẽ chúng tương đồng với nhau, dù mỗi thứ thực hiện chức năng ở mỗi cấp độ vật chất hay tinh thần khác nhau. Đi theo tiếng gọi của bản năng với những niềm vui thú thuần khiết, không mảy may cảm giác tội lỗi, nghĩa là ta đã tìm cho mình sự trợ giúp dắc lực để mở cánh cửa của trực giác bởi như đã nói, chúng không khác nhau, chỉ không ở cùng cấp độ tồn tại. Và chỉ khi nào bản năng vận hành được trơn tru, không khúc mắc, thì trực giác mới thực hiện được chức năng của mình, thậm chí là còn trơn tru và tốt đẹp hơn gấp nhiều lần.

Trong khi đó thì trí năng lại là một sự xáo trộn. Tuy nhiên việc đó phụ thuộc vào chính chúng ta, vào việc ta có dùng trí năng để gây ra phiền nhiễu hay dùng nó như một tảng đá kê để bước tới tầm cao hơn. Khi đi qua một tảng đá trên đường, liệu một người có nghĩ rằng đó đơn giản chỉ là một chướng ngại vật hay sẽ dùng nó làm viên đá tảng kê chân để leo lên được nấc thang cao

hơn? Những người thực sự hiểu phải làm gì với trí năng sē biết cách biến tảng đá cản đường thành điểm tựa. Nhưng số đông người vốn vẫn chịu sự quản thúc chặt chẽ của các loại tôn giáo thì vẫn được dạy rằng: “Hãy biến trí năng thành công cụ để rèn dũa phần bản năng của chính mình.”

Các tín đồ khi đó bị lôi kéo vào một cuộc đấu tranh gay gắt với bản năng của chính mình và quên đi mất một điều quan trọng rằng mục đích của họ là bước được vào thế giới của trực giác. Toàn bộ nguồn năng lượng sống của họ bị cuốn vào cuộc chiến với những áp lực sống mà chính họ đặt ra cho mình. Và khi mà ta cứ mãi miết tranh đấu với chính bản năng sống của mình thì...

Một thầy tu dòng Giai-na theo dòng tu của mình phải ở trần trong suốt cả năm, ngay cả trong những ngày đông buốt rét hay trong những đêm giá lạnh. Anh ta không được phép sử dụng chăn, đệm cũng không được dùng bất cứ thứ gì để che thân, cả ngày lẫn đêm. Anh ta phải nhịn ăn. Người ta cho rằng nhịn ăn càng lâu, anh ta càng trở thành vị thánh vĩ đại trong con mắt của những người cũng khổ luyện như thế - có thể là ba mươi, bốn mươi ngày hay hơn thế nữa... Đó là cuộc chiến đấu với chính thân thể của mình. Đó cũng là cuộc đòn áp cơ thể vật chất của con người, là cuộc chinh phục của tinh thần đối với thể xác. Đây là tình trạng chung của tất cả các tôn giáo, dù có được biểu hiện dưới những hình thức mê tín khác nhau. Họ chuyển hướng nguồn năng lượng trí năng để chống lại bản năng, và

điều đó đã phá hỏng mọi cơ hội mở ra những tinh hoa của trực giác.

Trực giác chính là bông hoa hồng huyền diệu sẽ tỏa hương dẫn lối cho chúng ta tới miền cực lạc và bất tử. Nhưng đường như là con người lại cứ đứng mãi trong tâm với của lưỡi hái tử thần rồi. Con người chỉ biết và cứ mãi làm theo những lời răn dạy của những cuốn kinh thánh cổ, thậm chí cũng không cần đổi chiếu lại với những tri thức khoa

học mà chính con người đã nhận ra. Bộ ba này chính là các lớp của nền khoa học nhân loại. Bản năng nên được coi là những dòng chảy yên ả mà trí năng không bao giờ nên động quấy nhiễu tới với bất kì cái cớ nào. Và hãy xem trí năng như một cách gợi mở trực giác. Nó chỉ có được khả năng tạo ra hướng đi để cho trực giác có cơ hội tiếp quản cuộc sống của con người. Để rồi khi đó, cuộc sống của con người sẽ trở thành cuộc sống ngập tràn ánh sáng và hào quang rực rỡ. Đó sẽ là những ngày hội tung bừng bất tận.

Trực giác chính là bông hoa hồng huyền diệu sẽ tỏa hương dẫn lối cho chúng ta tới miền cực lạc và bất tử. Nhưng đường như là con người lại cứ đứng mãi trong tâm với của lưỡi hái tử thần rồi. Con người chỉ biết và cứ mãi làm theo những cuốn kinh thánh cổ, thậm chí cũng không cần đổi chiếu lại với những tri thức khoa học mà chính con người đã nhận ra.

BA BẬC CỦA MỘT CÁI THANG

Trực giác là nấc thang cao nhất của chiếc thang ý thức mà chúng ta có thể chia ra thành bậc; bậc đầu tiên và cũng là bậc thấp nhất chính là *bản năng*; bậc thứ hai, ở giữa, chính là *trí năng*; và bậc thứ ba, nấc cao nhất, là *trực giác*.

Không phải ngẫu nhiên mà trong tiếng Anh, tên gọi của ba nấc thang ấy đều bắt đầu bằng *in* (bên trong). Trong hàm ý của tên gọi tiếng Việt cũng vậy: *bản năng*, *trí năng*, trực *giác*, rõ ràng ràng hàm ý *xuất hiện từ bên trong* là một dấu hiệu rõ nét. Con người không thể học chúng và cũng không thể làm cho nó lớn hơn lên với bất cứ sự trợ giúp nào từ bên ngoài.

Bản năng chính là thế giới của các động vật, mọi thứ đều hoạt động theo bản năng. Thậm chí cho dù đôi lúc chúng ta bắt gặp một số hiểu hiện có vẻ như đã vượt lên trên tầm bản năng thì thực chất đó cũng vẫn chỉ là cảm nhận của chúng ta mà thôi. Chẳng hạn như khi ta nhìn thấy tình yêu thương của loài vật, khi con mẹ âu yếm chăm chút đần con của nó, có người sẽ cho rằng điều đó không còn chỉ là bản năng, không chỉ là hành động tuân theo quy luật sinh học, mà cao hơn như thế. Nhưng không phải vậy, nó thực chất vẫn chỉ là hoạt động sinh học mà thôi. Con mẹ đang thực hiện hành vi của nó như một con rô-bốt dưới bàn tay của tự nhiên. Con vật không được giúp đỡ- nó phải tự làm việc đó.

Đối với nhiều loài vật, con đực không hề có bản năng làm cha, thậm chí nhiều loài còn giết chính những đứa con của chúng và ăn thịt. Ví dụ như loài cá sấu. Sự sống của những con cá sấu con luôn nằm trong mối đe dọa lớn lao từ chính cha của chúng. Trong khi cá sấu mẹ ra sức che chở và bảo vệ sự sống cho lũ con thì con cá sấu đực lại chỉ chầm chầm đánh chén lũ con cho một bữa sáng no nê. Con cá sấu bố không hề có bản năng làm cha cho dù chính nó có mối quan hệ ruột thịt với lũ cá sấu con. Con cá sấu mẹ phải ngậm chặt lũ con trong miệng để phòng con đực. Nó có cái miệng thật là lớn, và tôi thấy là tất cả phụ nữ hình như cũng đều có miệng lớn thì phải, để có thể giữ cả tá con con trong đó. Đàn cá con được an toàn ngay bên cạnh những cái răng sắc nhọn trong miệng con cá mẹ. Vấn đề rắc rối hơn lại ở chỗ, đàn cá con rất khó phân biệt đâu là con cá mẹ, đâu là con bố bởi vì chúng trông giống nhau. Và thế là đôi lúc thì lũ cá con lại tiến gần con cá đực, bởi vào trong cái miệng đầy răng của nó và không bao giờ trở ra, cũng không bao giờ nhìn thấy ánh sáng mặt trời được nữa.

Nhưng cá sấu mẹ thì luôn tìm cách chiến đấu để bảo vệ đàn cá nhỏ. Có lẽ đó là lý do mà tạo hóa đã cho loài cá sấu khả năng sinh sản nhanh chóng: con cá mẹ có thể đẻ con hàng năm, và mỗi lần khoảng hơn chục con cá con. Chỉ cần cá mẹ bảo vệ cho hai cá con sống sót thì số lượng của loài vẫn được giữ vững, nhưng hầu như các con cá mẹ có thể làm được nhiều hơn: chúng có thể bảo vệ cho một nửa số con của mình.

Bất kì ai đang đọc đến những dòng này cũng đều có cảm nhận rằng con cá sấu đực thật là tàn bạo, không có một chút tình thương ngay với cả đàn con, còn cá sấu cái thực sự là những bà mẹ hết lòng vì con. Nhưng thực tế là chúng ta đang tự đặt ra suy nghĩ đó thôi. Con cá sấu mẹ bảo vệ đàn con không phải vì bất cứ một thúc đẩy nào thuộc về ý thức, hành động của nó được quyết định chỉ bởi các hormone mà thôi. Nếu như con đực cũng được tiêm loại hormone ấy, thì chắc chắn là nó sẽ không ăn những đứa con của mình. Cho nên, đó chỉ là vấn đề về mặt hóa học, không phải một phạm trù thuộc tâm lý học, cũng không phải là bất cứ thứ gì vượt ra ngoài những lý giải của hóa sinh.

Chín mươi phần trăm hoạt động sống của con người vẫn còn mang màu sắc của thế giới động vật. Chúng ta sống nhờ bản năng của mình.

Khi anh bị hút hồn bởi một người phụ nữ hoặc ngược lại, khi được một người phụ nữ yêu thương, chắc hẳn anh cho rằng đó là điều tuyệt diệu. Thực ra thì không có gì phức tạp cả, đó đơn giản chỉ là sự say mê một cách bản năng: hormone trong một cá thể đang bị hấp dẫn bởi hormone trong cá thể còn lại. Con người thực chất cũng chỉ là những thứ đồ chơi dưới bàn tay của tự nhiên mà thôi.

Dường như không có một loài động vật nào lại khó chịu với sự ngọt ngào và huyền bí của tình yêu. Nhưng con người lại cho rằng đó là một sự sỉ nhục, một điều đáng xấu hổ. Chẳng lẽ tình yêu của con người lại chỉ

đơn thuần là một vấn đề thuộc về hóa sinh hay sao? Tình yêu là những vần thơ, tình yêu là cả nghệ thuật, tình yêu là một quá trình tâm lý, hay là một vấn đề sinh hóa? Nó sẽ trở thành vấn đề nếu như con người ta còn cảm thấy xấu hổ về chính cấu tạo sinh học, hóa học hay bản chất tự nhiên của chính mình.

Tuy nhiên đây không phải là cách để tiếp cận vấn đề. Chúng ta cần hiểu chính xác đâu là vấn đề, cần phải vạch rõ sự khác biệt, nếu không, sẽ sa vào cái vòng luẩn quẩn của sự nhầm lẫn. Cái tội của con người sẽ khiến chúng ta cứ cố đưa sự việc lên nấc thang càng cao càng tốt cho dù những sự việc cũng chỉ bó gọn trong phạm vi lý giải của tầng thấp nhất, chẳng có gì liên quan tới các tầng cao hơn.

Tình yêu mà chúng ta vẫn thường nói cũng chỉ là một ảo tưởng được hình thành thông qua một cơ chế hóa học của con người. Thủ tướng tượng rằng nếu những giá trị lâng mạn của tình yêu không còn nữa, thì tôi không cho rằng lại có người đàn ông hay người phụ nữ nào chịu đựng nổi thứ tình dục mới và sự vô vị của nó. Thật là ngớ ngẩn! Nếu như tách bạch sự lâng mạn mà chỉ nhìn vào đó dưới góc độ sinh học hay hóa học, thì con người sẽ thấy xấu hổ với chính hoạt động tình dục của mình. Chẳng có gì về nó đáng để ngợi ca. Có thể tướng tượng nói rằng ta đang quan hệ với một người đàn ông hay một người phụ nữ không chút lâng mạn, không chút thi vị, không như thơ của Omar Khayyám, của Shelley hay Byron, nó chỉ như một quá trình tái

sản xuất vì tạo hóa muốn sản sinh những thế hệ tiếp theo bằng cách sử dụng thân thể chúng ta, và bởi vì tạo hóa biết rằng mỗi con người rồi sẽ đều phải chết. Chúng ta không tồn tại mãi mãi, trước khi kết thúc một thế hệ, tự nhiên cần phải được duy trì bởi một thế hệ tiếp theo. Nhưng con người không như thế, con người không thể thực hiện cái công việc duy trì nòi giống nếu như không bị cuốn hút bởi tính chất thi vị của hoạt động ấy. Bởi vậy mà con người son phủ biết bao nhiêu đam mê hồng lên hoạt động tình dục của mình mà con người vẫn gọi là tình yêu. Con người dựng lên và thậm chí tin tưởng hoàn toàn rằng đó là tình yêu, song, hãy nhìn nhận mọi việc cho thấu đáo.

Khi thích thú trước một người đàn ông, bản năng sẽ dẫn dắt người phụ nữ vào một trò chơi ú tim. Lạ một điều là cho dù ở một nền văn hóa nào trên thế giới, lũ trẻ chắc chắn cũng sẽ chơi hai trò. Chúng không có cùng tôn giáo, không cùng nền văn hóa, không cùng chủng tộc, không cùng giai tầng và không có chung ngôn ngữ - tất cả đều khác biệt, nhưng chừng nào mà chúng còn chơi cùng một trò chơi thì cho dù có được sinh ra ở những mảnh đất xa xôi: châu Phi, Trung Quốc hay ở Mỹ đi chăng nữa, giữa chúng vẫn không có gì khác biệt. Một trong số hai trò đó là ú tim. Lạ một điều là trên khắp thế giới, không có nơi đâu trong một quốc gia nào mà lũ trẻ con lại chưa từng chơi trò này. Dường như trò chơi chúng đang khám phá thứ gì đó ở bản năng của mình, và như thế là chúng đang chuẩn bị cho những trò chơi trốn tìm

lớn lao hơn trong cuộc đời mình. Đây có lẽ chỉ là cuộc diễn tập, còn trò chơi thì sẽ tiếp diễn trong suốt cuộc đời.

Trong cuộc chơi ấy, người phụ nữ luôn luôn cố gắng trốn chạy, còn người đàn ông luôn là bậc đại trưởng phu cất công tìm kiếm. Cuộc tìm kiếm đối với người đàn ông giống như một cuộc rượt đuổi đầy khiêu khích, người phụ nữ càng cố gắng che giấu, người đàn ông càng cảm thấy bị lôi cuốn và thích thú.

Quay trở về trò chơi của bọn trẻ. Không có ai dạy chúng chơi, vậy thì tại sao mà trò chơi ấy lại trở nên phổ biến trên toàn cầu như vậy? Hắn phải là thứ gì đó xuất phát từ bên trong mỗi con người, thứ đó thôi thúc con người ta tìm kiếm, chinh phục, thứ gì đó đầy lôi kéo.

Những điều như vậy đều xảy ra một cách hết sức tự nhiên, không ai quyết định được, chúng là một phần của mặt sinh học của chúng ta. Nhưng tự nhiên cũng đủ khôn ngoan để đẩy cho chúng ta một ảo tưởng về tình yêu; bởi nếu không, nếu *tình yêu* mà con người vẫn tin tưởng chỉ có mục đích tái sản xuất con người, thì để cho cuộc sống có thể tiếp diễn đời này qua đời khác, chúng ta cũng chẳng cần thiết phải cố công làm nhiều thứ cho nó, kể cả tám mươi tư tư thế ái ân mà nhà hiền triết Vatsayana đã nghiên cứu khi đó cũng trở thành những thứ vớ vẩn, kì quái và vô nghĩa. Nếu chúng ta bóc tách tình yêu ra ngoài thì thứ tình dục trần trụi còn lại cũng chẳng khác gì của các con vật. Đó là một trong những vấn đề khiến cho con người phải đau đớn và còn đang phải bàn luận nhiều tới nó. Chỉ có thể hy vọng

rằng trong tương lai, chúng ta có thể làm cho vấn đề áy sáng tỏ hơn lên.

Người đàn ông bước chân vào cuộc kiếm tìm, anh ta thuyết phục, anh ta viết thư tình, tặng những món quà và làm mọi thứ có thể làm; nhưng chỉ cần sự ham thích của anh ta được thỏa mãn một lần, thì anh ta bắt đầu thấy không còn thú vị. Giờ đây, vấn đề không còn ở chỗ hành động áy có chủ đích hay không nữa. Anh ta cũng không muốn làm tổn thương người khác, nhất lại là người mà anh ta đã từng yêu thương. Vấn đề là ở chỗ điều đó hoàn toàn phù hợp với bản chất sinh học. Tất cả những lâng mạn và yêu thương chỉ là những làn sương khói mà tự nhiên đã cố công che đậm lên trên cái phần dục vọng, vốn rất xấu xa cho nên cần phải che đậm lại.

Sau khi tự nhiên đã làm xong công việc của mình thông qua con người, thì những lớp mây hư ảo kia tan biến hết. Bản năng chỉ biết tới tình dục mà thôi. Tình yêu là lớp vỏ bọc đường bên ngoài viên thuốc đắng ngắt không có mục đích nào khác ngoài việc giúp cho chúng ta nuốt nó dễ dàng hơn. Đừng có nán ná ngậm viên thuốc lâu trong miệng, nếu không thì ta chẳng thể nào nuốt nổi nó nữa đâu, lớp vỏ bọc đường nhanh chóng tan ra, chúng ta lại phải nhổ viên thuốc ngay lập tức.

Vì thế mà các cặp tình nhân đều nôn nóng tiến tới quan hệ. Do đâu phải vậy? Tại sao họ không thể chờ đợi? Vì lớp vỏ bọc đường rất mỏng và họ sợ rằng nếu như chậm trễ, chẳng mấy chốc lớp vỏ ấy tan đi, thì viên thuốc còn lại sẽ toàn vị đắng ngắt, thực sự là rất đắng.

Bản năng không làm nên phần người trong chúng ta, nó đơn giản chỉ giữ cho chúng ta đi bằng hai chân, nhưng vẫn không thoát khỏi phần con.

Nấc thang thứ hai, trí năng, trao cho con người những thứ cao hơn bản năng sinh học, hóa học hay bản chất của động vật. Cũng giống như trực giác và bản năng, trí năng cũng xuất phát từ bên trong con người. Con người không có cách nào nới rộng giới hạn tư duy của mình, chỉ có thể làm được một việc duy nhất là biến cái tiềm năng thành thực tế mà chúng ta vẫn nhầm tưởng là đang phát triển khả năng tư duy của mình. Có một thực tế là những con người thông minh nhất mới chỉ sử dụng có 15% tiềm năng của họ. Những người bình thường, thông thường thì chỉ sử dụng khoảng 6 hay 7% mà thôi. Có đến 85% trí tuệ vẫn chưa hề được dùng tới ngay cả trong những trường hợp như Albert Einstein hay Bertrand Russell. 85% đó vẫn có khả năng dùng được, khi đó thì nó sẽ là sự mở rộng khổng lồ. Chúng ta sẽ nghĩ rằng mình vừa có một bước phát triển vượt bậc về trí tuệ. Nhưng sẽ mau chóng sụp đổ, mau chóng ngộ ra rằng nó vốn là một phần có sẵn trong mỗi chúng ta.

Chúng ta đã tìm thấy những cách thức phù hợp để truyền dạy trí năng và để tăng cường trí nhớ. Tất cả các trường phổ thông, cao đẳng hay đại học, nói chung là toàn

Bản năng không làm nên phần người trong chúng ta, nó đơn giản chỉ giữ cho chúng ta đi bằng hai chân, nhưng vẫn không thoát khỏi phần con.

bộ hệ thống giáo dục trên toàn thế giới chỉ làm duy nhất một công việc là mài giũa trí tuệ của con người. Có điều là lại nổi lên một vấn đề mà các nhà giáo dục không lường trước được. Khi trí năng được cải thiện thêm một chút, chính nó lại bắt đầu quay sang gây khó cho bản năng. Thế là lại bắt đầu một cuộc cạnh tranh, một cuộc chiến.

Trí năng ra sức chứng tỏ tầm ảnh hưởng, bởi vì nó đã có được trong mình khoa học về lập luận, hệ thống lý luận, và một nghìn lẻ một những minh chứng, trong phạm vi ý thức của con người có thể với tới, trí năng có thể tìm ra cách để thuyết phục chúng ta rằng bản năng là phần thuộc về ác quỷ. Đó là lý do tại sao mà tất thảy mọi tôn giáo đều lên án phần bản năng trong con người.

Chúng cũng chỉ là những trò chơi của trí tuệ - trong đó bản năng là một bộ phận của phần ý thức được nhận biết và trí năng cũng vậy, nhưng vấn đề lại ở chỗ, phần ý thức nhận biết được đó lại chỉ bằng một phần mười phần mà con người chưa nhận thức được. Nó cũng tương tự như một tảng băng trôi, một phần nổi và chín phần

chìm dưới nước. Phần ý thức nhận biết được đó là phần thứ mười, nhưng nó là phần mà chúng ta nhìn thấy

Chúng cũng chỉ là những trò chơi của trí tuệ - trong đó bản năng là một bộ phận của phần ý thức được nhận biết và trí năng cũng vậy, nhưng vấn đề lại ở chỗ, phần ý thức nhận biết được đó lại chỉ bằng một phần mười phần mà con người chưa nhận thức được. Nó cũng tương tự như một tảng băng trôi, một phần nổi và chín phần

được chứ không phải là chín phần mười mà chúng ta không hề biết tới kia.

Phần ý thức đã được nhận biết chính là thứ mà con người đem ra truyền dạy trong trường học, tại các trường cao đẳng hay đại học, trong các nhà thờ Thiên Chúa hay các giáo đường Do Thái, nói tóm lại là ở khắp mọi nơi. Và phần ý thức đó được nhồi đầy những tư tưởng chống lại cái bản năng của con người. Đây là một hiện tượng không tốt, họ đang đẩy chúng ta thành những kẻ chống lại tự nhiên, chống lại chính bản thân mình.

Phần ý thức chưa được nhận biết thì lại luôn nằm trong yên lặng, chìm sâu trong bóng tối, không hề quan ngại trước ảnh hưởng của phần ý thức đã được nhận biết. Bất cứ nhận định nào của phần ý thức đã được nhận biết đều có thể bị phần chưa nhận biết kia quẳng đi bất cứ lúc nào, bởi lẽ nó mạnh hơn gấp cả chín lần cơ mà. Nó chẳng hề thấy có vấn đề gì trước những mớ logic, những lý lẽ hay bất cứ thứ gì được đưa ra.

Không phải vô cớ mà một người thậm chí như cả đúc Phật Thích Ca cũng muốn tách ảnh hưởng của những người phụ nữ ra khỏi cộng đồng tu của mình. Người muốn giữ gìn một cộng đồng toàn nam giới, không có bóng dáng của phụ nữ. Tôi thì không tán thành quan điểm của Người, nhưng tôi cũng hiểu tại sao lại phải làm như vậy. Lý do ấy đáng phải xem xét. Người nhận thức được rằng chỉ cần có sự xuất hiện của người phụ nữ trong cộng đồng đó thì liệu chuyện gì sẽ xảy ra đối với phần ý thức chưa được khám phá của

những người đàn ông? Đó là một vấn đề thuộc về tâm lý chứ không phải vấn đề của tôn giáo.

Trước đức Phật Thích Ca thì các nhà phân tâm học như Sigmund Freud, Jung, hay Adler cũng mới chỉ là những chú lùn bé nhỏ. Nhìn qua thì tưởng chừng như việc cấm đoán với phụ nữ có vẻ như vô nhân đạo nhưng nếu nhìn thấu sự sáng suốt Người, chúng ta sẽ phải ngạc nhiên; đức Phật có những nền tảng lập luận đầy vững chãi. Cơ sở mà đức Phật sử dụng không phải xuất phát từ phía người phụ nữ, người không nói rằng phải đẩy những phụ nữ ra xa. Người nói rằng: “Ta biết rằng các người sẽ không thể nào chiến thắng nỗi tiềm thức của mình.” Trên thực tế, đó hoàn toàn không phải là sự lên án hay đổ lỗi cho phụ nữ, đó là sự răn dạy môn đồ. Ý của Người là việc để cho phụ nữ xuất hiện trong cộng đồng tu sẽ làm nảy sinh tình huống trong đó tiềm thức sẽ vượt lên giành quyền kiểm soát toàn bộ con người.

Phật Thích Ca đã thử tất cả các cách có thể để ngăn điều đó xảy đến. Người khuyên dạy các tăng ni rằng hãy chỉ nhìn vào khoảng bốn bước chân trước mặt khi bước đi để hình ảnh của người phụ nữ sẽ không thể lọt vào tầm mắt, ở trên đường hay dù ở bất cứ đâu, có chăng, cũng chỉ nhìn thấy cái chân của họ. Phật dạy các đệ tử của mình: “Đừng chạm vào người phụ nữ, đừng nói chuyện với họ.” Có một môn đồ chống chế rằng: “Thế nếu chẳng hạn như có người phụ nữ nào đó gục ngã trên đường, bị ốm đau hay sắp chết, Người vẫn muốn đệ tử của mình không hỏi han xem người ấy muốn về đâu

chẳng? Người vẫn muốn các đệ tử không được dụng tới và không đưa người phụ nữ ấy về nhà cô ta?”

Đức Phật trả lời: “Trong những trường hợp hiếm hoi như thế, thì tất nhiên, các người có thể dụng vào cô ta, có thể hỏi han, nhưng hãy luôn nhớ kĩ rằng, cô ta là một phụ nữ.”

Những gì được Phật Thích Ca nhấn mạnh “hãy luôn nhớ kĩ” không chia mũi nhọn về người phụ nữ mà tập trung về phía tiềm thức của con người. Nếu như con người luôn làm chủ nhận thức của mình, thì tiềm thức sẽ không có cơ hội len lỏi vào và chế ngự ý thức.

Cho đến nay, tất cả mọi tôn giáo đều chia mũi nhọn vào phụ nữ. Chẳng phải họ là những người ghét bỏ phụ nữ mà đơn giản là họ chỉ đang muốn bảo vệ các vị thầy tu, các linh mục, các vị giáo trưởng của mình. Tất nhiên là tôi không tán thành phương pháp luận của họ bởi vì đó thực sự không phải là một cách để bảo vệ, trên thực tế, chính cách ấy lại càng khiến cho người ta bị khiêu khích hơn. Một thầy tu chưa từng động chạm vào cơ thể người phụ nữ, chưa từng nói chuyện với người phụ nữ nào và cũng chưa có ý niệm gì về người phụ nữ lại càng có xu hướng bị bản năng vốn được kiềm giữ bấy lâu thôi thúc phải khám phá, hơn là những người đàn ông đã từng chung sống, từng nói chuyện hay với phụ nữ, và đặc biệt là càng thấy dễ dàng hơn trong cư xử với họ hơn bất cứ ai.

Chính các thầy tu và các ni cô lại là những người có sức mạnh bản năng lớn hơn những người bình thường. Nếu con người cứ cố tách rời bản năng ra khỏi sự thỏa

mẫn thì nó có thể trả nên dữ dội hơn vô vàn, cũng giống như một thú thuốc gây nghiện vậy, nó có thể kích thích con người và có thể gây ảo giác. Trong thời kì Trung cổ, có nhiều thầy tu đã phải thú nhận trước một tòa án đặc biệt do giáo hoàng thành lập. Đó là một phiên tòa luận tội rất lớn nơi mà tất cả các bà xơ và các thầy tu được coi là thành thật nhất được triệu tập tới để trả lời cho câu hỏi: "Người có đang giao du với yêu ma và quỷ dữ?" Và hàng nghìn người trong số họ đã thừa nhận thế này: "Có, yêu nữ tới trong đêm tối, quỷ dữ tới trong đêm tối."

Dĩ nhiên, các bức tường dày và khóa chốt của tu viện không thể để lọt quỷ dữ và yêu nữ, không có quỷ dữ và yêu ma nào khác ngoài chính họ! Các vị tu sĩ, các bà xơ đã kể lại tường tận ánh nhìn của yêu ma và ác quỷ, kể lại rằng họ đã bị cám dỗ vào bản năng giới tính như thế nào, đã không thể kháng cự ra sao. Tất cả những người thú nhận đều đã bị thiêu sống và trở thành bài học cho những người còn sống.

Song lại không có ai mảy may nghĩ tới một điều rằng: chẳng hề có ma quỷ nào đến với con người cho dù con người có mở toang cửa ra chẳng nữa, không có con quỷ nào tới cả. Vậy thì tại sao mà con quỷ ấy chỉ đến với những tín đồ công giáo? Lạ thật! Hay những con người tội nghiệp ấy đã làm sai điều gì chăng?

Lý do thật giản đơn. Họ đã cố kìm giữ bản năng tình dục của mình tới mức nó đã trở thành một thứ sôi sục và nóng giãy bên trong tiềm thức. Và khi họ chìm vào giấc ngủ, thì giấc mơ của họ đầy cuồng nhiệt, đầy

màu sắc và sống động như thật vậy, mức độ của những giấc mơ này phụ thuộc vào mức độ bị gò ép của họ. Hãy nhịn ăn trong vài ba ngày thử xem, rồi chúng ta sẽ mơ ngay tới một bữa tiệc thịnh soạn hằng đêm cho mà xem. Và khi mà quá trình nhịn ăn càng lâu, cơ thể càng đói khát, thì bữa tiệc ấy càng lúc càng thịnh soạn, thơm phức, sống động và càng như thật. Sau hai mươi mốt ngày nhịn ăn thì thậm chí ngay cả khi mở to mắt, hoàn toàn tỉnh ngủ, ta vẫn có thể nhìn thấy những món ăn hiện ra trước mặt. Không cần phải ngủ nữa, đến lúc này thì tiềm thức đã xâm chiếm phần ý thức thậm chí ngay cả khi thức. Rất nhiều các thầy tu và các bà xơ đã thừa nhận rằng điều đó không chỉ xảy đến vào ban đêm, ngay trong ban ngày, quỷ dữ và yêu ma cũng tới và làm tình với họ. Họ không thể làm được gì khác, mọi sự phản kháng đều nằm ngoài khả năng của họ.

Có nhiều tôn giáo khác cũng đã làm những điều tương tự.

Nỗ lực của tôi cho tới giờ là phản bác lại tất cả các tôn giáo ấy, bởi lẽ tôi có thể nhận thấy rõ những điều mà họ đã làm. Mục đích thì tốt, nhưng đáng tiếc là sự hiểu biết của họ còn chưa đủ tầm sâu. Tôi rất muốn cả đàn ông và phụ nữ có thể chung sống với nhau, quen thuộc với thân thể của nhau, những sự khác biệt, những điểm đối lập để từ đó, tiềm thức của con người không còn cần phải trỗi dậy để đòi hỏi những gì bị kìm nén bên trong nó. Bản năng của chúng ta sẽ tiếp cận với những giá trị khác biệt mỗi lần tiềm thức được

TG-4

hoàn toàn giải phóng trước những cỗ găng kìm nén của con người, nó sẽ hòa nhập với trí óc. Khi tiềm thức không còn bị đè nén, khi mà bức tường Béc-lin giữa tiềm thức và ý thức sụp đổ, bức tường ấy có thể tự thu lại bởi lẽ đã không còn có bất cứ một sự ức chế nào, cho nên không còn cần thiết phải cố che giấu mặt tiềm thức, thì khi đó việc đi vào hay thoát ra khỏi tiềm thức chỉ còn đơn giản như việc bước từ phòng nọ sang phòng kia trong căn nhà thân thuộc của chúng ta mà thôi.

Đây là ngôi nhà của chúng ta, Gurdijeff vẫn thường dùng hình ảnh ngôi nhà như một phép ẩn dụ, người đàn ông đó là một ngôi nhà ba tầng. Tầng thứ nhất là tiềm thức, tầng thứ hai là ý thức, và tầng thứ ba là siêu vô thức. Chúng ta sẽ lần đầu tiên thực sự trở thành con người khi mà trí tuệ và bản năng không còn xung đột với nhau, chứ không còn chỉ là một chúa tể của các loài động vật. Và theo quan điểm của tôi thì đây chính là điểm cần thiết mấu chốt đối với những ai muốn khám phá thế nào là chân lý, cuộc sống, sự tồn tại, hay cho những người muốn biết rõ về chính bản thân mình.

Chúng ta đã phải tất
giấu bản thân mình
trong những tầng hầm,
tại nơi mà bản thân ta
không dám thoát ra
ngoài. Mọi tin đồ của
các tôn giáo đều đã
từng sống trong sợ
hãi, trong run rẩy

Chúng ta có cách nào để
hiểu được chính phần bí ẩn
vẫn đang bị kiềm giữ trong
khả năng nhận thức của
chính mình? Chúng ta đã
phải cắt giấu bản thân mình

trong những tầng hâm, tại nơi mà bản thân ta không dám thoát ra ngoài. Mọi tín đồ của các tôn giáo đều đã từng sống trong sợ hãi, trong run rẩy. Họ sợ hãi cái gì? Nỗi sợ hãi của họ xuất phát từ tiềm thức và phần bản năng bị đè nén vốn bị chính ý thức của họ khóa cửa nhốt lại: "Hãy mở cửa, chúng tôi muốn bước vào! Chúng tôi muốn phải được đáp ứng, chúng tôi muốn phải được thỏa nguyện." Càng đói khát, chúng lại càng trở lên ghê gớm. Con người sẽ bị cả một bầy lang sói bao quanh, mỗi bản năng sẽ trở thành một con sói đói. Và đây là cái được gọi là sự tra tấn mà những tín đồ tôn giáo từng phải chịu đựng, bị bao vây bởi bầy sói dữ.

Tôi mong rằng con người có cái nhìn nhân thiện hơn với phần tiềm thức trong mình. Hãy để cho bản năng sinh học của mình được thỏa nguyện một cách trọn vẹn. Hãy biết điều này: chỉ cần phần sinh vật trong con người được thỏa mãn, sẽ không còn sự kình địch giữa ý thức và tiềm thức nữa. Con người trở thành một chỉnh thể xét về mặt nhận thức, thực sự là một chỉnh thể thống nhất. Nó sẽ giải phóng năng lực tư duy khổng lồ bên trong con người, bởi vốn dĩ hầu như toàn bộ khả năng tư duy của con người đều còn đang bị gói gọn trong vòng kìm kẹp. Người ta giống như đang ngồi trên một miệng núi lửa và cố sức giữ cho miệng núi lửa ấy không phun trào dung nham. Núi lửa trực tuôn trào rồi, trong khi sức vóc của con người lại quá nhỏ bé, nó không đủ mạnh để cản trở nguồn dung nham nóng bỏng chỉ trực trào ra; nhưng một khi núi lửa phun trào, con

người sẽ bị bắn ra thành trăm ngàn mảnh nhỏ, khi đó thì việc chấp nối lại các mảnh nhỏ với nhau sẽ trở thành không thể.

Có rất nhiều người điên trên thế giới, trong các trại tâm thần, trong bệnh viện, vậy họ là gì? Họ là ai? Có điều gì bất thường đã xảy đến với những con người ấy?

Họ đã tự chia mình ra thành những mảnh nhỏ và chúng ta không thể ghép chúng lại được nữa. Sẽ chẳng có cách nào có thể đưa họ trở lại trạng thái ban đầu trừ khi chúng ta có thể giải phóng được những dồn ép trong bản năng của họ bấy lâu. Có điều là ai dám nói điều này? Bản thân tôi đã trở thành người đàn ông mang điều tiếng nhiều nhất trên cái thế giới này vì cứ ra rả nói về điều đó trong suốt 35 năm qua.

Chỉ đến khi vào một ngày tôi đọc được một câu chuyện đăng trên tạp chí Stern của Đức, câu chuyện dài tới mười lăm trang giấy về dòng tu của chính tôi, và đây mới chỉ là phần mở đầu trên tổng số năm phần, dự tính in trong 5 số liên tiếp. Bài báo được giật một cái tít là “Trạng thái tình dục”. Tôi đã thực sự lấy làm thích thú về nó! Và điều đáng để nói nhất là ở chỗ nếu như nhìn qua được những gì mà mười lăm trang báo kia phản ánh, hẳn người đọc sẽ phải ngạc nhiên. Những ai đang trải nghiệm cái gọi là “trạng thái tình dục”? Là các nhân viên của tờ Stern, các nhà biên tập của họ, ban lãnh đạo của họ, hay là chính chúng ta?

Cuốn tạp chí có in hình khỏa thân của những người phụ nữ - họ không đơn thuần là cởi bỏ hết áo quần, bởi

lẽ một thân thể lõa lồ không hẳn sẽ hấp dẫn. Chúng ta có thể làm cho hình ảnh khỏa thân ấy hấp dẫn hơn nhiều nếu như kết hợp với những trang phục thật gợi cảm, kiểu như nửa muối che giấu, nửa muối mở gợi mở. Cũng chính là lại một lần nữa kéo con người ta vào trò chơi ú tim quen thuộc. Người xem sẽ bị kích thích trí tưởng tượng để đoán xem người phụ nữ đó trông sẽ như thế nào dâng sau lớp vảy áo kia. Có thể là thân hình cô ta không hẳn đã thật quyến rũ, thực ra thì cơ thể người đàn bà nào chẳng giống như nhau, và cơ thể người đàn ông nào cũng vậy, chỉ cần tắt hết đèn đi, thì sự lộn lẩy và những khác biệt cũng biến mất. Bóng tối giống như một công cụ tái thiết sự cân bằng, khiến mọi thứ đều có xu hướng giống như nhau, cho nên trong bóng tối, có khi người đàn ông lại còn thấy thích thú với vợ của mình hơn.

Toàn bộ cuốn tạp chí đầy màu sắc của sex, nhưng hợp lý thôi, vì chúng ta đều có “trạng thái tình dục”. Ngay cả tạp chí Playboy cũng đi ngược lại với quan niệm của tôi, tôi tự hỏi không biết rằng chúng ta đang sống trong một thế giới như thế nào đây! Nhưng tôi cũng hiểu tại sao mà họ, tạp chí Stern và Playboy, lại viết như thế, có lẽ nó phù hợp với những quan niệm về sex ở hạng ba, đầy tính chất trực lợi... thế mà họ đã bán được hàng triệu ấn phẩm. Riêng Stern bán được khoảng 2 triệu bản, mỗi cuốn theo ước tính sẽ được đọc bởi ít nhất 8 người, như thế có nghĩa là có tới hơn 16 triệu độc giả.

Tại sao quan niệm của họ lại đi ngược chiều với quan niệm của tôi? Và thực tế là họ đã phản đối tôi trong suốt nhiều năm qua. Nguyên do là vì, nếu như tôi thành công, thì chắc chắn là họ sẽ phải sập tiệm. Cơ sở để kiểm lời của họ chính là dựa vào sự dồn nén phần bản năng của con người. Đó là một *logic* không có gì phức tạp. Các vị linh mục, những người phản đối hoạt động tình dục, cũng phản đối quan điểm của tôi, còn những nhóm người vẫn đang khai thác đời sống tình dục như một công cụ kiểm lời đại loại như Stern, Playboy hay hàng nghìn tạp chí tương tự như thế trên thế giới, cũng là những người phản đối quan niệm của tôi một cách mạnh mẽ. Nghe có vẻ kì lạ, vì họ chưa từng viết một bài báo nào công khai chống lại những người đi tu. Lẽ ra thì chính Playboy phải lên án quan niệm của những người đi tu như giáo hoàng, những người vẫn kết tội hoạt động giới tính mới đúng chứ. Nhưng mà, không...

Bản chất bên trong của sự việc chính là ở chỗ: Các dòng tu càng lên án hoạt động tình dục, thì chính họ lại càng phải đè nén bản thân mình, và nhờ thế mà Playboy càng bán được nhiều ấn phẩm. Chỉ có những người cùng nghĩ như tôi mới không quan tâm tới Playboy hay Stern, ai quan tâm tới điều đó? Khi nào mà tôi thành công, thì tất cả những tờ tạp chí, văn chương, và phim ảnh khiêu dâm sẽ phải cuốn gói. Họ đang có những mạnh thường quân khổng lồ tài trợ phía sau, cho nên không khó khăn gì lăm trong việc tiếp tục công kích lại quan niệm của tôi, phản pháo và lên án tôi

dưới danh nghĩa của hoạt động tình dục, như thể chính tôi là người đã đi gieo rắc lan tràn về nó vậy.

Nếu như cố gán cho ai đó trách nhiệm trong việc truyền bá hoạt động tình dục, thì người đó chỉ có thể là Chúa của các anh mà thôi. Tôi chẳng làm gì với nó cả. Chính Chúa đã đặt hormone giới tính cho đứa bé khi cho nó chào đời. Phải chăng người nên dừng việc đó lại, nên lắng nghe các thầy tu một chút! Song mấy tạp chí loại này cũng chẳng hề phản đối Chúa, bởi vì không phải Chúa thì ai cho họ cả thị trường rộng lớn. Cả các thầy tu và những kẻ phát lênh nhè bán tranh ảnh khiêu dâm đều cùng có chung một ý đồ, và họ còn có chung một đối tượng để phản pháo nữa, đó chính là tôi, chỉ đơn giản là vì tôi đang cố gắng chặn lại cuộc chơi của họ. Cả hai loại người này đều đang ra sức trục lợi từ việc đe nén con người; vì thế, dù có xét theo nghĩa nào thì việc họ cùng nhau phản bác lại tôi cũng là điều dễ hiểu. Đáng lẽ, chính Stern phải là những người hoan nghênh, ủng hộ quan điểm của tôi, bởi vì tôi đã chủ trương xây dựng cái nhìn cởi mở trong hoạt động tình dục thay vì lén ám và chống lại. Nhưng không phải vậy, thực tế là họ đã nổi giận đúng đùng. Thậm chí còn không thèm quan tâm xem có lý do gì để phải nổi giận như thế; họ đã làm cái việc đó trong vô thức, nhưng cho dù thế thì tiềm thức của họ cũng có cái lý riêng của nó.

Bất cứ thứ gì bị cấm đoán cũng trở nên có giá trị. Càng bị cấm, càng có giá. Chỉ cần đừng cấm đoán nữa, chúng khắc mất đi giá trị của mình.

**Bất cứ thứ gì bị cầm
đoán cũng trở nên có giá
trị. Càng bị cầm, càng có
giá. Chỉ cần đừng cầm
đoán nữa, chúng khác
mất đi giá trị của mình.
**Hãy bộc lộ nó ra, nó sẽ
tự động biến mất.****

Hãy bộc lộ nó ra, nó sẽ
tự động biến mất.

Tôi có thể tự tin nói với
cả thế giới rằng chỉ có
những người chung quan
diểm như tôi mới thấy tình
dục cũng bình thường như
bao thứ khác, không phải là
thứ gì to tát, nó không có ý
nghĩa gì. Không có ai phải

bận tâm vì nó, không có ai phải mơ về nó và không có ai
phải ao ước viển vông về nó. Thực ra đã có rất nhiều
người liên tục viết thư về cho tôi với nội dung tương tự
nhau: “Ngài Osho, phải làm gì để được như vậy? Đời
sống tình dục của tôi dường như hoàn toàn tắt rụi.”

Và tôi bảo họ: “Phải làm gì à? Cứ để nó biến mất đi”.
Anh chẳng cần phải làm bất cứ thứ gì. Mọi thứ cũng chỉ
quanh quẩn ở ý này: nó nên biến mất! Đừng cố làm gì
để chấm dứt nó, nhưng mà cũng đừng cố ngăn cản nó
khi nó chấm dứt. Song vấn đề lại ở chỗ, người ta cứ cho
rằng khi không còn khả năng tình dục thì có lẽ là mọi
thứ cũng chấm dứt theo bởi vì đối với họ, hoạt động tình
dục là niềm vui, là sự sôi nổi và sung sướng.

Không đâu, thật sự còn có vô vàn niềm vui khác
đang chờ đón con người ta. Hãy cứ để cho ham muốn
tình dục được nghỉ ngơi khi đến lúc, để cho nguồn năng
lượng của chúng ta đủ dồi dào và sẵn có cho những
niềm vui, sự vui thích còn cao hơn như thế.

Khi không còn gì bị kìm giữ trong tiềm thức nữa, tiềm thức và ý thức của con người sẽ gặp nhau, đó sẽ là giây phút của sự gặp gỡ và hòa nhập - một khoảnh khắc hiếm hoi cho một cơ hội tuyệt vời khác để mở toang cánh cửa cho con người. Bởi lẽ, con người sẽ không còn phải quẩn quanh trong tầng thấp nữa, nguồn năng lượng tổng thể đã sẵn sàng cho cấp độ cao hơn.

Chúng ta mới chỉ đang ở lưỡng chừng, tầm của ý thức. Tiềm thức vốn không xê dịch đi đâu được, mà chừng nào tiềm thức còn tồn tại ở đó, con người còn phải kìm giữ nó, nó không phải là thứ mà chỉ cần một lần nén chặt lại là xong. Chúng ta phải đè nén liên tục và liên tục đè nén tiềm thức của mình, vì nó sẽ vụt dậy, hết lần này tới lần khác.

Nó cũng tương tự như đập một quả bóng. Anh ném nó đi rồi nó lại bật trở lại. Càng đập mạnh, quả bóng càng bật lại mạnh và nhanh hơn. Đối với bản năng của chúng ta cũng thế. Càng đè nén nó, càng dồn nhiều năng lượng vào việc kìm giữ nó, thì chúng càng bật trở lại một cách mạnh mẽ. Chúng tích tụ năng lượng từ đâu vậy? Không đâu khác chính là từ nguồn năng lượng của chúng ta. Chỉ khi chúng ta hoàn toàn không chịu ảnh hưởng gì từ tiềm thức và tất tần tật những gì dính líu tới nó, thì nó lại trở nên trong veo và phảng lặng, khi ấy, nguồn năng lượng tổng thể của chúng ta mới được giải phóng.

Năng lượng cũng có những nguyên lý cơ bản của nó: nó không thể giữ nguyên ở trạng thái tĩnh, nó phải

chuyển dịch. Chuyển dịch là đặc tính tự nhiên của năng lượng. Nó không phải là vật được đặt ở đâu thì đứng nguyên tại đó. Không, nó phải chuyển dịch, nó là sinh lực cơ mà. Cho nên khi không có động cơ gì để dịch chuyển xuống dưới, thì nó chỉ còn cách tìm đường chuyển dịch lên trên. Khi không có nơi nào để đi, thì nó bắt đầu quay sang tấn công siêu vô thức. Và chính những cuộc tấn công vào siêu vô thức như thế mới là những cảm xúc tuyệt vời mà khoái cảm tình dục của con người đã làm cho những vui thú ấy bị lu mờ. Chúng ta không thể tưởng tượng ra điều đó vì nó không phải là một sự khác biệt có thể lượng hóa để tôi có thể nói với mọi người rằng “nó gấp cả vạn lần.” Sự khác biệt đó hoàn toàn thuộc về mặt chất, bởi vậy chẳng có cách nào để tưởng tượng ra nó. Vậy thì làm sao có thể so sánh nó với cảm giác thăng hoa trong hoạt động tình dục? Tuy nhiên, đó lại chính là thứ duy nhất trong cuộc đời của

con người mà thông qua nó, chúng ta có thể nhận diện ra rằng mình đã tiến lên được nấc thang cao hơn.

Khi năng lượng của chúng ta bắt đầu tấn công lên thế giới phía trên nó, thế giới mà thậm chí cho tới bây giờ chính chúng ta cũng không nhận thức được, thì những con mua vui thú sẽ luôn trào không dứt

Khi năng lượng của chúng ta bắt đầu tấn công lên thế giới phía trên nó, thế giới mà thậm chí cho tới bây giờ chính chúng ta cũng không nhận thức được, thì những con mua vui thú sẽ luôn trào không dứt

được, thì những cơn mưa vui thú sẽ tuôn trào không dứt. Khoái cảm tình dục vốn quá ngắn ngủi đến nỗi con người chưa kịp định thần thì nó đã vụt qua mất. Người ta chỉ có thể lưu giữ trong trí nhớ rằng đã có khoảnh khắc như thế chứ không thực sự nhận ra được khi nó diễn ra. Nhưng nó càng diễn ra chóng vánh, con người ta lại càng say mê thích thú, vì chúng ta khắc ghi trong bộ nhớ của mình rằng vừa có một điều gì đó thật tuyệt vời diễn ra, và rồi: "Hãy cho chúng tôi được có lại điều đó một lần nữa đi, hãy để chúng tôi một lần nữa được thưởng thức nó." Nhưng không được...

Trước khi điều đó tới, người ta có thể cảm nhận rất rõ có tiếng chuông rung lên báo hiệu trong đầu. Cái chuông ấy reo vang: "Nó đang tới!" Và chúng ta biết nó đang tới thật...cũng có nghĩa là nó đang qua. Tiếng chuông đã tắt lịm, cái chuông ấy sẽ không bao giờ reo thêm một lần nào nữa, để lại con người ta như một gã ngốc. Giữa tiếng chuông reo và khi nó tắt, chúng ta cũng đã giống như gã ngốc rồi. Có lẽ người đàn ông thấy ngượng nghịu hơn một chút, điều đó lý giải tại sao sau khi lâm trận đàn ông lại lăn ra ngủ ngay. Trong khi đó phụ nữ không quá ngượng ngùng cho lắm, lý do đơn giản là vì phụ nữ thường không phải là đối tác chủ động trong cuộc vui, đàn ông khờ khạo hơn do anh ta giành phần chủ động cho mình.

Hãy để cho nguồn năng lượng của mình chạm tới nấc cao hơn của ý thức, siêu ý thức - cú chạm ấy sẽ làm tuôn rơi những cơn mưa vui thú không ngừng nghỉ. Từ

Hãy để cho nguồn năng lượng của mình chạm tới nấc cao hơn của ý thức, siêu ý thức - từ tham áp sẽ làm tuôn rơi những cơn mưa vui thú không ngừng nghỉ. Từ từ, nguồn năng lượng sẽ len lỏi tìm đường đi tới trung tâm của siêu ý thức

từ, nguồn năng lượng sẽ len lỏi tìm đường đi tới trung tâm của siêu ý thức. Không còn gì cần phải làm nữa, vì nhiệm vụ của chúng ta đã hoàn thành kể từ khi chúng ta giải phóng và rũ sạch tiềm thức của mình. Tất cả những gì phải làm sẽ do nguồn năng lượng của chúng ta đảm nhận. Để rồi khi tiến tới

được vùng trung tâm của siêu ý thức, con người sẽ được tiếp quản bởi một năng lực hoàn toàn mới, được gọi là trực giác.

Trung tâm của tiềm thức là bản năng.

Trung tâm của ý thức là trí năng.

Trung tâm của siêu ý thức là trực giác.

Bản năng khiến cho con người thực hiện các hoạt động, thúc giục con người ta phải thực hiện cho dù chúng ta có muốn hay không. Trí năng giúp con người ta tìm ra cách thức để tiến hành những hoạt động có tính tất yếu, hoặc là tìm cách tránh những hoạt động ấy. Chức năng của trí năng là chức năng tìm đường.

Trung tâm của tiềm thức là bản năng.

Trung tâm của ý thức là trí năng.

Trung tâm của siêu ý thức là trực giác

Nếu chúng ta muốn đi theo tiếng gọi của bản năng, trí năng sẽ tìm ra cách. Còn nếu ai đó được gọi là người mờ đạo, hay người già vờ mờ đạo đi nữa, và muốn chống lại bản năng của mình, trí năng cũng tìm được một lối đi. Những con đường ấy có thể thật lạ lẫm, nhưng trí năng luôn sẵn sàng đáp ứng, đáp ứng bất cứ thứ gì chúng ta cần. Với trí năng, không có chuyện thích hay không thích, đơn giản chỉ là nó có sẵn cho con người sử dụng tùy ý.

Một người có đầu óc lành mạnh, có thể sử dụng trí năng của mình để đạt được sự thỏa nguyện phần tiềm thức của chính mình. Sự bổ sung này được tiến hành càng sớm thì con người càng sớm thoát khỏi sự lệ thuộc vào tiềm thức.

Điều này có nghĩa là tự do hoàn toàn trước sự chi phối của tiềm thức.

Nếu ai đó có suy nghĩ khác biệt so với đa số - chẳng hạn một tín đồ Thiên Chúa giáo, một tín đồ của đạo Tin Lành thì sẽ có vô vàn những kiểu tư duy khác người đang tồn tại trên thế giới này để anh ta lựa chọn, tín đồ Hindu, Hồi giáo, Giai-na, đạo Phật, có đủ các thể loại. Ta không thể nói rằng: "Tôi không muốn chọn dòng tu nào cả." Qua hàng nghìn năm lịch sử, con người dường như đã thiết lập nên tất cả các thể loại, các hình thái của tư duy lập dị. Chúng ta có thể chọn, có quyền lựa chọn, có điều là cho dù có chọn gì đi chăng nữa, thì chúng cũng là một mà thôi.

Chưa có ai từng nói về việc làm thế nào để có thể dùng trí năng lắp đầy cho tiềm thức, mặt tự nhiên, mặt

sinh học, hóa học của con người. Tất cả những điều đó làm nên chính chúng ta, sẽ ra sao nếu như chúng chỉ đơn thuần hoạt động theo cơ chế của sinh học, hóa học hay sinh lý? Chúng là một phần của chúng ta và tự nhiên thì không bao giờ tạo ra cái gì mà không có nguyên do. Hãy lấp đầy nó, và sự hoàn thiện ấy sẽ thiết lập những đường dẫn hướng tới những khả năng cao hơn.

Tất cả những tín đồ tôn giáo đang bị chính phần thấp nhất trong sự tồn tại của họ kìm giữ, đó là lý do tại sao trông họ lại rầu rĩ và có vẻ mang tội như vậy. Họ không thể tận hưởng những niềm vui của cuộc sống. Chúa Jesus vẫn thường bảo với các con chiên của mình rằng: "Hãy hoan hỉ lên!" nhưng mặt khác lại vẫn cứ nhắc nhở: "Hãy luôn nhớ là có địa ngục". Ngài đang đẩy các con chiên vào một tình thế tiến thoái lưỡng nan! Chỉ cho mọi người thấy con đường sẽ dẫn tới địa ngục, khi mà con người ta để cho bản năng tự nhiên chế ngự, ngược lại, con đường dẫn tới thiên đàng sẽ không chung lối với bản năng tự nhiên của con người.

Có điều là nếu như cố chống lại bản năng tự nhiên, vô hình chung chính con người đã tạo cho mình một cái địa ngục, ngay tại đây, trên trái đất này.

Tôi thì lại muốn xây lên một thiên đường ngay tại đây, ngay bây giờ. Sao lại phải hoãn lại một kế hoạch đẹp đẽ như thế chứ?

Chúng ta có thể trì hoãn những thứ không đáng phải bận tâm, nhưng một thiên đường thì khác chứ? Tôi chẳng hề muốn rời nó lại cho tới sáng mai, hay thậm chí

là lùi lại dù chỉ một giây khắc. Chúng ta hoàn toàn có thể với tới thiên đường ngay tại đây và ngay bây giờ, mà tất cả những gì ta cần chỉ là một tiềm thức trong veo. Phần tiềm thức đó được thỏa mãn, hài lòng, ổn định cả về mặt sinh và hóa học, và có thể mang tới cho con người ta tất cả những nguồn năng lượng dồi dào ẩn chứa bên trong những bề mặt phẳng lặng. Nguồn năng lượng ấy tự nó có thể đâm thẳng lên, và chỉ chịu dừng lại chừng nào tìm tới được phần trung tâm nhất của siêu ý thức. Cũng chính tại đó, trực giác sẽ bắt đầu thực hiện chức năng của nó.

Trực giác giống với phần bản năng, theo một chừng mực nào đó lại đi ngược lại với bản năng; trực giác cũng có những điểm chung với trí năng, nhưng xét theo một góc độ khác, lại phản bác trí năng của con người

Vậy thì trực giác rốt cuộc là cái gì? Trực giác theo một nghĩa nào đó, giống với phần bản năng, theo một chừng mực nào đó lại đi ngược lại với bản năng; trực giác cũng có những điểm chung với trí năng, nhưng xét theo một góc độ khác, lại

phản bác trí năng của con người. Cho nên chúng ta phải hiểu điều đó, bởi vì trực giác là phần tinh vi và huyền diệu nhất trong bản thân của mỗi con người.

Nói trực giác giống với bản năng là vì con người ta không thể làm gì với trực giác, cũng giống như không thể làm gì tác động tới bản năng. Nó là một phần của ý thức, cũng giống như bản năng là một phần thuộc về

thể xác của con người. Con người không thể tác động lên bản năng của mình và cũng không thể nào tác động tới trực giác. Song, chỉ chừng nào mà bản năng được thỏa nguyện, con người ta mới có thể thỏa mãn được phần trực giác của mình một cách hoàn toàn. Chắc hẳn con người ta khi ấy sẽ phải giật mình sững sốt bởi chính nguồn sức mạnh mà chúng ta vẫn mang trong mình.

Trực giác có thể đem tới lời giải cho những câu hỏi về những vấn đề cốt lõi nhất—những câu hỏi không chỉ đơn thuần là một cấu trúc phát ngôn, mà có liên quan mật thiết tới sự tồn tại của chúng ta.

Chúng ta không cần phải hỏi: “Chân lý là gì?” nữa, Bản năng sẽ không nghe thấy gì đâu, nó bị điếc mà. Còn trí năng thì nghe thấy, nhưng nó cũng chỉ có thể mò mẫm suy đoán, vì nó bị mù. Nhưng trực giác thì nhìn thấy, vì trực giác có mắt, trực giác là một *nha tiên tri*, một *người nhìn thấu*. Trực giác nhìn ra đâu là những điều đúng đắn, con người không còn cần phải tranh trở với những câu hỏi chung quanh nó.

Cả bản năng lẫn trực giác đều phụ thuộc vào con người chúng ta. Bản năng có trong sức mạnh của tự nhiên, của tiềm thức tự nhiên, còn trực giác lại nằm trong đôi tay của một vũ trụ siêu ý thức. Ý thức đó bao quanh toàn bộ vũ trụ vô cùng rộng lớn, giống như một đại dương mênh mông mà trong đó, con người chẳng khác nào những hòn đảo bé nhỏ. Nói đúng hơn, và so sánh chính xác hơn thì phải nói rằng con người chúng ta giống như những núi băng trôi trên đại dương đó, bởi

vì chúng ta có thể tan chảy ra, để hòa làm một với đại dương ý thức này.

Ở một số khía cạnh, trực giác thực sự đối lập với bản năng. Bản năng lúc nào cũng hướng con người ta tới những thực thể khác; sự thỏa mãn bản năng luôn bị phụ thuộc vào một thứ gì đó không phải chính bản thân mỗi người. Trong khi đó thì trực giác lại chỉ dẫn con người tới với chính bản thân mình. Trực giác hoàn toàn không bị ràng buộc, cũng không cần tới những thực thể khác. Bởi thế mà nó đẹp, nó tự do tự tại và nó hoàn toàn độc lập. Trực giác chính xác là một trạng thái hứng khởi mà chẳng cần phải vì bất cứ thứ gì khác cả.

Ở một số khía cạnh khác thì trực giác rất tương đồng với trí năng bởi vì trực giác cũng là sự thông thái. Trí năng và sự thông thái ít nhất cũng tương đồng với nhau ở sự thể hiện ra ngoài, nhưng cũng chỉ dừng lại ở

Một người có trí tuệ không cần thiết phải là người thông minh, còn một người thông minh cũng không nhất thiết là một người có trí tuệ

sự thể hiện mà thôi. Một người có trí tuệ không cần thiết phải là người thông minh, còn một người thông minh cũng không nhất thiết là một người có trí tuệ. Chúng ta có thể thấy những người nông dân thuần túy nhưng

thông minh tới mức đứng trước họ, thì thậm chí cả các vị giáo sư vĩ đại, những con người thông minh tuyệt đỉnh cũng chỉ giống như những chú lùn.

TG-5

Trường hợp này đã xảy ra tại nước Nga Xô Viết sau Cách mạng, khi thành phố Petrograd được đặt một cái tên mới theo tên vị lãnh tụ Lenin là Leningrad. Phía trước tòa lâu đài cổ kính, tráng lệ và đồ sộ tại Petrograd, có một tảng khổng lồ mà chính các Nga hoàng cũng chưa bao giờ nghĩ tới chuyện dời đi, vì không cần thiết. Nhưng tới lúc này, tảng đá lớn đang chặn giữ con đường, nó cần phải được giải phóng, cho xe ô tô có thể lưu thông được.

Có điều là tảng đá rất đẹp, nó đẹp tới nỗi người ta muốn chuyển nó tới nơi khác để lưu giữ nó như một biểu tượng đẹp đẽ của lịch sử, cho nên không ai muốn phá hủy hay san bằng tảng đá. Nhưng tất cả các kĩ sư tài ba tham gia vào việc di dời tảng đá lại chỉ nghĩ được tới chuyện hoặc là phá hủy nó, hoặc là cắt tảng đá thành từng miếng một rồi sau đó ghép lại với nhau. Lenin không đồng ý: “Không thể làm thế - hai khối đá đó không thể nào là một được. Tảng đá này đẹp tới mức mà chính Nga hoàng đã để nó yên vị ngay trước cung điện này.”

Đúng lúc đó thì có một người đàn ông khổ hạnh cưỡi lừa đi tới. Ông ta đứng đó nghe hết câu chuyện, rồi cười lớn và định thúc lừa đi. Lenin hỏi: “Khoan đã, tại sao ông lại cười?”

Người đàn ông đáp: “Việc này có gì phức tạp lắm đâu. Chẳng cần phải làm gì nhiều cả: tất cả những gì cần phải làm chỉ là đào quanh tảng đá. Đào quanh thôi chứ đừng có đụng chạm vào. Nó sẽ chìm sâu xuống dưới hố. Thế là anh chẳng phải phiền hà gì nữa về nó, tảng

đá thì vẫn cứ nằm đó mà chẳng ảnh hưởng tới ai. Cũng chẳng cần thiết phải phá hủy nó đi làm gì.”

Lenin mới quay sang bảo với đội ngũ kĩ sư của mình rằng: “Các anh là những kĩ sư, kiến trúc sư giỏi giang, nhưng những gì mà người đồng chí này vừa nói còn mang tính trí tuệ hơn rất nhiều.” Và sau đó thì mọi việc được tiến hành y như thế. Tảng đá đẹp đẽ được bảo toàn, con đường cũng được giữ nguyên, chỉ có người đàn ông kia với sáng kiến của mình là vô danh.

Tôi cũng đã từng được chứng kiến tận mắt, gặp gỡ hàng nghìn người, mà hầu hết thì những người có trí tuệ đều không hẳn là người thông minh, bởi vì họ không cần thiết phải thông minh. Chỉ cần có trí tuệ, có sự hiểu biết là đủ. Nhưng một người không có tri thức, không có trí tuệ và không được giáo dục thì cần phải tự tìm kiếm chút thông minh trong chính bản thân con người anh ta; điều này cũng có nghĩa là anh ta không thể nhìn ra xa hơn bên ngoài cuộc sống. Và cũng vì phải dựa giãm vào trí thông minh, cho nên trí thông minh của người đó sẽ mạnh dần lên.

Trực giác tương đồng
với trí năng nhưng trực
giác không thuộc về trí
tuệ. **Nó là trí thông**
mình. **Chức năng** của **trí**
năng và **trí thông minh**
là hoàn toàn khác nhau

Cho nên, trực giác tương đồng với trí năng nhưng trực giác không thuộc về trí tuệ. Nó là trí thông minh. Chức năng của trí năng và trí thông minh là hoàn toàn khác nhau. Trí năng thực hiện các chức năng của mình

tuân tự qua các bước: lần lượt từng bước từng bước một. Nó có cả một quy trình, một hệ phương pháp luận. Nếu chúng ta thực hiện một phép toán, thì trí năng sẽ đi theo một chuỗi các bước cần thiết để tìm ra đáp án.

Ở Ấn Độ có một người phụ nữ, tên là Shakuntala, đã từng đặt chân tới hầu hết các trường đại học trên thế giới, và đang chứng tỏ cho mọi người thấy trực giác của mình. Bà ấy không phải là một nhà toán học, thậm chí cũng không được giáo dục bài bản, mới chỉ tốt nghiệp trung học. Ngay cả khi Albert Einstein còn sống, chính bà này đã từng chứng minh cho ông thấy. Những gì mà bà Shakuntala thể hiện thực sự rất kì lạ. Bà ngồi với viên phẩn trên tay trước một tấm bảng đen, mọi người có thể tùy ý đặt ra bất cứ câu hỏi nào liên quan tới toán học hay số học; và trong khi mà người hỏi thậm chí còn chưa nói hết câu, thì bà đã bắt đầu viết câu trả lời lên bảng.

Albert Einstein đã trao cho bà một tấm giấy chứng nhận, tấm giấy này bà đã đưa cho tôi xem khi tôi tới Madras, nơi bà sinh sống. Trong tất cả những giấy chứng nhận mà bà đưa cho tôi xem, tờ giấy chứng nhận của Albert Einstein ghi rõ ràng: "Tôi đã hỏi người phụ nữ này một câu hỏi mà tôi phải mất ba giờ đồng hồ để tìm ra đáp án, bởi lẽ tôi phải tuân theo cả một quy trình; tôi không thể nào thực hiện một bước nhảy từ vấn đề được đặt ra tới câu trả lời của nó. Tôi biết rằng không có ai khác có thể giải quyết bài toán này trong khoảng thời gian ngắn hơn tôi, tức là trong ba giờ đồng hồ, vì tôi đã từng giải nó từ trước. Tuy nhiên, không thể

không tuân theo quy trình giải toán đó. Nếu như bỏ sót dù chỉ một bước.” Con số đó lớn tới mức mà Shakuntala phải viết câu trả lời trên toàn bộ mặt bảng. Và trước cả khi Einstein kết thúc câu hỏi, bà đã cầm phấn bắt đầu viết ra câu trả lời.

Einstein đã bị lúng túng., thực sự rất lúng túng, bởi đó đương như là điều không thể có. Nhà vật lý học đại tài của chúng ta đã phải thốt lên: “Bà đã làm cách nào vậy?”

Bà ấy trả lời: “Tôi cũng không biết tôi giải nó bằng cách nào, đơn giản là nó cứ tự xảy ra thôi. Ngài hỏi tôi và những con số cứ tự động hiện ra trước mắt tôi, ở đâu đó bên trong. Tôi có thể nhìn rõ 1, 2, 3, và tôi chỉ có mỗi việc là viết nó ra thôi.”

Người phụ nữ đó đã có được năng lực trực giác từ khi sinh ra. Nhưng tôi thực sự thấy buồn cho bà ấy khi bà chỉ dùng nó để trình diễn. Chẳng có ai quan tâm tới việc có một người phụ nữ được thiên bẩm về trực giác có khả năng thấu suốt một cách dễ dàng. Bà ấy đang đứng ở ranh giới, chỉ cần một bước nữa thôi là bà đã bước tới được tận cùng của ý thức. Tiếc rằng bà không nhận ra điều đó, cũng tại tính bốc đồng của tạo hóa mà ra.

Một trường hợp khác là của một cậu bé kéo xe trong thành phố, tên là Shankaran. Một vị giáo sư toán học người Anh vẫn thường ngồi trên xe kéo của cậu để tới giảng đường đại học. Sự việc xảy ra một vài lần khiến cho vị giáo sư nghĩ rằng phải có vấn đề gì đó khi cậu bé chỉ cần nhìn vào ông mà nói: “Đáp án là thế này.”

Giáo sư chưa hề cất thành lời, ông chỉ mới nghĩ tới nó thôi - còn cậu bé thì đang kéo xe, nhưng cậu bé lại nói rằng: “Đáp án là thế này.”

Vị giáo sư nọ tới giảng đường, tính toán theo cả một quy trình dài dằng dặc, để rồi kinh ngạc khi thấy rằng câu trả lời chính là những gì cậu bé kéo xe đã nói. Sau vài ba lần như thế, ông hỏi cậu bé: “Cháu tính bằng cách nào vậy?”

Cậu bé đáp: “Cháu có tính toán gì đâu. Cháu chỉ nghĩ rằng ngài đang ngồi phía sau cháu, lo tính điều gì đó, và vài con số cứ thế bắt đầu hiện ra. Cháu cũng không được học hành gì nhiều, nhưng mà các con số thì cháu có thể hiểu được. Và cháu có thể nhìn thấy hàng loạt những con số sắp theo hàng theo lối trong đầu của ngài, ngay phía sau cháu, rồi đột nhiên, một vài con số xuất hiện trong đầu cháu, cho nên cháu mới bảo với ngài rằng đáp án là như thế này. Cháu cũng không hiểu chuyện đó xảy ra bằng cách nào.”

Vị giáo sư đã gửi cậu bé Shankaran tới Oxford, vì ông nhận thấy khả năng của cậu bé này còn lớn hơn cả Shakuntala. Với bà Shakuntala, khi người khác đặt câu hỏi, bà ấy có thể viết ra câu trả lời, nhưng với Shankaran, chỉ cần mường tượng tới vấn đề trong suy nghĩ là cậu bé đã có thể đưa ra đáp án. Trực giác của cậu bé thể hiện chức năng của nó một cách đầy đủ hơn, cậu bé có thể nhìn thấy cả câu hỏi lẫn đáp án - tức là cậu bé có thể đọc được suy nghĩ của người khác. Trong khi thậm chí là đứa bé ấy còn bị thất học, thật đáng tiếc cho đứa

bé khi phải kéo xe để mưu sinh. Cậu bé đã trở thành một hiện tượng kì lạ trong lịch sử toán học, tất cả những câu hỏi dai dẳng chưa có lời giải tồn tại hàng thế kỉ, cậu bé đều giải quyết được hết, mặc dù chính cậu cũng không thể lý giải được là bằng cách nào. Tuy nhiên, những lời giải của Shankaran không thể được kiểm chứng ngay lập tức là đúng hay sai. Cần cả một khoảng thời gian rất dài để có thể kiểm chứng được tính chính xác của những câu trả lời đó, khi mà nền toán học đã bước sang một giai đoạn mới cao hơn và con người có khả năng tính toán được. Lúc đó thì Shankaran đã chết, nhưng những câu trả lời của cậu thì được xác nhận là đúng đắn.

Trực giác thực hiện chức năng bằng một bước nhảy.

Nó không hề tuân theo một quy trình hay phương pháp luận nào cả, mà chỉ đơn giản là nhìn thấy tất cả.

Trực giác có mắt để nhìn rõ mọi thứ.

Trực giác có thể nhìn thấy những thứ mà con người cũng không bao giờ nghĩ rằng có thể nhận thấy bằng một dạng thù hình, như tình yêu chẳng hạn. Có bao giờ chúng ta nghĩ rằng sẽ nhìn thấy được tình yêu giống như một vật nào đó? Nhưng một người với trực giác

Trực giác thực hiện chức năng bằng một bước nhảy.
Nó không hề tuân theo một quy trình hay phương pháp luận nào cả,
mà chỉ đơn giản là nhìn thấy tất cả.
Trực giác có mắt để nhìn rõ mọi thứ

của mình có thể nhìn thấy trong một con người có hay không có sự hiện diện của tình yêu, có hay không lòng tin, có hay không sự hoài nghi. Người ấy có thể nhìn thấy tất cả những điều này giống như nhìn thấy những đồ vật thông thường.

Theo quan điểm của tôi, trực giác chiếm giữ vị trí cao nhất, cũng chính là vị trí mà tôi đang cố gắng đưa tất cả mọi người tiến tới.

Chính phần tiềm thức không tinh khiết là cái đang cản trở con người chúng ta tiếp cận vị trí cao nhất đó. Hãy gột sạch nó; mà cách để gột sạch nó chính là làm cho nó được thỏa mãn, thỏa mãn tới mức mà chính nó phải lên tiếng: "Hãy dừng lại đi! Như thế là quá thừa so với những gì mà tôi muốn có rồi." Khi đó, tiềm thức không còn là mối bận tâm của chúng ta nữa. Cũng khi đó, trí năng của chúng ta sẽ được lấp đầy bởi những dòng năng lượng tươi mới chưa từng có đang tiến thăng tới sự thông thái của con người. Những dòng năng lượng ấy cứ thế sinh sôi nở, nó mở toang những cánh cửa của trực giác. Và rồi, chúng ta hoàn toàn có thể nhìn thấy rõ mồn một tất cả những thứ vốn không hề có hình thù và cũng chưa bao giờ những con mắt bình thường có thể nhận ra.

Tình cảm không phải là một vật nào cả, chân lý cũng không và niềm tin cũng vậy, song tất cả chúng đều là những cái có thật, có khi còn thật hơn cả những sự vật mà chúng ta vẫn nhìn thấy. Tuy nhiên, chúng chỉ là các thực thể dưới con mắt của trực giác, chỉ với

trực giác, chúng mới hiện sinh. Và chỉ chừng nào trực giác bắt đầu đảm nhiệm chức năng của nó trong mỗi con người, thì mỗi chúng ta mới là *người* thực sự.

Sống với phần tiềm thức, chúng ta mới chỉ dừng lại ở một động vật. Có ý thức, con người tách mình ra khỏi thế giới của loài vật. Còn với siêu ý thức, chúng ta thực sự trở thành người.

Tôi rất muốn trích dẫn ra đây lời của một nhà thần học Baul, Chandidas, vì người đàn ông này, chỉ bằng một câu nói tưởng chừng hết sức giản đơn, lại có thể thâu tóm lấy toàn bộ những gì mà tôi muốn đề cập tới: *Sabar upar manus satya; tahar upar nahin.* “Trên tất cả là chân lý của loài người, và chẳng còn gì đứng trên nó cả.”

Chính xác thì người đàn ông này, tức Chandidas, lẽ ra không phải là một tín đồ tôn giáo. Ông ta phủ nhận sự tồn tại của Chúa, cũng phủ nhận luôn tất cả những gì được đặt trên tinh hoa của nhân loại. *Sabar upar*, “Xếp trên mọi thứ, xếp trên tất cả.” *Imanus satya* - “chân lý của loài người.” *Tahar upar nahin*, “và vượt ra khỏi những gì những gì tôi từng trải nghiệm, chẳng có gì có thể.”

Chừng nào chúng ta vươn tới được tiềm năng của một con người thực thụ với tất cả những tinh hoa của nó, có nghĩa là chừng đó chúng ta đã về được tới nhà mình.

RÀO CẢN CỦA SỰ GIÁC NGỘ

Hiểu biết có nghĩa là im lặng, im lặng tuyệt đối, đến mức ta có thể nghe tiếng nói tịch mịch trong mình.

Hiểu biết có nghĩa là lắng lại tâm hồn.

Khi con người cũng như một mặt hồ hoàn toàn phẳng lặng, không may mắn một gợn sóng lăn tăn, chính là lúc mà những cánh cửa mở toang.

Ta sẽ trở thành một phần của sự tồn tại diệu kỳ,

Cảm nhận bằng cách hòa vào làm một, bằng cách trở thành một phần của sự tồn tại ấy.

Hiểu biết chính là như thế.

SỰ HIỂU BIẾT

Đâu là sự khác nhau giữa *tri thức* và *hiểu biết*? Trong từ điển thì không nhưng xét về mặt tồn tại thì lại có cả một sự khác biệt lớn lao. Nói tới *tri thức* là nói tới mặt lý thuyết, trong khi nhắc đến *sự hiểu biết* là nhắc tới *sự trải nghiệm*. Để hiểu biết chúng ta phải mở to mắt

để nhìn nhận. Còn tri thức mang hàm ý một sự thu nhận thông tin từ người khác, người đó cũng đã từng trải qua một công đoạn tương tự để có được hiểu biết. Cho dù không có mắt để nhìn, con người vẫn có thể có được tri thức. Con người hoàn toàn có thể thu lượm được... Rõ ràng là, dù không thể nhìn thấy ánh sáng, người ta vẫn có thể nghe nói về ánh sáng mặt trời, nhưng không thể có được sự trải nghiệm về nó. Người ta chỉ có thể có được sự hiểu biết với một đôi mắt lành lặn và khỏe mạnh, nếu người ta có khả năng nhìn thấy cuộc sống và những gì diễn ra chung quanh. Cho nên mới nói rằng hiểu biết đích thực là kinh nghiệm, còn tri thức chỉ là sự chấp vá lại, là sự nguyễn rùa, tai họa, tai ương, là ung nhọt.

Thông qua chính tri thức, nhân loại mới có sự phân chia từ trong một tổng thể thành kẻ này người nọ, nói cách khác là chính tri thức đã tạo ra khoảng cách giữa những con người với nhau. Tình cờ thấy một bông hoa dại trên núi, nhưng không thể biết nó thuộc loại cây nào, tâm trí ta không có lời nào để nói, cũng không biết phải nói gì, có nghĩa là tâm trí rơi vào thịnh lặng. Chúng ta nhìn ngắm bông hoa xinh đẹp, nhưng không có chút tri thức nào gợn lên, chỉ có sự băn khoăn, và bí ẩn. Bông hoa vẫn đó và con người cũng vậy. Thông qua những băn khoăn của mình mà chúng ta tự tạo ra mối liên hệ với bông hoa, nghiêm nhiên chúng ta đã trở thành một cây cầu nối. Nhưng, nếu đã biết đó là loại hoa gì: hoa hồng, cúc vàng hay một loài hoa nào đó, ngay lập tức tri thức sẽ cắt đứt mối liên hệ giữa chúng

ta với bông hoa. Bông hoa vẫn ở đó còn chúng ta thì ở đây, không hề có cây cầu nào kết nối - vì đơn giản là chúng ta đã nhận biết được nó. Đó là lý do nói rằng tri thức tạo ra khoảng cách.

Càng linh hôi được nhiều thông tin, khoảng cách càng nới rộng, và càng thu lượm ít bao nhiêu thì khoảng cách ấy càng gần lại.

Và một khi chúng ta đứng trong khoảnh khắc mà tri thức hoàn toàn không có mặt, thì có nghĩa là khoảng cách kia cũng không tồn tại. Chúng ta bỗng trở thành những cây cầu kết nối

Càng linh hôi được nhiều thông tin, khoảng cách càng nới rộng, và càng thu lượm ít bao nhiêu thì khoảng cách ấy càng gần lại. Và một khi chúng ta đứng trong khoảnh khắc mà tri thức hoàn toàn không có mặt, thì có nghĩa là khoảng cách kia cũng không tồn tại. Chúng ta bỗng trở thành những cây cầu kết nối.

Cũng giống như khi ta yêu một người vậy, cái ngày mà tình yêu bùng cháy cũng là lúc mà mọi khoảng cách kia không còn tồn tại nữa. Cũng chẳng hề có thứ gì được gọi là tri thức, chỉ còn những hồi hộp và run rẩy đầy hứng khởi và những hạnh phúc tràn trề. Ta không hề biết người phụ nữ đó là ai. Rõ ràng là nếu như không có tri thức, người ta không quan tâm tính toán xem nên xếp một người vào nhóm nào, theo cơ sở nào; và nó làm nên vẻ đẹp của những giây phút bắt đầu tình yêu.

Chỉ cần sống với người phụ nữ ấy chừng 24 giờ đồng hồ thôi, tri thức bắt đầu trỗi dậy. Đến lúc này thì ta bắt đầu có vài ý tưởng về người phụ nữ ấy: hình thành một hình ảnh về cô ta, cô ta là ai? Hai mươi tư giờ đồng hồ đủ để xây nên một quá khứ; hai mươi tư giờ ấy cũng đủ để ghi lại những đặc điểm của cô gái nọ trong tâm trí người đàn ông. Vẫn là cô gái ấy nhưng vẻ bí ẩn lôi cuốn thì chẳng thể nào còn được như lúc ban đầu. Chúng ta bắt đầu di sang nửa phía bên kia của đỉnh núi, cảm giác đứng trên đỉnh cao đã lùi lại phía sau.

Hiểu được vấn đề này là cả một bước tiến lớn lao. Nắm bắt được tác động của tri thức trong việc phân chia và tạo ra khoảng cách giữa những nhóm người với nhau cũng có nghĩa là chúng ta đã hiểu được mọi khía cạnh bí ẩn của thiền định.

Thiền định là một trạng thái mà mọi quá trình nhận thức đều ngừng lại. Đó là một khoảnh không hoàn toàn thuần khiết, nơi tri thức không thể nào khuấy động. Vâng, chắc rằng không có một quyển kinh nào trên thế giới này có thể vượt trên được sự đúng đắn của kinh thánh. Kinh thánh bảo rằng con người thất bại với chính tri thức của mình, bằng việc ăn những trái trên cái cây tri thức. Những lời nói đầy hàm ý ấy là sự đúc rút có tính chất sau chót mà chưa từng có một nhận định nào có thể ngang tầm hay chạm tới được nội hàm của nó. Nghe thì có vẻ phi logic khi mà con người lại phải gục ngã ngay trong chính tri thức của nhân loại. Phi logic là vì tính logic hay lập

luận, lại chính là một phần của tri thức. Lập luận được dùng như một công cụ hỗ trợ cho tri thức, cho nên mọi chuyện có vẻ như phi lý cũng chính là bởi vì gốc rễ của sự thất bại mà con người gặp phải bắt nguồn từ công cụ *logic* của chúng ta.

Một con người nhìn nhận mọi thứ dựa trên lập luận thì lúc nào cũng bám vào tính *logic*, luôn luôn lập luận, đồng nghĩa với việc anh ta sẽ không bao giờ chấp nhận thứ gì vượt ra ngoài quy tắc lập luận hay mang tính phi *logic* trong nhận thức, tất nhiên, đồng nghĩa với sự điên cuồng. Sự đúng đắn cần phải được cân bằng với những thứ thiêng cơ sở, sự hợp lý, tương tự, cũng cần phải được cân bằng với những gì phi lý. Mỗi thứ đều cần phải được cân bằng với thứ đối lập với nó. Người nào chỉ biết tuân theo công thức cứng nhắc của lý trí sẽ tự đẩy mình vào thế bất cân bằng, chắc chắn sẽ bỏ lỡ rất nhiều thứ khác. Thực tế là anh ta sẽ tự bỏ qua cơ hội được đến với tất cả những gì tốt đẹp và đúng đắn. Cuộc đời anh ta sẽ chỉ còn là một chuỗi những thu lượm vật vãnh, nhỏ nhoi. Anh ta sẽ chỉ quẩn quanh trong cõi đời tràn tục.

Câu chuyện kinh thánh ấy ẩn chứa một hàm ý vô cùng to lớn. Tại sao con người lại gục ngã trong biển tri thức của mình? Bởi tri thức dựng lên khoảng cách giữa người với người, bởi tri thức tạo ra mối quan hệ kiểu “ta và nhà người”, bởi tri thức hình thành nên chủ thể và khách thể, người làm chủ tri thức và người linh hôi tri thức, người quan sát và đối tượng bị quan sát. Về cơ bản mà nói thì tri thức giống như một dạng phân liệt

tâm thần, nó tạo ra sự chia tách nhưng sau đó lại không có cách nào xây được những cây cầu nối.

Điều này giải thích tại sao con người ta càng tích lũy được nhiều tri thức lại càng ít có xu hướng tin theo tôn giáo hay đi theo tín ngưỡng. Càng được giáo dục bài bản, con người ta lại càng ít có khả năng tiếp cận với tính tổng thể của cuộc sống. Chúa Jesus có đã đúng khi nói rằng: “Chỉ có những đứa trẻ mới có đủ khả năng bước vào vương quốc của ta. Chỉ có trẻ em...” vậy thì trẻ em có được phẩm chất gì đặc biệt mà người lớn chúng ta đã đánh mất? Trước tri thức, đứa trẻ như một trang giấy trắng tinh, không tì vết. Chúng đầy bỡ ngỡ và lạ lẫm, ngược đôi mắt trong veo nhìn cuộc sống. Đứa trẻ săm soi nhìn cuộc sống nhưng trong đôi mắt nó không hề tồn tại định kiến, không có bất cứ sự phán xét hay quan niệm cố hữu nào. Và vì trẻ con không chủ ý thiết lập những dự định cho mình, cho nên chúng dễ dàng tiếp cận tới địa hạt mà Chúa nói tới. Lũ trẻ biết thế nào là chân lý, không như người lớn chỉ biết tới những thực tại trần truật. Cái thực tại đó là do chính chúng ta tự dựng lên quanh mình bởi biết bao nhiêu là dự định, ham muốn, và suy tưởng. Cái thực tại ấy là thứ mà con người ta vẫn dùng để diễn giải chân lý theo cách của chính mình.

Tri thức giống như một dạng phân liệt tâm thần, nó tạo ra sự chia tách nhưng sau đó lại không có cách nào xây được những cây cầu nối.

Chân lý vốn dĩ rất đơn giản, đơn giản như chính nó; còn thực tại chính là cách tiếp cận của con người để diễn giải cho những gì mình hiểu. Đó là suy nghĩ của chúng ta về chân lý.

Xét cho cùng thì chân lý vốn dĩ rất đơn giản, đơn giản như chính nó; còn thực tại chính là cách tiếp cận của con người để diễn giải cho những gì mình hiểu, đó là suy nghĩ của chúng ta về chân lý. Thực tại bao hàm nhiều

sự vật sự việc, và tất cả chúng đều tách biệt với nhau. Trong khi đó chân lý chỉ bao hàm năng lượng của vũ trụ. Chân lý mang tính duy nhất, trong khi thực tại mang tính đa diện. Thực tại cũng giống như một đám đông, còn chân lý là một thể thống nhất.

J.Krishnamutri từng nói rằng: “Phủ định là sự im lặng”. Nhưng phủ định cái gì? Phủ định tri thức, phủ định suy nghĩ, hay phủ định sự tù túng vẫn đang thường trực bên trong mỗi con người này... để thiết lập một khoảng không gian tự do tự tại. Vượt ra khỏi sự kiềm giữ, con người sẽ hòa cùng toàn thể cuộc sống. Còn nếu vẫn chịu sự tù túng, nghĩa là con người ta đang lạc điệu với bản hòa âm chung của tổng thể. Bởi vậy mà mỗi lần giành được một khoảnh khắc tĩnh tại, hãy biết rằng đó là một lần niềm hạnh phúc vô biên gốc cửa. Lúc ấy, cuộc sống mới thực sự mang ý nghĩa đích thực, mới vụt trở nên huy hoàng tới mức vượt qua cả khả năng diễn đạt của ngôn từ. Trong thời khắc ấy, cuộc sống là một vũ diệu. Thậm chí khi ấy, nếu cái chết

có ập tới, nó chắc hẳn cũng phải là một điệu nhảy dịu dàng, là một bữa tiệc rộn ràng, bởi vì chỉ có niềm vui là bất tận. Đó là thời khắc của niềm vui, là thời khắc của niềm hạnh phúc.

Con người cần phải phủ định tri thức, tất nhiên không phải vì tôi đang nói thế, J.Krishnamutri nói như thế, hay Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng nói vậy. Nếu ai đó quay sang phủ định tri thức chỉ vì nghe những gì tôi đang nói ở đây, thì chẳng phải người đó đã đưa những gì nghe được từ tôi thế vào vị trí của những tri thức đã có từ trước, thực chất cũng chỉ là sẽ chỉ thay thế tri thức này bằng tri thức khác mà thôi. Và rồi sau đó thì người đó lại tiếp tục bám lấy những gì vừa thay thế, lại tiếp tục coi đó là tri thức của mình. Nếu chỉ đơn thuần là xóa bỏ những thứ vốn tôn sùng, quẳng những cái cũ đi để thay vào đó những cái mới thì mọi thứ cũng không khác gì chơi lại một trò chơi với ngôn từ mới, một vài ý tưởng mới và một vài cách nghĩ mới.

Vậy thì phải làm thế nào để phủ định lại tri thức? Đừng dùng một mớ tri thức khác để thế chỗ những gì đã có. Hãy nhìn nhận xem tri thức đã tạo ra khoảng cách như thế nào, nhìn nhận vào cái bản chất, cái cốt lõi bên trong một cách mạnh dạn và toàn diện, là đủ. Rõ ràng là vấn đề không phải ở chỗ chúng ta bắt buộc phải tìm thứ gì đó để thay thế tri thức của mình.

Sự mạnh dạn nhìn nhận ấy chính là một ngọn lửa sẽ thiêu rụi tri thức trong mỗi con người thành đống tro tàn. Ngọn lửa ấy nhìn thấu tâm can, thấu suốt

TG-6

những suy nghĩ tự bên mỗi người. Và chính những suy nghĩ bên trong mỗi người ấy sẽ đốt cháy tan tri thức, đồng thời không để cho thứ nào khác tương tự chen vào thế chỗ. Thế là đủ. Để rồi sau đó, chỉ còn lại khoảng trống *shunyata* trong chúng ta, chỉ còn lại hư không, bởi vì mọi thứ chứa đựng bên trong đều đã được gột sạch: chỉ còn lại chân lý không thể bị bóp méo, không thể nào xáo trộn.

Mọi người hãy cứ nhìn chừ đừng lĩnh hội những gì tôi đang nói. Ngay tại đây và ngay lúc này, hãy chỉ lắng nghe, đừng bắt đầu quá trình thu lượm tri thức. Hãy coi việc lắng nghe này là một cuộc thử nghiệm để thấu hiểu chính mình. Hãy lắng nghe với một áp lực cao độ, bằng toàn bộ con người mình, và càng với mức giác ngộ càng cao càng tốt. Chính mức giác ngộ cao ấy sẽ giúp chúng ta có thể nhìn thấy điểm mấu chốt của vấn đề, và chính việc nhìn nhận ra điểm mấu chốt này là quá trình chuyển đổi căn bản. Sau đó thì chúng ta không cần thiết phải làm thêm điều gì khác nữa, bởi bản thân sự nhìn nhận đã đem tới sự biến đổi cho mỗi người rồi.

Nếu như có bất kì nỗ lực gì khác, e rằng chính cố gắng đó lại khiến cho chúng ta bị bỏ lỡ. Giả dụ sáng mai có ai đó tới hỏi tôi rằng: “Tôi đã ngộ ra rằng tri thức chính là một tai họa, rằng tri thức chính là thứ tạo ra khoảng cách. Nhưng bây giờ phải làm cách nào để cắt bỏ nó đi đây?”, có nghĩa là người đó đã bỏ lỡ. Không thể tự dung mọc ra cách thức để làm được điều đó, bởi vì cách thức đó lại còn đòi hỏi nhiều tri thức hơn nữa: nó

đòi hỏi phương pháp, đòi hỏi kỹ xảo, đòi hỏi hàng loạt những thứ cần phải làm.

Chỉ cần sự hiểu biết sâu sắc là đủ để làm điều đó; nó không cần có sự trợ giúp của bất kì nỗ lực nào. Ngọn lửa của nó là quá đủ để đốt cháy toàn bộ tri thức mà chúng ta đã tích lũy cho bản thân mình.

Chỉ cần sự hiểu biết sâu sắc là đủ để làm điều đó; nó không cần có sự trợ giúp của bất kì nỗ lực nào. Ngọn lửa của nó là quá đủ để đốt cháy toàn bộ tri thức mà chúng ta đã tích lũy cho bản thân mình. Do đó, chỉ cần nhìn ra điểm mấu chốt.

Hãy lắng nghe, hãy đi theo tôi. Hãy lắng nghe những gì tôi nói, hãy nắm lấy tay tôi để bước đi trên hành trình mà tôi đang cố gắng giúp mọi người tiếp cận, và để nhìn nhận những gì tôi đang nói tới. Đừng cố tranh luận, đừng nói ừ, cũng đừng có nói không, không cần phải đồng ý, cũng không cần phải phản đối, chỉ cần đi ở cùng tôi trong khoảnh khắc ấy, thì tức khắc tiếng nói sâu sắc từ bên trong sẽ hiện hữu. Nếu chúng ta lắng nghe chăm chú và kĩ lưỡng, ở đây tôi muốn nói tới sự chú ý chứ không phải là tập trung; sự chú ý ở đây có nghĩa là lắng nghe với một sự sẵn sàng để nhận thức, chứ không phải với một tâm trí đầy lơ đãng; hãy vót nhọn sự thông thái, vót nhọn tiềm lực sống và khả năng mở cửa đón nhận của mình để lắng nghe. Mọi người đang ở ngay đây, ngay lúc này, cùng với tôi, chứ không phải đang hiện diện ở một nơi nào khác, đó chính là

những gì tôi muốn nói qua từ “chú ý” ở trên. Hãy đừng có so sánh những gì tôi đang nói với những gì mà mọi người đã biết từ trước. Không so sánh và cũng không phán xét. Việc của chúng ta không phải là ngồi đó để mà phán xét về những gì ẩn chứa bên trong con người mình, hay phán xét xem những gì tôi nói là đúng hay sai, nếu đúng thì đúng tới mức độ nào.

Một ngày nọ tôi có nói chuyện với một người cũng đang cất công tìm kiếm. Anh ta có đầy đủ phẩm chất của một người khổ luyện, nhưng lại đang mang gánh nặng của tri thức. Trong lúc nói chuyện, đột nhiên mắt anh ta giàn giụa nước. Rõ ràng là trái tim anh ta sắp mở toang cánh cửa của nó, tiếc rằng trong khoảnh khắc ngắn ngủi đó, tâm trí anh ta lại nhảy vào và phá tan cái đẹp của tất cả những gì vừa tạo dựng. Anh ta đang từ từ tiếp cận tới trái tim mình và đang dần hé mở nó, nhưng ngay lập tức, trí tuệ lại bước vào. Những giọt nước mắt kia đang tiến tới ranh giới của sự lắng đọng, đột ngột biến mất. Đôi mắt anh ta ráo hoảnh. Vậy chuyện gì đã xảy ra? Tôi đã nói ra điều gì mà anh ta không thể đồng tình.

Anh ta đã đồng ý với những gì tôi nói, cho tới một điểm nào đó. Cho tới khi tôi nói điều gì đó động chạm tới nguồn gốc Do Thái của anh ta, khác với quan điểm của người Do Thái, thì ngay lập tức nguồn năng lượng tổng thể chuyển hướng. Anh ta bảo: “Mọi thứ đều đúng. Thứ gì ngài nói cũng đúng trừ duy nhất một điều, rằng: Chúa không có chủ tâm gì, rằng sự tồn tại diễn ra

không có chủ đích. Điều này tôi không thể đồng ý với Ngài được. Bởi vì kinh của người Do Thái nói rằng: cuộc sống có chủ đích của nó, rằng Chúa có chủ đích khi kiến tạo ra cuộc sống, và rằng Ngài đang dẫn dắt chúng ta đi tới một điểm đến nào đó, có nghĩa là có một cái đích để hướng tới."

Anh ta thậm chí không cần xét tới một khía cạnh khác: đó là anh ta đã bỏ lỡ mất cơ hội trong khoảnh khắc mà sự so sánh bước vào con người anh ta. Kinh thánh Do Thái có thể làm được gì chứ, nếu như mọi người thực sự đến với tôi và gạt bỏ đi mọi lý luận của các đạo luật Do Thái, Yoga, Tantra, hay gì gì đó. Khi đã đến với tôi, hãy chỉ hướng về những gì tôi nói. Và nhớ một điều rằng tôi không hề nói rằng ai đó phải đồng ý với những gì tôi nói, đây không phải vấn đề đồng ý hay không đồng ý với tôi.

Nhin thấy một đóa hồng, mọi người sẽ đồng ý hay không đồng ý với nó? Ngắm bình minh, mọi người liệu có phản đối hay tán thành? Khi ngắm nhìn vàng trăng trên nền trời đêm, chúng ta đơn giản chỉ nhìn ngắm nó! Và cho dù có nhìn hay không, thì cũng không hề có câu hỏi nào liên quan tới việc đồng ý hay không đồng ý.

Không phải là tôi đang cố gắng thuyết phục mọi người tin vào một điều gì đó đâu. Tôi không gắng sức mong lôi kéo ai đó chuyển sang tin theo một học thuyết nào đó, một thứ triết học nào đó, một đức tin nào đó, hay khuyên nhủ họ hãy đi hành lễ tại một nhà thờ nào đó, hoàn toàn không phải vậy. Tôi chỉ đang cố gắng chia

sẽ những gì đã xảy ra với mình, và trong sự chia sẻ hết sức chân thành ấy, nếu như mọi người tham gia vào cùng với tôi, thì những thứ đã xảy đến với tôi cũng có thể xảy đến với mọi người. Đó là một cơ chế lan truyền.

Sự biến đổi xuất phát từ bên trong chính con người.

Khi tôi nói rằng tri thức là một tai họa, mọi người có thể tán thành hay phản đối, nhưng sẽ bỏ lỡ. Sao không chỉ lắng nghe những điều đó, nhìn thẳng vào bên trong nó, tiến vào trong cái tổng thể của tri thức. Chúng ta có thể thấy tri thức đã tạo ra khoảng cách như thế nào, đã trở thành rào cản ra sao. Tri thức đã chen vào giữa sự tồn tại của chúng ta như thế nào, và làm sao mà tri thức cũng như cái khoảng cách mà nó tạo ra, lại cứ tiếp tục tích tụ và nới rộng. Sự trong sáng nguyên sơ đã bị mất đi bằng cách nào, tri thức đã phá hủy, bị bẻ gãy và bóp chết những điều kì diệu của cuộc sống ra sao, và tri thức vì sao lại có thể khiến cho cuộc sống của chúng ta biến thành những chuỗi hoạt động thụ động đầy buồn tẻ. Những gì được coi là bí ẩn đều biến mất. Chúng mất đi là bởi vì con người ta cứ tiếp tục bắt vào những ý tưởng, những lối tư duy vốn đã biết tới rồi. Mà khi đã biết rồi, thì làm sao còn có thứ gì bí ẩn được nữa? Người ta chỉ có cảm giác bí ẩn khi bắt tay vào làm những gì người ta chưa biết tới mà thôi.

Và lại nhớ thêm rằng, còn một điều mà con người vẫn chưa hề biết tới! Tất cả những gì chúng ta thu thập lại chỉ là những thứ bỏ đi. Mục đích cuối cùng vẫn còn nằm ở ngoài tầm nắm giữ. Trong khi những thứ lượm

lật được mới chỉ là những sự thực, những chân lý mà chúng ta chưa hề vươn tới bằng nỗ lực của chính mình. Đó là kinh nghiệm được răn truyền không chỉ của Đức Phật, của Krishna, Krishnamurti, và Ramana, mà còn là những trải nghiệm của Edison, Newton, Albert Einstein. Đó cũng là

những trải nghiệm mà các nhà thơ, các họa sĩ, các nghệ sĩ đã có được cho chính bản thân mình. Tất cả các bộ óc vĩ đại trên thế giới: có thể là các nhà thần học, các thi sĩ, hay các nhà khoa học, đều nhất trí một điều rằng: con người ta càng trải nghiệm nhiều về thế giới, lại càng thấy cuộc sống này bí ẩn thêm lên. Tri thức của con người không phải là thứ có thể phá tan được lớp màn che đậy của những điều bí ẩn trong cuộc sống này.

Không phải là chỉ có kẻ ngốc mới nghĩ rằng càng biết ít về thế giới thì càng thấy cuộc sống này đơn giản đâu. Có lẽ chỉ có những bộ óc tầm thường mới bị lệ thuộc qua nhiều vào tri thức, một bộ óc thông minh sẽ vượt lên trên cả những tri thức ấy. Khi đó, con người đương nhiên sẽ là những người sử dụng tri thức, sẽ biến tri thức thành những công cụ có lợi, hữu dụng, nhưng con người khi đó cũng đủ thông thái để hiểu rằng tất cả

Tất cả những gì chúng ta thu thập lại chỉ là những thứ bỏ đi. Mục đích cuối cùng vẫn còn nằm ở ngoài tầm nắm giữ. Trong khi những thứ lượm lặt được mới chỉ là những sự thực, những chân lý mà chúng ta chưa hề vươn tới bằng nỗ lực của chính mình.

những gì thuộc về chân lý đều còn dang nằm trong bức màn bí mật. Con người cứ thỏa sức tìm hiểu, khám phá, ngày này qua ngày khác, mà không bao giờ phải lo rằng những điều bí mật diệu kỳ ấy sẽ bị cạn kiệt.

Hãy lắng nghe bằng sự sáng suốt, bằng sự chú tâm cao độ, bằng toàn bộ con người mình. Để rồi trong khoảnh khắc mỏng manh ấy, chúng ta có thể khám phá ra điều gì đó thật thú vị. Và khi mà sự khám phá ấy làm cho bản thân ta bước sang những trạng thái mới mẻ, hãy đừng băn khoăn rằng tại vì sao lại thế. Đó chính là dụng ý trong câu nói của Krishnamutri: “Phủ định chính là thịnh lặng”. Một sự phủ định tự bên trong sâu thẳm. Và khi mà một thứ nào đó đã bị phủ định, nhưng không có một sự án định nào thay vào đó, thì cũng đồng nghĩa với việc thứ đó đã bị phá hủy, để lại một khoảng trống hoàn toàn không có gì thế chỗ. Sở dĩ có sự tĩnh lặng như vậy là vì sự phá hủy kia đã để lại một khoảng trống, cũng là vì cái cũ đã được quẳng đi trong khi chưa có một cái mới được đặt vào. Sự tĩnh lặng đó được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni gọi là *shunyata*. Đó là sự trống rỗng hoàn toàn, là hư vô, mà chỉ có hư vô mới có thể lật mở, vận hành được thế giới của chân lý mà thôi.

Thế giới của chân lý không phải là chỗ mà tư duy có thể giành quyền điều khiển. Tư duy chỉ có chỗ đứng trong thế giới của vạn vật, vì bản thân tư duy là một khái niệm trừu tượng song vẫn thuộc về vật chất. Điều này giải thích cho khả năng lưu giữ của tư duy, truyền thụ và tổ chức của tư duy. Tôi có thể trao tư tưởng của mình cho

anh và anh hoàn toàn có thể tiếp thu, nắm giữ nó. Con người có thể cho và nhận, có thể trao đổi cho nhau bởi lẽ tự duy là một hiện tượng vật chất theo đúng nghĩa.

Còn sự trống rỗng thì lại không thể chia sẻ, không thể trao cho ai khác. Chúng ta chỉ có thể bước vào, chỉ có thể tham gia vào trạng thái ấy mà không thể trống đợi sẽ được ai đó đem cho. Đó là thứ không thể sang chuyền được. Và đó cũng là thứ duy nhất có thể dẫn dắt con người trong thế giới của những điều chân lý.

Chỉ khi nào lý trí không còn điều phối hoạt động của con người, khi đó con người mới biết đến chân lý thực sự. Để vươn tới chân lý, trí óc con người phải ngừng chỉ đạo; nó phải chấm dứt vai trò của mình, phải nắm yên, tĩnh lặng và ngừng vận động

Chỉ khi nào lý trí không còn điều phối hoạt động của con người, khi đó con người mới biết đến chân lý thực sự. Để vươn tới chân lý, trí óc con người phải ngừng chỉ đạo; nó phải chấm dứt vai trò của mình, phải nắm yên, tĩnh lặng và ngừng vận động.

Tự duy không thể điều khiển chân lý nhưng chân lý lại có thể thực hiện chức năng của mình thông qua hệ thống các tư tưởng của chúng ta. Nói cụ thể hơn là chúng ta không thể nào vươn tới chân lý bằng hoạt động tư duy, nhưng một khi đã vươn tới chân lý rồi, thì hơn hết, tư duy lại trở thành công cụ hữu ích mà con người có thể sử dụng. Đây là điều mà tôi đang thực hiện, là những gì mà Đức Phật đã từng làm và cũng là một trong những

mục tiêu của tất cả các bậc tiên bối. Những gì tôi đang nhắc tới cũng là một tư tưởng, có điều là đằng sau tư tưởng này lại chính là một khoảng trống. Khoảng trống đó không phải do tư tưởng nào tạo ra, nó vượt ra ngoài tầm tư duy. Tư duy thậm chí không thể có khái niệm về khoảng trống ấy, lại càng không thể chạm tới.

Đã bao giờ ai đó trong số chúng ta trải qua cảm giác không thể nào đạt tới sự trống rỗng, không thể gạt sang một bên những ý nghĩ đang lẩn quất trong đầu? Không thể nào hướng suy nghĩ về sự trống rỗng ấy, nó nằm ngoài khả năng mường tượng của chúng ta. Nếu có thể mường tượng được, thì nó đã không còn chính xác là sự trống rỗng". Muốn sự trống rỗng bước tới, tư duy nhất thiết phải cất bước ra đi, sự trống rỗng và tư duy không bao giờ cùng hiện diện. Một khi sự trống rỗng đã thế chỗ cho tư duy, nó sẽ vận dụng mọi phương tiện để thể hiện sự có mặt ấy.

Sự sáng suốt từ nội tại chính là một trạng thái không tồn tại tư duy. Cái nhìn của chúng ta bao giờ cũng được đặt trong trạng thái không tư duy. Đến đây, điều đó cũng có nghĩa là lắng nghe những gì tôi nói, cùng với tôi, để đôi khi chúng ta *nhin* thấy đấy, nhưng mà những khoảnh khắc ấy chỉ là những khoảng trống, những đoạn ngắn quang nho nhỏ. Ý nghĩ này vừa trôi đi, ý tưởng khác chưa kịp tới, có nghĩa là tồn tại những khoảng lặng; và trong những khoảng lặng ấy, thứ gì đó khác lạ bắt đầu cưa mình, bắt đầu rung lên nhẹ nhè. Cũng tương tự như một người đang chơi trống, cái trống rỗng ở bên

trong, cho nên người ta mới có thể đánh thành tiếng ở phía bên ngoài. Chính khoảng trống đó bắt đầu rung lên. Thứ âm thanh êm ái ấy báo hiệu sự có mặt của khoảng trống bên trong. Tồn tại ở trạng thái đó, trạng thái loại bỏ mọi ý nghĩ trong tâm tưởng, sẽ có thứ gì đó này sinh gần như ngay lập tức trong chính chúng ta. Khi đó, mọi người có thể nhìn thấy những gì tôi đang diễn đạt. Khi đó, mọi việc không chỉ dừng lại ở khả năng nghe thấy điều gì đó, khả năng ấy sẽ vươn tới tâm trực giác, một sự thông tuệ từ bên trong, một tầm nhìn xuyên thấu.

Sự thông tuệ hay sự sáng suốt mà tôi nói tới chính là một trạng thái không có tư duy, không suy nghĩ. Nó là một khoảng trống, một đoạn ngắt quãng trong tiến trình tư duy; nơi chân lý và những điều cốt lõi đang tồn tại

Sự thông tuệ hay sự sáng suốt mà tôi nói tới chính là một trạng thái không có tư duy, không suy nghĩ. Nó là một khoảng trống, một đoạn ngắt quãng trong tiến trình tư duy; nơi chân lý và những điều cốt lõi đang tồn tại.

Trong tiếng Anh, từ “*trống rỗng*” (*empty*) có bát nguồn từ ý nghĩa “nhàn rỗi”, không vướng bận. Đi tới tận gốc rễ, mới thấy đó là một từ thật đẹp, mang đầy hàm ý. Khi nào nhàn tản và rỗi rãai, con người ta trống rỗng. Hẳn không ít người biết tới một câu tục ngữ nói rằng: một tâm trí trống rỗng sẽ trở thành nơi trú ngụ của quỷ dữ, sẽ chỉ bao hàm toàn những thứ vô nghĩa. Nhưng điều ngược lại mới đúng: tâm trí trống rỗng không phải là nơi

trú ngụ của quý dũ mà chính là công xưởng của Chúa. Có điều là mọi người phải hiểu cho đúng ngụ ý của tôi khi sử dụng từ “*trống rỗng*” - ở đây nó có nghĩa là trạng thái nhàn rỗi, thư giãn, không chút căng thẳng, không có hơi hướng của sự dịch chuyển, không ham muộn, và không bị phân tán đi đâu cả, hiện hữu ở đây và chỉ tại đây mà thôi. Tâm trí trống rỗng là một sự hiện diện thuần khiết hoàn toàn. Với sự hiện diện ấy, tất cả đều có thể bởi vì sự tồn tại không chỉ dừng lại ở bên trong mà đã vượt ra ngoài sự hiện diện thuần khiết ấy.

Những thân cây sừng sững đang mọc vươn ra ngoài, những ngôi sao trên bầu trời, tất cả cùng được sinh ra từ sự hiện diện thuần khiết ấy, và tất cả các vị thần phật cũng bước ra từ sự hiện diện thuần khiết kia. Cùng với sự hiện diện này, chúng ta ở trong vòng tay của Chúa, diễn đạt theo một cách khác, chúng ta là Chúa. Vướng víu với những suy nghĩ, ta sẽ gục ngã, sẽ bị trục xuất khỏi khu vườn địa đàng đẹp đẽ. Chỉ khi tâm trí thanh thản, ta mới có thể quay lại vườn địa đàng, mới trở về được nhà mình.

Chừng nào tâm trí không vướng bận với thực tại, vướng bận bởi những suy nghĩ và tư tưởng, thì chừng đó tâm trí mới vươn tới tầm chân lý. Cuộc hội ngộ và hòa nhập này chỉ có thể xảy ra trong khoảng trống đã nói ở trên. Chỉ trong khoảng trống ấy, chúng ta mới có thể mở được cánh cửa của chân lý và chân lý mới có thể bước vào trong con người. Chỉ trong khoảng trống ấy, con người mới thấm nhuần và hòa cùng chân lý.

Đây chính là ba trạng thái của tâm trí. Trạng thái thứ nhất bao gồm những nội dung và ý thức. Những nội dung này lúc nào cũng tồn tại trong tâm trí của chúng ta, một ý tưởng diễn tiến, một khao khát nảy sinh, sự tức giận, tính hám danh, và tham vọng. Tâm trí chúng ta vì thế không khi nào thanh thản cả. Những ý nghĩ cứ như những luồng xe cộ, liên tiếp hết vào lại ra không ngừng nghỉ. Bất kể thức hay ngủ, chúng vẫn hiện hữu ở đó, không xê dịch. Có điều là khi thức thì chúng ta gọi chúng là suy nghĩ, khi ngủ chúng ta gọi là mơ, thực chất chúng thuộc cùng một quá trình. Mơ thì có vẻ mang tính nguyên sơ nhiều hơn, bởi vì nó thể hiện suy nghĩ qua hình ảnh, chứ không sử dụng các khái niệm, chỉ thế thôi. Sẽ đơn giản hơn khi tư duy qua hình ảnh, điều này cũng tương tự như cách lũ trẻ con vẫn thường làm. Cho nên những quyển sách viết cho trẻ em bao giờ cũng phải có tranh to, đẹp, màu sắc nổi bật, để giúp chúng tư duy. Trẻ em học từ vựng thông qua tranh ảnh. Dần dần theo tiến trình phát triển của trẻ em, những bức tranh ấy nhỏ dần, nhỏ dần và sau đó thì không còn xuất hiện.

Con người sơ khai cũng tư duy dựa trên hình ảnh. Ngôn ngữ cổ xưa nhất của loài người chúng ta chính là những ngôn ngữ tượng hình. Tiếng Trung Quốc là một ví dụ: nó không có bảng chữ cái. Tiếng Trung cũng là thứ ngôn ngữ lâu đời nhất. Trong đêm tối, con người lại một lần nữa quay về với cái sơ khai của mình, chúng ta sẽ quên hết những gì hào nhoáng của buổi ban ngày, để

quay về với lối tư duy thông qua hình ảnh, nhưng thực chất thì cả hai đều là một.

Các nhà phân tâm học thường có một khả năng hiểu thấu suy nghĩ của người khác, họ có thể nhìn thấy những giấc mơ của chúng ta. Chúng ta tiếp cận với chân lý nhiều hơn vì chúng ta gần với con người sơ khai hơn; không phải chúng ta đang cố thuyết phục người khác bằng những điều giả dối mà đang thành thật hơn bao giờ hết. Ban ngày, con người bị bao bọc bởi các lớp nhân cách, hết lớp này tới lớp khác, hết tầng này tới tầng khác. Thật khó có thể nhìn thấy đâu là con người thật sự. Sẽ phải đào thật sâu, và dù biết là sẽ rất đau, nhưng con người thật sẽ hiện ra đúng dạng. Nhưng trong đêm tối khi không cần như vậy. Lúc chúng ta trút bỏ lớp áo quần bụi bặm cũng là lúc mà những lớp nhân cách vẫn bao bọc trong ngày bị lột bỏ. Những lớp nhân cách ấy trở nên không cần thiết nữa vì chúng ta không còn cần phải giao tiếp với bất cứ ai khác, chỉ phải đối diện với mình, trên chiếc giường êm ái. Chúng ta không còn đứng trong cái thế giới chung của mọi người, mà đang đứng một mình, trong một địa hạt riêng. Không cần phải che dấu mà cũng không còn cần phòng vệ. Đó cũng chính là lý do mà các nhà phân tâm học lại cứ cố thâm nhập vào trong giấc mơ của con người, bởi lẽ giấc mơ sẽ nói rõ nhất cho họ biết rằng chúng ta thực sự như thế nào, thực sự là ai. Song đó cũng chỉ là một trò chơi được diễn đạt qua nhiều thứ ngôn ngữ khác nhau mà thôi, bản chất của nó không có gì khác biệt. Đó chính là

trạng thái thông thường của tâm trí con người: tâm trí và các nội dung của nó, ý thức đi liền với nội dung.

Trạng thái thứ hai của tâm trí con người chính là ý thức không đi liền với các nội dung, đó chính là những gì mà khái niệm *suy ngẫm* hay *thiền định* hướng tới. Con người đang ở trong trạng thái cảnh giác cao độ, xuất hiện một khoảnh trống, một sự đứt đoạn trong tâm trí. Không có cuộc hội tụ nào của các dòng suy nghĩ, nghĩa là trước con người, không có sự hiện diện của suy nghĩ mặc dù chúng ta không hề ngủ và hoàn toàn tỉnh táo. Đó là trạng thái thiền. Nếu như trạng thái thứ nhất được gọi là suy nghĩ và cảm giác thì trạng thái thứ hai này được gọi là thiền định.

Ý thức không bị liên với các nội dung, đó chính là những gì mà khái niệm suy ngẫm hay thiền định hướng tới. Con người đang ở trong trạng thái cảnh giác cao độ, xuất hiện một khoảng trống, một sự đứt đoạn trong tâm trí

Còn có một trạng thái thứ ba nữa. Khi các nội dung tư tưởng biến mất, khách thể cũng biến mất, thì chủ thể không thể duy trì được trong một khoảng thời gian dài, bởi vì vốn dĩ chúng đi liền với nhau, tạo ra nhau. Chỉ còn lại một mình, chủ thể chỉ có thể trụ thêm một thời gian rất ngắn, vừa bằng với cái đà vốn được sinh ra từ trước. Không có nội dung, ý thức không thể tồn tại lâu thêm, nó sẽ trở thành vô ích, bởi vì ý thức luôn phải là ý thức về một đối tượng nào đó. Rõ ràng là khi chúng

ta nói “Có ý thức” bao giờ cũng phải kèm theo một câu hỏi “về cái gì?”. Chúng ta vẫn nói rằng: “Tôi ý thức về...” tức là khi nói về ý thức, bao giờ cũng phải chèn thêm khách thể, bao giờ cũng cần phải có khách thể để đảm bảo sự tồn tại của chủ thể. Khách thể mà bị loại bỏ thì chủ thể cũng nhanh chóng biến mất theo. Cho nên, nội dung mà đi mất thì ý thức cũng không còn.

Trạng thái thứ ba này được gọi là *samadhi*, không nội dung, và không ý thức. Nhưng hãy nhớ cho một điều, là trạng thái không nội dung, không ý thức này không phải là trạng thái vô thức mà là một trạng thái thuộc về siêu ý thức, một trạng thái của ý thức siêu việt. Ý thức giờ đây chỉ còn là chính nó mà thôi. Ý thức trở lại với những gì vốn có, vòng quay đã hoàn thành. Và chúng ta đã trở về tới nhà mình. Trạng thái thứ ba *samadhi* này chính là những gì mà Đức Phật nói tới qua *shunyata*.

Trước tiên, hãy giảm bớt phần nội dung, chúng ta sẽ đạt được một nửa sự trống rỗng. Sau đó hãy loại bỏ phần ý thức, tức là ta đã chạm tới sự trống rỗng trọn vẹn. Sự trống rỗng trọn vẹn này mới chính là thứ đẹp đẽ nhất có thể xảy ra, là điều tốt lành tuyệt diệu nhất.

TRÍ NĂNG

Tôi tuyệt đối không phản bác lại trí năng. Trí năng có vai trò của nó, có điều là vai trò ấy có giới hạn, có

chứng mực, và chúng ta cần phải nắm bắt được giới hạn này. Đảm nhiệm công việc của một nhà khoa học, chúng ta không thể không sử dụng tới trí năng. Trí năng thực sự là một cơ chế tuyệt vời, nhưng nó chỉ tuyệt vời nếu như nó đứng ở vị trí của kẻ đầy tớ, chứ không phải khi nó đảm nhận vai trò ông chủ. Một khi đã trở thành ông chủ, giành quyền chi phối con người, trí năng sẽ trở nên đáng sợ. Tâm trí sẽ là một người đầy tớ tuyệt vời khi tâm trí phụng sự cho ý thức. nhưng tâm trí sẽ biến thành một lão ác ôn nếu nó vượt lên trở thành chủ nhân của ý thức.

Vấn đề cốt yếu ở đây chính là vai trò và tầm quan trọng. Tôi lại phải nói lại một lần nữa rằng tôi không hề có ý chống đối lại trí năng, chính bản thân tôi cũng sử dụng trí năng của mình, vậy thì sao có thể phản bác lại nó cơ chứ? Ngay bây giờ đây, khi đang nói chuyện với mọi người, tôi cũng đang sử dụng trí năng. Nhưng trong mối quan hệ với trí năng, tôi đứng ở vị trí của người làm chủ. Nếu muốn, tôi vận dụng nó, khi tôi không muốn, trí năng cũng không thể thao túng được bản thân tôi. Nhưng trí năng, tâm trí, và quá trình tư duy của mọi người sẽ vẫn cứ tiếp diễn mà không hề phụ thuộc vào việc chúng ta có muốn hay không. Nó không quấy rầy gì con người ta, bất kể là ai đi chăng nữa, nó chỉ biết tiếp tục và tiếp tục, thậm chí là khi chúng ta chìm vào giấc ngủ, trí năng vẫn cứ tiếp tục công việc của mình không ngừng nghỉ. Trí năng là một đầy tớ không biết nghe lời, có lẽ vì nó chiếm giữ vai trò chỉ đạo quá lâu rồi nên

TG-7

**Trí năng là một đầy tớ
không biết nghe lời, có lẽ
vì nó chiếm giữ vai trò
chỉ đạo quá lâu rồi nên
cũng quên luôn rằng nó
chỉ là một đầy tớ của con
người mà thôi**

cũng quên luôn rằng nó chỉ là một đầy tớ của con người mà thôi.

Lúc đi dạo, chúng ta cần dùng tới đôi chân, nhưng khi ngồi xuống rồi, thì không cần thiết phải cử động đôi chân như trước nữa. Mọi người hỏi tôi

rằng: “Ông Osho này, tôi thấy ông ngồi trên ghế nói chuyện với chúng tôi trong hai giờ đồng hồ liền mà tư thế không thay đổi, ông thậm chí còn không cử động đôi chân dù chỉ một lần.” Làm sao mà tôi phải cử động chân? Tôi có đang di bộ đâu nào! Nhưng tôi hiểu những gì mọi người băn khoăn, đó là vì dù có đang ngồi trên ghế đi nữa, thì thực chất mọi người cũng không thực sự đang ngồi theo đúng nghĩa. Mọi người vẫn cứ đang cử động đôi chân, thay đổi vị trí, tư thế, hay là làm một nghìn lẻ một việc gì khác nữa, đang xoay, đang vặn hay đang động đậy không yên. Mọi việc cũng xảy ra tương tự với tâm trí của mọi người.

Khi tôi nói chuyện với mọi người, nghĩa là tôi đang sử dụng tâm trí của mình. Lúc tôi dừng nói chuyện thì tâm trí cũng dừng lại luôn, dừng ngay lập tức. Không nói chuyện với mọi người, tâm trí của tôi không có gì cần thiết phải tiếp tục hoạt động, nó đơn giản chỉ là đi vào trạng thái im lặng. Đó chính xác là những gì mà trí năng nên làm, nên tuân theo tự nhiên. Trong khi ngủ,

tôi không mơ, bởi vì không cần thiết. Giác mơ xuất hiện chỉ là bởi vì còn quá nhiều việc ban ngày mà tâm trí chúng ta chưa thể giải quyết hết. Mơ chính là khi tâm trí phải làm việc ngoài giờ, khi mà chúng ta không thể kết thúc công việc trong ngày.

Vậy thì phải làm thế nào để khép lại mọi công việc trong ngày? Trong khi mỗi người đều đang phải giải quyết nghìn lẻ một công việc cùng một lúc. Chẳng có thứ gì có thể kết thúc, mọi việc đều còn dang dở - và cứ tiếp tục dang dở mãi mãi. Con người có thể chết đi, chứ công việc thì dường như bất tận. Thậm chí là dù có xét trên một phương diện đơn lẻ đi chăng nữa, công việc của con người cũng không thể nào hoàn thiện, vì con người ta bao giờ chẳng đang vận hành công việc trên tất cả mọi phương diện cơ chứ? Thế có nghĩa là mỗi người sẽ bị phân tán thành vô số mảnh nhỏ còn dang dở mà không thể nào hợp nhất. Tâm trí lôi con người ta về một hướng, trái tim lại kéo chúng ta về một hướng khác, trong khi thể xác lại muốn ta tiến về một nơi nào khác nữa, thế là lúc nào ta cũng bị thiệt thòi, phải nghe theo phía nào đây? Hơn thế nữa, chúng ta đâu chỉ có một tâm trí, mỗi người đều có rất nhiều tâm trí, vì con người là một thực thể đa năng cho nên lúc nào cũng bộn bề nhiều tâm trí khác nhau. Chúng không tạo thành một thể hài hòa, thống nhất với nhau. Và khi mọi thứ không hòa cùng một nhịp, mỗi con người không thể trở thành một dàn nhạc êm ái. Mọi thứ cứ thế đi theo chiều hướng riêng của nó, không “nhạc cụ” nào hòa tấu theo nhạc cụ nào, có

nghĩa là dàn nhạc của chúng ta chỉ đơn thuần tạo ra một mớ âm thanh ồn ã, chứ không phải là một bản nhạc.

Trí năng sẽ rất có ích nếu như nó thực hiện đúng theo chức năng của một người giúp việc cho tổng thể chung. Chẳng có thứ gì xấu nếu như mọi thứ đều được đặt đúng vị trí của nó.

Rõ ràng rằng, trí năng sẽ rất có ích nếu như nó thực hiện đúng theo chức năng của một người giúp việc cho tổng thể chung. Chẳng có thứ gì xấu nếu như mọi thứ đều được đặt đúng vị trí của nó, và tất nhiên là mọi chuyện sẽ trở thành sai lầm nếu như nó

được đặt sai chức năng vốn có. Cái đầu sẽ là hoàn hảo nếu nó ở trên vai. Còn nếu chuyển nó đi đâu, mọi chuyện sẽ sai khác rất nhiều.

Nếu là một khoa học gia, trí năng thực sự rất cần thiết. Lăn lộn trên thương trường, trí năng rất cần thiết. Giao tiếp bằng ngôn từ, nói chuyện với mọi người, vai trò của trí năng là không thể phủ nhận. Nhưng công dụng của nó cũng chỉ có chừng mực mà thôi. Còn có những lĩnh vực to tát hơn rất nhiều mà ở đó trí năng không thể hiện được tác dụng của mình. Mà vẫn đề lại nằm ở chỗ, trí năng vẫn cứ thực hiện chức năng của mình ngay cả ở những nơi mà vai trò của nó là không hề cần thiết. Một thiền sư sử dụng trí năng của ông ta nhưng đồng thời cũng sử dụng cả trực giác, dù biết rằng chức năng của chúng là khác nhau. Thiền sư đó vừa sử dụng bộ não, lại vừa sử dụng cả con tim.

Trước đây tôi hay ở tại nhà một vị thẩm phán tòa án tối cao. Vợ ông ấy từng nói với tôi rằng: “Ngài là người duy nhất mà chồng tôi nể trọng. Chỉ có ngài mới nói nổi ông ấy, bằng không thì ông ấy sẽ chẳng nghe ai. Tôi đã cố hết sức, nhưng mà tôi thật sự thất bại. Cho nên tôi mới muốn nói với ngài điều này.”

Tôi hỏi: “Có vấn đề gì vậy?”

Bà ấy bảo: “Vấn đề cứ lớn dần, lớn dần lên theo từng ngày. Ông ấy cứ giữ cái cung cách của một ông thẩm phán 24/24 giờ. Thậm chí ngay cả khi nằm trên giường ngủ với tôi, ông ấy cũng vẫn cứ như là một thẩm phán - như thể muốn vợ của mình cũng phải gọi ông ấy là “Thưa ngài thẩm phán” vậy. Chồng tôi dạy dỗ bọn trẻ cứ như thể chúng là tội phạm. Mà với ai thì cũng vậy. Cả tôi và lũ trẻ đều mệt mỏi. Ông ấy dường như không bao giờ rời khỏi được cương vị của mình. Lúc nào cũng giữ vai trò của một vị quan tòa, hay là ông ấy không thể nào tạm gác nó lại được thì phải. Nó đã ăn sâu vào đầu ông ấy mất rồi.” Bà ấy đã nói đúng. Tôi biết chồng bà ấy. Đúng là ở tòa thì phải thể hiện vai trò của một vị thẩm phán, nhưng một khi đã rời khỏi tòa án thì phải khác. Vấn đề là ông ấy lại mang vai trò ấy về nhà, và sau đó lại bắt đầu cư xử với vợ con, với mọi người chung quanh bằng cái cung cách y như một vị thẩm phán ở tòa. Người vợ e dè chồng, những đứa con thì sợ hãi cha mình. Mỗi khi ông ấy bước về nhà, không khí căng thẳng và sợ sệt bao trùm khắp nơi, trong khi chỉ mấy giây trước, lũ trẻ còn đang vui vẻ nô đùa. Lũ trẻ đột nhiên im bặt, còn

người vợ thì trở nên căng thẳng. Ngôi nhà ám ảnh bỗng chốc biến thành một cái tòa án của người chồng.

Đây cũng là tình trạng chung của hàng triệu người trên thế giới này: họ cứ giữ nguyên vai trò của mình tại cơ quan khi về nhà, họ mang cả cơ quan về căn nhà nhỏ bé của mình.

Trí năng là cần thiết. Cái đầu có chức năng chuyên biệt của nó, có vẻ đẹp riêng của nó, nhưng nó phải được đặt đúng chỗ. Có những điều tuyệt diệu vô cùng còn dang nằm ngoài tầm với của bộ não con người.

Trí năng là cần thiết. Cái đầu có chức năng chuyên biệt của nó, có vẻ đẹp riêng của nó, nhưng nó phải được đặt đúng chỗ. Có những điều tuyệt diệu vô cùng còn dang nằm ngoài tầm với của bộ não con người. Và chừng nào chúng ta muốn bước

vào được những địa hạt đó, chúng ta cần phải gác sự chỉ đạo của bộ não sang một bên. Mỗi chúng ta đều nên làm như vậy. Đó là sự linh hoạt.

Và đó mới thực sự là sự thông minh.

Cần chú ý một điều, đó là đừng bao giờ nhầm lẫn giữa trí năng (hay trí tuệ) và trí thông minh. Trí năng chỉ là một phần của trí thông minh mà thôi. So với trí năng, trí thông minh là một phạm trù lớn lao hơn rất nhiều lần; nó chứa đựng nhiều hơn hẳn trí năng, bởi vì cuộc sống không chỉ đơn thuần bao gồm những hoạt động thuộc về trí óc, nó còn bao hàm cả những hoạt động thuộc về trực giác của chúng ta. Trí thông minh

bao hàm cả trực giác. Rất nhiều những phát kiến vĩ đại của nhân loại không phải do trí năng con người mà là do trực giác đem đến. Trên thực tế, tất cả các phát hiện vĩ đại đều có được nhờ trực giác.

Có những thứ sâu xa thăm thẳm đang tồn tại trong mỗi chúng ta. Đừng quên điều đó. Trí năng chỉ là thứ phụ kiện, là cái bề ngoài chứ không phải là cái trung tâm trong sự tồn tại của mỗi chúng ta. Trực giác mới là cái nằm ở vị trí trung tâm ấy.

Khi gác trí năng sang một bên, gác bộ não sang một bên, thì những thứ sâu xa ẩn giấu bên trong mỗi con người sẽ bắt đầu đảm nhiệm những chức năng mà cái bề ngoài như trí năng không thể nào tiếp cận nổi. Phần trung tâm của chúng ta bắt đầu chiếm giữ vai trò chỉ huy của nó và sẽ không bao giờ lạc điệu so với tổng thể chung. Nếu như bề ngoài thể hiện cái tôi, thì phần trung tâm lại đồng điệu với Đạo. Phần trung tâm ấy không thuộc về anh, không thuộc về tôi, mà thuộc về vũ trụ. Cái bề ngoài mang tính cá nhân rất rõ - bề ngoài của ai là của người đó, diện mạo của tôi thuộc về tôi, nhưng phần trung tâm của chúng ta không phải là hai thứ riêng biệt; chúng ta gặp nhau và hòa làm một ở chính phần trung tâm đó.

Đây là lý do tại sao mà các nhà thần học lại hướng nghiên cứu của mình việc tìm hiểu của mình về tính thống nhất của sự tồn tại, bởi nó phụ thuộc vào trực giác. Trong khi đó thì khoa học của con người lại cứ cố tiến hành phân tách, mở xé nó thành những mảnh vụn

vật. Thế giới trở thành một tập hợp của vô số mảnh vụn chứ không còn là một vũ trụ thống nhất.

Thực tế mà nói thì các nhà khoa học đừng nên tiếp tục sử dụng thuật ngữ *vũ trụ* nữa mà thay vào đó, nên dùng thuật ngữ *thể hỗn hợp* mới phải. Từ *vũ trụ* mang âm hưởng thần bí riêng của nó, *vũ trụ* mang nghĩa là duy nhất, là một. Những điều thần bí đó đều gặp nhau ở một giao điểm, đó chính là kinh nghiệm của phần trung tâm. Tuy nhiên phần trung tâm ấy lại chỉ có thể thực hiện chức năng của nó khi nào con người vượt qua vùng ngoại biên để tiến vào phần trung tâm của sự tồn tại, việc này cần tới một bước nhảy về lượng.

TRÍ TƯỞNG TƯỢNG

Khả năng trực giác và khả năng thiết lập thực tại của riêng mỗi con người không những khác biệt mà thực tế còn là những thái cực đối lập tuyệt đối. Trực giác cũng giống như một tấm gương, nó không kiến tạo ra thứ gì mà chỉ làm nhiệm vụ phản ánh. Trực giác phản ánh những gì vốn có. Trực giác là một mặt nước trong lành, phẳng lặng, tinh khiết đang phản chiếu những ngôi sao lung linh và cả vầng trăng trên bầu trời đêm, nó không sáng tạo ra cái mới. Trực giác là một khả năng nhìn xuyên thấu vẫn được người phương Đông gọi dưới cái tên con mắt thứ ba. Đã là mắt thì không thể kiến tạo ra cái mới, nó chỉ đơn thuần cho chúng ta biết có thứ gì đang hiện hữu.

Việc kiến tạo thực tại của bản thân một ai đó được gọi là sự tưởng tượng. Đó là một biệt tài của con người trong các giác mơ. Hàng đêm, chúng ta thiết lập không biết bao nhiêu là thứ trong những giấc mơ. Và điều đáng ngạc nhiên nhất chính là mỗi người, trong cuộc đời của mình, không đêm nào lại không mơ, để rồi mỗi sáng khi thức giấc, chúng ta biết rằng: À, thì ra mình vừa mới mơ. Đêm lại tới, chúng ta chìm vào giấc ngủ cũng chính là lúc mà trí tưởng tượng bắt đầu dang đôi cánh của mình, bao lấy toàn bộ con người, và chúng ta cũng ngay lập tức tiếp nhận nó mà không hề nghi hoặc.

Khả năng đặc biệt này của trí tưởng tượng cũng được thể hiện qua nhiều cách thức khác nữa. Trí tưởng tượng xây nên những giấc mơ của con người mà chúng ta vẫn biết rằng chúng không hề có thật. Song ngay khi xuất hiện, những giấc mơ ấy có khi còn thật hơn cả hiện thực, và con người bị bao bọc trong những gì mà những giấc mơ ấy tạo ra. Nói rằng cảm giác trong mơ còn thật hơn cả cuộc sống là bởi vì trong cuộc sống hiện thực, thi thoảng chúng ta còn ngờ vực, cảnh giác. Chẳng hạn như trong thời khắc ngắn ngủi này, mọi người có thể đang băn khoăn

Trí tưởng tượng xây nên những giấc mơ của con người mà chúng ta vẫn biết rằng chúng không hề có thật. Song ngay khi xuất hiện, những giấc mơ ấy có khi còn thật hơn cả hiện thực, và con người bị bao bọc trong những gì mà giấc mơ ấy tạo ra

nghi ngại xem những gì mình được nghe, được nhìn có phải là thật, hay là ta vừa mới chìm vào một cơn mơ. Nó có thể là một giấc mơ. Chúng ta chỉ có thể biết là mình mơ sau khi tỉnh giấc.

Điểm khác biệt duy nhất là ở chỗ: trong hiện thực, con người ta có thể nghi hoặc, “liệu có phải là một giấc mơ chẳng?”, nhưng trong giấc mơ, không ai mảy may nghĩ rằng mình đang mơ. Đó là điểm khác biệt duy nhất giữa mơ và tỉnh; hiện thực cho phép con người lập luận tìm lý do, còn mơ thì không.

Một khả năng đặc biệt tương tự cũng tạo ra những mộng tưởng, những giấc mơ ngày... chỉ cần ngồi im, không làm gì cả, và cơn mơ bắt đầu bồng bềnh trôi trước mắt chúng ta; khi ấy dù đang tỉnh nhưng con người ta vẫn mãi mê nghĩ tới chuyện trở thành tổng thống. Vấn thức cho nên những dòng chảy ngầm bên trong con người vẫn biết rõ ràng trong họ đang tồn tại những ý nghĩ vớ vẩn, song những ý nghĩ ấy lại quá ngọt ngào, đến nỗi chúng ta cứ để mặc cho nó lan tràn, cứ mơ tới việc trở thành người hùng chinh phục được cả thế giới hay trở thành người giàu nhất hành tinh chẳng hạn. Rõ ràng là đang thức, nhưng một người nào đó vẫn có thể mơ tưởng. Nếu điều này xảy ra quá thường xuyên, con người ta dễ đánh mất sự minh mẫn. Cứ thử vào một nhà thương điên hay một bệnh viện tâm thần, chúng ta sẽ phải ngạc nhiên về cách mà những con người ở đó sống trong trí tưởng tượng của họ: họ nói chuyện với những người ở ngoài, mà không

chỉ nói chuyện, họ trả lời câu hỏi của những người khác theo quan điểm của họ, không một chút do dự, không chút hoài nghi.

Trí tưởng tượng có thể đẩy con người ta rơi vào một hình thái của sự điên rồ khi chỉ đặt niềm tin vào những mơ tưởng hão huyền, nghĩa là trí tưởng tượng có thể tạo ra ảo giác. Theo những gì mà tôi được biết, thì những lãnh tụ về mặt tâm linh, những người được cho là đã từng nhìn thấy Chúa, từng gặp Chúa, và từng nói chuyện với Chúa, mà mọi người vẫn gọi là các vị thánh, cũng đều rơi vào trường hợp này. Chúa của họ cũng là một sản phẩm của trí tưởng tượng mà thôi.

Có một cách rất đơn giản để kiểm chứng điều đó. Cần một khoảng thời gian ít nhất là ba tuần và những người tham gia cần phải làm hai việc để chuẩn bị cho việc tạo ra ảo giác. Khi đó thì con người ta có thể nhìn thấy Chúa Jesus đang đứng ngay trước mắt, hoặc là nhìn thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, có thể nói chuyện cả với họ: đặt câu hỏi và được trả lời, dù cho ngoài bản thân người đang nhìn thấy Chúa ra thì không có ai nhìn thấy rằng có người nào khác đang đứng đó, nhưng mà đó là khuyết điểm của họ. Tâm hồn của họ không có đủ tầm cao để có thể nhìn thấy cái vô hình. Hai việc cần làm trong cuộc kiểm nghiệm này: một là ba tuần đó phải nhịn ăn.

Con người ta càng đói thì sự thông tuệ càng giảm sút vì trí óc của con người bao giờ cũng cần phải được đáp ứng thường xuyên một lượng vitamin nhất định.

Con người ta càng doi thì sự thông tuệ càng giảm sút vì trí óc của con người bao giờ cũng cần phải được đáp ứng thường xuyên một lượng vitamin nhất định. **Nếu không được đáp ứng, nó sẽ rơi vào tình trạng buồn bã.**

Nếu không được đáp ứng, nó sẽ rơi vào tình trạng buồn bã. Trong khoảng thời gian ba tuần, trí óc sẽ ngừng lại mọi chức năng của nó. Do đó, việc đầu tiên cần phải làm chính là để cho trí năng ngủ yên. Đó là lý do tại sao mà tất cả các tôn giáo đều quy định về việc ăn chay giống như một

hình thức tu luyện quan trọng nhất. Song yếu tố tâm lý đứng đầu sau việc làm này nằm ở chỗ: trong vòng ba tuần ấy, sự thông tuệ của con người ta bắt đầu chìm vào giấc ngủ, nhường chỗ cho trí tưởng tượng tha hồ thực hiện chức năng của nó mà không hề vấp phải bất cứ nghi hoặc nào.

Đòi hỏi thứ hai là phải ở một mình, chuyển tới một vùng núi cao hẻo lánh hay trong rừng sâu, trong hang động, nơi con người ta chỉ có một mình. Con người được nuôi dưỡng trong một xã hội, nên lúc nào cũng tiếp xúc với rất nhiều người xung quanh. Chúng ta nói suốt ngày, yakkety-yak, yakkety-yak. Ban đêm thì nói chuyện trong mơ, sáng dậy, người ta sẽ bắt đầu nói cho tới tận khi đi ngủ. Nếu không còn ai để nói chuyện cùng thì người ta chuyển sang cầu nguyện với Chúa. Đó cũng là một hình thức nói chuyện với Chúa, và là một dạng đê mê cuồng đã được hợp lý hóa.

Trong vòng ba tuần ấy, sau tuần thứ hai, người ta bắt đầu nói to lên. Tuần thứ nhất trôi qua thì người ta chuyển sang tự nói với mình, nhưng họ biết rằng không có ai nghe thấy những gì họ nói cả, nếu không thì người khác sẽ nghĩ ngay là họ bị điên. Nhưng đến cuối tuần thứ hai thì nỗi e ngại đó biến mất rồi, vì trí nghĩ của con người không còn được tinh tường như trước nữa. Họ lớn tiếng tự nói với chính mình. Tới tuần thứ ba thì người ta bắt đầu nhìn thấy được người mà họ mong mỏi được gặp mặt: Chúa Jesus, Krishna, Mahavir, Thích Ca Mâu Ni, một người bạn quá cố hay là bất kì ai khác nữa. Sau ba tuần như thế, khả năng mường tượng của họ rõ ràng tới mức mà thực tại thông thường cũng trở nên nhạt nhòa đi. Do đó mà các tôn giáo đã áp dụng cả hai chiến lược này: vừa ăn chay vừa tách biệt cá nhân với cộng đồng. Đó là một cách rất khoa học, để đưa con người ta đến với những trải nghiệm của ảo giác.

Mỗi người đều có thể tự tạo ra một thực tại riêng cho bản thân mình: có thể sống cùng với Chúa Jesus, có thể đàm đạo với Đức Phật, có thể hỏi để được giải đáp, mặc dù không ai khác là chính chúng ta sẽ tự hỏi và tự trả lời. Có một điều là lúc hỏi thì chúng ta nói một giọng khác, lúc trả lời chúng ta lại nói một giọng khác. Việc này xảy ra thường xuyên và không có gì lạ lẫm tại tất cả các trại tâm thần, nơi ta có thể bắt gặp những người đang say sưa ngồi nói chuyện với những bức tường.

Truyền thuyết về các vị thánh, những người đã từng được diện kiến, được nói chuyện với Chúa có lẽ cần phải

được nhìn nhận với cái nhìn thấu đáo hơn trên phương diện tâm lý học. Trên thực tế những vị thần thánh đó không khác so với những người điên. Tất cả những danh vị, những tuyên bố rằng họ là con trai duy nhất của Chúa, là người duy nhất Chúa giao trọng trách sáng lập, hay là hiện thân của Chúa tái sinh thực chất không phải là gì khác ngoài những lời quả quyết đầy điên rồ.

Sẽ thật sự sốc nếu như mọi người nhận ra được rằng những con người đó đã sống giữa không biết bao nhiêu là ảo tưởng; họ đã tự dựng lên quanh mình một thế giới dành cho riêng họ. Chúa là sản phẩm của trí tưởng tượng, còn các thông điệp mà chúa gửi gắm cũng được tạo ra từ chính tâm trí của họ, và tất nhiên, những bộ kinh thánh mà có vẻ như họ được trao gửi lại cũng do chính họ chế tạo ra. Chẳng có cuốn sách nào là do Chúa viết cả, bởi tôi đã đọc qua tất cả những cuốn sách ấy, dù để thấy rằng chúng không hề có một chút gì đáng gọi là mang tính văn học cao cả, và như thế thì phải nói như thế nào về đáng tôn thờ của họ đây? Thứ văn học trong những tác phẩm ấy chỉ là văn học lớp ba, thế nhưng người ta lại cứ tôn thờ chúng.

Có thể tóm gọn toàn bộ lịch sử của nhân loại trong một câu ngắn ngủi chỉ thế này: đó là một quá trình lịch sử của sự cuồng loạn. Tất cả các thánh nhân và các nhà tư tưởng tôn giáo đều là những con người cuồng loạn. Hiếm lắm mới có một vài người có thể tiết chế được sự mộng tưởng của mình, làm chủ được phần nào tinh

thần của mình và những khả năng của tinh thần, nhưng những con người hiếm hoi ấy lại không phải là những người được diện kiến Chúa.

Phật tổ chưa bao giờ nhìn thấy Chúa. Người mới chỉ được trải nghiệm sự thịnh lặng lớn lao, trải nghiệm cõi cực lạc kéo dài cho tới tận bốn mươi hai năm sau kể từ khi được giác ngộ, được khai sáng. Câu chuyện về sự khai sáng của Người không phải là một thiên tiểu thuyết, bởi không có thiên tiểu thuyết nào có thể tồn tại lâu đến thế, sản phẩm của những giấc mơ không thể nào chuyển hóa cuộc sống của một con người. Sau khi được khai sáng, Người trở thành một người hoàn toàn khác. Đôi với Người, cực lạc cũng giống như hơi thở vậy. Người không hề nói tới chúa, cũng không hề nói về thiên đường, địa ngục, hay các tiên thần. Đức Phật chưa từng nhìn thấy những nhân vật ấy. Để cho hình ảnh của các vị thần thánh này in sâu trong suy nghĩ của mọi người, trước hết, họ phải được trí tưởng tượng xây lên cái đà, mà muốn vậy thì người ta phải tự đặt mình vào trong tình trạng có thể nhìn thấy tất cả những gì mình muốn thấy. Hoặc giả có ai đó sẵn sàng chết để được nhìn thấy Jesus, hãy chuẩn bị sẵn sàng để làm theo cả một quy trình: ăn chay, ở ẩn, và vào sống trong tu viện...

Tu viện ở vùng Athos thuộc châu Âu có lẽ là tu viện lâu đời nhất của châu lục này với lịch sử một ngàn năm tuổi. Quy tắc của tu viện này là chỉ có thể đi vào chứ không có đi ra. Tại đó có tới cả vạn thầy tu đang sinh sống. Chỉ có khi nào chết đi, đúng là chỉ có khi nào chết

đi thì thi thể của họ mới được chuyển ra ngoài, men theo một cái hang nhỏ, rồi sau đó sẽ được một người theo đạo Cơ Đốc sống bên ngoài tu viện, lo mai táng. Những người sống bên trong tu viện không được phép ra ngoài, kể cả là mang những thi thể đó ra.

Những con người kia đang làm gì trong cái tu viện đó? Họ chỉ có một việc là đọc “Mừng Maria.” Tu viện này được lập ra để tưởng nhớ tới người mẹ của Jesus, Mary, hay còn gọi là Maria. Suốt cả ngày dài, tu sĩ ở đây chỉ có mỗi một công việc là liên tục đọc lên câu cầu nguyện ấy: “Mừng Maria.” Ăn chay, ở ẩn và cất đứt mọi mối liên hệ với thế giới bên ngoài, cho nên chẳng bao lâu mà họ đã có được ảo tưởng là đã được Đức mẹ Maria tới thăm. Các tu sĩ sống một mình trong những căn phòng khép kín, tách biệt với nhau. Họ không được phép nói chuyện với nhau hay với ai ngoài thầy đứng đầu tu viện. Cũng ròng rã cả một thiên niên kỷ, tu viện không cho phép phụ nữ được xuất hiện tại đây, cho dù chỉ là một đứa bé gái nửa tuổi đầu đi chăng nữa. Họ quanh năm suốt tháng chỉ biết ngồi im ngay trên miệng ngọn núi lửa của nguồn năng lượng dục tính đang bị kìm giữ không cho tuôn trào.

Nguồn năng lượng đó cũng góp phần quan trọng trong việc làm nảy sinh ảo giác. Ai cũng biết các cậu trai trẻ hay mơ tưởng về các cô gái như thế nào, còn các cô gái cũng luôn khơi gợi lên trong đầu óc của các chàng trai những suy nghĩ vẫn vơ. Những giấc mơ của họ ngày càng mang màu sắc giới tính, và tình dục dần trở thành

yếu tố chủ đạo trong tâm trí họ. Rất thường tình, các thầy tu tại tu viện Athos này bắt đầu sống trong thế giới của ảo giác bởi vì họ phải liên tục kiềm giữ nhu cầu tình dục của mình, phải ăn chay, phải sống biệt lập với thế giới ban ngày và lúc nào cũng chỉ biết có Chúa, chỉ biết cầu nguyện tạ ơn Đức mẹ Maria. Sau đó thì chính những tu sĩ đang chìm trong ảo giác này lại là những người ngày càng được ngưỡng mộ, được tôn vinh. Giữa những người ảo tượng ấy, con người ảo tượng nhất được tôn làm cha viện trưởng tu.

Không hề thiếu những cách có thể giải thoát cho những con người này ra khỏi những trại tâm thần vẫn được gọi dưới cái tên tu viện hay các trường tu nữ, để đưa họ quay về với sự sáng suốt, với thế giới thực tế chứ không phải là cuộc sống đầy ảo tưởng như thế nữa. Thực tại vốn đã có sẵn rồi, chúng ta không cần thiết phải tự xây cho mình nữa, chỉ cần vót nhọn giác quan để mà cảm nhận thực tại, tận hưởng vẻ đẹp phiêu linh, sắc màu rực rỡ, sự tươi mát và sức sống của nó.

Tất cả những gì được trí tưởng tượng của chúng ta xây lên, sẽ vẫn mãi chỉ là ảo mộng, cho nên không cần phải đi tìm kiếm xa xôi trong ảo mộng, mà hãy tự mình khám phá thế giới thực tại có sẵn quanh ta.

TG.8

Tất cả những gì được trí tưởng tượng của chúng ta xây lên, sẽ vẫn mãi chỉ là ảo mộng, cho nên không cần phải đi tìm kiếm xa xôi trong ảo mộng, mà hãy tự mình khám phá thế giới thực tại có sẵn quanh ta.

Chỉ đơn giản là bước chân vào, trong thinh lặng, và nhìn ngắm, và cũng chỉ cần giữ cho mình một tâm thế tỉnh táo chủ động, chúng ta đều có thể nhìn ra tất cả những gì thuộc về thực tại. Tất cả những ai đã từng nhận ra thực tại rồi đều nói rằng mọi người sẽ được trải nghiệm một sự tĩnh lặng phi thường, niềm hân hoan khôn tả, những sướng vui bất tận và bất diệt; có điều là sẽ chẳng nhìn thấy Chúa nào cả, cũng chẳng thể nhìn thấy các thiên thần. Cả Chúa và thiên thần đều phải xây dựng lên bằng trí tượng tượng nếu như muốn nhìn thấy họ.

Trực giác, trí tưởng tượng hay trí năng, tất cả đều phải lùi lại phía sau để đạt tới một điểm đến cao hơn, vượt lên trên cả tâm trí con người: một sự thanh tản, điểm nhiên, và bình tĩnh tuyệt đối, cũng chính là đạt tới được cái bản chất tự nhiên thật sự, cái tính phật nại mỗi con người. Đó chính là những chất liệu cấu thành nên mỗi con người, và cấu thành nên vạn vật. Chúng ta có thể gọi nó là ý thức vũ trụ, có thể gọi là đạo phổ quát, hay bắt cứ một cái tên nào tương tự. Tuy nhiên hãy nhớ lấy rằng, có hàng triệu người đã tự gạt mình bằng trí tưởng tượng của chính họ, trong khi chúng ta hoàn toàn có thể tạo lập thực tại cho bản thân chỉ với một vài cách thức thật đơn giản và dễ dàng.

Tôi đã có một thời gian sống cùng với một người bạn. Ở Ấn Độ, người ta có một lễ hội linh thiêng, tại đó mọi người sử dụng một loại tương tự như cần sa, được gọi là cây gai dầu. Người bạn mà tôi sống cùng lúc đó là một giáo sư tại một trường đại học, một người giản dị, và tốt

bụng. Tôi đã bảo với ông ấy: “Đừng làm cái việc ngốc nghênh ấy.” Thế nhưng ông ấy vẫn đến với những người bạn của mình, họ đưa cho ông ấy kẹo và đồ uống lạnh, tất cả đều chứa đầy cồn sa. Giữa nửa đêm, không thấy bạn trở về, tôi phải đi tìm ông ấy, và chuyện gì thế này? Cả đám đông bao quanh, còn ông ấy thì tràn truồng, bị cả đám đông chửi bới những điều tục tĩu và thi nhau ném đá vào người. Tôi đã không thể hiểu được điều gì đã xảy ra. Tôi ngừng mọi người lại, nói với họ rằng: “Tôi biết người đàn ông này. Chắc hẳn là ông ta vừa mới uống phải thứ gì đó rồi.” Sau đó, tôi mặc quần áo cho ông bạn, nhưng ông ấy lại cực lực phản đối. Trong lúc giằng co, ông ấy nhảy vọt ra khỏi đám đông và chạy mất.

Thành phố chỉ lạ với tôi, chứ hoàn toàn quen thuộc với ông ấy. Tôi cố theo được một vài con phố nhỏ rồi mất dấu. Sáng hôm sau cảnh sát gọi cho tôi, nói rằng họ đang giữ bạn tôi, và tôi phải tới trại giam. Cho tới lúc đó, thần thái ông ấy đã trở lại bình thường hơn một chút, song vẫn chưa hết dấu tích của đêm hôm trước. May mà ông ấy đã nhận ra tôi: “Tôi rất hối vì đã không nghe lời anh.” Trên người ông ấy đầy thương tích vì bị người ta ném đá vào người.

Tôi đã đưa ông ấy về nhà, nhưng sau hôm đó, nỗi sợ hãi về những người cảnh sát cứ bám riết và ám ảnh tâm trí ông ta, chắc hẳn ông ấy đã từng bị cảnh sát đánh đập. Mặt khác thì ông ấy cũng không chịu mặc quần áo, ăn mặc rất bừa bãi. Dường như nỗi sợ hãi đó rất ghê gớm, dường như ông ấy đã bị chứng hoang

tưởng nồng nề tới nỗi cuộc sống của ông ấy chuyển sang một thời kỳ hết sức khó khăn. Có đêm, chỉ nghe thấy tiếng ảng của một cảnh sát đang đi tuần trên đường phố thôi mà ông ấy cũng phải trốn ngay xuống dưới gầm giường. Không thấy đâu, tôi phải gọi : "Balram", tên ông ấy là Balram, "Anh đang làm gì thế?"

Ông ấy đáp: "Im nào. Cảnh sát đang tới đó."

Tôi đã phải đề nghị với hiệu trưởng cho ông bạn của tôi mười lăm ngày phép để nghỉ ngơi, vì không thể nào đưa ông ấy tới trường nổi. Dưới mắt ông ấy, tất cả mọi thứ đều trở nên đáng ngờ - chỉ có hai người đứng nói chuyện với nhau ở góc phố thôi mà ông ấy cũng nghĩ ngay rằng: "Nhìn xem kìa, bọn chúng đang có âm mưu cả đấy. Tôi cá với anh là bọn chúng đang tìm cách bắt gọn tôi, tống tôi vào tù và tra tấn tôi cho mà xem. Anh hãy làm gì đó giúp tôi đi chứ!" Một cảnh sát đi ngang qua, ông ấy cũng hoảng hốt: "Lạy Chúa! Chúng tới rồi."

Tôi đã thử làm mọi cách có thể chỉ để chỉ cho ông ấy nhận ra rằng đó chẳng qua chỉ là nỗi sợ hãi mà thôi. Tôi hiểu tại sao ông ấy lại có nỗi sợ hãi như thế này, nhưng mà giờ đây điều đó đã đi quá xa. Ông ấy nhất quyết không nghe, không chịu ngủ mà cũng không để cho tôi ngủ. Cuối cùng thì tôi đành phải tới gặp một thanh tra cảnh sát, kể cho ông ta nghe toàn bộ câu chuyện. Tôi cậy nhờ ông ấy: "Ông cần phải giúp tôi. Anh ta là người đơn giản và hoàn toàn vô tội, chưa từng vi phạm hay gây ra tội ác gì, anh ấy chỉ có một lần dùng cần sa mà gặp chuyện như thế. Tôi không biết là trong kẹo và nước ngọt

anh ấy cầm có chứa những gì. Có điều là, chắc hẳn anh ấy đã bị cảnh sát đánh đập, nếu không thì không có chuyện lúc đó anh ấy lại chịu mặc quần áo trở lại. Tôi đã cố giúp, nhưng anh ấy đã nhảy vọt ra và chạy đi mất.”

Thanh tra viên hỏi lại: “Tôi có thể giúp bằng cách nào đây?”

Tôi bảo: “Ông hãy đem một bộ hồ sơ tới, vì anh ấy cứ luôn miệng nói đi nói lại rằng: “Cảnh sát đã có hồ sơ về tôi, họ chỉ còn chờ thời điểm thích hợp để buộc tội tôi nữa mà thôi.” Cho nên tốt nhất là ông mang giúp một bộ hồ sơ bất kì, còng tay, và một lệnh bắt giam, hay bắt cứ giấy tờ gì khác. Chỉ cần nhác thấy ông thôi là anh ấy sẽ mất hết cả trí khôn. Và ông hãy tới vào ban đêm nhé, chúng ta cần tiến hành trong đêm.”

“Sau đó thì tôi sẽ vật lìa ông, sẽ đưa ông năm ngàn rupee để ông tha cho con người tội nghiệp đó. Tất nhiên là ông sẽ giả vờ miễn cưỡng tha cho anh ấy, tôi cũng sẽ đề nghị ông phải đốt sạch đồng hồ sơ đó đi. Ông hãy đốt hết, rồi đến lúc ra về, thì hãy vờ nói với tôi nhưng cốt để anh ấy có thể nghe được, rằng: “Thôi, bây giờ thì chẳng còn gì phải lo lắng nữa nhé, vì tất cả tài liệu đã bị đốt cháy, anh ta sẽ không bao giờ và không còn gì phải dính líu tới cảnh sát nữa rồi.” Tôi sẽ tới lấy lại năm ngàn rupee đó sau cũng được.”

Viên thanh tra tốt bụng vui vẻ nhận lời: “Tôi sẽ tới.” Và đúng là ông ấy đã tới trong đêm đó, lúc thanh tra tối, ông bạn của tôi chui luôn xuống dưới gầm giường. Người thanh tra phải kéo ông ấy ra, Balram bảo tôi: “Đấy, xem

chưa, tôi đã bảo là cảnh sát sẽ đến, và đúng là ông ta đã đến rồi đây thôi, còn đây là bộ hồ sơ chứ còn gì.”

Thanh tra viên đưa tờ lệnh bắt giam cho tôi và tuyên bố: “Anh ta sẽ bị bắt.” rồi tra tay Balram vào còng. Tôi ra sức thuyết phục người thanh tra nhưng ông ấy vẫn lạnh lùng: “Tôi chẳng thể làm gì khác được. Anh ấy sẽ bị giam trong tù ít nhất là năm năm.”

Balram nhìn tôi: “Đó, anh hãy làm cái gì đó đi, nếu không, tôi sẽ phải vào tù.”

Tôi đưa năm nghìn ru-pi cho viên thanh tra và nài nỉ: “Anh ấy là một người lương thiện. Xin hãy nể mặt tôi, hãy tha cho anh ấy. Nếu như anh ấy tiếp tục làm gì không phải, chính tôi sẽ là người đầu tiên mang anh ấy nộp cho cảnh sát. Nhưng đây mới chỉ là lỗi lầm lần đầu, hơn nữa lại là hành vi do kích thích của ma túy gây ra.” Tôi phải cố lăm moi thuyết phục được viên thanh tra chịu đốt đồng hồ sơ kia đi. Hồ sơ đã bị đốt, còng tay cũng được mở ra, viên thanh tra nói với chúng tôi: “Thôi được rồi đấy. Nếu anh ta tái phạm, thì tôi không thể giúp được gì nữa đâu. Bây giờ tôi sẽ báo cáo lại với cảnh sát là mọi thông tin liên quan đều đã bị cháy rụi. Tức là từ giờ cảnh sát sẽ không còn có lý do gì để mà buộc tội anh nữa nhé.” Thế là sau hôm đó trở đi, Balram lại ổn như thường.

Hôm sau, tôi tới sở cảnh sát để lấy lại năm nghìn ru-pi hôm trước. Phải nói rằng viên thanh tra đó rất tốt. Ông ấy hoàn toàn có thể phủ nhận việc đã cầm năm nghìn ru-pi tối hôm trước, nhưng không, ông ấy lại còn hỏi thăm Balram: “Anh ta thế nào rồi?”

“Anh ấy hoàn toàn ổn thỏa rồi. Thậm chí là bây giờ có nhìn thấy cảnh sát đi ngay bên cạnh thì anh ấy cũng thấy bình thường. Một vài lần tôi bảo anh ấy: “Tay cảnh sát đang đứng ở ngay kia kia.” Nhưng anh ấy thản nhiên: “Chẳng có gì mà phải lo. Tập hồ sơ đã bị đốt mất rồi còn gì nữa?”

Balram đã tự tạo cho mình một lớp vỏ ảo tưởng. Mà cái mà người ta vẫn gọi là tôn giáo lại tồn tại ngay trong chính lớp vỏ ảo tưởng đó. Có lẽ là nhiều người sẽ ngạc nhiên khi biết rằng trong các cuốn kinh cổ nhất của người Hindu, có nhắc tới một loại thuốc nào đó, tên gọi là somras, chiết xuất từ một loài cây sống trên dãy Himalaya, mà có lẽ vẫn còn tồn tại cho tới bây giờ, có điều là chúng ta không biết nó như thế nào để nhận biết. Uống somras là một trong những bài tập cơ bản của tất cả những ai theo đạo.

Aldous Huxley, một trong những con người kiệt xuất nhất thế kỷ hai mươi, đã ghi dấu tên tuổi của mình cùng với việc khám phá ra LSD, bởi Huxley chính là người đầu tiên sáng lập ra LSD. Ông đã sống trong ảo tưởng rằng nhờ có LSD, mọi người đều có thể đạt tới những trải nghiệm giống như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, như Kabir, hay như Nanak đã từng đạt được. Được gọi mở từ loại thảo dược somras mà kinh Vệ Đà nhắc tới, Huxley đã viết trong tác phẩm *Thiên đường và địa ngục* của mình rằng một ngày nào đó trong tương lai, khoa học sẽ tổng hợp được những viên thần dược như thế. Tên của loại thuốc này sẽ được đặt tên là soma,

theo tên loại thuốc đầu tiên mà những người theo đạo đã sử dụng, somras.

Kể từ thời của Rigveda ở Ấn Độ, cả những Hindu sannyasins, những tín đồ đạo Hindu, đều tiếp tục lưu truyền về tất cả các loại linh dược giúp cho những người dùng chúng có thể gặp gỡ được Chúa. Tôi đã từng tình cờ quen biết một người tin theo Kabir, những người như anh này liên tục dùng tất cả các loại linh dược, và vấn đề nảy sinh khi họ trở nên nhờn thuốc. Đến mức họ phải nuôi những con rắn hổ mang, và cho rắn cắn lên lưỡi của các môn đồ. Chỉ có vậy các môn đồ mới có được những trải nghiệm tâm linh! Tôi đã từng có dịp chứng kiến một tu viện của những môn đồ Kabir, nơi họ nuôi giữ một con rắn hổ mang vừa to vừa đáng sợ - chỉ cần một miếng cắn là đủ kết liễu, không còn gì có thể cứu vãn nổi. Thế mà những thày tu ở tu viện này vẫn phải dùng tới nó, bởi vì có những lúc, với họ, không còn loại thuốc nào có tác dụng nữa cả.

Rõ ràng là không hề ngẫu nhiên một chút nào khi thế hệ trẻ ở phương Tây lại cùng lúc thấy tò mò về cả hai thứ: phương Đông và ma túy. Họ tìm tới phương Đông để kiếm tìm cảm giác mới lạ, khác với những gì hàng ngày đã quá nhảm chán, và với cõi trần tục đã không còn gì hấp dẫn. Lúc này, tình dục không còn đủ sức lôi kéo, mà chất cồn cũng không còn níu giữ nổi con người, và con người ta bắt đầu tìm tới miền đất phương Đông, để khám phá những phương thức mới nhằm kiến tạo một thế giới thực tại cho riêng mình.

Rồi thì họ cũng sẽ tìm ra những phương thức để kích thích trí tưởng tượng của mình từ trong những tàn tích lịch sử của phương Đông. Đó chính là những loại linh dược thần bí.

Còn ở phương Tây, không biết người đã và đang bị nhấn chìm trong nghiện ngập. Hiện, có hàng nghìn thanh niên, cả nam lẫn nữ, đang phải sống trong tù chỉ vì chứa chấp, sử dụng ma túy, ở châu Âu cũng thế và ở Mỹ cũng vậy.

Tuy nhiên theo suy nghĩ của tôi, trong cái thảm cảnh ấy, lại le lói một tia sáng khiến chúng ta có thể nhìn sự việc đi theo một hướng mới mẻ hơn. Tôi nhận thấy rằng đó là sự khởi đầu của một cuộc kiểm tìm những gì khác lạ, vượt ra ngoài những gì mà thế giới thông thường này chưa đựng, cho dù họ có đang đi sai đường đi chẳng nữa. Ma túy không thể nào mang tới cho họ cuộc sống thực tại được. Con người ta có thể tạo dựng cho mình một thực tại nào đó nhờ dùng ma túy, nhưng thực tại ấy chỉ kéo dài trong vài giờ đồng hồ không hơn không kém, để rồi sau đó, chúng ta lại phải tiếp tục sử dụng thuốc. Mỗi lần, liều lượng ma túy lại càng tăng thêm vì cơ thể sẽ nhòn dần với chúng.

Vấn đề là đang có một cơn bùng phát dữ dội số lượng thanh thiếu niên tuổi đời trẻ chưa từng thấy bị ma túy lôi kéo. Họ sẵn sàng chấp nhận bị vào tù, để rồi ra khỏi tù, họ lại tiếp tục dùng ma túy. Trên thực tế, nếu như có tiền, họ thậm chí có thể sắp xếp để mua ma túy ngay trong tù, từ các quản ngục, nhân viên của chính nhà tù, chỉ cần đưa đủ tiền là có thuốc.

Song tôi không cho rằng đó là một tín hiệu xấu. Tôi cho rằng đó đơn giản chỉ là một thế hệ trẻ đang bị định hướng lệch lạc. Mục đích thì đúng đắn nhưng đáng tiếc lại không có ai chỉ cho chúng biết rằng ma túy không thể lấp đầy những khát khao và ham muốn trong con người chúng ta. Chỉ có sự thiền định, chỉ có thanh tịnh, chỉ có sự vượt lên trên chính tâm trí con người mới đem tới cho chúng ta những giá trị đủ đầy và hoàn thiện nhất.

Nhưng phải thấy rằng thế hệ trẻ không thể nào bị lén án như chúng đang bị kết án và trừng phạt. Thế hệ đi trước phải chịu trách nhiệm vì đã không để cho con em của họ có sự lựa chọn nào khác.

Tôi đề xuất một giải pháp thay thế có tính chất duy nhất, khi suy nghĩ càng thấu đáo, người ta lại càng không cần tới bất kì một thứ nào khác. Chúng ta không cần phải tự tạo ra một thực tại nào khác, vì chúng ta đã có thể nhìn nhận thấy thực tại xung quanh mình. Khi đó thì cái thực tại tự tạo ra bằng tưởng tượng ấy sẽ chỉ còn là một thực tại giả dối, đầy ảo mộng, cũng có thể đó là một giấc mộng đẹp, nhưng mộng mị thì rốt cuộc, vẫn mãi chỉ là mộng mị.

Ham muốn của con người sẽ định hướng đi đúng đắn, vấn đề chỉ nằm ở chỗ con người ta vẫn còn đang đi lạc đường. Trong khi đó thì các lãnh tụ tôn giáo, lãnh tụ chính trị, chính phủ và cả hệ thống giáo dục của chúng ta lại không đủ khả năng dẫn dắt người dân theo một con đường đúng đắn.

Theo quan điểm của tôi thì đó là một dấu hiệu của một cuộc kiếm tìm không ngừng nghỉ, cần phải được hoan nghênh. Càng cần phải đưa ra một định hướng đúng đắn, điều mà các tôn giáo cũ không đem tới được mà các xã hội cũ cũng đành bất lực. Chúng ta cần, ngay tức khắc, sự ra đời của một nhân loại mới. Và chúng ta cũng cần, ngay lập tức, phải thay đổi toàn bộ những khuyết tật và xấu xa đang từng ngày, từng giờ, tàn phá rất nhiều, rất nhiều sinh mệnh.

Mỗi người đều cần phải hiểu được chính mình và những gì thuộc về thực tại của mình. Sẽ rất tốt nếu như chúng ta có thể làm sống dậy những ham muốn của mỗi người. Như vậy, sớm muộn gì, chúng ta cũng đưa được thế hệ trẻ quay trở về con đường đi đúng đắn. Những ai thành tâm tìm kiếm sẽ thoát ra được khỏi những hành trình cần tới ma túy dẫn đường. Và một khi đã trở thành những người thành tâm tìm kiếm, một khi đã có được hiểu biết sâu sắc, thì ma lực của ma túy cùng với sự tồn tại của nó sẽ bước từng bước một ra khỏi đời sống của con người. Đến lúc đó thì không ai còn cần tới chúng. Không nhà tù, không trừng phạt, chỉ cần có định

Mỗi người đều cần phải hiểu được chính mình và những gì thuộc về thực tại của mình. Sẽ rất tốt nếu như chúng ta có thể làm sống dậy những ham muốn của mỗi người. Như vậy, sớm muộn gì, chúng ta cũng đưa được thế hệ trẻ quay trở về con đường đi đúng đắn.

hướng đúng đắn, và thực tại vẫn cứ được hoàn thiện, giống như một ơn huệ từ Chúa mà con người không thể mong đợi gì hơn thế.

Sự tồn tại sẽ ban phát cho con người dồi dào sự sống, tình yêu, yên bình và những điều chân thực mà chúng ta không thể mong đợi hơn, từ trong chính tiềm lực dư thừa của nó. Thậm chí là con người cũng không thể tưởng tượng ra nhiều hơn thế.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ

Thế giới của các hoạt động chính trị cơ bản thuộc về cấp độ bản năng. Đó là thứ luật lệ của một mớ những thứ hỗn độn, trong đó, lẽ phải thuộc về kẻ mạnh. Trong thế giới đó, những người thấy thích thú với những tranh chấp chính trị chính là những kẻ tầm thường nhất. Hoạt động chính trị của con người chẳng hề đòi hỏi một thứ bằng cấp nào khác ngoại trừ một thứ - đó chính là ý thức về sự lép vế.

Hoạt động chính trị của con người có thể tóm gọn trong một câu châm ngôn rất đắt thê này:

Làm chính trị có nghĩa là đam mê quyền lực.

Friedrich Nietzsche đã từng viết một quyển sách tên là *Đam mê quyền lực*. Bản thân cụm từ đam mê quyền lực có thể được diễn đạt theo rất nhiều nghĩa. Cho nên chúng ta phải hiểu cẩn kẽ từ *chính trị* chứ không phải

chỉ biết tới nó như một cái tên. *Bất cứ ở đâu* có người muốn áp đặt quyền lực của mình, dù nhiều hay ít, đó đều là hoạt động chính trị, không quan trọng đó có phải là hoạt động mang tầm liên bang, hoạt động của chính phủ hay là vấn đề gì tương tự...

Đối với tôi mà nói thì từ *chính trị* bao hàm nhiều khái niệm hơn những gì mà mọi người vẫn thường gán cho nó. Suốt chiều dài lịch sử loài người, nam giới vẫn thường cố áp đặt một chiến lược mang màu sắc chính trị lên nữ giới, những người yếu thế hơn họ. Và họ cũng đã thành công trong việc thuyết phục chính phụ nữ chấp nhận thực tế này. Có một số nguyên nhân khiến cho phụ nữ dường như bất lực và phải đành lòng chấp nhận cái ý tưởng kì quặc và hoàn toàn phi lý kia. Không thể nói nữ giới có địa vị thấp hơn hay là cao hơn nam giới. Hai giới là hai phần của nhân loại, không thể đem ra so sánh với nhau. Mọi sự so sánh đều thật ngớ ngẩn, càng cố so sánh, chúng ta càng tự đẩy mình vào thế khó.

Tại sao khắp nơi trên cái thế giới này, người ta lại cứ cho rằng phụ nữ ở thế thấp hơn nam giới? Bởi vì đó là cách duy nhất giữ chân được người phụ nữ vào thế bị lệ thuộc, và biến mình thành nô lệ. Rõ ràng là đơn giản hơn nhiều. Nếu đặt ở thế cân bằng, chắc chắn nảy sinh vấn đề; người phụ nữ sẽ có điều kiện để nhận ra rằng họ đang chịu lép vế. Hàng loạt các nguyên nhân được đưa ra để giải thích, chẳng hạn như nữ giới không có sức mạnh cơ bắp như nam giới, chiều cao cũng khiêm

tốn hơn nam giới, rằng phụ nữ chưa từng có thành tựu gì trong lĩnh vực triết học hay thần học, và rằng phụ nữ cũng chưa bao giờ sáng lập ra bất kỳ tôn giáo nào. Thêm vào đó, chưa từng có một nghệ sĩ, nhạc sĩ hay họa sĩ nào có thành tựu nổi bật. Tất cả chỉ để chứng tỏ một điều rằng phụ nữ không có đủ trí thông minh, không thích hợp trong lĩnh vực đòi hỏi trí tuệ. Phụ nữ được xem là không đủ khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp trong cuộc sống; khả năng của phụ nữ chỉ có giới hạn, và phụ nữ chỉ thích hợp với vai trò nội trợ.

Vậy thì hãy cứ chọn lối so sánh ấy, đàn ông có thể dễ dàng thuyết phục phụ nữ yên vị với vai trò của mình. Nhưng đó chỉ là một trò tiểu xảo. Còn có những khía cạnh khác nhau để so sánh. Phụ nữ có thể sinh con, còn nam giới thì không. Rõ ràng là đàn ông phải là người kém cạnh, đàn ông không phải là người sinh con để cái. Tự nhiên đã không giao cho đàn ông nhiều trọng trách tới vậy, họ phải biết rằng họ thua kém phụ nữ. Trách nhiệm chuyển giao sang người chiếm ưu thế. Tạo hóa không cấu thành trong cơ thể đàn ông một bộ phận là dạ con. Thực tế mà nói thì chức năng sinh sản của người đàn ông không khác gì vai trò của một mũi tiêm, chỉ có tác dụng trong chốc lát.

Người mẹ mang thai đứa trẻ trong chín tháng, chịu đủ mọi gian khổ khi mang thai. Ai cũng biết đó không phải là một việc dễ dàng. Và sau đó là nỗi đau sinh nở... đau đớn không khác gì ghé qua cõi chết trở về. Rồi thì lại chính người mẹ nuôi dưỡng đứa con khôn lớn. Người phụ

nuôi con khôn lớn, vậy thì họ lấy đâu ra thời gian để mà trở thành một nhạc sỹ vĩ đại, một nữ thi sĩ hay một họa sĩ tài ba? Chúng ta có để cho họ một chút thời gian nào chăng? Không có người phụ nữ chăm lo vun vén gia đình, đàn ông đâu có cơ hội suy tính những thứ cao xa hơn.

Cứ thử đổi vai cho nhau trong vòng hai mươi tư giờ đồng hồ, để cho cô ấy lo toan công việc, làm thơ và soạn nhạc, còn đàn ông thì trông nom con cái, cơm nước, dọn dẹp nhà cửa một ngày ròng. Khi đó đàn ông sẽ thấu hiểu ai mới là phái mạnh. Chỉ hai mươi tư giờ là đủ để chứng minh cho tất cả chúng ta thấy rằng chăm nom cho một đàn con cũng không khác mấy so với việc ở giữa một trại tâm thần. Lũ trẻ không ngây ngô như chúng ta tưởng vậy. Chúng nghĩ ra đủ trò nghịch ngợm có thể nghĩ được, và sẽ làm tất cả những trò lừa cá để phá phách. Chúng sẽ không để cho ta yên lành một chốc, chúng muốn lúc nào người lớn cũng phải để mắt tới, có lẽ đó cũng là một nhu cầu hết sức tự nhiên. Sự quan tâm chăm chút cũng cần thiết như thức ăn nuôi dưỡng trẻ.

Hoặc là chỉ cần trải qua một ngày vật lộn với việc nấu nướng cho gia đình và khách khứa, ta sẽ biết thế nào là địa ngục, và cũng sẽ quên luôn khái niệm mình là phái mạnh hay phái yếu. Bởi vì trong suốt hai mươi tư giờ dài dằng dặc ấy, chúng ta không hề có lấy một giây khắc ngắn ngủi nào để mà nghĩ tới thần học, triết học hay tôn giáo.

Một mặt thì người chồng phải lớn hơn vợ bốn đến năm tuổi, mặt khác thì trong hầu hết các nền văn hóa và

các xã hội khác nhau, phụ nữ lại không được phép tái kết hôn. Việc phụ nữ được phép kết hôn lần thứ hai, thứ ba... là cả một bước tiến mới mẻ, nhưng đó cũng chỉ là ở một vài nước có trình độ phát triển rất cao. Vì không có quyền tái hôn cho nên phụ nữ sẽ phải sống trong cảnh góa bụa ít nhất là cả chục năm. Đây là một sai lầm rất lớn về mặt khoa học, và vấn đề chỉ là ở chỗ, người ta đã tính toán không đúng đắn. Tại sao lại cứ áp đặt cả một quãng thời gian mười năm góa bụa vò vĩnh lên cuộc đời người phụ nữ? Cách tốt nhất là người vợ nên tìm chồng kém mình năm tuổi. Thế là ổn thỏa. Thế là không còn cảnh góa bụa và những bà góa sống lê loai nữa.

Một khi phụ nữ đã sống lâu hơn nam giới những năm tuổi vậy thì ai mới là phái mạnh. Một khi phụ nữ có sức đề kháng với bệnh tật cao hơn hẳn, thì ai mới xứng đáng là phái mạnh? Số lượng phụ nữ tự tử cũng chỉ bằng 50% so với nam giới. Số trường hợp người bị tâm thần cũng cho con số tương tự. Thế nhưng những con số này chưa bao giờ được xem xét tới, tại sao vậy?

Tại sao số đàn ông tìm tới giải pháp tự tử lại cao gấp hai lần phụ nữ? Có vẻ như đàn ông không đủ kiên nhẫn với những gì xảy ra trong cuộc sống. Đàn ông quá thiếu kiên nhẫn, nhiều khát khao và quá tham vọng, và khi mà mọi thứ không đi theo đúng hướng mà đàn ông mong đợi, thì họ dễ nảy sinh ý định muốn kết thúc chính mình. Đàn ông rất dễ nản lòng. Điều này đã làm lộ ra một điểm yếu của đàn ông: họ không có đủ dũng khí để đối mặt với những cam go trong cuộc sống. Tìm tới cái chết là một

giải pháp đầy hèn nhát. Đó là cách chạy trốn khỏi khó khăn chứ không phải là cách giải quyết khó khăn.

Trong khi đó thì phụ nữ còn có nhiều vấn đề phải giải quyết hơn, những vấn đề riêng của họ và cả những rắc rối mà đàn ông đem tới cho họ nữa. Thế có nghĩa là phụ nữ phải đổi mặt với những rắc rối kép và họ luôn đổi mặt với chúng đầy kiên cường. Cho nên người ta cứ luôn miệng nói rằng phụ nữ là phái yếu hơn. Tại sao đàn ông lại bị điên nhen gấp hai lần phụ nữ? Điều này lại chứng tỏ rằng trí năng của đàn ông không được cấu tạo từ những chất liệu đủ mạnh như trí năng của phụ nữ - ta vẫn thấy đàn ông lúc nào cũng có thể phát ngôn ra những câu bừa bãi, lung tung.

Nhưng tại sao người ta lại cứ khăng khăng cho rằng nữ giới mới là phái yếu? Đó chính là vấn đề về chính trị. Đó là một trò chơi quyền lực. Nếu ta không thể trở thành người đứng đầu quốc gia thì...rõ ràng rằng đó không phải là một sự thay đổi dễ dàng vì khả năng cạnh tranh của phụ nữ đang bị giới hạn trong phạm vi hạn hẹp. Ta không thể trở thành vị cứu tinh bởi vì đó không phải là việc dễ làm; ngay khi xuất hiện cái tư tưởng trở thành vị cứu thế, cảnh tượng bị đóng đinh trên cây thánh giá sẽ hiện ngay trước mắt.

Một ngày nọ tôi đọc được một mẩu tin ra về việc tuyển thêm hội viên mới cho một giáo hội Cơ Đốc giáo, trên đó có hình ảnh Jesus bị đóng đinh trên cây thánh giá, với dòng chữ: "Chúng ta cần can đảm để trở thành một mục sư." Quá nhiều ý nghĩa! Nhưng đoạn quảng TG-9

cáo đó có nghĩa là trừ Jesus ra thì...thế còn các linh mục khác trong đạo Cơ Đốc? Họ không phải là những linh mục thực sự, vì đoạn quảng cáo trên đã chứng minh điều đó quá rõ ràng. Vậy có nghĩa cho tới giờ mới chỉ có một linh mục duy nhất. Nó làm dậy lên câu hỏi: Thế tất cả các vị giáo hoàng, giáo chủ hồng y, giáo sĩ từ trước tới giờ thực sự là những ai? Họ đều không phải là các vị thầy tu...bởi lẽ khi Chúa Jesus khẳng định tư tưởng của mình, đáp lại Ngài là cây thánh giá. Còn các vị giáo hoàng khi đi truyền đạo vòng quanh thế giới, tới đâu họ cũng bước trên thảm đỏ, được nhận sự đón tiếp trong niềm nở, nhưng gấm ám áp và đẹp đẽ từ các nguyên thủ quốc gia, thủ tướng, vua chúa hay nữ hoàng, điểm khác biệt nằm ở đó. Không ai được cự xử bất kính với giáo hoàng và các giáo sĩ. Ô vâng, như thế có nghĩa là chúng ta sẽ trở thành những người xấu xa, ngô nghịch! Chúng ta đang bàn tán về việc họ không phải là các thầy tu thực sự. Vậy thì hãy đóng đinh họ vào cây thập ác thử xem sao, đó là bằng chứng duy nhất có thể chứng minh rằng linh mục đó có thật chính xác là một thầy tu của dòng Cơ Đốc hay không. Hãy làm như thế càng nhiều càng tốt.

Dây không phải là ý kiến chủ quan của tôi mà là ý tưởng của họ, những người đã phát hành mẫu quảng cáo với dòng tin: “Chúng ta cần can đảm” cùng với hình ảnh Jesus treo mình trên cây thánh giá mà tôi nói ở trên.

Không khó để trở thành một chính trị gia. Một người chẳng cần thiết phải có mối liên quan hay ràng

buộc gì với chính phủ, chính quyền, hay là có liên quan tới sự vụ gì mà chỉ cần tham gia vào bất cứ công đoạn nào dính dáng tới quyền lực, cũng đã trở thành một chính trị gia rồi. Đơn cử như việc người chồng cố tình áp đặt vị thế của mình lên người vợ - đó cũng là hoạt động chính trị. Người vợ, vì không thể chấp nhận tư tưởng của chồng, cũng ra sức khẳng định vị thế của mình. Thậm chí là sau hàng triệu năm chịu nép về, họ, giờ đây, nhận ra rằng họ phải tìm cách để phá bỏ sự áp đặt mà các ông chồng đã dựng lên.

Đó là toàn bộ lý do tại sao các bà vợ lại cứ làm rùm beng lên, nỗi cơn lôi đình, khóc lóc kêu gào trước những chuyện cực kỳ nhỏ nhặt, hoặc là quan trọng hóa tất cả mọi vấn đề, thậm chí cả những vấn đề mà không ai nghĩ là lại có thể làm cho ấm ī được. Do đâu lại xảy ra những chuyện này? Thực ra thì đây chính là một cách thức mang đậm tính chất đàn bà mà người vợ sử dụng để phá bỏ chiến thật chính trị của các ông chồng: "Anh nghĩ rằng anh là người có quyền ra lệnh? Cứ việc nghĩ thế đi nhé, còn tôi sẽ chứng tỏ cho anh thấy ai mới là kẻ mạnh." Ông chồng nào cũng hiểu rằng ai mới là người có vị thế cao hơn, dù rằng lúc nào anh ta cũng cố gắng thể hiện vị thế của mình. ít nhất là khi bước ra khỏi nhà, các ông chồng vẫn cứ ngẩng cao đầu, kéo thẳng cà vạt, nở một nụ cười tươi rói và bước đi như thể mọi việc đều vô cùng tốt đẹp.

Tại một ngôi trường nhỏ, thầy giáo mới hỏi học sinh rằng: "Các em có biết loài vật nào khi bước ra khỏi nhà

thì như một con sư tử còn khi về nhà thì giống như một chú chuột không nào?"

Một học trò nhỏ xung phong phát biểu. Thầy giáo mòi: "Ồ, nào, câu trả lời của em là gì?"

- Đứa trẻ dũng dạc: "Là bố em."

Trẻ con rất tinh. Chúng không ngừng xem xét mọi thứ xảy ra chung quanh. Chúng thấy bố mình ra khỏi nhà thì oai như một con sư tử, còn khi về nhà lại chẳng khác nào một con chuột. Ông chồng nào mà chẳng sợ vợ. Chẳng có ông nào lại không thuộc nhóm này. Nhưng nguyên do là gì? Tại sao lại nảy sinh hiện tượng không mấy tốt đẹp này? Chính trị có kiểu chính trị đàn ông và cũng có kiểu chính trị đàn bà, nhưng ai cũng cố để đứng lên trên.

Trong tất cả các lĩnh vực khác, chẳng hạn như xét trong phạm vi giảng đường đại học chẳng hạn: giảng viên thì muốn trở thành phó giáo sư, phó giáo sư thì muốn trở thành giáo sư, giáo sư lại mong muốn bước lên vị trí chủ nhiệm khoa, còn chủ nhiệm khoa thì muốn trở thành phó hiệu trưởng trường, một cuộc ganh đua không ngừng nghỉ vì quyền lực. Không phải không có những người cho rằng chuyện này không nên có trong một lĩnh vực như giáo dục. Nhưng không có ai trong số họ quan tâm tới giáo dục, thứ mà tất cả mọi người đều hướng sự chú ý của mình tới chính là quyền lực.

Mọi chuyện cũng tương tự trong lĩnh vực tôn giáo: giáo sĩ muốn lên được chức giáo chủ, giáo chủ hồng y lại muốn lên chức giáo hoàng. Tất cả đều đang ra sức trèo

cho cao hơn trên cùng một chiếc thang, để những người khác phải quỳ gối dưới chân mình. Người đang ở trên cao rồi thì dìm người đang cố leo lên, không cho anh ta cơ hội vươn tới bậc thang của họ. Các bậc thang thấp hơn cũng vậy, cứ người trên cao dìm người ở dưới thấp hơn: người thì giẫm chân, kẻ thì đá văng hoặc là đánh đấm, để cho những con người phía dưới càng tụt sâu càng tốt. Nếu chỉ đứng nhìn, sẽ thấy chiếc thang áy chẳng khác nào một rạp xiếc. Chuyện này đã và đang xảy ra quanh chúng ta, ở khắp mọi nơi.

Cho nên, đối với tôi mà nói, chính trị không gì khác chính là nỗ lực để chứng minh bản thân mình là kẻ mạnh. Tại sao vậy? tại vì, từ trong sâu thẳm mỗi con người, chúng ta thấy rằng mình là kẻ yếu. Trong bản năng của mình, đàn ông cảm nhận được mình là kẻ yếu thế - họ là phái yếu. Đó không phải là một “nỗi ám ảnh về sự thua kém” mà là thực tế, là một sự thật, đàn ông là phái yếu. Sống cuộc sống mang tính chất bản năng là sống ở cấp độ thấp nhất có thể sống được.

Nếu chúng ta có thể hiểu được cuộc cạnh tranh giành vị trí của kẻ mạnh này, chúng ta có thể dẹp bỏ cuộc chiến áy, chúng ta có thể thản nhiên nói rằng: “Mình vẫn chính là mình, không phải kẻ yếu mà cũng chẳng là kẻ mạnh.” Nếu chỉ đứng ở bên ngoài để chứng kiến toàn bộ những gì diễn ra, nghĩa là chúng ta đã bước vào trong thế giới thứ hai, thế giới của ý thức và trí tuệ.

Chỉ có một vấn đề duy nhất xoay quanh việc nắm bắt toàn bộ cái thực trạng mục nát đang giam giữ con

người ta. Chúng ta chỉ cần bỏ thêm một chút kiên nhẫn trong việc quan sát toàn cảnh thực trạng này: “Chuyện gì đang xảy ra? Và cho dù ta vươn tới được nấc thang cao nhất đi chăng nữa, thì để làm gì?” Cũng chỉ giống như tự treo mình trên trời như một tên ngớ ngẩn. Chúng ta còn có nơi nào khác để đi?

Đương nhiên, chúng ta không thể nào leo xuống vì người khác sẽ cười vào mũi ta ngay: “Anh đang đi đâu đây? Chuyện gì xảy ra rồi? Anh đã bị đánh bại rồi à?” Đã không thể xuống rồi lại không còn lối nào khác lên, vì đâu còn có nấc thang nào cao hơn, thế là đành treo mình lơ lửng giữa trời để giả vờ như mình đã đến được đích, đã chinh phục được mục tiêu lớn của cuộc đời. Chỉ có chính ta mới hiểu rằng thực ra mình chẳng hề tìm thấy được thứ gì, rằng ta cũng chẳng khác nào một thằng ngốc, rằng cuộc đời đã trôi qua vô tích sự. Rõ ràng là chẳng có đường nữa để leo lên mà nếu trèo xuống, chắc chắn sẽ bị mọi người cười giễu.

Cho nên các vị tổng thống hay thủ tướng của một quốc gia thường chỉ mong rằng mình có thể ra đi khi còn đương chức. Là vì các vị ấy không thể chấp nhận việc lùi xuống cương vị thấp hơn, đó là cả một sự mất mặt và sỉ nhục; mặt khác thì cũng không còn vị trí nào cao hơn để mà tiến tới. Họ bị mắc kẹt; chỉ có cái chết mới có thể giải thoát cho họ khỏi thế tiến thoái lưỡng nan này.

Con người ta không lúc nào không tìm đủ mọi cách có thể để trở thành người quan trọng hơn, đặc biệt và

quyền lực hơn, đều là hoạt động chính trị cả. Còn theo tôi, chỉ có những người tầm thường mới thấy thích thú với mục tiêu này. Người thông minh tinh tường sẽ biết rằng còn có nhiều thứ khác quan trọng đáng phải bận tâm hơn. Không thể lãng phí trí tuệ trong cuộc ganh đua với thứ chính trị hạng ba xấu xa và bẩn thỉu. Đúng là chỉ có những con người

hạng ba ấy mới trở thành tổng thống hay thủ tướng. Một người thông tuệ sẽ không quan chí dù có lạc đường giữa sa mạc rộng mênh mông không hướng đi, không ốc đảo.

Cho nên đối với thứ chính trị ở cấp độ bản năng thì “lẽ phải thuộc về kẻ mạnh”, người ta chỉ biết tới luật rừng. Những Adolf Hitler, Bonaparte, Alexander, hay Tamerlane... đều giống loài lang sói hơn là giống con người. Nếu muốn một nhân loại thực sự tồn tại trên thế giới này, chúng ta cần phải xóa sạch tên của những con người ấy, hãy quên đi rằng họ đã từng tồn tại, họ chỉ là những con ác mộng. Thế mà kỳ lạ thay, lịch sử của nhân loại lại lưu đầy tên tuổi của những con người đó.

Con người ta không lúc nào không tìm đủ mọi cách có thể để trở thành người quan trọng hơn, đặc biệt và quyền lực hơn, đều là hoạt động chính trị cả. Còn theo tôi, chỉ có những người tầm thường mới thấy thích thú với mục tiêu này. Người thông minh tinh tường sẽ biết rằng còn có nhiều thứ khác quan trọng đáng phải bận tâm hơn.

Rốt cuộc thì lịch sử là gì? Là những mảnh cắt ghép trên báo chí của thời xa xưa. Sẽ chẳng có tờ báo nào đưa tin ai đó đã giúp đỡ một người khác, nhưng tên tuổi người đó sẽ xuất hiện đầy trên mặt báo nếu như anh ta mang dao đi giết người. Thế thì lịch sử của chúng ta sẽ còn lại cái gì nếu như không đề cập tới những kẻ đã từng là mối hiểm họa ghê gớm, đã từng gây bao tang thương khủng khiếp trong tâm trí của toàn nhân loại. Chẳng lẽ đây là những gì chúng ta gọi là lịch sử? Chẳng lẽ đâu óc chúng ta lại chỉ có được thứ văn chương sot rác này.

Quả là kỳ lạ khi mà mọi người thậm chí còn không thèm đề cập tới những tinh hoa thật sự của trí tuệ con người. Và quả thực là khó khăn cho tôi để có thể tìm hiểu được những con người ấy. Tôi đã lục tìm trong rất nhiều thư viện, cố gắng hòng tìm thêm chút thông tin về đích xác những người đã viết ra những trang sử ấy. Họ là những người đặt nền móng cho tất cả. Tiếc rằng chúng ta lại chỉ biết tới có một thế giới mà thôi, đó là thế giới nơi lẽ phải thuộc về kẻ mạnh.

Giờ đây ở cấp độ thứ hai, lẽ phải là kẻ mạnh. Trí tuệ của con người tự tin rằng nó có thể tìm ra đâu là lẽ phải.

Chẳng cần phải vật lộn với gươm giáo, bom đạn và giết chóc lẫn nhau, vì kẻ mạnh chẳng bao giờ chứng minh được chân lý là gì. Mọi người có nghĩ rằng Muhammad Ali sẽ so gắng với Thích Ca Mâu Ni, tất nhiên là Ali sẽ giành phần thắng ngay hiệp đầu tiên. Và cũng không cần phải có thêm một hiệp thứ hai, hiệp một là quá đủ rồi. Đức Phật từ bi sẽ bị đè bẹp! Hãy thử

tưởng tượng tới cảnh chính Thích Ca Mâu Ni sẽ tự đếm: một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, không cần phải đợi trọng tài lên tiếng. Thích Ca sẽ không rời khỏi sàn đấu mà nằm dẹp trên sàn, đếm từ một đến mười và tuyên bố: “Kết thúc, anh là người chiến thắng.”

Trí tuệ đi ngược lại hoàn toàn một điều mang ý nghĩa xuyên suốt: “Lẽ phải mới là kẻ mạnh”. Lẽ phải này phải được đưa ra bởi chính trí tuệ, tư duy logic, lập luận và phải trải qua tranh luận để đưa ra kết luận.

Nhưng rõ ràng là kẻ mạnh không thể chứng minh được đâu là lẽ phải, chuyện đó không có vấn đề gì trong thế giới của động vật, thế giới của bản năng. Trí tuệ đi ngược lại hoàn toàn một điều mang ý nghĩa xuyên suốt: “Lẽ phải mới là kẻ mạnh”. Lẽ phải này phải được đưa ra bởi

chính trí tuệ, tư duy logic, lập luận và phải trải qua tranh luận để đưa ra kết luận.

Đó là những gì mà Xô-crat đã làm tại tòa án. Họ luôn sẵn sàng để trả lời bất cứ truy vấn nào của thẩm phán và ban hội thẩm. Ông ấy hỏi: “Tôi mắc tội gì? Hãy cứ nói với mọi người từng tội từng tội một đi, tôi đã sẵn sàng để trả lời.” Tòa biết rằng họ không đủ lý để cãi với người đàn ông này, còn những lỗi vặt vãnh, họ nghĩ chắc là Xô-crat cũng chẳng thể giải thích nổi. Mà nếu Xô-crat có làm thật đi chăng nữa, thì các thành viên bồi thẩm đoàn cũng không chấp thuận, bởi vì điều đó đi ngược lại với

quyền lợi liên quan tới địa vị của họ. Điều đầu tiên mà họ nói với Xô-crat là: “Tôi lỗi lớn nhất ông đã và đang phạm phải là làm lệch lạc tâm hồn của thế hệ trẻ.”

Xô-crat đáp: “Đúng, có điều đó không phải là tội ác. Còn những gì mà các người cho là làm lệch lạc thì tôi lại gọi sự kiến tạo. Các người đã từng làm lệch lạc suy nghĩ của những lớp thanh niên này; cho nên bây giờ, tôi bắt buộc phải phá hủy sự lệch lạc đó. Nếu như các người đúng, thì tại sao không mở trường, mở lớp, mở các học viện giống như tôi? Người ta tự khắc tìm đến với người mà họ cho là đúng.”

Từ khi Xô-crat mở trường, tất cả các trường khác ở Athens đều phải đóng cửa, vì còn có ai dám bì khi Xô-crat giảng bài? Sự thật là tất cả các giảng viên đã từng giảng dạy đều lần lượt trở thành học trò của Xô-crat. Ông thực sự là một người thầy uyên bác. Ông nói với bồi thẩm đoàn: “Các người hãy dẫn một thanh niên mà các người cho là đang bị tôi đầu độc tư tưởng lệch lạc tới trước mặt tôi đi. Nhưng từ lệch lạc mà các người đang nói có nghĩa là sao?”

Bồi thẩm đoàn: “Ông đã dạy học trò rằng không có Chúa mà cũng không có thần thánh.”

Xô-crat khẳng khái: “Đúng, vì đúng là không có Chúa, không có thần thánh. Vậy tôi phải nói cái gì? Đó không phải là trách nhiệm của tôi. Nếu như Chúa không tồn tại, thì là tôi hay là các ông đang làm mọi người suy nghĩ sai lầm? Tôi chỉ đang nói ra sự thật mà thôi. Chẳng lẽ các người cho rằng chân lý lại làm lệch

lạc đâu óc con người ta?" Và thế là cuộc tranh cãi còn cứ tiếp diễn trong nhiều ngày.

Cuối cùng thì thẩm phán cũng quyết định: "Với trí tuệ của mình, ông ta đã làm cho tất cả bồi thẩm đoàn không thể mở miệng được, một người đàn ông một mình đối chọi lại với cả xã hội Athens, cho nên chúng ta không nên tiếp tục tranh cãi nữa; thay vào đó, sẽ tổ chức một cuộc bỏ phiếu."

Xô-crat bảo rằng: "Bỏ phiếu không thể chỉ ra được đâu là đúng đâu là sai. Thực tế thì số lượng người bỏ phiếu tán thành cái sai còn lớn gấp nhiều lần số lượng người bỏ phiếu cho lẽ phải, bởi vì đối tượng chủ yếu tham gia bỏ phiếu chính là những con người tầm thường vốn mang tư tưởng sai lầm."

Xô-crat đã cố gắng rất nhiều để thiết lập nên một nếp tư duy rằng trí tuệ của con người chúng ta cần phải quyết định xem đâu là lẽ phải. Đó cũng là những nhân tố cuối cùng đã làm nên toàn bộ cuộc cách mạng khoa học. Có lẽ chúng ta nên nhìn Xô-crat như cha đẻ của các môn khoa học bởi vì vấn đề nghiên cứu của khoa học không phải là "anh mạnh, cho nên anh luôn đúng." Vấn đề nằm ở chỗ cần phải chứng minh mình đúng; chuyện ai đó có sức mạnh thế nào không có ý nghĩa gì hết. Vấn đề đó phải được quyết định bằng *logic*, lý lẽ, phải được chứng minh trong phòng thí nghiệm với rất nhiều thử nghiệm và kinh nghiệm.

Vì thế mà ở cấp độ thứ hai của ý thức, chính trị là một thuật ngữ mang nội dung khác hoàn toàn.

Trong suốt hai nghìn năm, Ấn Độ phải chịu kiếp sống nô lệ lầm than, nguyên nhân thì có nhiều, nhưng một trong số đó, và cũng là nguyên nhân cơ bản nhất đó là những người tài của quốc gia này đã quay lưng lại thờ ơ với hoạt động chính trị của những người thuộc tầng lớp thấp nhất, tầng lớp thứ ba, cấp độ bẩn naniel. Nhân tài của Ấn Độ không hứng thú gì đối với hoạt động chính trị hay với quyền lực. Họ chỉ cố công xem xét xem đâu mới là lẽ phải, đâu mới là ý nghĩa đích thực của cuộc sống. Tại sao chúng ta lại đang ở đây?

Vào thời của Thích Ca Mâu Ni, có lẽ là cấp độ thứ hai của ý thức đã đi đến đỉnh cao của nó trên khắp thế giới. Ở Trung Quốc, có những tên tuổi cùng thời như Khổng Tử, Lão Tử, Mạnh Tử, Trang Tử. Ở Ấn Độ, Thích Ca Mâu Ni, Mahavira, Makhkhalı Ghosal, Ajit Keshkhambal, Sanjay Vilethiputta, họ là những cái bóng khổng lồ toả xuống. Còn tại Hi Lạp, Xô-crát, Plato Aristotle, Heraclitus, Pythagoras là những người đã chạm tới tất cả các đỉnh cao của trí tuệ. Thế giới như gặp phải một cơn sóng thủy triều, ào ạt và bất ngờ quét qua. Chỉ có những gã già mới mải mê với chuyện đánh nhau, tất cả những con người giỏi giang thông tuệ đều đi sâu vào việc nghiên cứu tìm ra cách thức để lựa chọn đâu là cái đúng, đâu là cái sai.

Ở Ấn Độ, theo truyền thống thì tất cả các triết gia đều đi một vòng quanh đất nước, thách thức những người khác bằng tri thức của mình. Sự thách thức đó không mang tính thù địch, chúng ta phải hiểu rõ điều

này. Ở cấp độ thứ hai này, thù hận là khái niệm không tồn tại, đối với cả người thách thức và người bị thách thức. Cho nên sự thách thức kia được xem như một hành động thân thiện, không phải là một cuộc chiến, cả hai bên đều mong muốn rằng chiến thắng cuối cùng sẽ thuộc về chân lý. Không bên nào cố tìm mọi cách để hạ gục bên còn lại, cuộc thách đấu hoàn toàn không phải là một vấn đề nghiêm trọng hay gay gắt.

Lúc mà Shankara bắt đầu đàm đạo với Mandan Mishra, anh ta đã chạm vào chân Mandan Mishra và cầu xin phước lành, cầu cho chân lý sẽ giành chiến thắng. Khi chúng ta chạm vào chân địch thủ của mình, điều đó mang ý hàm ý gì? Nó thể hiện rằng: tôi tới đây không phải để tranh đấu với anh. Trong khi Mandan Mishra đã là một người lớn tuổi và được cả đất nước Ấn Độ kính nể thì Shankara mới chỉ là một chàng trai ba mươi tuổi. Xét về tuổi tác, Mandan Mishra đáng tuổi ông của Shankara; với hành động của mình, Shankara muốn thể hiện rằng mục đích của anh không phải là tới đây để đánh bại Mandan Mishra. Thêm vào đó, Shankara còn cầu nguyện phước lành, cầu mong rằng chân lý sẽ giành chiến thắng chứ không hề cầu mong bản thân mình trở thành kẻ chiến thắng. Chúng ta đều biết rằng chân lý không thuộc về riêng ai cả.

Chuyện này diễn ra trên toàn đất nước Ấn Độ như một truyền thống tốt đẹp. Giai đoạn này đã sản sinh ra những trí thức vĩ đại mà thậm chí cho tới tận bây giờ, chúng ta cũng không thể tìm thấy phẩm chất và sự sắc

nhọn trong nhận thức giống như những con người ấy, đơn giản là vì trí tuệ đã được tập trung dành cho khoa học, bỏ mặc triết học đang khô kiệt. Tại thời điểm trước đây, tất cả những con người kia đều sống trong thế giới của triết học.

Chúng ta phải nhớ rõ điều này: đó là một cuộc đấu tranh chứ không phải là một cuộc tranh cãi cá nhân, không phải là tham vọng chứng minh bản thân mình là kẻ mạnh mà là một mong mỏi tìm ra chân lý. Mục tiêu của cuộc đấu tranh đã thay đổi: nó chỉ hướng về chiến thắng của chân lý mà thôi. Có một câu châm ngôn nổi

"Chân lý sẽ giành phần thắng, bất kể kẻ chiến bại có là ai." Đây không phải là một đúc rút xuất phát từ những con người phúc cảm tự ti, mà là một đúc rút của một tâm trí tuệ thực sự vượt trội.

tiếng xuyên suốt chiều dài lịch sử triết học Ấn Độ đó là *Satyameva jayate*, "Chân lý sẽ giành phần thắng, bất kể kẻ chiến bại là ai." Đây không phải là một đúc rút xuất phát từ những con người phúc cảm tự ti, mà là một đúc rút của một tâm trí tuệ thực sự vượt trội.

Truyền thống tốt đẹp này lan sang cả Trung Quốc, rồi Nhật Bản, và nó cũng lan tràn sang rất nhiều lĩnh vực khác nữa. Đó là lý do tại sao hầu hết chúng ta đều phải ngạc nhiên khi chứng kiến hai võ sĩ quyền anh, aikido, hay judo của Nhật thi đấu với nhau, trước tiên bao giờ họ cũng quỳ xuống trước mặt nhau với một thái độ kính trọng vô cùng. Người ta không xem nhau là kẻ

thù. Một trong những tôn chỉ của môn võ judo và của tất cả các hoạt động quân sự tại Nhật Bản chính là khi chiến đấu với một người khác, cuộc chiến đó không bao giờ mang tính chất hiềm thù cá nhân. Nếu như cuộc chiến đấu đó mang tính tư thù cá nhân, thì người tham chiến đã tự đánh bại chính mình, bởi vì tất cả đều dựa trên tinh thần thượng võ, tham gia trận so tài mà không mang tinh thần thượng võ có nghĩa là chúng ta đã tự kéo mình xuống thấp hơn một nấc thang.

Trong môn judo, bất cứ ai thể hiện được tinh thần của judo, người đó là người chiến thắng. Rõ ràng là chính tinh thần thượng võ đã giành phần thắng, chứ không phải con người. Chúng ta bắt gặp sự tương đồng giữa chiến thắng của tinh thần thượng võ trong môn judo với chiến thắng của chân lý trong triết học. Con người ta sẽ tự biến mình thành kẻ chiến bại ngay cái giây khắc mà họ để cho tư thù cá nhân lấn át tâm trí mình trong cuộc đấu.

Trên thực tế thì chuyện này không phải là hiếm, không có ai có thể hiểu được trừ chính con người đã am tường sâu sắc toàn bộ truyền thống lâu đời của phương Đông. Thỉnh thoảng cũng có những trường hợp hai bên tham chiến đều là những kẻ vô danh tiểu tốt tương tự như nhau, khi đó sẽ chẳng có ai giành phần thắng cả. Cuộc tranh đấu cứ thế kéo dài ngày này qua ngày khác, mãi mà không kết thúc được, nhưng rốt cuộc chẳng có ai thắng được ai. Hàng ngày, họ tới, cúi chào nhau thành khẩn và kính cẩn. Thật sự mỗi người trong họ đều nghĩ

đối phương đáng được kính nể bởi vì anh ta không phải là một người thường, chỉ cần được đấu với anh ta cũng đủ vinh dự lắm rồi và thế là trận đấu cứ tiếp diễn mãi. Cuối cùng trọng tài cũng phải tuyên bố: “Không ai thắng cả, vì cả hai bên đều ngoan cường như nhau, không bên nào tìm được cách đánh bại đối phương.”

Lòng tự trọng cũng giống như một cái thòng lọng vậy. Nó là một trạng thái tê liệt mà khi đó, con người ta hoàn toàn có thể bị đánh bại. Chỉ cần để cho một ý nghĩ lọt vào, và thế là xong. Nghệ thuật judo, jujitsu, hay aikido cơ bản đều giống nhau, có khác biệt cũng rất ít, không đáng kể, vì chúng có cùng một nền tảng với nhau. Nền tảng cơ bản đó chính là:

Khi giao tranh, chỉ cần hoàn toàn thinh lặng, như không hiện hữu tại đó, thì mọi dao kiếm đều không thể phạm vào người.

Cho nên chúng ta sẽ thấy hết sức kinh ngạc khi chứng kiến hai kiếm khách đang đụng độ với nhau...

Tôi đã từng có một người bạn, Chanchal Singh, anh này đã từng được huấn luyện về nghệ thuật quân sự tại Nhật Bản. Anh ấy có một trường dạy về nghệ thuật quân sự, và thi thoảng có kể cho chúng tôi đôi ba thứ khi vui chuyện. Anh ấy bảo: “Ở Nhật Bản, người ta có

những khóa đào tạo kĩ năng sử dụng giọng nói. Nếu bị tấn công bằng gươm giáo mà lại không có vũ khí gì trên tay, chỉ cần hô một tiếng, thanh gươm trên tay đối thủ của chúng ta có thể bật ra ngay.”

“Thú vị thật!” Tôi cũng bảo: “Tôi có một anh bạn là một đồ vật; anh ta thì không biết nhiều về gươm kiếm đâu, nhưng chỉ cần một cây gậy thôi là đủ cho anh ta cắt phăng đầu của người khác đi rồi.” Rồi tôi tìm anh bạn đồ vật và kể cho anh ta nghe về những gì mà người bạn kia đã kể. “Chẳng có vấn đề gì” anh bạn đồ vật nói, “Tôi sẽ tách đôi đầu anh ta làm hai mảnh chỉ bằng một gậy cho mà xem.”

Anh bạn đồ vật thực sự là rất to khỏe, anh ta tìm tới đánh nhau với Chanchal Singh. Nhưng ngay khi anh ta vừa mới giơ gậy lên để đập, Chanchal Singh bỗng hét lên một tiếng, chiếc gậy của anh đồ vật bật ra khỏi tay rơi xuống và tim anh ta dường như ngừng đập! Cho dù là đã có chuyện gì xảy ra đi chăng nữa thì rõ ràng là chiếc gậy của anh ta đã mất hết sức mạnh, chỉ bằng một tiếng hét của Chanchal Singh!

Tôi mới hỏi: “Làm thế nào mà anh hét được như thế?”

Chanchal Singh trả lời: “Thứ âm thanh đó dễ học thôi; vấn đề quan trọng hơn ẩn giấu đằng sau nó chính là khi đó, chúng ta không nên để cho mình hiện diện tại đây. Đó mới là thứ khó làm hơn cả. Tôi đã từng ở Nhật bao nhiêu năm chỉ để học được điều đó: mọi thứ đều không có gì phức tạp, trừ việc này. Đáng lẽ ở cái thời điểm mà ai đó muốn bồ sọ mình thành hai mảnh, sự có

mặt của chúng ta là cần thiết vô cùng thì đằng này, chúng ta lại không để cho mình hiện diện tại trận đấu ấy, ngoại trừ tiếng hét không còn vương một chút gì thuộc về cái bản ngã của chúng ta. Đột nhiên, đối phương quên bẵng mất rằng anh ta đang làm gì, anh ta sẽ hoàn toàn rơi vào hăng hut. Trí nhớ của anh ta bị trượt đi trong giây lát. Anh ta sẽ không thể nào nhận thức được chuyện gì đang xảy ra, nhận thức về những gì anh ta đã và đang làm. Khi ấy, đối phương cần phải có một khoảng thời gian để phục hồi. Hãy cứ để cái tôi của mình vắng mặt trong trận đấu. Sự vắng mặt đó sẽ tạo nên một thay đổi nhất định trong tâm trí của đối phương, tương tự như một phút giải lao, chính xác là giải lao đột ngột.

Tuy nhiên nếu như cả hai bên đều cố chấp thì sự việc lại trở nên phức tạp hơn nhiều. Cho nên có một việc hơi lạ kì mà mọi người vẫn thấy ở Nhật Bản, một việc làm rất dễ bắt gặp thôi, đó là: trước khi một người kịp tuốt kiếm để tấn công đối phương, thì thanh kiếm của đối thủ đã ở sẵn trong tư thế phòng ngự. Không phải là người ta sẽ rút kiếm ra sau khi nhìn thấy cử động của đối thủ đâu, không hề, mà thậm chí từ trước khi đối thủ có ý định rút kiếm. Như thể trong cái thời khắc ngắn ngủi kia, khi ý nghĩ rút kiếm vừa mới lóe lên trong tâm trí chúng ta, trong khi tay chúng ta chưa kịp làm gì, thì đã bị đối phương đọc mัว để sẵn sàng phòng vệ.

Tình huống này chỉ xảy ra trong trường hợp chúng ta để cho mình tách ra khỏi cuộc chiến. Khi đó kiếm và

người không còn ranh giới mà hòa vào làm một. Chúng ta chẳng làm gì ngoài việc ở đó, nhưng tách mình ra, để mặc cho mọi việc diễn tiến. Có điều là nếu như cả hai bên đều ngoan cố, thì cuộc chiến có thể cứ tiếp diễn suốt ngày đêm. Chẳng ai có thể đánh đổ đối phương, mà thậm chí là cũng không thể nào chạm tới được nhau.

Điều này không thuộc về cấp độ thông thường, cấp độ của bản năng. Chúng ta đã chuyển sang một cấp độ cao hơn, thậm chí là cao hơn cả cấp độ thứ hai - đó chính là cấp độ thứ ba - cấp độ của trực giác. Và những gì xảy ra đối với trí tuệ của con người tại cấp độ thứ ba này cũng không khác những gì xảy ra giữa gươm kiếm với nhau, hoặc là giữa các võ sỹ phương Đông mà chúng ta vừa nói tới.

Trong suốt sự nghiệp của mình, tôi chỉ yêu mến có hai vị giáo sư mà thôi. Tôi có vô số rắc rối và không tài nào để cho hai vị ấy được yên, nhưng nói chung tôi rất yêu quý họ. Một trong hai vị giáo sư nọ là giáo sư S.S. Roy. Ông này đã từng chọn Shankara và Bradley để viết luận văn tiến sĩ - đó là một nghiên cứu mang tính chất so sánh. Ông ấy đã đưa bản thảo đầu tiên cho tôi xem. Tôi bảo với giáo sư: "Việc này xem ra không được hợp lý cho lắm thì phải: tôi chỉ là học trò của giáo sư, trong khi đó giáo sư lại đang đưa cho tôi xem bản thảo đầu tiên của luận văn tiến sĩ của giáo sư, như thế thì có vẻ hơi khiên cưỡng."

Và ông ấy bảo rằng: "Với quan điểm của mình, tôi cho rằng anh hoàn toàn xứng đáng."

“Nhưng theo quan điểm của tôi thì luận văn của giáo sư đang đi sai hướng rồi đấy, thậm chí là cái tiêu đề cũng sai, bởi vì giáo sư đang đem so sánh hai con người ở hai cấp độ khác hẳn nhau.”

Bradley là một trí thức, một trí tuệ vĩ đại. Tên tuổi của ông ta lẩn át những tên tuổi khác trong suốt những năm đầu của thế kỷ hai mươi, và trong lĩnh vực triết học. Bradley đứng trên đỉnh cao của trí tuệ. Trong khi đó thì Shankara hoàn toàn không phải là trí thức một chút nào.

Tôi trình bày quan điểm của mình với giáo sư Roy thế này: “Tất nhiên là họ đều đi tới một kết luận cuối cùng và giáo sư thấy hai kết luận đó giống nhau; đó là lý do để giáo sư so sánh họ. Nhưng ngài lại không nhận ra rằng họ đi đến cùng một kết luận từ những ngọn nguồn khác nhau. Bradley dùng tư duy *logic*, trí năng để đưa ra luận điểm, trong khi Shankara kết luận thông qua trải nghiệm; và đó là phản biện của tôi về luận án của ngài.”

“Shankara không chỉ đang tranh luận về họ như một triết gia mà còn là một triết gia thực thụ, song đó chỉ là thứ yếu. Shankara đã từng trải nghiệm qua chân lý. Cho nên giờ đây để diễn tả chân lý, Shankara sử dụng tới *logic*, lập luận, và trí năng của mình. Bradley thì không từng trải nghiệm, chính ông cũng đã từng thừa nhận điều này, nhưng bằng trí tuệ của mình, ông có thể tìm ra và bảo vệ được nguyên vẹn giá trị cho kết luận của mình.

Cho nên tôi mới nói với giáo sư Roy rằng: “Nếu giáo sư hỏi tôi thì tôi phải nói rằng ngài đã đem so sánh hai

con người hoàn toàn khác nhau mà đáng lý ra thì không thể nào đem ra so sánh được.”

Tất nhiên là cũng có một vài luận điểm khác, nhưng vấn đề cơ bản thì vẫn tiếp tục gây bàn cãi. Không phải là không thể thống nhất được một kết luận chung nào đó mang vẻ hợp lý một chút, dù cho kết luận đó có thể là đúng hoặc không. Nhìn chung thì chúng ta không thể chắc chắn được thế nào là lẽ phải trong chuyện này. Nhưng với Shankara, thì mọi việc không liên quan tới việc vấn đề đó là đúng hay sai: quả thực là vậy. Nếu chúng ta có thể chứng tỏ một cách hợp lý duy, rằng anh ta sai, thì Shankara cũng không suy chuyển khỏi vị trí của mình. Trong khi đó thì Bradley hoàn toàn có thể: chỉ cần chứng minh được rằng Bradley có tư tưởng sai lầm, chắc chắn Bradley sẽ lung lạc ngay.

Tôi bảo: “Cả Shankara và Bradley đều nói rằng Chúa, Braham, chân lý đều có thật. Nhưng sự khác biệt nằm ở chỗ lập trường, quan điểm của Bradley sẽ bị lung lạc nếu như chúng ta có thể đưa ra những chứng cứ và lập luận *logic* để tranh luận với ông. Còn Shankara sẽ chỉ cười và nói: “Anh nói đúng. Cách thức diễn đạt của tôi đã sai. Tôi đã nhận ra rằng ai đó mà biết tới chân lý thì sẽ thấy được diễn đạt của tôi sai tới cỡ này. Anh hoàn toàn đúng, còn tôi nhận là cách thức diễn đạt của tôi sai.” Shankara sẽ không thừa nhận rằng mình sai. Shankara đang đứng ở địa vị của người đã trải nghiệm, đó là thứ thuộc về trực giác.”

Ở cấp độ của trực giác, không có chỗ cho những tranh giành.

Ở cấp độ của bản năng, các chính trị gia chẳng tin vào thứ gì khác ngoài việc phải giành chiến thắng. Bởi thế mà họ có thể sử dụng bất cứ phương tiện gì cốt để đạt được mục đích.

Ở cấp độ của trực giác, không có chỗ cho những tranh giành.

Ở cấp độ của bản năng, các chính trị gia chẳng tin vào thứ gì khác ngoài việc phải giành chiến thắng. Bởi thế mà họ có thể sử dụng bất cứ phương tiện gì cốt để đạt được mục đích. Mục đích sẽ biến minh

cho phương tiện của họ, cho những thủ đoạn xấu xa mà họ từng áp dụng. Adolf Hitler đã nói trong cuốn tự truyện của mình rằng: "Không quan trọng phương tiện là gì, quan trọng là kết quả ra sao. Nếu anh thành công, thì bất cứ điều gì anh làm cũng đúng; nếu anh thất bại, thì thứ gì anh làm cũng đã sai. Nói dối, mà thành công, thì lời nói dối cũng trở thành sự thực. Dù làm bất kì việc gì, hãy luôn tâm niệm rằng thành công đang ở cái đích mà ta nhắm tới. Khi đó thì thành công hoàn toàn có thể hợp lý hóa tất cả mọi thứ. Còn nếu thất bại... cho dù anh làm điều gì cũng đúng thì thất bại cũng sẽ chứng minh rằng mọi thứ đều thật sai lầm."

Ở cấp độ thứ hai, xuất hiện những cuộc đấu tranh, cuộc đấu tranh đó thực chất là do con người, thực chất là xuất phát từ trí năng của con người chúng ta.

Vâng, rõ ràng là vẫn có một cuộc tranh cãi nào đó nhằm chứng minh rằng những gì mà chúng ta đang tin theo và nắm giữ là đúng đắn, nhưng có một thứ còn quan trọng hơn bản thân chúng ta, đó chính là chân lý. Nếu như có một chân lý vĩ đại hơn, đúng đắn hơn chính phục chúng ta, đó hẳn phải là một niềm hân hoan chứ không phải là bất hạnh. Khi Shankara đánh bại Mandan Mishra, Mandan Mishra đã đứng vùt dậy, chạm vào chân của Shankara và ngỏ lời muốn được Shankara khai sáng và nhận làm môn đồ. Không hề có bóng dáng của một cuộc chiến nào ở đây. Tất cả chỉ còn lại mối quan hệ giữa con người với con người, và đó là một thế giới của trí tuệ nằm ở tầm cao và thật sự rất cao.

Vậy nhưng vẫn còn đâu đó, dưới danh nghĩa chân lý, ta vẫn thấy một chút màu sắc chính trị ẩn núp đằng sau. Nếu không thì còn cần gì phải thách thức người kia? Nếu đã nhận thức được chân lý, sao không tự thưởng thức nó! Vì lẽ gì còn phải đi khắp nơi trên đất nước để đánh bại kẻ khác? Chỉ cần chúng ta nắm bắt được chân lý, người khác sẽ tự tìm đến với chúng ta. Rõ ràng là vẫn còn phảng phất chút hơi hướng của hoạt động chính trị. Có thể gọi là chính trị học triết học, hoặc là chính trị học tôn giáo, song dù thế nào, nó vẫn là hoạt động chính trị, tất nhiên là ở mức độ tinh lọc mà thôi.

Chỉ có trong cấp độ thứ ba, khi mà trực giác bắt đầu đảm nhiệm chức năng của nó thì các cuộc đấu tranh mới bị loại trừ một cách triệt để. Đức Phật chẳng bao giờ đi tìm người để mà tranh cãi hay tranh luận.

Mahavira cũng thế và Lão Tử cũng vậy. Chỉ có mọi người, những con người đang khát - tự đến với họ. Và họ thậm chí còn không màng để tâm tới những kẻ tới bên họ để thách thức hay đàm đạo.

Đã có rất nhiều người tới gặp Đức Phật: Sariputta, Moggalayan, Mahakashyap. Tất cả họ đều là những triết gia nổi tiếng, với hàng nghìn môn đệ, và họ tới để thi thoả với Đức Phật. Có một tôn chỉ xuyên suốt cuộc đời của Người đó là: "Anh mà nhận thức được thì tôi rất lấy làm vui mừng. Anh có thể tự xem mình là kẻ chiến thắng. Nhưng liệu anh có biết được chăng? Tôi biết, và thấy rằng không cần thiết phải thách thức với ai. Bởi vì chỉ có hai loại người, những người nhận thức được và những người không nhận thức được mà thôi. Với những người không nhận thức được, làm sao mà tôi có thể thách thức những con người đáng thương đó được cơ chứ? Điều đó chẳng có ý nghĩa gì. Còn những người nhận thức được, làm sao tôi có thể thách thức sự hiểu biết của họ đây? Điều đó cũng chẳng còn ý nghĩa."

Đức Phật đã hỏi Sariputta thế này: "Nếu anh nhận thức được thì tôi rất lấy làm vui mừng, nhưng liệu anh có nhận thức được? Không phải là tôi đang thách thức anh, chỉ đơn giản là đang tìm hiểu mà thôi. Anh là ai? Nếu anh còn chưa biết thì hãy dừng ngay cái ý định thi thoả với tôi đi. Rồi hãy cứ ở lại đây với tôi. Một ngày nào đó, vào thời khắc thích hợp, điều đó có thể sẽ xảy ra, xảy ra mà không cần phải thi thoả, không cần qua tranh luận, thậm chí cũng không cần diễn giải."

Và tất cả những người từng tới thách đấu với Đức Phật đều thật tâm giác ngộ. Sariputta đã quỳ sụp dưới chân Đức Phật mà nói: “Xin hãy bỏ qua cho sự thách thức của tôi. Tôi *không* biết. Tôi chỉ giỏi tranh luận, và đã đánh bại biết bao nhiêu triết gia khác. Nhưng tôi biết một điều rằng người không phải là một triết gia. Giờ đây, đã đến lúc tôi phải khuất phục để nhìn nhận dưới một góc độ mới rồi. Tôi sẽ phải làm gì?”

Đức Phật bảo: “Anh chỉ cần im lặng trong vòng hai năm.” Đó là một phương thức thông thường đối với tất cả những ai đã tới với ý định thi thoả cùng Đức Phật: “Hai năm hoàn toàn tĩnh tâm, sau đó thì anh có thể hỏi bất cứ điều gì anh muốn.” Và có lẽ khoảng thời gian hai năm tĩnh tâm đó là quá đủ. Sau hai năm, thậm chí họ còn quên mất cả tên của mình, quên luôn tất cả những thách thức, quên đi ý niệm về chiến thắng. Đồng thời họ ném trái thế nào là người, thế nào là chân lý của bản thân mình.

Cho nên tôi mới nói rằng ở cấp độ của trực giác, không hề tồn tại hoạt động chính trị. Trong một thế giới tốt đẹp hơn lên ấy, con người dưới sự dẫn dắt của trực giác cũng giống như những ngọn đèn chỉ đường dẫn lối cho những người mới chỉ hiểu được

Trong một thế giới tốt đẹp hơn lên ấy, con người dưới sự dẫn dắt của trực giác cũng giống như những ngọn đèn chỉ đường dẫn lối cho những người mới chỉ hiểu được mơ hồ thông qua trí tuệ.

mơ hồ thông qua trí tuệ. Còn các chính trị gia có nhận thức cao, các vị giáo sư về chính trị, giới trí thức, cùng với các nhà phân tích lý thuyết, đến lượt mình sẽ lại trở thành người dẫn dắt cho các chính trị gia ở cấp độ bản năng. Đây là con đường duy nhất giải thoát thế giới khỏi sự ràng buộc, hướng tới cuộc sống thanh thản.

Nguồn sáng sẽ tới từ trên tầng cao nhất. Ánh sáng đó phải được truyền dẫn thông qua tầng trung gian thứ hai, vì chỉ có như vậy, các yếu tố của tầng thứ ba mới có thể thâu tóm được chính nó; khi đó, tầng thứ hai sẽ đóng vai trò như một chiếc cầu nối. Đó là những gì đã diễn ra tại Ấn Độ thời cổ.

Điều đó đã xảy ra một lần...

Những người có khả năng trực giác thường sống trong rừng sâu hoặc trên núi cao, và những người chỉ có được khả năng tri giác, các vị giáo sư, các học giả, các nhà nghiên cứu, các vị lãnh đạo cấp cao, là những người thường xuyên lui tới xin ý kiến cho những vấn đề không giải quyết nổi, họ nói: “Chúng tôi mù mịt, còn người có mắt.” Chuyện này cũng đã xảy ra đối với Đức Phật. Người cho dựng trại bên bờ một dòng sông, hai bên, quân đội đang đứng thành hàng dài canh giữ. Dòng sông là biên giới phân chia lãnh thổ của hai vị vua của hai nước khác nhau, họ đã tranh đấu với nhau suốt nhiều thế hệ xem con sông này thuộc quyền cai quản của vị vua nào, bởi lẽ dòng nước của sông rất có giá trị. Cuộc tranh giành vẫn bất phân thắng bại, cho nên dòng sông không ít lần đã bị nhuộm đỏ máu, còn cuộc chiến thì vẫn tiếp diễn.

Biết Đức Phật cho đặt trại ở đó, tướng lĩnh của cả hai phe cùng tìm tới. Thật tình cờ, họ lại vào trại cùng một lúc và chạm trán nhau. Cả hai cùng thấy sốc vì sự trùng hợp ngẫu nhiên kỳ lạ này, nhưng đã đến rồi chả lẽ lại quay ra. Chứng kiến cảnh này Đức Phật mới bảo: “Đừng lo, cả hai cùng tới đây lại là một điều hay. Cả hai người đều đang mù đường, và cha ông của các người cũng vậy. Dòng sông cứ chảy và các người vẫn cứ tiếp tục cảnh giết chóc. Tại sao hai người không nhận thấy một sự thật vô cùng đơn giản nỗi? Ai cũng cần nước cả, mà dòng sông thì lại đủ lớn để cho cả hai bên.”

“Không cần thiết phải tranh giành con sông, ai sẽ trở thành người sở hữu nó đây? Dòng nước vẫn không ngừng chảy về biển cả. Vậy thì tại sao cả hai bên không thể cùng chia sẻ nó? Bờ bên này thuộc về quốc vương nước này, bờ bên kia thuộc về quốc vương nước kia, thế là ổn thỏa. Mà cũng chẳng cần phải vạch rõ một đường ranh giới ở chính giữa dòng sông, vì làm sao có thể vê lên trên mặt nước. Cho nên hãy cùng nhau sử dụng nguồn nước đó, thay vì mải mê đánh nhau vì nó.”

Mọi việc thật dễ dàng. Các vị tướng lĩnh ấy cũng thừa hiểu rằng đồng ruộng của họ đã khô héo quá lâu rồi vì không có người chăm sóc cây trồng. Cuộc chiến ấy diễn ra trước hết là vì: Ai là người làm chủ con sông? Vì nhất định dòng nước phải có người độc chiếm, chỉ sau khi đã phân định rạch ròi, thì mới có nước tưới cho đồng ruộng.

Cùng một sự việc như thế, nhưng những khôi óc mê muội chỉ nghĩ quẩn quanh được tới sự chiếm hữu, còn

Những khói ốc mê muội
chỉ nghĩ quẩn quanh được
tới sự chiêm hữu, còn một
con người với trí tuệ
thông suốt, sẽ nghĩ tới lợi
ích có thể khai thác được

một con người với trí tuệ
thông suốt, sẽ nghĩ tới lợi
ích có thể khai thác được.

Đức Phật bảo: “Hãy
dùng dòng nước đó đi! Và
hãy chỉ tới gấp tôi chừng
nào mà các người đã dùng
hết nước của con sông. Lúc
đó thì mới có chuyện, và lúc đó chúng ta sẽ tính tiếp.
Nhưng hãy nhớ rằng chỉ quay lại đây chừng nào đã
dùng hết toàn bộ nước của con sông này.”

Dòng nước vẫn cứ tiếp tục chảy suốt hai mươi lăm
thế kỷ. Làm sao có thể dùng hết nước của một con sông?
Nhất là đó lại là một con sông lớn, chảy dài hàng ngàn
dặm. Nó chở nước từ những khối băng vĩnh cửu của dãy
Himalaya về tới vịnh Bengal. Có dùng bao nhiêu cũng
chẳng thể nào cạn kiệt. Hơn nữa hai ông vua ấy chỉ là
những quốc vương nhỏ bé, thậm chí có muốn làm cạn
sạch dòng sông, họ cũng không đủ sức.

Sự thông tuệ sẽ đến từ những người có khả năng
trực giác. Có điều là phải có trí thông minh, con người
ta mới có thể hiểu được sự thông tuệ ấy, và trí thông
minh cũng có thể trợ giúp cho các chính trị gia ở cấp độ
của bản năng, những người không biết tới gì khác ngoài
niềm đam mê quyền lực.

Tôi gọi đây là chế độ trọng dụng người tài bởi lẽ
những người có tài năng siêu việt có tầm ảnh hưởng và
khả năng chi phối tới những nấc thang thấp hơn, để

giúp những người thấp hơn họ cũng có cơ hội vươn tới nấc thang của họ. Tại đó không có cái gọi là quyền lợi ưu tiên, và bởi thế, cho nên tất cả đều tự do, và sự thông tuệ luôn là thứ rõ ràng, minh bạch. Số không dễ dàng gì cho một người thuộc về nấc thang trực giác có thể giải thích cho một người thuộc nấc thang bản năng hiểu được đôi điều gì đó, căn bản là họ thuộc về các cấp độ khác xa nhau, họ ở hai chiều khác nhau nhưng lại không hề có cầu nối. Đứng ở giữa, trí năng có thể đóng vai trò trợ giúp hết sức đắc lực cho con người.

Các giảng đường đại học, cao đẳng hay trung học không nên chỉ giảng dạy khoa học chính trị, đó quả thực là một ý tưởng ngớ ngẩn! Nên chẳng là vừa giảng dạy khoa học chính trị nhưng đồng thời cũng giảng dạy cả nghệ thuật chính trị, vì chỉ dừng lại ở khoa học thì chẳng có giá trị gì; chúng ta phải giảng dạy thứ chính trị có thể áp dụng được. Đồng thời, giáo sư của các trường đại học cũng phải đào tạo sẵn đội ngũ các chính trị gia, cấp chứng chỉ và bằng cấp, để cho đội ngũ những người đang chỉ huy cả thế giới này không còn gặp tình trạng xuất thân vô tội vạ. Và khi đó, lớp người cai trị sẽ là những con người được đào tạo, có văn hóa, hiểu biết nghệ thuật và khoa học chính trị, cũng như luôn luôn sẵn sàng trở thành những giáo sư, những chuyên gia. Dần dần, những con người ấy có thể tiếp cận nấc cao nhất của chế độ trọng dụng người tài: tức là trở thành những con người có trực giác.

Nếu điều này trở thành hiện thực, thì lần đầu tiên, chúng ta được biết tới thế nào là con người thật sự - lần đầu tiên đưa chân giá trị về với bản chất của con người, về với tính toàn vẹn của con người và mang chúng tới nơi mỗi cá nhân.

Đó cũng là lần đầu tiên con người chúng ta biết tới một nền dân chủ thật sự trên thế giới này. Thứ mà chúng ta vẫn coi là nền dân chủ hiện nay, thực chất không phải là nền dân chủ - đó chỉ là chế độ quần chúng thống trị mà thôi.

CHIẾN LƯỢC

*Hãy vứt bỏ dần lối tư duy nhảm chán và dung túc
để tái xây lên một tư duy đầy thú vị, đậm chất thơ.*

*Gạt sang một bên kiến thức tinh thông phải nhọc
công lý luận; trải những lời ca thành lối suốt đường đời.*

*Hãy bước từ trí năng sang trực giác, bước từ khôi óc
tới con tim, bởi vì con tim người gần hơn với những điều
huyền diệu.*

BÓC VỎ HÀNH

Sự tồn tại của con người thực ra rất đơn giản, chỉ có nhân cách là phức tạp. Nhân cách cũng giống như một củ hành vậy, có tầng tầng, lớp lớp những biến dạng, những lệch lạc; và ẩn giấu đằng sau tất cả những tầng lớp phức tạp này lại chính là sự tồn tại rất đối giản đơn của con người. Ẩn sau quá nhiều lớp lọc cho nên chúng ta rất khó nhận thấy nó, đồng thời cũng vì những lớp lọc này mà chính chúng ta cũng không thấy được thế

Nhân cách cũng giống như một cù hành vậy, có tầng tầng, lớp lớp những biến dạng, những lệch lạc; và ẩn giấu dang sau tất cả những tầng lớp phức tạp này lại chính là sự tồn tại rất đơn giản của con người.

giới bên ngoài, bởi lẽ không có gì đến với con người mà lại không bị các lớp lọc này làm lệch lạc đi hoặc cho méo mó trước khi tiếp cận được với chúng ta.

Không có thứ gì có thể tiếp cận con người một cách nguyên dạng; chúng ta hết lần này tới lần khác đều bỏ lỡ chúng. Có quá nhiều nấc

trung gian đóng vai trò các phiên dịch viên. Khi chúng ta nhìn thấy thứ gì đó, trước tiên là mắt và các giác quan sẽ làm sai lệch nó. Tiếp theo là đến hệ tư tưởng, đến tôn giáo, đến yếu tố xã hội, giáo hội... đều góp công xuyên tạc nó. Rồi thì tới lượt xúc cảm. Rồi thì vân vân và vân vân. Cho tới lúc tiếp cận được tới chúng ta, thứ đó gần như đã không còn lại gì thuộc về nguyên gốc nữa rồi, hoặc là có chăng chỉ một chút không đáng kể. Những gì chưa bị thắt bít mà chúng ta nhìn được đều là do bộ lọc của chúng ta cố tình để lại, mà bộ lọc ấy thì thường không cho phép để lại quá nhiều.

Các nhà khoa học cũng đồng ý về vấn đề này; họ nói rằng con người chỉ nhìn thấy được 2% thực tại - chỉ có 2% thôi! Chín mươi tám phần trăm còn lại đã bị bỏ qua. Có nghĩa là khi mọi người nghe tôi nói chuyện, mọi người chỉ nghe được 2% những gì tôi nói. Chín mươi tám phần trăm đã bị mất đi, và một khi bị mất đi những 98%, thì

2% còn lại cũng chẳng mang lại nội dung gì. Tương tự như việc đọc ngẫu nhiên lấy hai trang trong một cuốn tiểu thuyết, một trang ở chỗ này, một trang ở chỗ khác, để rồi sau đó thì tái thiết lại toàn bộ nội dung cuốn tiểu thuyết từ nội dung của hai trang đã đọc. Có tới tận chín mươi tám trang đã bị bỏ qua! Chúng ta không hề có lấy một gợi mở nào về chúng, thậm chí còn không biết tới sự hiện diện của chúng. Chỉ với hai trang sách, chúng ta phải dựng lại cả một câu chuyện. Sự tái thiết này xuất phát từ sự hư cấu của mỗi con người, hoàn toàn không phải là khám phá của chân lý, nói cách khác thì đó chính là sự tưởng tượng của chúng ta.

Có một nguyên nhân sâu xa dẫn tới sự cần thiết phải lấp đầy những khoảng trống này. Bất cứ khi nào nhìn thấy hai sự vật không có liên quan, tâm trí của chúng ta cũng đều nhanh chóng tiến hành tìm mối tương quan để móc nối chúng lại với nhau; nếu không, nó sẽ cảm thấy rất vất vả. Nhờ thế mà chúng ta mới hư cấu nên một mối liên hệ nào đó. Chúng ta cố định hai sự vật sự việc tách rời lại với nhau bằng một sợi dây liên kết, chúng ta nối chúng lại, và tiếp tục hư cấu nên một thế giới không hề tồn tại ở đó.

George Gurdjieff vẫn thường gọi những điều lọc này là “bộ giảm xóc.” Chúng bảo vệ con người khỏi thực tại. Chúng che chắn cho những điều giả dối, những mơ tưởng, và những dự đoán của chúng ta. Chúng không cho phép con người ta được tiếp xúc với thực tại, vì sự tiếp xúc ấy có thể làm tan vỡ hoặc gây

sốc đối với những điều trên. Con người ta sống cùng những điều giả dối.

Người ta cho rằng chính Friedrich Nietzsche là tác giả của câu nói: “Xin đừng loại bỏ những điều giả dối ra khỏi cuộc sống của con người, nếu không thì nhân loại sẽ không thể nào sống được. Con người ta sống cùng những điều giả dối. Đừng vứt bỏ những tiểu thuyết, đừng phá hủy những câu chuyện hoang đường. Cũng đừng nói ra sự thật vì con người không thể sống nổi với sự thật được đâu.” Và ông ấy đã nói đúng về 99.9% số người, chỉ có điều là thế giới của những điều dối trá ấy sẽ ra sao? Nó sẽ là một điều dối trá khổng lồ. Thế còn hạnh phúc sẽ ra sao nếu được xây từ giả dối? Đó là điều không tưởng, bởi thế mà loài người sẽ lâm vào cảnh khốn cùng. Chỉ có sự thực mới đem tới niềm hạnh phúc; dối trá chỉ mang tới cảnh đọa đầy cùng cực. Vậy mà chúng ta vẫn cứ tiếp tục bênh vực cho những điều giả dối đó. Sự dối trá bao giờ chẳng dễ chịu, nhưng nó khiến con người ta đi ngược lại hạnh phúc thật sự, đi ngược lại chân lý và đi ngược lại sự tồn tại.

Mỗi con người là một cù hành. Và cái được coi là nghệ thuật ở đây là nằm ở chính cách bóc hành, ở cách thức đi tới tận cùng thâm tâm mỗi con người.

1. CÁC GIÁC QUAN TỰ NHIÊN. Các giác quan tự nhiên chính là yếu tố cấu thành nên lớp đầu tiên. Chớ có bao giờ nghĩ rằng các giác quan tự nhiên này vốn dĩ đã thế, thực ra không phải như vậy. Chúng đều

đã được hoàn thiện dần. Chúng ta chỉ nhìn mọi vật nếu như xã hội cho phép làm thế, tương tự thì chúng ta cũng chỉ nghe thấy những thứ quanh mình nếu như xã hội cho phép chúng ta được nghe. Và tất nhiên, vật gì chúng ta chạm vào cũng là do xã hội cho phép làm.

Con người đã đánh mất rất nhiều giác quan, như ngửi chẳng hạn. Chúng ta gần như mất đi khả năng ngửi của mình. Thủ nhìn một con chó đánh hơi thí thấy, khứu giác của chúng thật là nhạy cảm! Con người có vẻ nghèo nàn về giác quan quá. Có chuyện gì đã xảy ra với cái mũi của chúng ta vậy? Tại sao con người ta lại không thể ngửi mùi tinh nhạy như loài chó, hay như loài ngựa? Ngựa có thể đánh hơi cách xa hàng dặm. Trong khi đó loài chó có trí nhớ tuyệt vời về mùi; còn con người thì chẳng có gì. Đường như cứ có thứ gì chặn cái mũi của chúng ta lại thì phải.

Những người đã bỏ công tìm hiểu về những lớp này cho rằng sở dĩ có điều này là vì con người đã chịu sự đè nén về tình dục, và sự kìm giữ này đã đánh mất khả năng cảm nhận mùi của con người. Về mặt tự nhiên mà nói, con người vốn dĩ cũng nhạy cảm như bất kỳ loài động vật nào khác, nhưng bởi lý do tâm lý mà cái mũi của con người bị mất dần khả năng này.

Mùi hương chính là một trong những cánh cửa lôi cuốn nhất khiến con người ta muốn khám phá lẫn nhau. Thông qua mùi đặc trưng mà các loài vật có thể phát hiện ra con đực có cơ hội tiến tới gần để kết bạn cùng con cái hay không; đó là những dấu hiệu hết sức

tinh tế. Khi một con cái săn sàng để kết đôi cùng với con đực, nó sẽ tiết ra một loại mùi hương nào đó. Con đực chỉ cần ngửi mùi hương ấy, cũng có thể biết rằng nó đã được chấp nhận. Nếu chờ đợi mà không thấy mùi hương “mở cửa” phát ra, con đực sẽ rời đi, vì nó biết rằng mình không có cơ hội nào ở đó.

Con người đã đánh mất đi giác quan cảm nhận mùi hương bởi lẽ nếu cứ tiếp tục duy trì giác quan ấy như các loài vật trong tự nhiên, con người khó có thể thiết lập cái văn hóa được gọi là một xã hội có văn hóa.

Con người đã đánh mất đi giác quan cảm nhận mùi hương bởi lẽ nếu cứ tiếp tục duy trì giác quan ấy như các loài vật trong tự nhiên, con người khó có thể thiết lập cái văn hóa được gọi là một xã hội có văn hóa. Giả dụ một anh chàng đang đi

trên đường thì bất ngờ hương thơm mang tín hiệu đồng ý phát ra từ một người phụ nữ. Trong khi đó cô ta lại là vợ của một người đàn ông khác, và vẫn đang tay trong tay cùng chồng. Chàng trai đó sẽ làm gì? Quả thật là rắc rối và khó xử! Trong khi vợ chúng ta không hề phát ra tín hiệu nào với ông chồng đang ở ngay bên cạnh, thì chỉ cần một người đàn ông lạ băng qua, cô ấy lại phát tín hiệu chấp thuận ngay lập tức, cho dù đó chỉ là một tín hiệu được phát ra trong vô thức mà bản thân chúng ta cũng không thể nào kiểm soát nổi. Có điều là chúng ta sẽ nhận ra rằng vợ mình đang để mắt tới một người đàn ông khác, đang mở cửa cho một người đàn ông

khác. Điều đó mới làm nên chuyện! Chính vì thế nên qua nhiều thế kỷ, đàn ông đã tự triệt tiêu khả năng ngửi mùi của chính mình.

Rõ ràng là không phải ngẫu nhiên mà tại các quốc gia văn minh, người ta lại dành nhiều thời gian cho việc tẩy bỏ mùi cơ thể đến vậy. Toàn bộ mùi hương của cơ thể con người đã bị loại bỏ hoàn toàn bởi hàng đống các loại chất khử mùi, xà phòng khử mùi. Thay vào đó là hàng lớp nước hoa, mỹ phẩm. Tất cả chúng đều là sự che giấu; tất cả đều là những cách thức để tránh một sự thực không thể nào thay đổi. Mùi hương cơ thể là một tín hiệu giới tính rất đậm nét, đó là lý do tại sao mà con người lại tàn phá khứu giác của mình, nói đúng ra là triệt phá khứu giác của mình.

Thậm chí, ngay trong hoạt động ngôn ngữ, chúng ta cũng có thể nhận thấy sự khác biệt. Việc nhìn mang một ý nghĩa nhất định, việc nghe cũng mang một ý nghĩa nhất định, duy có “ngửi” là mang tính chất đối lập. Nói tới “nhìn” tức là nói tới khả năng nhìn, nhưng nói tới “ngửi” lại hoàn toàn không hàm ý khả năng có thể ngửi, nó có nghĩa là ai đó đang bốc mùi. Như vậy, mặc dù mới chỉ dừng lại ở cấp độ ngôn ngữ, nhưng chúng ta cũng có thể nhận thấy sự xuất hiện của sự kìm nén rất rõ ràng.

Tình huống tương tự cũng xảy đến với các giác quan còn lại. Chúng ta chẳng mấy khi mắt đối mắt khi nói chuyện với người khác, mà cho dù có nhìn thẳng đi chăng nữa, thì cũng chẳng quá vài giây. Thế có nghĩa là

chúng ta chẳng bao giờ thực sự nhìn vào người khác mà cứ luôn tìm cách lẩn tránh. Thậm chí nếu có nhìn, chắc hẳn sẽ bị coi là gây sự. Hãy thử nghĩ xem: Chúng ta liệu có thật sự nhìn thấy mọi người chăng? Hay là cứ tiếp tục lẩn tránh ánh mắt của những người đối diện? Bởi vì nhiều lúc, nếu không biết đường tránh trước, rất có thể chúng ta sẽ tình cờ bắt gặp những thứ mà người ta cũng chẳng muốn lộ ra trước đám đông. Mà rõ ràng là chẳng hay ho gì khi gặp tình huống ấy, cho nên, tốt hơn cả là cứ tránh.

Hãy cứ nghe tiếng nói mà không cần nhìn nét mặt, vì có đôi khi lời nói và nét mặt thậm chí còn mâu thuẫn cả với nhau. Người ta nói một đằng nhưng lại thể hiện ra mặt theo một nẻo. Dần dần, con người quên luôn cả khả năng nắm bắt nét mặt, ánh nhìn hay điệu bộ. Chúng ta chỉ còn biết tập trung vào lời nói mà thôi. Có lẽ là đọc tới đây, không ít người thấy ngạc nhiên rằng tại sao con người lại có thể nói một đằng mà biểu hiện ra ngoài một nẻo. Nhưng cũng không có ai phát hiện ra điều này, đơn giản là vì chúng ta không được dạy bảo để nhìn thẳng vào mặt người đối diện. Thậm chí có nhìn đi chăng nữa, cũng chỉ là cái nhìn không chủ định và vô thức, cái nhìn ấy hoàn toàn vô hồn, có nhìn mà cũng như không.

Ngay cả việc nghe cũng có chọn lọc. Không phải thứ gì con người ta cũng nghe, chúng ta chỉ chọn nghe những gì mà chúng ta cho là hữu ích. Đặt trong bối cảnh từng xã hội khác nhau, đất nước khác nhau, tiêu chí có ích vừa nói ở trên cũng khác nhau. Một người chỉ

quẩn quanh trong một thế giới hoang sơ, sống trong rừng rậm hoang vu hẻo lánh, sẽ có khả năng hấp thụ những loại âm thanh khác biệt so với những người khác. Họ luôn phải cảnh giác và đánh động lũ thú rừng; cuộc sống lúc nào cũng đặt trong vòng nguy hiểm. Trong khi đó thì chúng ta không cần thiết phải cảnh giác hay đánh động, chúng ta đang sống trong một thế giới văn minh mà thú dữ không dám bén mảng tới, cho nên không có gì phải e sợ. Khi mà sự sống còn không còn là vấn đề đáng bận tâm, thì thính giác cũng không cần thiết phải vót nhọn lên để nghe ngóng, vì thực sự không cần phải thế.

Đã có ai từng để ý một con thỏ hoặc là một con nai ngơ ngác? Chúng vểnh tai nghe ngóng luôn luôn và nhạy cảm với từng biến động nhỏ tí ti. Chỉ cần một tiếng động nhỏ xíu thôi, chẳng hạn như một chiếc lá khô lia cành bởi cơn gió nhẹ, con nai cũng giật nẩy mình. Trong khi đó, dù có nghe thấy đì chăng nữa, con người cũng chẳng mấy may để ý tới. Ngay cả những âm thanh tuyệt vời và âm nhạc huyền diệu cũng không thể đánh thức khả năng nhận thức của con người. Muốn thưởng thức được giai điệu tuyệt vời của cuộc sống, đòi hỏi con người ta phải có thêm nhiều kích thích từ cả thính giác, khứu giác và xúc giác.

Như vậy, tấm lọc đầu tiên của con người chính là hệ thống các giác quan tự nhiên đã bị thui chột khá nhiều. Chúng ta chỉ nhìn thấy những gì chúng ta muốn thấy. Cơ chế vận hành của cơ thể đã bị tiêm nhiễm các chất

Tâm lọc đầu tiên của con người chính là hệ thống các giác quan tự nhiên đã bị thui chột khá nhiều. Chúng ta chỉ nhìn thấy những gì chúng ta muốn thấy. Cơ thể vận hành của cơ thể đã bị tiêm nhiễm các chất gây hại, và vấn đề đáng ngại ở đây là cơ thể của con người đã bị cái cơ chế độc hại và cứng nhắc ấy ăn sâu, bám rễ. Nói cách khác là con người chúng ta đang tự đóng băng mình, chúng ta sống trong lạnh giá, sống khép kín và thụ động. Sự hãi cuộc sống, vô hình chung chúng ta đã giết chết tất cả những khả năng mà thông qua nó, cuộc sống có cơ hội tiếp xúc với chính con người.

Người ta sợ phải chạm vào nhau, không nắm tay, và cũng chẳng muốn trao nhau một cái ôm. Cho nên khi phải cầm tay một ai đó, cả hai phía đều thấy không thoải mái. Hoặc thậm chí khi phải ôm một người khác, con người ta cũng nhanh chóng buông ra ngay, vì thấy có cảm giác tội lỗi như vừa làm một điều gì xấu xa, không cần biết là cơ thể người khác, hơi ấm của họ, có thể giúp lật mở chính con người mình. Thậm chí con cái cũng không được phép ôm cha mẹ chúng, họ cảm thấy sợ. Nói cho cùng thì tất cả những nỗi sợ này đều có nguồn gốc sâu xa, đều bắt rễ từ nỗi e dè về hoạt động giới tính. Thành ra mới có điều cấm kị về giới. Chẳng hạn như mẹ thì không thể ôm con trai, vì đứa con rất có

thể sẽ bị khuấy động nhu cầu tình dục, một nỗi sợ hãi. Còn bố thì lại không dám ôm con gái, vì chính người bố e ngại rằng ham muốn sẽ bị khơi gợi, rõ ràng là hơi ấm có tác động theo những cách riêng của nó. Sự trỗi dậy bản năng tự nhiên và nhu cầu giới tính không phải là điều gì xấu; nó chỉ đơn giản là một dấu hiệu chứng tỏ con người ta còn sống và sống theo đúng nghĩa mà thôi. Nhưng những nỗi sợ hãi, những điều cấm kỵ lại cứ ép buộc con người ta: "Hãy tránh xa, hãy giữ khoảng cách."

Tất cả các giác quan của chúng ta đều bị bóp méo. Con người ta không được phép sống một cách tự nhiên, do đó mà đánh mất luôn tất cả những gì thuộc về chân giá trị, mất hết sự trong sáng, và thanh lịch. Đó chính là lớp lọc đầu tiên.

Cũng chính bởi những đè nén này mà con người trở nên lanh cảm. Không còn thấy vui nữa là hiện tượng không khác gì nhau đã xảy ra với cả phụ nữ và đàn ông, nhưng đàn ông chịu ảnh hưởng nghiêm trọng hơn, vì họ có xu hướng cầu toàn hơn, nói đúng hơn là quá cầu toàn. Chỉ cần có một ý tưởng, đàn ông sẽ ra sức đi tới tận cùng. Trong khi đó phụ nữ thường thực tế hơn chứ không cầu toàn như phía đối phương, họ cũng là người biết cân nhắc hơn, có khả năng cân bằng tốt hơn, họ kém hơn một chút về khả năng tư duy nhưng bù lại, khả năng trực giác mạnh mẽ hơn. Phụ nữ không tự buộc mình phải đi tới tận cùng của vấn đề. Và có lẽ là mọi chuyện tốt hơn nhiều vì phụ nữ không dễ bị kích động như đàn ông, điều này giải thích tại sao phụ nữ vẫn còn

giữ được cho mình phần nào những chân giá trị, vẻ duyên dáng, cuộc sống viên mãn, và sự thi vị. Nhưng dù sao thì cả phụ nữ và đàn ông không ít thì nhiều, đều đã trở nên khô cứng khi đứng trong chính xã hội của mình. Đàn ông thì nhiều, phụ nữ thì ít hơn, nhưng sự khác biệt đó cũng chỉ trong chừng mực rất nhỏ.

Đây chính là lớp màng lọc mà tất cả mọi con người đều phải vượt qua. Và rồi chính lớp màng lọc ấy sẽ phá hủy, sẽ dịch lại theo ngôn ngữ của nó, sẽ nhào nặn, điểm tô thêm những màu sắc mới của riêng nó, cộng với những dự đoán và hư cấu, nói cách khác là nó khoác lên thực tại những lớp áo rất dày. Để cho lớp này biến mất, chắc chắn phải nói tới những đóng góp rất lớn của yoga: làm cho cơ thể con người ta trẻ trung hơn, nhạy cảm hơn và tràn đầy sức sống, đưa các giác quan của chúng ta trở về với trạng thái chức năng tinh nhạy nhất. Khi đó con người ta sẽ không còn bị gò trong những điều cấm kỵ; và khi đó, sự minh mẫn, duyên dáng, và đẹp đẽ sẽ ẩn về. Nhiệt huyết một lần nữa bùng lên, đồng thời diễn ra với sự cởi mở, hòa nhập và phát triển. Con người ta lúc nào cũng thấy trẻ trung, tươi mới, lúc nào cũng có cảm giác phiêu lưu. Cơ thể hưng phấn cao độ. Niềm vui ngập tràn.

Nhờ có niềm vui thú mà sự sai lệch ban đầu đã nói ở trên, biến mất. Đó cũng là lý do mà tôi muốn nhấn mạnh với tất cả mọi người việc hãy biết tận hưởng niềm vui sướng, hãy biết vui chơi, hãy thưởng thức cuộc sống này, và hãy biết chấp nhận bản thân mình, trên thực

tế, không phải chỉ là chấp nhận mà là hãy cảm thấy hạnh phúc vì tạo hóa đã ban tặng cho ta một thân hình đẹp đẽ, có thật nhiều cánh cửa hướng về với thực tại quanh ta: thị giác, thính giác, khứu giác, xúc giác, chỉ cần mở toang những cánh cửa này và cuộc sống cứ thế chảy tràn vào như một cơn gió mát lành, như ánh nắng mặt trời chiếu sáng. Hãy học cách để làm mình nhạy hơn với cuộc sống. Hãy biết chớp lấy từng cơ hội để trở nên nhạy bén hơn, và để cho lớp màng lọc đầu tiên kia bị chọc thủng hoàn toàn.

Nếu chúng ta ngồi trên thảm cỏ, đừng có cố bứt cỏ lên và phá nát thảm cỏ ấy. Trước đây thì tôi hay nói chuyện với mọi người trên bãi cỏ, nhưng sau đó thói quen này phải bỏ, bởi vì mọi người giàm đạp nhiều quá làm cho thảm cỏ có nguy cơ trại mất. Con người ta quá thô bạo, thô bạo trong vô thức, họ thậm chí cũng không ý thức được việc mình đang làm nữa. Cho dù có được nhắc nhở đi nhắc nhở lại, thì chỉ vài phút sau họ lại quên ngay. Dường như họ lúc nào cũng bồn chồn không yên, và cũng không biết mình vừa gây ra cái gì. Trong khi đó thì đám cỏ lại ở ngay tầm với, tiện tay, họ cứ thế chà xiết và bứt bỏ.

Những lúc ngồi trên thảm cỏ, hãy nhắm mắt lại, trở thành một phần của thảm cỏ kia, tức là biến mình thành cỏ dại. Hãy tưởng rằng chúng ta cũng là cỏ, cảm nhận vẻ non xanh của cỏ, tận hưởng cả sự ẩm ướt của chúng. Hãy hít thật sâu thứ mùi hương mơ hồ phảng phát từ cỏ tỏa ra. Hãy cảm nhận làn sương phủ trên đám cỏ, cảm nhận rằng chúng đang phủ lên ta. Cảm nhận cả những tia

nắng mỏng manh đang nhảy nhót trên lá cỏ. Hãy tan biến trong đám cỏ chỉ trong một vài khoảnh khắc, và rồi cơ thể mỗi con người sẽ đánh thức những giác quan đầy mới mẻ. Thủ làm như thế ở khắp mọi nơi: trong dòng sông, tại bể bơi, khi nằm trên bãi biển dài đầy nắng gió, khi ngâm trăng vào buổi đêm khuya hoặc lúc nhắm mắt nằm dài trên bãi cát, cảm nhận những hạt cát cứng cáp dưới thân ta. Có cả triệu triệu cơ hội làm sống lại chính bản thân mình. Và cũng chỉ có chính chúng ta mới làm được điều đó. Nếu như xã hội loài người đã làm cái công việc bóp méo con người, thì không ai khác ngoài chính mỗi con người phải làm điều ngược lại.

Thêm vào đó, mỗi lần vót nhọn thính giác, thị giác, xúc giác và khứu giác để cảm nhận, là một lần con người ta hòa cung thực tại.

2. NGOẠI CẢNH

Lớp vỏ thứ hai lại là các yếu tố thuộc về ngoại cảnh, xã hội, chính trị, tôn giáo, hệ tư tưởng, có thể gọi chung lại dưới cái tên các hệ thống quan niệm. Các hệ thống quan niệm này ngăn chặn tính cởi mở của con người. Nếu anh là một tín đồ Hindu còn tôi là một tín đồ Hồi giáo, ngày lập tức chúng ta không thể nào tiếp chuyện với nhau. Anh là người và tôi cũng là người, đương nhiên chúng ta có thể giao tiếp, nhưng nếu anh là người cộng sản còn tôi là một tên phátxít, mọi quá trình giao tiếp đều bị chặn. Tất cả các hệ thống quan niệm đều có tác động phá hoại hoạt động giao tiếp giữa người với người. Trong khi đó, cuộc sống

còn gì khác ngoài giao tiếp, với cỏ cây, với sông suối, với nhật nguyệt, rồi với con người và với các loài vật. Cuộc sống gắn liền giao tiếp.

Khi con người ta còn mải quan tâm tới hệ thống các quan niệm của mình, thì còn thời gian đâu cho các cuộc hội thoại. Làm sao chúng ta có thể thực sự để tâm khi trao đổi thông tin? Con người ta thực sự đã đầy ứ các tư tưởng, một cách rất tự nhiên, chúng ta luôn cho rằng mình đã đúng. Thành ra khi lắng nghe người khác, con người ta chỉ nghe cho lịch sự, hoặc là chẳng để tâm. Chúng ta cũng không cần biết đâu là đúng, chỉ chăm chăm chờ đợi khi người ta kết thúc để phản công. Vâng, nói đúng ra thì đó có thể là một cuộc cãi vã, một cuộc tranh luận, chứ không phải là một cuộc trò chuyện. Không thể có cuộc trò chuyện giữa hai quan niệm. Chính các quan niệm đã phá hủy tình bạn, tàn phá tính nhân đạo và sự đồng cảm giữa những con người.

**Nếu muốn nhìn thấy,
muốn nghe và thấu
hiểu, thì phải hạ thấp
sự chế ngự của các hệ
thống quan niệm đang
tồn tại trong mình**

Cho nên, nếu muốn nhìn thấy, muốn nghe và thấu hiểu, thì phải hạ thấp sự chế ngự của các hệ thống quan niệm đang tồn tại trong mình. Chúng ta không thể khu khu giữ cương vị của một tín đồ Hindu, không thể cứ là một

tín đồ Hồi giáo và cũng không thể cứ là một con chiên của Chúa Jesus được. Đừng cố sức giữ mình trong những vai vô nghĩa đó. Hãy giữ mình đủ tinh nhạy để

gạt bỏ các tín ngưỡng đó ra. Cứ tự giam giữ bản thân trong chính cái hệ thống do mình tạo ra, con người ta không thể tự tiếp cận mình mà cũng không dễ cho mọi người có cơ hội tiếp cận chúng ta.

Người ta đang vận động giống như một ngôi nhà không có cửa sổ. Đúng, rõ ràng là chúng ta đang tiến lại gần nhau, thậm chí đôi khi còn va phải nhau, nhưng đáng tiếc là có va nhưng không có gặp. Cũng đúng là đôi lúc chúng ta chạm vào nhau, nhưng đó cũng không thể coi là gặp gỡ. Người ta nói, nhưng không phải là đang giao tiếp. Mỗi người đều tự giam bản thân trong mớ ràng buộc của chính mình; họ đang tự xây quanh mình một cái nhà tù. Và rõ ràng là tất cả những điều này phải được dỡ bỏ.

Các quan niệm sẽ hình thành nên một dạng của tính tự mãn, nó đồng thời cũng ngăn cản sự khám phá những điều mới mẻ bởi lẽ con người ta trở nên sợ hãi. Một lúc nào đó có thể con người ta sẽ tình cờ phát hiện ra một điều gì đó đi ngược lại niềm tin của họ, khi đó thì chuyện gì sẽ xảy ra? Nó sẽ làm xáo trộn toàn hệ thống. Cho nên tốt nhất là đừng có khám phá làm gì, tốt nhất là cứ yên vị trong một thế giới chết, một thế giới ỉ ạch, và đã được định hình từ trước, đừng cố với tới những gì xa xôi hơn nữa.

Nó cũng dẫn con người tới một hình thái tri thức kiểu “như thế là”, *như thế là* ta biết, thực ra thì ta chẳng biết gì về Chúa cả, nhưng lại có một niềm tin vào Chúa, chúng ta chẳng biết thế nào là chân lý, nhưng lại

có cả một học thuyết về điều đó. Cái kiểu “như thế là” ấy thật là nguy hiểm. Nó giống như một trạng thái thôi miên mà tâm trí con người gặp phải.

Cả đàn ông và phụ nữ đều đã và đang bị ràng buộc trong ngoại cảnh, dù dưới hình thức này hay hình thức khác. Đàn ông thì có xu hướng hung hăng, ganh ghét, chiếm hữu và ích kỷ. Đàn ông được định hình những tố chất để có thể săn sàng lao vào rất nhiều vai trò khác nhau: người khai phá, kẻ đàn áp, và là ông chủ. Trong khi đó thì phụ nữ bị gắn với quan niệm phải đảm nhận vai trò của người nô lệ. Phụ nữ được dạy cách chấp nhận; họ bị gán cho một khoảng trời vô cùng, vô cùng nhỏ hẹp: trở thành những người nội trợ. Họ đã bị tước mất cuộc đời tươi sáng. Cứ mỗi một lần hệ thống quan niệm đè cái bóng định kiến của nó xuống, người phụ nữ lại lặng lẽ chấp nhận và tiếp tục thu hẹp thế giới của mình, trong khi đó, đàn ông cũng chấp nhận và tiếp tục làm điều tương tự.

Đàn ông được dạy là không được khóc; rơi nước mắt thì không phải là người đàn ông, cho nên đàn ông không khóc. Lại điều ngớ ngẩn gì nữa đây? Khóc, hay nhỏ lệ nhiều khi có tác dụng chữa bệnh rất tốt đối với con người, đó là điều cần thiết, là thứ phải làm, nó giải tỏa gánh nặng trong con người. Đàn ông cứ tích tụ những gánh nặng tâm lý cho mình vì họ không thể khóc, không cho phép mình rơi nước mắt, nhỏ lệ được coi là không xứng làm đàn ông. Còn phụ nữ lại được dạy cho biết khóc, có khóc mới là người phụ nữ thực sự, thế nên họ cứ

khóc và khóc, cho dù là có cần phải khóc hay không. Tất cả những điều này đều xuất phát từ hệ thống quan niệm của con người, con người ta sử dụng nó như một chiến thuật để tăng sự hấp dẫn và lôi cuốn cho mình.

Phụ nữ biết rõ ràng nếu chỉ tranh luận, họ không thể nào thắng nổi chồng mình, nhưng họ lại biết khóc, khóc cũng là hoạt động, và khóc chính là vũ khí để tranh luận với chồng. Đàn ông chỉ được uốn nắn theo một chiềу duy nhất, họ không thể khóc được, còn phụ nữ thì được dạy dỗ theo một chiềу hướng khác, họ khóc và dùng tiếng khóc như một chiến thuật hiệu quả để lấn át đối phương. Khóc cũng trở thành một hoạt động mang màu sắc chính trị, và một khi mà những giọt nước mắt đã nhuộm màu chính trị thì chúng đã dễ mất đi vẻ đẹp của mình, và trở nên xấu xí.

Ai cũng mang trong mình một hệ tư tưởng chính trị nào đó, một hệ tư tưởng tôn giáo nhất định cộng với hàng nghìn thứ khác đang lộn tùng bậy như một mớ bòng bong bên trong tâm trí. Mớ bòng bong ấy đã ăn sâu và trở thành một phần trong mỗi con người, khiến cho người ta không hề có ý tưởng nào về việc tách bạch chúng ra.

Những ràng buộc thuộc lớp thứ hai này là một trong những thứ khó loại bỏ nhất. Nó quá phức tạp. Ai cũng mang trong mình một hệ tư tưởng chính trị nào đó, một hệ tư tưởng tôn giáo nhất định cộng với hàng nghìn thứ khác đang lộn tùng bậy như một mớ bòng

bong bên trong tâm trí. Mở bòng bong ấy đã ăn sâu và trở thành một phần trong mỗi con người, khiến cho người ta không hề có ý tưởng nào về việc tách bạch chúng ra. Người ta có thể nói: "Tôi là một người Hindu," chứ không bao giờ nói rằng: "Tôi có tín ngưỡng là đạo Hindu." Đúng là không bao giờ như thế cả. Khi chúng ta nói: "Tôi là người Hindu" nghĩa là chúng ta đang đồng nhất bản thân mình với đạo Hindu. Nếu đạo giáo này gặp nguy nan, ta cũng sẽ nghĩ rằng mình đang gặp khó khăn nguy hiểm. Giả dụ có kẻ nào đó đốt đèn, chắc chắn chúng ta sẽ nghĩ rằng mình đang bị đe dọa. Hoặc nếu là một người Hồi giáo mà biết có người đốt cuốn kinh Co-ran, kiểu gì chúng ta cũng cho rằng mình đang sống trong nguy hiểm cận kề.

Những hệ thống quan niệm này cần phải được phá bỏ. Khi đó thì sự hiểu biết mới lên ngôi, con người mới có đủ dũng khí để khám phá cuộc sống và cũng khi đó, sự trong sáng trong tâm hồn mới trở về. Chúng ta sẽ được bao bọc trong cảm nhận về những điều huyền bí, sự tò mò hồi hộp và kinh ngạc. Cũng khi đó, cuộc sống không còn quẩn quanh chỉ toàn những điều đã sáng tỏ, đó thực sự là một cuộc phiêu lưu kỳ thú và nhiều bí ẩn đến nỗi con người ta cứ muốn khám phá mãi không thôi, tìm hiểu mãi mà không có điểm dừng. Con người cũng sẽ không tự tạo ra bất kỳ tín ngưỡng nào khác, chúng ta lúc nào cũng được giữ trong trạng thái chưa biết hết. Chính trong trạng thái ấy, các ông đồng của đạo Hồi hay các vị thiền sư trong đạo Phật đã nói ra

được rất nhiều điều mà bình thường họ không thể nào biết được.

Cứ duy trì liên tục trạng thái chưa biết ấy. Nếu có tình cờ biết tới điều gì, cũng đừng đặt niềm tin vào đó. Cứ tiếp tục ẩn nó xuống, tiếp tục quẳng nó đi. Đừng để cho nó vây quanh ta, nếu không, chẳng sớm thì muộn, nó sẽ biến thành lớp vỏ cứng chặn lấy mọi ngả đường tiếp cận với cuộc sống mà chúng ta đã học công dò thấy.

Hãy giữ cho mình tâm hồn ngày thơ như trẻ nhỏ, khi ấy sẽ không còn rào cản trong giao tiếp, và sự trò chuyện cũng sẽ dễ dàng hơn. Khi hai con người nói chuyện với nhau trong trạng thái chưa biết gì, sự gặp gỡ mới thật sự xuất hiện, họ đồng cảm với nhau. Mọi rào cản đều bị xé bỏ. Mọi người chỉ có thể hiểu được tôi nếu như mọi người đặt mình vào trạng thái chưa biết, bởi lẽ tôi vốn dĩ lúc nào cũng đứng trong trạng thái ấy rồi. Đối với tôi, con người ta chỉ có thể đồng cảm với nhau nếu như họ gạt bỏ đi những hệ thống quan niệm đang tồn tại trong mình, nếu không, mọi con đường dẫn họ đến với nhau đều bị chặn.

3. GIẢI THÍCH DUY LÝ

Tấm lọc thứ ba, cũng là lớp thứ ba chính là hoạt động giả thiết, lý giải duy lý, giải thích, và biện minh. Tất cả đều được vay mượn, không có thứ gì xuất phát từ kinh nghiệm của bản thân, song nó cũng mang tới một sự hài lòng nhất định: con người ta sẽ thấy mình là sinh vật có lý trí.

Chúng ta không thể sống có lý trí nếu như chỉ biết cớp nhặt, vay mượn những lý lẽ và bằng chứng từ bên ngoài. Lý trí thật sự sẽ chỉ xuất hiện khi chúng ta đủ thông minh, ở đây, lại phải nhấn mạnh thêm một lần nữa rằng hai khái niệm: trí thức và người có trí thông minh như tôi nói là hai khái niệm có sự khác biệt tương đối với nhau. Trí thức thường sử dụng tới giả lập luận. Lập luận của anh ta có thể *logic* đây, nhưng không bao giờ hợp lý cả. Bởi lẽ nó chỉ là giả, được biểu hiện dưới hình thái của lập luận mà thôi.

Nghe nào, tôi vừa nghe thấy:

Một người đàn ông sắp chết đuối đang kêu cứu: “Cứu tôi với, tôi không biết bơi! Tôi không biết bơi!”, Anh ta gào khóc.

“Tôi cũng không biết,” người đàn ông khác đang ngồi bên bờ sông nhai thuốc đáp trả: “Thế mà tôi có kêu gào gì đâu!”

Đọc đến đây, khôi óc hoàn toàn duy lý sẽ băn khoăn: “Việc gì mà anh cứ phải kêu gào lên như thế? Anh không biết bơi, tôi cũng vậy thôi, cho nên tốt hơn hết là im đi.” Nhưng vấn đề là một người đang ngồi trên bờ sông, còn một người đang chơi với trên dòng nước; họ đang ở trong hai tình huống khác nhau, hai hoàn cảnh hoàn toàn khác nhau.

Nghe lời dạy của Đức Phật, các đệ tử có thể nhắc lại từng lời, nhưng ngũ cảnh của những lời nói ấy là hoàn toàn khác biệt. Tương tự khi các tín đồ Hồi giáo nghe

Mohammed truyền dạy, họ cũng có thể nhắc lại chính xác từng câu chữ nhưng không phải cứ giống nhau từng câu từng chữ thì ý nghĩa sẽ như nhau, vì câu chữ ấy đã được đặt trong những hoàn cảnh khác biệt. Vấn đề không nằm ở chỗ người ta nói những gì, mà nằm ở chỗ hoàn cảnh câu nói ấy ra sao, và ai là người phát ngôn ra câu nói ấy.

Tôi đã từng nghe được một câu chuyện về anh chàng Donnegan như thế này:

Donnegan ngồi trong phòng xưng tội và than vãn: “Thưa cha, con vừa mới làm một việc quá đỗi tồi tệ, mà con tin chắc rằng ngay cả cha cũng sẽ đuổi con ra khỏi nhà thờ này ngay lập tức.”

Vị linh mục từ tốn: “Con đã làm gì vậy, con trai?”

Donnegan kể lại: “Hôm qua, khi nhìn thấy vợ đi lại trước mặt, cảm hứng trong con dâng tràn, khiến con vồ ngay lấy cô ấy, xé toạc quần áo của cô ấy ra, đè cô ấy xuống sàn và chúng con đã làm tình ngay lúc đó và ngay tại đó.”

“Chỉ hơi bất thường một chút thôi mà,” vị linh mục ôn tồn bảo, “nhưng mà chẳng có lý do gì để ta phải rút phép của con cả.”

“Cha có chắc là sẽ không đuổi con ra khỏi nhà thờ chứ?”

“Tất nhiên là không rồi.”

“Ôi,” Donnegan hô hởi, “thế mà họ đã tống cổ vợ chồng con ra khỏi cái siêu thị ấy ngay lập tức đấy cha ạ!”

Rõ ràng là tất cả đều phụ thuộc vào hoàn cảnh xảy ra sự việc, phụ thuộc vào việc anh là ai, anh đang đứng ở đâu. Nó còn chịu ảnh hưởng bởi quan điểm nhìn nhận, và nền tảng kinh nghiệm mà chúng ta dựa vào để nói. Có thể tôi vẫn dùng cũng một câu chữ như anh, nhưng chúng không mang cùng một nội dung ý nghĩa, trên thực tế thì chúng không thể nào có ý nghĩa như nhau được. Khi tôi nói, tôi phát ra những ngôn từ ấy. Khi anh nói, anh cũng phát ra những ngôn từ ấy. Ngôn từ thì không có gì thay đổi, nhưng chúng xuất phát từ những không gian khác biệt, cho nên chúng mang theo những ý nghĩa khác nhau, những phạm trù khác nhau, những hương vị khác nhau, và cả những giai điệu, âm hưởng chẳng giống nhau.

Lập luận mới chỉ dừng lại ở sự biểu hiện bề ngoài của lý trí mà thôi, nó không phải là hiểu biết thật sự. Nó thiên về mục đích tìm kiếm một lời biện minh nhiều hơn, đồng thời cũng thiên về mục đích tranh luận nhiều hơn. Đây là một thế mạnh trong tư duy của phái mạnh.

Lập luận mới chỉ dừng lại ở sự biểu hiện bề ngoài của lý trí mà thôi, nó không phải là hiểu biết thật sự. Nó thiên về mục đích tìm kiếm một lời biện minh nhiều hơn, đồng thời cũng thiên về mục đích tranh luận nhiều hơn. Đây là một thế mạnh trong tư duy của phái mạnh. Đàn ông đã nắm bắt được nghệ thuật

ấy một cách sâu sắc. Chính vì thế mà ở nam giới, tẩm lọc này càng trở nên kiên cố hơn rất, rất nhiều.

Lý trí thật sự chỉ xuất hiện khi con người ta vứt bỏ được giả lập luận đang đeo bám.

Vậy thì lý trí thật sự là gì? Karl Jasper đã định nghĩa nó xác đáng một cách hoàn hảo thế này: “Lý trí là một sự gọi mở, lý trí là công cuộc gạn lọc khơi trong, lý trí là sự sẵn lòng vì mục tiêu thống nhất. Lý trí sử dụng tối tính logic, hệ thống các phương pháp của nó và tất cả các hình thái của sự hiểu biết chỉ với một mục đích là vượt lên trên chúng. Lý trí là những gì tinh túy nhất của trí khôn.”

Đó là lý trí, chứ không phải giả lập luận, hãy chú ý tới chữ “giả” ở đây. Những cái gì là giả thì luôn tạo ra những tấm màn che đậy, còn cái thật mới là cánh cửa để bước vào. Hoặc nếu coi cái thật là một cây cầu, thì cái giả chính là vật chướng ngại chặn lối đi qua.

Do đó, lớp thứ ba này, lớp giả lập luận được xem như một trong những yếu tố có tính bảo thủ cao nhất trong sự tồn tại của mỗi con người.

4. TÍNH ỦY MỊ

Lớp thứ tư mà tôi nói tới chính là sự đa cảm và ủy mị của con người. Nó là những cảm xúc giả, chẳng có chuyện gì cũng làm rối tung lên, quá quan trọng hóa vấn đề. Phụ nữ là chuyên gia trong lĩnh vực này. Trên thực tế, đây cũng là một hình thức của sự trống rỗng, những cảm xúc đó mới chỉ là những thứ nằm trên bề mặt mà thôi. Đó là sự đồng

cảm đầy yếu đuối, chẳng dẫn tới một hành động nào để giải quyết, chẳng hạn như khi thấy ai đó bị bệnh, chúng ta tới ngồi bên người ấy và khóc lóc. Hành động khóc lóc ấy không mang lại sự giúp đỡ nào cho người bệnh cả. Hay chẳng hạn như khóc òa khi thấy nhà bị cháy. Đó không phải là hành động hữu ích cho cả ngôi nhà lẫn chủ ngôi nhà. Con người ta cần phải phát hiện và nhận thức rõ về hình thái giả cảm xúc này, nếu không thì sẽ đánh mất cơ hội được biết như thế nào là cảm xúc thật.

Cảm xúc thật sự là sự cuốn hút, sự tận tâm. Nó không chỉ dừng lại ở sự đồng cảm mà đã trở thành sự thông cảm. Và cảm xúc thật sự sẽ biến thành hành động. Bất cứ khi nào cảm nhận được trái tim đang thật sự rung lên, cảm xúc

Cảm xúc thật sự là sự cuốn hút, sự tận tâm. Nó không chỉ dừng lại ở sự đồng cảm mà đã trở thành sự thông cảm. Và cảm xúc thật sự sẽ biến thành hành động.

ấy sẽ thôi thúc con người ta, chuyển hóa thành hành động ngay lập tức. Có thể coi sự chuyển hóa thành hành động ấy là một tiêu chuẩn để nhận dạng cảm xúc thật. Nếu cảm xúc chỉ dừng lại ở cảm xúc mà không bao giờ đi đến hành động, hãy nhớ rõ một điều rằng đó chỉ là giả tạo. Nếu như không phải đang lừa dối người khác thì cũng là tự lừa dối chính mình mà thôi.

Con người ta không bao giờ có thể cưỡng lại con tim mình. Nếu có đi chăng nữa, thì trái tim đó chắc hẳn phải là một trái tim giả - chỉ biết tới những đòi hỏi vô

căn cứ. Và nếu như lớp thứ ba đã nói ở trên là địa hạt riêng của nam giới, thì lớp thứ tư này lại là địa hạt riêng dành cho phụ nữ.

5. SỰ KÌM NÉN

Chính là lớp thứ năm, cũng là lớp mà bản năng đã bị định hướng lệch lạc và bị đầu độc.

Gurdjieff vẫn thường nói rằng các vùng trung tâm của con người đều chồng chéo lên nhau, đều nhầm chỗ, đều đang gây phiền nhiễu và xâm chiếm lẫn nhau, trong khi bản thân mỗi người không thể biết được cài gì vào cái gì. Sẽ là tốt đẹp nhất nếu như mỗi trung tâm đều thực hiện đúng chức năng của nó, ngược lại, vấn đề sẽ rơi vào khó khăn bế tắc thật sự nếu như nó lấn sân sang phần chức năng của người khác. Khi ấy, toàn bộ hệ thống sẽ rơi vào hoảng loạn.

Lấy ví dụ với trung tâm tình dục chẳng hạn, nếu như nó thực hiện đúng chức năng của mình thì rất tốt. Nhưng nếu như con người ta cứ kiềm chế nó quá nhiều, thì ở nhiều trường hợp, trung tâm tình dục không còn tồn tại ở vị trí đáng ra nó phải tồn tại nữa, mà dịch chuyển lên đầu, tạo ra sự chồng chéo mà chúng ta vừa nói tới. Khi đó, con người ta sẽ làm tình trong tưởng tượng, đó cũng là nguyên nhân dẫn đến những ám ảnh về tình dục và sự ra đời của phim ảnh khiêu dâm. Thậm chí là cho dù đang ân ái cùng với bạn tình của mình thì con người ta vẫn có thể mơ màng về cô nàng diễn viên xinh đẹp nào đó, tưởng tượng rằng mình đang được ở bên nàng. Chỉ có thế, người ta mới đột nhiên có cảm hứng

với bạn tình vốn đã quen thuộc của mình. Trên thực tế, người đàn bà đang ở bên không hề tồn tại. Cũng có thể coi đây là một dạng thủ dâm. Vì người đàn ông không làm tình với người đàn bà kia mà đang làm tình với một người đàn bà khác không hề có mặt tại đó. Người đàn ông đang để cho trí tưởng tượng tha hồ phiêu lưu trong đầu óc.

Những cấm đoán trong tôn giáo đã và đang làm xáo trộn các trung tâm trong con người. Đường như không thể nhận thấy được sự tách bạch giữa các trung tâm ấy, cũng như nhận thấy rằng mỗi trung tâm đều đang thực hiện đúng chức năng của mình, ở đúng khu vực của mình. Vấn đề rắc rối sẽ nảy sinh khi các trung tâm này xâm lấn lẫn nhau, dẫn đến những nhầm lẫn nghiêm trọng trong tổng thể, khi đó, chúng ta sẽ không thể phân biệt được đâu là đâu.

Bản năng tình dục có thể bị biến đổi nếu như nó được giới hạn trong phạm vi của riêng nó mà thôi, chứ không thể biến đổi được khi nó tồn tại trong trí não. Khi đã dịch chuyển lên não, nó sẽ hình thành nên ở đây một trung tâm giả về tình dục.

Bản năng tình dục có thể bị biến đổi nếu như nó được giới hạn trong phạm vi của riêng nó mà thôi, chứ không thể biến đổi được khi nó tồn tại trong trí não. Khi đã dịch chuyển lên não, nó sẽ hình thành nên ở đây một trung tâm giả về tình dục.

Tôi nghe kể rằng:

Cứ thỉnh thoảng các vị thánh lại được phép cải trang để vi hành xuống trái đất.

Thánh Teresa đã chờ đợi rất lâu để được xuống thăm Hollywood, nhưng Gabriel, người giữ trọng trách phân công thì lại cho rằng ngay cả thần thánh cũng không thể trở về bình yên sau khi đã ghé thăm kinh đô điện ảnh ấy.

Cuối cùng thì Thánh Teresa cũng thuyết phục được Gabriel rằng sẽ không có gì nguy hại xảy ra đâu, và thế là bà khởi hành hành trình hướng về trái đất trên chuyến máy đầu tiên ở thiên đường.

Đã hai tuần trôi qua mà không hề có một tin tức gì từ hạ giới, Gabriel lo lắng tới mức phải gọi điện tới Los Angeles ngay. Kết nối thành công, điện thoại reo, và cuối cùng cũng có giọng nói cát lên: "Terry nghe đây, ai vậy?... Gabby yêu quý! Thật tuyệt khi được nghe thấy giọng anh."

Những gì mà mọi người vẫn gọi là thần thánh thực chất chỉ đang trốn chạy khỏi thế giới. Họ đang cố đè nén cuộc sống của mình. Nếu có cơ hội, họ còn lún sâu hơn cả con người bình thường như chúng ta. Họ chỉ cố gắng hâm mình lại, bằng cách này hay cách khác, bởi vì nỗi sợ hãi phải xuống dưới địa ngục và bởi mong muốn được bước lên thiên đường. Tuy nhiên tất cả những gì con người ta phải kìm giữ, đè nén thì vẫn còn nguyên ở đó. Mà không chỉ còn nguyên ở đó, nó còn biến đổi thành những thứ phi tự nhiên, bị biến chất đi, và chuyển dịch tới án ngữ tại những địa hạt sâu hơn trong cả ý thức và vô thức

của con người. Khi đó thì chẳng dễ dàng gì để có thể nhổ tận gốc nó đi.

Gurdjieff là một người theo giáo phái Sufi. Toàn bộ nội dung giảng dạy của ông đều được truyền dạy từ các thầy giáo dòng Sufi. Ông giảng giải về phương cách thâm nhập vào thế giới phương Tây để phác họa ra từng trung tâm và tạo điều kiện cho mỗi trung tâm này hoạt động đúng địa hạt của nó.

Cái đầu nên hoạt động theo lý trí. Chỉ thế thôi. Mọi người đã bao giờ thấy ai đó nói thế này chưa: “Tôi *nghĩ* là tôi yêu em.” Tôi *nghĩ* là tôi yêu em? Đã là tình yêu thì có liên quan gì tới suy nghĩ? Làm sao mà anh có thể *nghĩ* rằng anh yêu tôi được chứ? Có điều là những con người này không biết cách đi thẳng từ trái tim ra; thậm chí cả trái tim cũng phải hoạt động thông qua bộ não. Cho nên họ không thể nói một cách đơn giản với người mình yêu rằng: “Anh yêu em” được.

Người ta không cần tới ngôn từ để diễn tả lời nói từ trong tận trái tim. Còn để diễn tả suy nghĩ trong đầu, không thể không dùng tới ngôn ngữ, khi đó, ngôn ngữ là con đường duy nhất.

Hay nhìn và quan sát. Hay để cho cái đầu đảm nhiệm chức năng lý trí, hay để cho con tim thực hiện chức năng cảm xúc, và hay để cho trung tâm tình dục làm đúng vai trò của nó. Tức là để cho mọi thứ thực hiện chức năng theo đúng cách của chúng. Chớ nên để cho một cơ chế khác biệt nào làm xáo trộn các trung tâm ấy với nhau, nếu không, con người ta sẽ phải đón nhận một phần bản năng lệch lạc.

Khi nào phần bản năng trong mỗi con người được sống đúng theo bản chất tự nhiên, không bị ngăn cấm, không gò ép, không ức chế, thì khi đó thân thể con người sẽ có được sự thông suốt và hài hòa. Khi đó bộ máy cơ thể mới vận hành trơn tru.

Lớp thứ năm này cũng thiên về nam giới nhiều hơn.

6. TRỰC GIÁC LỆCH LẠC

Lớp thứ sáu chính là trực giác đã bị xuyên tạc.

Chúng ta sẽ gần như không nhận thức được thế nào là trực giác, không biết tới bất cứ thứ gì tương tự như trực giác đang tồn tại, bởi lẽ trực giác chính là lớp thứ sáu. Năm lớp trên quá dày, dày tới mức con người ta sẽ chẳng bao giờ có thể với tới lớp thứ sáu để mà cảm nhận.

Trực giác là một loại hiện tượng hoàn toàn khác biệt so với lý trí. Lý trí phải lập luận; lý trí vận dụng cả một quá trình để đi tới kết luận.

Trong khi đó thì trực giác thực hiện bước nhảy của nó, đó là một bước nhảy có định mức. Trực giác không cần biết tới quá trình nào khác mà vẫn đạt tới kết luận cuối cùng.

Có rất nhiều nhà toán học có được khả năng giải quyết bất kỳ một vấn đề

Trực giác là một loại hiện tượng hoàn toàn khác biệt so với lý trí. Lý trí phải lập luận; lý trí vận dụng cả một quá trình để đi tới kết luận. Trong khi đó thì trực giác thực hiện bước nhảy của nó, đó là một bước nhảy có định mức.

toán học nào mà không cần phải trải qua cả một quá trình tính toán, lập luận nào cả. Họ đã vận dụng được chức năng của trực giác. Người khác chỉ cần nêu ra vấn đề, và thậm chí trước khi nói thành lời, lời giải cho vấn đề đã tới. Không hề có một khoảng trống nào về thời gian. Người hỏi đang trình bày nội dung cần giải đáp, và khi kết thúc việc trình bày, thậm chí là chẳng cần đợi tới khi dứt lời, đáp án cho vấn đề đã hiện ra đầy đủ. Các nhà toán học đều hết sức kinh ngạc trước hiện tượng kỳ lạ này. Vậy thì những con người ấy, họ đã làm cách nào? Cần tới tận ba, hoặc hai, hoặc ít nhất là một giờ đồng hồ để một nhà toán học có thể giải được một bài toán như thế. Cho dù là máy tính điện tử thì cũng phải cần tới ít nhất là vài ba phút, trong khi những người này thậm chí chẳng cần tới một giây. Câu hỏi đưa ra, và ngay lập tức có lời giải. Do đó trong toán học hiện nay, trực giác được xem là một hiện tượng được thừa nhận.

Khi lý trí đã phải bỏ tay, thì chỉ còn trực giác có khả năng làm việc. Tất cả các nhà khoa học vĩ đại đều đã nhận ra điều đó khi mà hầu hết các khám phá to lớn của họ đều không phải do lý trí mà là nhờ trực giác.

Bà Curie đã phải bỏ ra ba năm nghiên cứu ròng rã, liên tục để tìm ra lời giải đáp cho một vấn đề, và đã cố gắng tiếp cận vấn đề theo rất nhiều cách thức khác nhau. Nhưng mọi hướng tiếp cận đều thất bại. Một đêm nọ, bà thiếp đi vì kiệt sức, nhưng thật tuyệt vời là chính trong giấc ngủ đó, bà đã tìm ra đáp án. Một sự tình cờ tương tự như thế cũng đã từng xảy ra với Đức Phật của

chúng ta. Và đêm đó là đêm mà bà Curie quyết định: “Như thế là quá đủ rồi. Mình đã lãng phí cả ba năm dài. Đúng là một cuộc tìm kiếm vô ích. Mình phải dừng lại thôi.” Đêm hôm ấy bà đã ngừng mọi công việc và đi ngủ.

Trong đêm, bà tỉnh giấc trong khi đang ngủ; đi đến bên bàn và viết ra toàn bộ lời giải cho vấn đề. Sau đó bà Curie lại tiếp tục quay lại giường ngủ tiếp. Sáng dậy, bà không thể nhớ nổi chuyện gì đã xảy ra, nhưng câu trả lời thì vẫn nằm đó, ngay trên bàn làm việc. Rõ ràng là không có ai lên được vào phòng, mà cho dù có người vào đi chăng nữa, thì cũng không thể nào viết ra câu trả lời ấy được. Bà đã phải lao động miệt mài trong suốt ba năm, một trong những bộ óc kiệt xuất của thế kỷ ấy đã phải mất tới ba năm ròng rã để nghiên cứu cơ mà. Nhưng quả thực là không có ai khác vào phòng, trong khi câu trả lời vẫn nằm nguyên tại đó. Sau đó nhìn kỹ lại, bà nhận ra nét chữ của chính mình! Và rồi giấc mơ đêm qua tái hiện lại trong đầu. Bà nhớ lại như thể mình đã có một giấc mơ đêm qua, trong giấc mơ ấy, bà đang ngồi bên bàn viết lách. Rồi từ từ từng bước, mọi thứ tái hiện lại rõ ràng. Bà Curie đã đi tới được kết quả từ một cánh cửa nào đó không phải là từ lý trí. Đó chính là trực giác.

Đức Phật cũng đã nỗ lực trong suốt sáu năm để được khai sáng, nhưng mọi nỗ lực đều thất bại. Cho đến một ngày, Người quyết định dừng lại toàn bộ ý định vươn tới sự khai sáng đó. Đức Phật ngồi nghỉ dưới một gốc cây, và rồi chính trong buổi sáng ấy, chuyện đó đã xảy ra. Khi mở mắt ra, Người đã bước vào *samadhi*.

Nhưng trước đó, lý trí đã phải hoàn toàn cạn kiệt. Trực giác thực hiện chức năng của nó chỉ khi nào lý trí đã bị cạn kiệt hoàn toàn.

Trực giác không tuân theo một quá trình nào cả; trực giác đơn giản chỉ nhảy từ vấn đề tới đáp án mà thôi. Có thể coi nó là một lối tắt, hoặc nói cách khác, là một tia chớp.

Chúng ta đã làm cho trực giác lạc đường. Trực giác của đàn ông gần như đã bị bóp méo hoàn toàn. Trực giác của phụ nữ còn chưa bị hủy hoại nhiều như thế - điều này giải thích cho hiện tượng linh cảm của phụ nữ. Linh cảm chỉ mới là một phân đoạn trong trực giác. Người ta không thể chứng minh được linh cảm.

Có khi đang chuẩn bị bắt chuyến bay tới đâu đó, người vợ đột nhiên nói rằng cô ấy không muốn đi và cũng nhất quyết không cho chồng đi. Cô ấy cảm thấy có điều gì đó sắp xảy ra. Có thể lúc đó, chúng ta coi điều ấy là vớ vẩn, có bao nhiêu việc cần làm, mọi thứ đã nằm trong kế hoạch hết cả rồi, không thể không đi, nhưng người phụ nữ vẫn nhất định không đồng ý. Cho đến sáng ngày hôm sau, chúng ta đọc báo và thấy một tin giật mình: chuyến bay ấy gặp không tặc; hoặc đã bị rơi, toàn bộ hành khách không ai sống sót. Khi ấy, người phụ nữ không thể giải thích nổi tại sao cô ấy lại biết trước. Đúng là không có cách nào để biết cả. Đó chỉ là linh cảm, chỉ là một cảm giác xuất phát từ bên trong mà thôi. Song ngay cả điều đó cũng có thể bị xuyên tạc, đó là lý do tại sao tôi lại nói rằng nó chỉ là một chớp sáng.

Khi cả năm lớp trên đều bị xóa bỏ, thì con người ta cũng phải từ bỏ những tư tưởng cố hữu của mình, vì chúng ta vốn được dạy dỗ rằng lý trí là cánh cửa duy nhất để đi tới bất kì một kết luận nào. Chừng nào sự án định này bị từ bỏ, thì khi đó trực giác mới bắt đầu phát huy những tinh hoa của nó. Lúc ấy, trực giác không còn chỉ là một chớp sáng đơn thuần lóe lên rồi vụt tắt, nó đã trở thành một nguồn chảy dồi dào và liên tục. Chúng ta có thể nhắm mắt lại và bước vào nó một cách dễ dàng, để tìm ra hướng đúng nhất tiếp cận bất cứ một vấn đề nào. Nếu như có thể phá vỡ được năm lớp kia, chúng ta sẽ thấy xuất hiện một thứ được gọi là sự chỉ dẫn từ bên trong. Lúc nào chúng ta cũng có thể bước vào nguồn năng lượng trực giác của mình và lúc nào cũng có thể tìm thấy những lời khuyên đúng đắn nhất. Ở phương Đông, mọi người gọi đó là quân sư tinh thần, người thầy bên trong mỗi con người. Mỗi khi trực giác thực hiện chức năng của nó, chúng ta không còn cần tới những vị quân sư từ bên ngoài như trước nữa.

Trực giác có thể đồng diệu với bản thân mỗi con người, có thể nói là đồng diệu một cách hoàn toàn với bản thân mỗi chúng ta. Và chính vì sự đồng diệu đó mà các giải pháp cho mọi vấn đề cứ tự chúng bước ra

Trực giác có thể đồng diệu với bản thân mỗi con người, có thể nói là đồng diệu một cách hoàn toàn với bản thân mỗi chúng ta. Và chính vì sự đồng diệu đó mà các giải pháp cho mọi vấn đề cứ tự chúng bước ra.

TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ PHÁI NỮ

Thiền sư Goso Hoyen vẫn thường nói:

Khi mọi người hỏi tôi rằng thiền là gì, tôi thường kể cho họ nghe câu chuyện này:

Nhin thấy cha ngày một già đi, con trai của một tên đạo chích mới bảo cha truyền nghề cho mình, để anh ta có thể nuôi cả nhà khi cha mình nghỉ dưỡng già.

Người cha đồng ý, và thế là đêm hôm đó hai cha con cùng mò vào một ngôi nhà nọ.

Cậy nắp một chiếc rương lớn, người cha bảo đứa con trai chui vào để khuân hết quần áo ra ngoài. Ngay khi người con trai nghe lời chui vào trong chiếc rương, người cha đạo chích khóa ngay chiếc rương lại và đánh động cho gia chủ thức giấc. Ông ta nhanh chóng lẩn đi.

Bị khóa trong chiếc rương, người con vừa tức giận vừa sợ hãi, lại vừa không hiểu phải làm thế nào để thoát ra. Một ý nghĩ chợt lóe lên trong anh ta, thế là anh con trai giả làm tiếng mèo kêu.

Gia chủ sai một người hầu gái cầm nến vào soi cái rương để đồ.

Ngay khi khóa cửa bật ra, anh con trai nhảy xô ra, thổi phut ngọn nến, và chạy vút ra ngoài trước sự kinh ngạc của người hầu gái. Đám đông người vội vã đuổi theo sau.

Nhận thấy có một cái ao nhỏ ở bên đường, anh ta ném ngay một tảng đá xuống nước, và lẩn vào đêm tối.

Đám đông đuổi theo đến đây liền vây quanh cái ao, cố nhìn xem tên trộm nhảy xuống chỗ nào.

Về phần mình, khi về được tới nhà, người con trai tức lầm, nhưng vẫn cố kể cho cha mình nghe toàn bộ những gì đã xảy ra; nhưng người cha đã gạt ngay: “Không phải mất công kể lại cho cha làm gì. Quan trọng là con đã về nhà, tức là con đã học được tất cả nghệ thuật đó rồi.”

Sự tồn tại chỉ là một, trong khi thế giới là số nhiều...

Sự tồn tại chỉ là một, trong khi thế giới là số nhiều...
Ngẫu cách giữa hai cá thể là bức tường trí tuệ đã phân định rõ, cũng có thể coi là một cặp trí tuệ. Nó gần giống như một cái cây sừng sững, chỉ có một thân cây, nhưng cái cây ấy lại chia làm hai cành lớn, trên mỗi cành lớn ấy, có hàng ngàn cành nhánh nhỏ bám ra

ngăn cách giữa hai cá thể là bức tường trí tuệ đã phân định rõ, cũng có thể coi là một cặp trí tuệ. Nó gần giống như một cái cây sừng sững, một cây sồi cổ thụ chẳng hạn, chỉ có một thân cây, nhưng cái cây ấy lại chia làm hai cành lớn, trên mỗi cành lớn ấy, có hàng ngàn cành nhánh nhỏ đâm ra. Sự tồn tại cũng vậy, nó giống với cái

thân cây, chỉ có một, không có hai, và chỗ phân nhánh chính là trí tuệ, từ chỗ ấy, cái cây sẽ phân thành đôi, thành cặp, thành hai phần biện chứng: chính đề và phản đề, nam và nữ, âm và dương, ngày và đêm, Chúa trời và quỷ dữ, Yoga và Thiền. Nhìn chung, tất cả các cặp đôi ngẫu đó đều bám lấy xuất phát điểm chung là trí tuệ của

con người, đồng thời đứng sau chúng đều là một sự tồn tại mang tính duy nhất. Nếu chỉ lướt qua chúng ở phân lớp thấp, con người ta sẽ tìm thấy thứ được gọi là Chúa Trời, gọi là cõi niết bàn hay bất cứ thứ gì nếu thích.

Còn nếu bước tới một tầm cao hơn, thì thông qua các cặp đôi ngẫu này, chúng ta có thể đến được với thế giới của những điều cao siêu gấp bội phần.

Đây được xem là sự nhận thức sâu sắc cơ bản nhất mà con người cần phải nắm bắt, nó có nghĩa là trí tuệ không phải là cái duy nhất. Do vậy, tất cả những gì đã được phản ánh qua lăng kính của trí tuệ đều biến thành hai, cũng tương tự như một tia sáng phản xạ qua lăng kính vậy, tia sáng ấy ngay tức thì sẽ bị tán thành đủ bảy sắc cầu vồng. Trước khi chiếu qua lăng kính, tia sáng vẫn còn là một, thông qua lăng kính, nó bị tán sắc, và tia sáng trắng chuyển thành bảy màu sắc của cầu vồng.

Thế giới là một chiếc cầu vồng, trí tuệ là một lăng kính, và sự tồn tại là một tia sáng trắng.

Các nghiên cứu gần đây đã đi tới một kết luận khá quan trọng, một trong những thành tựu đáng kể nhất của thế kỷ hai mươi, và đó chính là: chúng ta không chỉ có một trí tuệ, mà là hai trí tuệ. Não bộ của con người được chia làm hai bán cầu: bán cầu não trái và bán cầu não phải. Bán cầu não phải điều khiển hoạt động của tay trái còn bán cầu não trái lại phối hợp với tay phải, phối hợp chéo. Bán cầu não phải thiên về trực giác, phi logic, phi lý, đầy mơ mộng, viển vông, giàu trí tưởng tượng, lăng mạn, hoang đường, và mờ đao, trong khi đó

bán cầu não trái thì ngược lại: tuân theo *logic*, đầy lý trí, có tính chính xác cao, thực tế, khoa học và chi ly.

Hai bán cầu não liên tục phát sinh mâu thuẫn với nhau, như thế có nghĩa là bên trong mỗi người đã có sẵn những yếu tố cơ bản của hoạt động chính trị, hoạt động chính trị to tát nhất lại nằm trong chính chúng ta. Con người có thể chẳng hề nhận thức được điều này, nhưng khi đã nhận thức được rồi, thì giải pháp để giải quyết vấn đề lại nằm ở đâu đó giữa hai phần ấy.

Cánh tay trái được điều khiển bởi não phải, tức là được điều khiển bởi trực giác, trí tưởng tượng, những chuyện hoang đường, thơ phú, và tôn giáo, và cũng chính cánh tay trái luôn phải chịu thiệt thòi. Xã hội thuộc về những người thuận tay phải, mà thuận tay phải đồng nghĩa với bán cầu não trái. Có khoảng 10% trẻ em sinh ra đã thuận tay trái, nhưng sau đó, chúng lại bị ép phải chuyển sang thuận tay phải. Trẻ em thuận tay trái bẩm sinh về cơ bản vốn mang trong mình khả năng về trực giác cao hơn, tính phi lý trí, phi tư duy toán học và hình họa, do đó mà chúng được xem là không phù hợp với xã hội, thành ra xét về mặt này hay mặt khác, chúng đều phải chuyển sang thuận tay phải. Đây không còn là vấn đề tay thuận nữa, mà đã trở thành vấn đề về yếu tố chính trị ở bên trong mỗi con người: đứa trẻ thuận tay trái sẽ thực hiện chức năng thông qua bán cầu não phải, đó là điều mà xã hội con người không thể chấp nhận, đó là một nguy cơ, cho nên đứa trẻ sẽ phải dừng lại trước khi mọi thứ đi quá xa.

Người ta chứng minh được rằng ban đầu, số người thuận tay trái và số người thuận tay phải cân bằng với nhau ở tỷ lệ năm mươi, năm mươi - tức là 50% số trẻ em thuận tay trái và 50% số trẻ em thuận tay phải, nhưng bởi vì bên phía những người thuận tay phải giữ vai trò chỉ huy trong một thời gian tương đối dài, cho nên dần dần, thế cân bằng giảm xuống còn 10% so với 90%. Thậm chí là trong số những người ở đây, có không ít người thuận tay trái mà không biết. Có thể là chúng ta đang viết bằng tay phải hoặc là vẫn đang làm việc nhà bằng tay phải, nhưng khi còn bé, chúng ta đã bị người lớn bắt buộc phải chuyển sang tay phải. Đây thực chất là một thủ thuật, bởi vì, khi sử dụng tay phải, nghĩa là bán cầu não trái bắt đầu hoạt động. Bán cầu não trái đại diện cho lý trí; bán cầu não phải đại diện cho những yếu tố nằm ngoài lý trí, hoạt động của nó không tuân theo quy luật của toán học mà thực hiện chức năng của mình thông qua bằng những chớp sáng, nó thuộc về trực giác, đầy duyên dáng nhưng cũng đầy phi lý.

Chẳng hạn chuyện diễn ra đối với nam giới và phụ nữ. Phụ nữ hành động theo bán cầu não phải còn nam giới hành động theo bán cầu não trái. Suốt nhiều thế kỷ qua, nam giới luôn là người chỉ huy nữ giới. Ngày nay, một số phụ nữ đang vùng dậy, nhưng điều đáng ngạc nhiên lại nằm ở chỗ, những phụ nữ này không khác nhau và không khác mấy so với đàn ông. Thực sự là họ rất giống với đàn ông: đầy lý trí, hiếu thắng, và thực dụng. Biết đâu đấy trong một ngày gần đây khi mà cách

mạng vô sản thành công ở Nga hay Trung Quốc, cũng là lúc mà ở một chỗ nào đó, chẳng hạn như Mỹ, phụ nữ có thể đánh bật đàn ông ra khỏi vị trí chỉ huy của họ.

Tuy nhiên cũng chính khi ấy, phụ nữ đã không còn là chính mình nữa rồi, họ cũng sẽ trở thành những con người hành động theo sự điều khiển của bản cầu não trái. Bởi một điều thật đơn giản: để tranh đấu, con người ta cần phải toan tính, và để tranh đấu, phụ nữ cũng phải đặt mình vào vị trí giống như đàn ông, tức là hung hăng và hiếu chiến. Bản tính hiếu chiến ấy được thể hiện rõ nét trong khắp nền tự do mà phụ nữ xây dựng trong cái thế giới này. Những người đàn bà đã đóng góp một phần trong việc hình thành lên nền tự do ấy đều là những con người hiếu chiến, họ đã vứt bỏ tất cả những gì được gọi là duyên dáng, những gì tinh túy đến từ trực giác. Để chiến đấu được với đàn ông, phụ nữ cũng phải học lấy những trò lừa bịp, và để tranh đấu với đàn ông, phụ nữ cũng

phải chiến đấu với chính những thủ thuật của bản thân mình.

Việc tranh đấu với người khác sẽ đẩy con người ta đến chỗ nguy hiểm vì cũng có nghĩa là nó sẽ đẩy con người ta tiến gần hơn đến với địch thủ của mình... Đó cũng chính là một trong những vấn đề nghiêm trọng nhất đe dọa loài người

Việc tranh đấu với người khác sẽ đẩy con người ta đến chỗ nguy hiểm vì cũng có nghĩa là nó sẽ đẩy con người ta tiến gần hơn đến với địch thủ của mình. Ở đây tôi muốn nói tới phương diện

đặc điểm, tính cách. Đó cũng chính là một trong những vấn đề nghiêm trọng nhất đe dọa loài người. Mỗi lần phải chiến đấu với đối thủ là mỗi lần chúng ta phải từng bước sử dụng các thủ thuật của chính đối thủ của mình. Thành ra đúng là đối thủ có thể bị chúng ta hạ gục, nhưng chính khi chúng ta hạ gục đối thủ, cũng là lúc chúng ta trở thành một địch thủ mới của chính mình. Nếu có biến đổi đi chẳng nữa, cũng chỉ là cái bể nổi bên trên, những mâu thuẫn thuộc về bản chất bên trong thì còn nguyên không hề suy chuyển.

Cái mâu thuẫn ấy nằm bên trong mỗi con người. Nếu mâu thuẫn không được giải quyết ngay tại trận, thì cũng chẳng có nổi một nơi chốn nào phù hợp để chấm dứt nó. Và hoạt động vì vậy cũng nằm trong con người chúng ta, chen giữa hai phần trí tuệ.

Chúng ta cần tới một cây cầu nhỏ để kết nối. Nếu chẳng may vì một nguyên nhân nào đó, giả sử như khiếm khuyết về tâm lý hay gì gì đó, mà cây cầu kia bị gãy, thì con người ta cũng sẽ bị phân tách: một trở thành hai, cũng đồng nghĩa việc phát sinh hiện tượng tâm thần phân liệt hoặc là gặp phải tình trạng “đa nhân cách”. Một khi cây cầu mỏng manh kia bị gãy, thì con người ta tuy một mà lại là hai, cư xử, hành động như thể hai con người khác biệt. Mới buổi sáng còn

yêu đời và tươi tắn, sang buổi tối bỗng trở nên cáu kỉnh, khác biệt hoàn toàn. Không ai nhớ được điều gì đã xảy ra vào buổi sáng, làm sao mà nhớ được cơ chứ? Con người đó đã được một trí tuệ khác thay thế để thực hiện các chức năng của nó, có nghĩa là họ đã trở thành hai con người cùng tồn tại trong một thân thể. Tuy nhiên, nếu như cây cầu kia được gia cố chắc chắn hơn, khiến cho hai trí tuệ kia không còn tồn tại rạch ròi riêng rẽ mà hòa làm một thì khi đó, con người sẽ trở thành kết tinh của một thể thống nhất. Thứ mà George Gurdjieff vẫn thường gọi là “kết tinh của sự sống” thực ra không gì khác ngoài sự thống nhất giữa hai trí tuệ mà chúng ta đang nói tới ở đây, nó cũng là sự giao thoa giữa một phần đàn ông và một phần phụ nữ bên trong con người, là cuộc gặp gỡ giữa âm và dương, trái và phải, cái logic và cái phi logic, cũng là cuộc gặp gỡ giữa Plato với Aristotle.

Nếu như hiểu được sự phân nhánh cơ bản của cái cây trí tuệ, chúng ta sẽ có thể hiểu toàn bộ những mâu thuẫn cả chung quanh lẫn bên trong.

Nếu như hiểu được sự phân nhánh cơ bản của cái cây trí tuệ, chúng ta sẽ có thể hiểu toàn bộ những mâu thuẫn cả chung quanh lẫn bên trong.

Tôi sẽ kể cho mọi người nghe một giai thoại thế này:

Xét trên toàn nước Đức,

Berlin được xem là một phiên bản thu nhỏ của sự khô cứng và cung cách làm việc hối hả của nước Phổ, trong khi Vienna lại mang đậm nét quyến rũ và thoải mái của nước Áo. Có một câu chuyện của một người Berlin đã tới thăm Vienna, bị lạc đường và cần chỉ dẫn. Trong trường hợp đó thì người Berlin sẽ làm gì? Anh ta túm lấy ve áo một người Vienna vừa đi tới và quát lên: “Cái bưu điện, ở đâu?”

Người Vienna nọ sau phút giật mình, mới nhẹ nhàng gỡ bàn tay nắm chặt của anh người Berlin ra, chỉnh lại ve áo, và lịch sự nói: “Thưa ngài, sẽ lịch sự hơn rất nhiều nếu như ngài bước tới trước mặt tôi một cách từ tốn và nói: “Thưa ngài, nếu như không bận và nếu như ngài biết thì có thể chỉ giúp tôi đường tới bưu điện được không?””

An chàng tới từ Berlin trợn tròn mắt ngạc nhiên mắt một lúc rồi lầm bẩm: “Thà đi lạc đường còn hơn”, rồi đi mất.

Rồi lại có một người Vienna tương tự tới Berlin trong cùng năm đó, và khi đó, anh ta cũng phải tìm đường tới bưu điện. Tiến lại gần một người dân Berlin, anh ta lịch sự nói: “Thưa ngài, nếu như không bận và nếu như ngài biết thì có thể chỉ giúp tôi đường tới bưu điện được không?”

Người Berlin đáp trả nhanh như máy: “Trước mặt kia, qua hai tuyến phố, rẽ phải, đi tiếp một tuyến phố, sang đường, chêch theo tay phải, đi bên trái đường tàu, qua sạp báo là tới bưu điện.”

Người Vienna nọ thấy rõi rắm hơn là định hình trong đầu lối đi, song vẫn nhẹ nhàng: “Cảm ơn ngài rất nhiều.” và rồi, người Berlin vừa chỉ đường bỗng cáu tiết túm lấy ve áo anh này mà gào lên: “Đừng có cảm ơn làm cái gì, thử nhắc lại xem nào?”

Trí tuệ của nam giới được đại diện bởi hình ảnh của người Berlin, và trí tuệ của nữ giới thể hiện qua hành động của người Vienna. Trong trí tuệ của nữ giới, có sự dịu dàng, thanh nhã trong khi trí tuệ của nam giới lại thể hiện tính hiệu quả. Tất nhiên là nếu tính về lâu về dài, trong một cuộc độ sức dai dẳng, thì sự thanh nhã và mềm mỏng sẽ có nguy cơ bị thất bại dưới tay tính hiệu quả cao hơn, bởi lẽ thế giới đang chỉ biết đến thứ ngôn ngữ của toán học, chứ không phải của tình yêu. Có điều là khi để cho tính hiệu quả giành chiến thắng, con người ta cũng tự làm mất đi những giá trị to lớn không có gì thay thế được: đó là khả năng kết nối với sự tồn tại của chính mình. Chúng ta có thể có năng lực lớn hơn, nhưng không còn là một con người thật sự, mà trở thành một cỗ máy, một con rô-bốt thực thụ.

Chính bởi vậy mà đàn ông và phụ nữ lúc nào cũng có những mâu thuẫn không thể nào chấm dứt. Họ không thể nào sống tách biệt nhau, họ bị cuốn vào mối quan hệ với nhau như một tất yếu, và họ cũng không thể duy trì được sự thống nhất giữa hai người. Cuộc chiến không phải nằm ở bên ngoài, mà nằm ở bên trong.

Còn đây là cách hiểu của tôi: Trừ phi giải quyết được mâu thuẫn bên trong giữa bán cầu não trái và bán

cầu não phải, nếu không con người ta sẽ chẳng bao giờ có thể đứng trong tình yêu một cách vẹn tròn, không bao giờ cả, bởi vì cuộc chiến bên trong không nằm gọn ở bên trong, nó phản ánh ra bên ngoài. Nếu cuộc chiến bên trong vẫn đang âm ỉ và chúng ta bắt tay cùng bán cầu não trái, bán cầu của lý trí, để liên tục lấn át bán cầu não phải, thì tương tự, chúng ta cũng sẽ liên tục thể hiện sức mạnh của mình với người phụ nữ mình yêu. Và cũng như vậy với người phụ nữ, nếu cô ta cứ liên tục chống lại phần lý trí bên trong bán cầu não của mình, cũng có nghĩa là luôn luôn muốn chống đối người đàn ông cô yêu.

Trừ phi giải quyết được mâu thuẫn bên trong giữa bán cầu não trái và bán cầu não phải, nếu không con người ta sẽ chẳng bao giờ có thể đứng trong tình yêu một cách vẹn tròn, không bao giờ cả, bởi vì cuộc chiến bên trong không nằm gọn ở bên trong, nó phản ánh ra bên ngoài

Tất cả các mối quan hệ, nói chính xác thì không phải tất cả, nhưng số trường hợp loại trừ ít ỏi tái mức không cần thiết phải tính tới, thực sự đều tồi tệ cả. Khi mới bắt đầu, mọi thứ đều thật đẹp đẽ - là bởi vì lúc mới bắt đầu, con người ta bao giờ chẳng phòng ngự, chẳng bao giờ thể hiện bản chất thật sự của mình, chỉ khi nào mọi thứ đã đi vào nền nếp, con người ta mới tự buông lỏng mình. Cái bong bóng mâu thuẫn nội tại vỡ bung ra và phản chiếu lại trong mỗi quan hệ của mỗi người. Và

rồi thì chúng ta cãi cọ nhau, chúng ta tìm một nghìn lẻ một cách để càu nhau than vãn, và hủy hoại lẫn nhau.

Người ta vẫn thường tới hỏi tôi làm thế nào để có được một mối quan hệ sâu sắc thật sự. Tôi bảo họ: “Trước hết thì hãy bước sâu vào thiền định đi đã.” Nếu không giải quyết tận gốc vấn đề nằm ở bên trong, con người ta chỉ có gây thêm rắc rối cho mình mà thôi. Càng bước sâu vào các mối quan hệ, lại càng khiến cho mọi thứ trở nên phức tạp. Hãy xem xem, thứ đẹp đẽ và vĩ đại nhất trên thế giới này có gì khác ngoài tình yêu, nhưng cũng không thể tìm đâu ra thứ xấu xa và tệ hại hơn chính nó.

Mulla Naruddin một lần đã từng nói với tôi: “Ôi, tôi đã cố hoãn cái ngày kinh khủng này cả mấy tháng rồi, nhưng cuối cùng thì tôi cũng phải đi thôi.”

“Khám răng hay khám bệnh vậy?” tôi hỏi.

“Trật cả hai”, Mulla Naruddin nói, “Tôi chuẩn bị cưới vợ.”

Mọi người thường né tránh chuyện lập gia đình, cứ lẩn khẩn trì hoãn. Cho tới một ngày họ biết rằng không thể nào tránh được, và chỉ khi đó họ mới cởi bỏ áp lực của mình. Đứng bên ngoài mà nhìn vào, hôn nhân thật chẳng khác nào một ốc đảo đẹp đẽ tươi xanh giữa sa mạc bồng rát, nhưng bước tới gần, cái ốc đảo ấy cứ khô dần rồi vụt biến mất. Và một khi đã bước hẳn vào trong, đó chẳng khác nào một cái nhà tù –nhưng có một điều cần phải nhớ, là cái nhà tù ấy không phải do người khác xây, cũng không xuất phát từ đâu khác ngoài từ trong chính mỗi người.

Nếu để cho bán cầu não trái giữ vai trò lán át, con người ta sẽ sống một cuộc đời thành đạt – thành đạt đến nỗi cho tới năm 40 tuổi, chúng ta thấy mình đầy ung nhọt, năm 45 tuổi, thấy trái tim mình tan vỡ ít nhất đôi lần. Và trước tuổi 50, chúng ta lại thấy mình gần như đã chết, có điều, đó vẫn là một cái chết đầy thành đạt! Chúng ta có thể trở thành những nhà khoa học vĩ đại, nhưng dù vậy, không thể biết thế nào là sự tuyệt vời của cuộc sống. Chúng ta cũng có thể kiếm được bội tiền, nhưng lại đánh mất tất cả những gì thuộc về sự giàu có. Và cho dù chúng ta có thể chinh phục được cả thế giới như Alexander thì cũng phải thất bại trong công cuộc chinh phục chính mảnh đất bên trong mình.

Bán cầu não trái mang tới rất nhiều lời mời gọi. Nó là phần não thuộc về thế giới trần tục; nó để ý nhiều hơn tới vật chất: ô tô, tiền bạc, nhà cửa, quyền lực và thanh thế. Và đó là mục tiêu của người đàn ông, mà tại Ấn Độ chúng tôi gọi là *grustha*, người chủ gia đình.

Trong khi đó bán cầu não phải lại hướng con người ta tới cuộc sống thanh đạm; một người quan tâm tới sự tồn tại bên trong mình sẽ thấy trong mình cảm giác yên ả, thanh bình, và chẳng mấy để tâm tới vật chất chung quanh. Nếu chúng tới dễ dàng thì tốt, nhưng nếu không tới thì cũng chẳng sao, con người ta quan tâm tới hiện tại nhiều hơn là băn khoăn lo lắng tới tương lai, để ý nhiều tới chất thơ của cuộc sống chứ không để ý tới số lượng vật chất trong cuộc sống.

Tôi đã được nghe kể về một giai thoại:

Finkelstein là một tay cá cược đua ngựa có biệt tài, và không khó hiểu chút nào khi Muscovitz thay ghen tị: “Anh đã làm thế nào vậy?”, anh ta hỏi Finkelstein.

“Đơn giản lắm”, Finkelstein đáp, “đó là một giấc mơ.”

“Một giấc mơ sao?”

“Đúng vậy. Tôi đã chọn ra ba con ngựa để cá cược. Nhưng mà tôi thật sự không chắc chắn về con ngựa thứ ba. Cho nên vào cái đêm hôm trước, tôi nằm mơ thấy có một thiên thần đứng ở đầu giường và nhắc đi nhắc lại: “Chúa phù hộ con, Finkelstein, bảy lần bảy phù hộ con.” Khi tỉnh dậy, tôi mới nhận ra rằng bảy lần bảy là bốn mươi tám, và con ngựa số bảy bốn mươi tám chính là con ngựa mà Chúa đã báo mộng cho tôi. Tôi quyết định chọn con ngựa số ba theo giấc mơ ấy. Nói chung là tôi chỉ việc chờ, đơn giản là chờ kết quả.

Muscovitz thắc mắc: “Nhưng mà này Finkelstein, bảy lần bảy phải là bốn mươi chín chứ!”

Finkelstein đáp: “Thế cho nên anh mới là một nhà toán học.”

Có một con đường để tiếp cận cuộc sống thông qua số học, và cũng có một con đường khác để tiếp cận cuộc sống thông qua những giấc mơ. Hai con đường ấy hoàn toàn khác biệt.

Một ngày nọ có người hỏi tôi: “Liệu có ma quỷ, thần tiên, hay những thứ tương tự thế không?” Có, có chứ - nếu như chúng ta tiếp cận cuộc sống từ con đường thứ

hai: thông qua bán cầu não phải, thì có đáy, còn nếu đi qua bán cầu não trái, thì không.

Tất cả trẻ em đều chịu sự chi phối bởi bán cầu não phải; cho nên chúng mới nhìn thấy ma quỷ và thần tiên ở khắp mọi nơi. Nhưng người lớn lúc nào cũng ở bên chúng để uốn nắn, người lớn bảo với chúng rằng: “Vớ vẩn. Con chỉ tưởng tượng linh tinh. Tiên ở đâu nào? Chẳng có gì cả, chỉ là cái bóng thôi mà.”

Dần dần, chúng ta thuyết phục được lũ trẻ ngày thơ, và thế là chúng chuyển từ việc chịu chi phối bởi não phải sang chịu chi phối bởi não trái. Chúng phải làm thế - phải làm thế thì mới có thể tồn tại được trong thế giới của con người. Đứa trẻ phải quên hết những giấc mơ của chúng, quên cả những điều huyền diệu, những bài thơ, để bắt tay vào học toán. Tất nhiên là tất cả những gì chúng học đều hữu dụng trong cuộc sống, nhưng đồng thời, chúng cũng trở thành những con người quê quặt, và khô cứng. Sự tồn tại thực sự cứ bước xa ngày càng xa, đứa trẻ dần biến thành món đồ ngoài chợ, và cả cuộc đời chỉ là một mớ đáng để ném đi... mặc dù, trong con mắt của những người sống cùng thế giới, đó mới là giá trị.

Người sống chay tịnh là người sống dựa vào trí tưởng tượng, người mà những giá trị tâm hồn của họ được xây nên bởi những giấc mơ. Họ sống trong những vần thơ, họ thơ mộng hóa cuộc sống, nhìn cuộc sống qua lăng kính mộng mơ, qua lăng kính áy cây cỏ tươi xanh hơn, đàn chim tung cánh cũng đẹp hơn, mọi thứ đều có những giá trị để tỏa sáng. Những viên cuội cục mịch

Những viên cuối cục mịch
bỗng lấp lánh tựa kim
cương, còn những hòn đá
thông thường cũng chẳng
bình thường một chút nào,
tất cả đều thật đặc biệt!
Đúng nǎo phải để nhìn
cuộc sống, sẽ thấy mọi
vật đều cất bối thiêng
liêng, huyền bí

bỗng lấp lánh tựa kim
cương, còn những hòn đá
thông thường cũng chẳng
bình thường một chút nào,
tất cả đều thật đặc biệt!
Đúng nǎo phải để nhìn
cuộc sống, sẽ thấy mọi vật
đều rất đỗi thiêng liêng,
huyền bí.

Một người đàn ông
đang ngồi uống trà với bạn
trong một quán nước. Anh
ta trầm ngâm nhìn cái cốc, rồi thở dài cùng người bạn:
“Này, anh có thấy rằng cuộc đời cũng chỉ như một cốc
trà thôi không?”

Người bạn trả lời: “Làm sao mà tôi biết được nào?
Tôi đâu có phải là một nhà triết học?”

Bán cầu não phải chỉ biết đưa ra sự thực, đưa ra nhận
định chứ không lý giải được nguyên do. Cho nên nếu ta
hỏi “Tại sao?” thì nó chỉ biết đáp lại bằng im lặng, mà
không có gì hơn để phản hồi. Chẳng hạn như khi đang tản
bộ, nhìn thấy một đóa sen vừa nở, ta chỉ có thể thốt lên:
“Đẹp quá!” chứ có thể nói gì khi bị hỏi: “Tại sao?” Khi đó
có lẽ chúng ta chỉ có thể hỏi lại rằng: “Làm sao mà tôi biết
được cơ chứ? Tôi có phải là một nhà triết học đâu?”

Chỉ đơn thuần là một nhận định, một nhận định rất
đỗi đơn thuần, và tất cả chỉ dừng lại ở đó thôi. Đằng sau
đó không bao hàm thêm bất cứ một căn nguyên nào

khác, và nó cũng chẳng kéo theo một hệ quả nào, phải nhấn mạnh rằng đó đơn giản chỉ là một nhận định về một sự thực nào đó mà thôi. Nếu những ai đọc qua Bộ *Áo nghīa thư*, thì có thể thấy rằng trong đó, người ta chỉ đơn thuần phát biểu lên sự thật. Họ nói: “Chúa *ngự trị*, đừng hỏi tại sao lại thế.” Họ sẽ bảo rằng: “Anh nghĩ chúng tôi là các triết gia sao? Làm sao chúng tôi biết được? Chúa *ngự trị*”. Và họ bảo rằng Chúa là hiện thân của cái đẹp, chúa ở gần chúng ta, còn gần hơn cả trái tim mỗi con người, có điều là đừng có hỏi tại sao, vì họ không phải là những triết gia.”

Hãy thử đọc những cảm nang và những nhận định mà Jesus truyền dạy, chúng không hề có gì phút tạp. Người nói rằng: “Chúa của ta ở trên thiên đường. Ta là con trai của Người, và Người là cha ta.” Đừng cố hỏi tại sao. Ngay cả Jesus cũng không thể nào chứng minh được điều đó trước tòa, mà chỉ có thể nói rằng: “Tôi biết vậy.” Nếu chúng ta hỏi Người rằng ai đã nói điều đó với Người, thế lực nào đã khiến Người nói ra điều đó, Jesus sẽ trả lời rằng: “Là quyền lực có ngay trong bản thân ta, không hề có một thế lực nào sai khiến.”

Đó chính là những vấn đề nảy sinh khi một người như Jesus bước chân vào trong thế giới. Những khôi ốc duy lý không thể nào hiểu nổi. Và không vì một lý do nào khác ngoài lý do ấy mà Jesus đã bị hành hình. Nói cách khác, chính những con người hành động theo bản cầu não trái đã đóng đinh lên người Jesus trên cây thập ác, chỉ bởi vì Jesus là người hành động theo bản cầu não

TG-14

phải. Và diễn đạt theo một cách khác nữa thì việc Jesus bị hành hình xuất phát từ chính môi máu thuẫn trong nội tại của con người.

Lão Tử nói rằng: “Cả thế giới đều thông minh, chỉ có mình tôi là đần độn; cả thế giới đều mạnh bạo và quả quyết, chỉ có mình tôi là do dự, ngập ngừng.” Lão Tử là một người chịu chi phối bởi bán cầu não phải.

Con người cần có một bước chuyển vĩ đại, bước chuyển đó chính là sự chuyển đổi của phần nội tại trong mỗi con người.

Như đã nói, bán cầu não phải là đại diện của thi ca và tình yêu mến. Con người cần có một bước chuyển vĩ đại, bước chuyển đó chính là sự chuyển đổi của phần nội tại trong mỗi con người. Yoga

được xem là một nỗ lực để vươn tới tính duy nhất của sự tồn tại thông qua não trái, sử dụng tính *logic*, toán học, khoa học, để cố gắng vươn ra ngoài. Trong khi đó Thiền là một phái trái ngược: mục đích vẫn vậy, song thiền lại hướng về sử dụng phần não phải để tiến xa hơn. Tất nhiên, con người ta có thể sử dụng cả hai phương thức, nhưng nếu đi theo cách thức của Yoga, con đường phải trải qua sẽ gian khó hơn nhiều và sẽ rất, rất dài, thậm chí nó dường như là một nỗ lực vô vọng, vì chúng ta đang chọn cách tiến tới siêu lý trí từ lý trí thông thường. Trong khi đó con đường của Thiền có nhiều dễ dàng hơn, bởi lẽ Thiền là con đường dẫn từ phi lý trí tới siêu lý trí, mà phi lý trí so với lý trí, mang nhiều nét tương đồng với siêu lý trí hơn, nếu như không muốn nói là gần như

trùng lặp, giữa chúng không hề có vật cản nào. Nếu như hình dung Yoga bước vào phòng nhò xuyên thủng bức tường thì Thiên lại bước vào phòng bằng cách lật mở một cánh cửa, cánh cửa ấy có khi chẳng hề bị khóa, chỉ khẽ đẩy vào là nó sẽ lật mở ra thôi.

Còn bây giờ sẽ là một câu chuyện nhỏ. Đây là một trong những giai thoại đẹp nhất của Thiên. Những người theo trường phái Thiên thường truyền đạt thông qua các câu chuyện, bởi vì họ không xây dựng các học thuyết hay chủ nghĩa, thay vào đó, họ chỉ kể chuyện mà thôi. Có thể nói rằng các thiền sư đều là những người kể chuyện tài ba. Jesus nói chuyện bằng ngữ ngôn, tục ngữ, Đức Phật cũng nói chuyện bằng ngữ ngôn, tục ngữ, và các nhà thần học dòng Sufi cũng vẫn vậy. Đó không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Những câu chuyện, những câu tục ngữ, những giai thoại, đó chính là phương cách của não phải; còn logic, tranh luận, bằng chứng và phương pháp suy luận lại là cách làm của não trái.

Hãy nghe câu chuyện này:

Goso Hoyen vẫn thường nói: "Khi mọi người hỏi tôi rằng Thiên thực chất là gì, tôi lại kể cho họ nghe chuyện này.

Câu chuyện này kể cho chúng ta biết Thiên là gì, không phải bằng cách định nghĩa về Thiên mà chỉ thông qua thể hiện. Con người ta không thể áp cho Thiên bất cứ một thứ định nghĩa nào bởi vì căn bản là Thiên xuất phát từ một cái gốc vốn không thể định nghĩa nổi. Chúng ta có thể ném trại nó được, nhưng

không thể định nghĩa nó, cũng tương tự như việc con người có thể sống trong Thiên, nhưng ngôn ngữ của loài người lại không đủ khả năng để diễn đạt Thiên, tức là chỉ có thể thể hiện nó, chứ không thể nào nói thành lời. Nhưng một câu chuyện nhỏ lại có thể chuyển tải được điều đó. Có thể nói rằng câu chuyện này đã diễn giải một cách thực sự, và diễn giải hết thúc thành công Thiên là như thế nào.

Đây đơn thuần chỉ là sự diễn tả, đừng cố gán cho nó một cái định nghĩa, đừng cố lý luận hóa nó, hãy cứ để cho nó giống như một tia sét, một chớp sáng của sự nhận thức. Câu chuyện ấy không nhằm mục đích gia tăng sự hiểu biết cho con người, nhưng nó có thể mang tới cho chúng ta một sự dịch chuyển, một cú huých, một dạng thay đổi nhất định. Nó gần giống như đang ném con người ta từ góc này sang một góc khác...và đó chính là toàn bộ mục đích của câu chuyện này.

Thấy cha ngày càng già yếu, người con trai của một tên đạo chích mới bảo cha truyền nghề cho anh ta để anh ta có thể thay cha nuôi cả gia đình sau khi cha về nghỉ dưỡng già.

Tuyệt kỹ của một tên đạo chích không phải là thứ khoa học cao siêu gì, nó là một nghệ thuật. Đạo chích thường là những người có tố chất thi sĩ bẩm sinh mà chúng ta không thể học được, có học cũng vô ích mà thôi. Nếu học mà thành, thì có khi lại bị tóm cổ mất, vì khi đó, cảnh sát còn biết rõ hơn cả chúng ta, vì họ được đào tạo bởi khôn lường tri thức tích cóp trong hàng thế kỷ.

Đạo chích thì sinh ra đã là đạo chích. Anh ta sống dựa trên trực giác, đó là một sở trường, một biệt tài. Anh ta sống dựa vào linh cảm, cho nên mới nói rằng đạo chích có tố chất của người phụ nữ. Rõ ràng anh ta không phải là một thương nhân, mà là con bạc, sẵn sàng liều tất cả chẳng vì một cái gì chắc chắn. Tất cả các phi vụ đều đặt trong nguy hiểm và liều lĩnh. Cũng giống như một người mê đạo. Các thiền sư thường cho rằng những con người mê đạo cũng giống như những tên đạo chích, trong công cuộc tìm kiếm Chúa, họ cũng là đạo chích.

Không thể tìm đến với Chúa bằng tư duy logic, bằng lý trí, hoặc bằng cái xã hội, nền văn hóa, và nền văn minh mà con người đang chấp nhận. Người ta chỉ có thể tìm được Chúa khi là một tên đạo chích, tức là trở thành một nghệ sĩ trong việc trộm cắp bạc vàng châu báu.

rừng. Vàng, đúc là có một sự tương đồng nào đó. Người ta chỉ có thể tìm được Chúa khi là một tên đạo chích, tức là trở thành một nghệ sĩ trong việc trộm cắp bạc vàng châu báu.

Không thể tìm đến với Chúa bằng tư duy *logic*, bằng lý trí, hoặc bằng cái xã hội, nền văn hóa, và nền văn minh mà con người đang chấp nhận. Họ đục khoét ở một góc tường, họ đột nhập vào từ cửa sau. Không được phép làm vào ban ngày, thì họ đột nhập vào ban đêm, không thể bám theo đám đông trên quốc lộ, thì họ lặng lẽ tìm đường riêng lẩn vào

Người cha chuẩn bị giải nghệ cho nên người con mới bảo: “Trước khi cha giải nghệ, hãy dạy cho con tuyệt kỹ của cha đi.”

Người cha đồng ý, và thế là đêm đó, cả hai cha con cùng đột nhập vào một ngôi nhà.

Mở một cái rương lớn, người cha bảo đứa con trai chui vào rương để lấy quần áo ra. Ngay khi đứa con vừa chui vào, người cha khóa sập cửa lại và đánh động để cho gia chủ thức giấc, rồi chuồn lẹ ra ngoài.

Rõ ràng là người cha đạo chích kia phải là một người thầy thực thụ, chứ không phải là một tên đạo chích bình thường nữa.

Bị khóa trong rương, người con vừa tức giận, kinh hãi, lại vừa lo lắng không biết làm cách nào để thoát khỏi chỗ này.

Hoàn toàn tự nhiên! Đây là kiểu dạy dỗ gì vậy? Người con trai bị ném vào một tình huống nguy hiểm và chỉ có một mình. Trái lại, đó là cách duy nhất để người cha có thể dạy cho con mình điều điều mà đứa con chưa biết. Đó cũng là cách duy nhất để dạy người con vận dụng bản cầu não phải của mình.

Người ta có thể dạy cho não trái bằng cách tới trường: học hành, rèn luyện, và đào tạo bằng một quá trình, tất cả đều có hiệu quả. Và nhờ đó, chúng ta lên từng lớp một, chúng ta trở thành một bậc thầy về nghệ thuật, về khoa học, về nhiều phương diện khác. Trái lại, không có trường lớp nào có thể dạy dỗ cho não phải: nó

thuộc về trực giác, nó không phải là sự linh hôi từ từ, nó đột ngột, nó giống như tia sét, và giống một chớp sáng trong bóng tối. Khi nào nó xảy ra thì nó sẽ xảy ra, nếu nó không xảy ra, thì mọi cố gắng đều là vô ích. Tất cả những gì con người có thể làm chỉ là đặt mình trong một tình huống nhất định nào đó có nhiều khả năng cho nó xảy ra hơn và chỉ thế mà thôi.

Đó là lý do tại sao tôi lại kết luận rằng người cha đạo chính kia là một bậc thầy thực thụ.

Bị khóa trong rương, người con vừa tức giận, kinh hãi, lại vừa lo lắng không biết làm cách nào để thoát ra được.

Trong tình cảnh đó, chẳng còn có phương án *logic* nào giúp thoát ra ngoài cái rương: cửa rương thì bị khóa bên ngoài, người cha vừa mới đánh động làm cho chủ nhà thức giấc, người nhà họ đang đầy ở phía ngoài, sục sạo tìm kiếm, trong khi đó người cha đã trốn biệt tự khi nào. Còn có phương án *logic* nào để mà thoát khỏi? Tư duy *logic* đã bó tay, lý trí cũng vô tác dụng. Chúng ta còn có thể nghĩ tới cái gì? Tâm trí con người đột nhiên khụng lại, và đó là những gì mà người cha của anh ta đã từng làm, cũng là tất cả những gì thuộc về tuyệt kỹ. Người cha đã cố tình đầy đưa con trai của mình vào một tình thế mà trí tuệ buộc phải ngừng lại. Vì thật ra một tên đạo chính không cần tới trí tư duy. Nếu sử dụng tư duy *logic*, không sớm thì muộn cũng sẽ bị bắt, bởi lẽ phía cảnh sát cũng đang sử dụng phương thức hoàn toàn tương tự.

Câu chuyện này diễn ra trong Thế chiến thứ II. Trong suốt ba năm liên tiếp, quân đội của Adolf Hitler cứ đánh đâu thắng đấy, mà nguyên nhân là: ông ta chẳng tuân theo một thứ *logic* nào. Trong khi đó, tất cả các nước giao tranh với quân đội Hitler đều chiến đấu một cách đầy *logic*. Đương nhiên là họ có cả khoa học về chiến tranh, họ được đào tạo bài bản, và thế này, và thế kia, họ còn có cả đội ngũ các chuyên gia tham vấn rằng: “Hiện nay, Hitler sẽ chuẩn bị tấn công từ phía bên này.” Còn Hitler cũng có những đánh giá riêng của ông ta, đáng lẽ ra ông ta phải tấn công như thế, vì đó là điểm yếu nhất trong phòng tuyến của đối phương. Và thông thường thì đối phương bao giờ cũng bị tiến đánh ở nơi yếu nhất, điều này tuân theo *logic*. Cho nên, quân đội các nước đều dồn mọi tập trung vào điểm yếu này, phục săn quân đội của Hitler, trong khi đó, Hitler lại chọn cách đánh vào bất cứ điểm nào không đoán định được từ trước.

Thậm chí Hitler cũng chẳng nghe theo lời khuyên của vị tướng lĩnh trong quân đội của ông ta mà mời một nhà chiêm tinh để cho lời khuyên nên tấn công ở chỗ nào. Cho tới thời điểm đó, chưa từng có chuyện nào tương tự xảy ra: chưa bao giờ có chuyện một cuộc chiến tranh lại do các nhà chiêm tinh ra quyết định.

Và rồi thì Churchill cũng hiểu được vấn đề, lần ấy, một điệp viên tới báo cáo với Churchill rằng quân đội của ông sẽ không thắng được Hitler, bởi vì người đàn ông này hoàn toàn bất tuân *logic*, rằng có một nhà chiêm tinh ngô ngẩn chưa bao giờ biết tí gì về chiến

tranh, cũng chưa từng bước ra tiền tuyến nào đó đang là người giúp Hitler đưa ra quyết định, và đưa ra quyết định nhơ các vì sao trên trời... Các vì sao thì có liên quan gì tới một cuộc chiến trên mặt đất cơ chứ? Churchill ngay lập tức tiến cử một nhà chiêm tinh hoàng gia tới nhà vua, và từ đó, đi theo sự chỉ dẫn của nhà chiêm tinh này. Sau đó, mọi chuyện lại quay về thế cân bằng, vì giờ đây, mỗi bên đều có một kẻ ngốc để tiên đoán. Mọi việc có vẻ trở nên dễ dàng hơn.

Nếu chúng ta đi theo lối tư duy logic, thì một người khác cũng tuân theo phương pháp ấy hoàn toàn có thể bắt thóp chúng ta.

Nếu như một tên trộm nào đó có ý định đi theo chủ nghĩa của Aristotle, không sớm thì muộn hắn cũng bị tóm gọn, vì cảnh sát cũng đi theo kiểu logic ấy. Nói cách khác, nếu

chúng ta đi theo lối tư duy *logic*, thì một người khác cũng tuân theo phương pháp ấy hoàn toàn có thể bắt thóp chúng ta. “Yêu cầu nghề nghiệp” khiến cho một tên trộm bắt buộc phải có hành động không tiên liệu được. Như vậy tư duy *logic* không có tác dụng gì ở đây. Hắn ta cũng phải là người phi *logic*, phi *logic* tới mức không ai có thể đoán định được điều gì từ hắn. Song, tính phi *logic* lại chỉ có thể tồn tại nếu như toàn bộ nguồn năng lượng được chuyển dịch sang bên bán cầu não phải.

Bị khóa trong rương, người con vừa tức giận, vừa kinh hãi, lại vừa lo lắng không biết làm cách nào để thoát khỏi chỗ này.

Bằng cách nào là một câu hỏi mang tính *logic*. Vì thế mà anh ta thấy sợ hãi, bởi không có đường nào để thoát. Câu hỏi *bằng cách nào* đã rơi vào trong vô vọng.

Chính khi đó, một ý tưởng vụt lóe lên trong đầu anh ta, có thể nói là một cú trượt. Chỉ khi nào bị đặt trong tình thế nguy hiểm cận kề, bán cầu não trái hoàn toàn bất lực trong việc giải quyết, thì, như một phương sách cuối cùng, nó mới để cho bán cầu não phải cất lên tiếng nói. Đúng là chỉ khi không có khả năng thực hiện chức năng, khi cảm thấy rằng mình không còn chỗ nào để cứu cánh, rằng mình đã bị đánh bại, thì khi đó bán cầu não trái mới nghĩ tại sao không cho cái nửa trí tuệ đang bị đè nén và giam hãm kia một cơ hội nhỉ? Cũng là cho chính nó một cơ hội nữa. Chắc là... sẽ không có gì nguy hại.

Đột nhiên một ý tưởng lóe lên trong óc người con trai, anh ta giả làm tiếng mèo kêu.

Đây không phải là một suy tính. Giả tiếng mèo ư? Đó chỉ đơn giản là một ý nghĩ bất chợt thôi. Nhưng vấn đề là nó hiệu quả.

Gia chủ sai một người hầu gái cầm nến vào soi cái rương để đồ.

Ngay khi khóa cửa bật mở, anh con trai nhảy xổ ra, thổi tắt phut ngọn nến, và chạy vụt ra ngoài trước sự kinh ngạc của người hầu gái. Đám đông người vội vã đuổi theo sau.

Nhận thấy có một cái ao nhỏ ở bên đường, anh ta ném ngay một tảng đá xuống nước, và lẩn vào đêm tối.

Đám đông đuổi theo đến đáy liền vây quanh cái ao có nhìn xem tên trộm nhảy xuống chỗ nào.

Hành động này cũng không phải là kết quả của tư duy *logic*. Bởi vì tư duy *logic* cần phải có thời gian, cần có thời gian để tiến hành, để nghĩ, để tranh cãi nên theo hướng này hay hướng khác, và tất cả những gì có liên quan. Mà các vấn đề có liên quan thì có tới cả một nghìn lẻ một. Nhưng rơi vào tình thế đó rồi, con người ta không còn có thời gian để mà suy tính. Đặt địa vị bị cảnh một đám người truy đuổi, liệu mỗi chúng ta còn có thể suy tính được chăng? Nghĩ ngợi tư duy chỉ tốt khi ngồi trên ghế tựa, nhắm mắt lại rồi, con người ta có thể nghĩ đủ thứ, có thể lý luận và khái quát hóa, rồi nghĩ, rồi tranh luận, đồng ý cái này, phản đối cái kia, tán thành cái nọ bác bỏ cái kia. Nhưng một khi sự sống bị đặt trên nước sôi lửa bỏng, thì chẳng còn thời gian đâu mà nghĩ ngợi. Một khi đã rơi vào hoàn cảnh ấy rồi, mọi thứ cứ tự nó phát ra thôi. Không phải là chàng trai kia quyết định sẽ ném tảng đá xuống ao, chỉ đơn giản là nó cứ thể xảy ra. Hành động ấy không phải là một kết luận, anh ta không hề nghĩ tới nó, mà chỉ phát hiện ra mình đang làm như thế mà thôi. Ném tảng đá xuống cái ao và mất dạng vào trong đêm rồi. Thế là cả đám đông dừng lại, nghĩ rằng tên trộm đã tự nhảy xuống ao rồi.

Về phần mình, khi tới được nhà, người con trai tức lầm, nhưng vẫn cố kể cho cha mình nghe toàn bộ những gì đã xảy ra; nhưng người cha đã gạt ngay: "Không phải

mất công kể lại cho cha làm gì. Quan trọng là con đã về nhà, tức là con đã học được tất cả nghệ thuật đó rồi.”

Còn cần gì phải kể ra chi tiết nữa?

Chi tiết chẳng còn quan trọng gì đối với trực giác, vì trực giác không bao giờ tái diễn. Chi tiết chỉ có ý nghĩa trong hoạt động tư duy logic mà thôi; cho nên những người tuân theo tư duy logic mới vì sâu vào tình tiết cụ thể.

Chi tiết chẳng còn quan trọng gì đối với trực giác, vì trực giác không bao giờ tái diễn. Chi tiết chỉ có ý nghĩa trong hoạt động tư duy *logic* mà thôi; thế cho nên những người tuân theo tư duy *logic* mới đi sâu vào tình tiết cụ thể, để nếu như còn có lần sau, họ sẽ làm chủ được tình thế và biết mình cần phải

làm gì. Song trong cuộc đời của một tên đạo chích, sẽ không có chuyện lặp lại tình huống đó lần hai.

Cũng không có chuyện lặp lại lần thứ hai những tình huống như thế trong đời thực. Nếu cứ cố tìm một quyết định, thì con người ta nắm chắc cái chết trong những tình huống ấy, và sẽ chẳng thể nào kịp thời đáp trả. Mà trong cuộc sống, người ta cần sự đáp trả chứ không cần phản ứng: có nghĩa là phải hành động tức thời, không cần chờ đợi việc ra quyết định, cũng có nghĩa là hành động ấy không được chuyển giao từ bất cứ một trung tâm nào trong cơ thể - hành động tiến tới cái chưa biết từ chính những gì chưa biết.

Goso Hoyen đã nói những điều này với những người hỏi ông rằng Thiền là gì. Goso Hoyen sẽ kể lại câu chuyện này. Như vậy có nghĩa, chính xác thì Thiền là đi ăn trộm! Đó là một nghệ thuật chứ không phải là khoa học. Nó linh hoạt uyển chuyển và mềm mại chứ không nam tính; nó cũng không hung hăng, hiếu chiến, mà dễ tiếp thu, nó lại càng không phải là thứ phương pháp luận được xây dựng trau chuốt kỹ càng, mà hoàn toàn tự phát. Thiền không hề liên quan gì tới các học thuyết, giả thuyết, chủ nghĩa hay kinh thánh, nó chỉ có liên quan tới một thứ, đó là nhận thức của con người.

Quay trở lại với những chuyện xảy ra với chàng trai nọ khi bị nhốt ở trong rương. Trong tình huống như thế, người ta không thể nào ngủ được, trong tình huống ấy, ý thức phải được vót nhọn một cách tối đa, buộc phải vậy. Khi sự sống đặt trên đầu sợi tóc, cũng là lúc con người ta tinh táo một cách trọn vẹn hoàn toàn.

Đó chính là cách giúp cho chúng ta đạt được trạng thái tinh táo một cách trọn vẹn trong thời khắc ấy. Và chính trong trạng thái tinh táo này, bước trượt đã nói ở trên mới diễn ra. Năng lượng của chúng ta chuyển từ bán cầu não trái sang bên bán cầu não phải.

Mỗi lần phải cảnh giác cao độ, chúng ta sẽ có trực giác, tia chớp quét qua vùng chưa biết ấy lóe lên trong đầu mà không thể nào lường trước. Chúng ta cũng có thể không bắt theo nó kịp thời, mà không bắt được, tức là chúng ta vừa bỏ lỡ.

Mỗi lần bị dồn vào góc cùng đến nỗi tư duy logic cũng phải thát bại, thì đừng có liều mạng, cũng đừng tuyệt vọng. Khoảnh khắc ấy có thể mang tới cho mỗi chúng ta điều tuyệt diệu nhất trong cuộc đời. Đó là giây phút mà não trái cho phép não phải được điều hành theo cách làm của nó. Và rồi cái phần nữ tính, phần tiếp thu trong não bộ của chúng ta sẽ đưa ra ý tưởng. Làm theo nó, sẽ có rất nhiều cánh cửa mở ra. Nhưng không loại trừ khả năng chính chúng ta sẽ bỏ qua cơ hội ấy, nếu cho rằng “Thật là vô bổ!”

Với chàng trai này cũng vậy. Một chút nữa thôi là anh ta cũng có thể đã bỏ lỡ cơ hội của mình. Ý tưởng lóe lên trong đầu chàng trai không phải là một ý tưởng thông thường, lại càng không theo một trật tự nào, giả làm tiếng mèo? Để làm gì? Lúc đó rất có thể anh ta sẽ tự hỏi: “Tại sao?”, và một khi đã hỏi điều đó, có nghĩa là anh ta đã bỏ qua tất cả. Có điều là tình thế ấy không cho anh ta có cơ hội để thắc mắc điều này, không còn đường nào khác. Cho nên chàng trai tự nhủ: “Cứ thủ đi. Còn gì để mất?” Kết quả là anh ta đã sử dụng phương cách đó.

Người cha đã đúng. Ông nói: “Không phải mất công kể lại cho cha làm gì. Quan trọng là con đã về nhà, tức là con đã học được tất cả nghệ thuật đó rồi.”

Toàn bộ nghệ thuật trong chuyện này chính là làm thế nào để khiến cho phần nữ tính trong tâm trí mỗi người có thể đứng ra đảm nhiệm chức năng của nó, bởi vì chỉ có nó mới hòa nhập tối đa với cái tổng thể, chứ

không phải phần nam tính trong chúng ta. Phần nam tính lúc nào cũng hiếu chiến, lúc nào cũng thích tranh cãi, trong khi phần nữ tính lại luôn nhẫn nhịn, và đáng tin cậy. Đó là lý do khiến cho cơ thể người phụ nữ bao giờ cũng đẹp đẽ và tròn trịa. Phụ nữ luôn có mối liên hệ và có nét hài hòa với tự nhiên, Phụ nữ có tính nhẫn nhịn cao, còn đàn ông lại luôn gây gổ, nóng nảy, chọc chổ này chổ kia, ra sức chứng minh vài điều gì đó, hoặc là cố gắng vươn tới một mục tiêu nào đó.

Nếu hỏi một người phụ nữ rằng cô ấy có muốn đi lên mặt trăng không, hẳn cô ấy không khỏi ngạc nhiên, để làm gì? Tại sao lại phải thế? Tại sao lại phải tự rước thêm mệt nhọc vào người? Ở nhà là tốt nhất rồi. Phụ nữ thích những thứ đang có tại đây, ngay bây giờ, thích sự hài hòa, và duyên dáng. Đàn ông thì lại chỉ thích chứng tỏ bản thân, mà muốn chứng tỏ được bản thân, thì tất nhiên sẽ phải đánh nhau, phải cạnh tranh, và phải tích lũy làm giàu.

Lần ấy có một người phụ nữ cứ khăng khăng muốn được nói chuyện với bác sĩ Johnson, nhưng ông này lại có vẻ không mấy quan tâm.

“Tại sao vậy, thưa bác sĩ?”, bà ấy hóm hỉnh, “Tôi đoán là ông thích làm việc với đồng nghiệp nam hơn là đồng nghiệp nữ đấy.”

“Thưa bà,” Johnson đáp, “Tôi thấy rất thú vị khi làm việc trong một nhiệm sở toàn phụ nữ đấy chứ. Tôi yêu vẻ đẹp của họ, tôi thích sự duyên dáng của họ, tôi thích cả sự rực rỡ của họ... và tôi thích sự yên lặng của họ.

Đàn ông luôn muốn phụ nữ phải im lặng, không chỉ ở bên ngoài, mà cả ở bên trong, tức là buộc cái phần nữ tính phải im lặng. Hãy thử tự nhìn lại bản thân mình xem. Ngay khi phần nữ tính trong chúng ta cất tiếng, chính bản thân chúng ta sẽ nhảy vào, và tự nhủ: “Thật là phi lý, đúng là ngớ ngẩn!”, cũng giống như ông bác sĩ Johnson đang ra sức ngăn không cho phụ nữ cất tiếng nói.

Trái tim là hiện thân của nữ tính. Nhưng vì cái đầu cứ nói quá nhiều, không nhường lời cho trái tim, thành ra chúng ta cứ liên tiếp bỏ lỡ cơ hội trong cuộc đời. Thứ duy nhất mà cái đầu có thể nói giỏi hơn trái tim chỉ là lưu loát hơn, khôn khéo hơn, nguy hiểm hơn và bạo lực hơn mà thôi. Cũng bởi tính thô bạo này mà nó lúc nào

Trái tim là hiện thân của nữ tính. Nhưng vì cái đầu cứ nói quá nhiều, không nhường lời cho trái tim, thành ra chúng ta cứ liên tiếp bỏ lỡ cơ hội trong cuộc đời. Thứ duy nhất mà cái đầu có thể nói giỏi hơn trái tim chỉ là lưu loát hơn, khôn khéo hơn, nguy hiểm hơn và bạo lực hơn mà thôi. Cũng bởi tính thô bạo này mà nó lúc nào

cũng chiếm vị trí lãnh đạo ở bên trong, và quyền lãnh đạo từ bên trong đó chính là bàn đạp cho vị trí lãnh đạo và sự lấn át của người đàn ông trong xã hội bên ngoài, như thế là sự duyên dáng đã bị chê ngụ và lấn át bởi bạo lực.

Mulla Nasruddin được mời tới một ngôi trường để làm việc. Ở đó có một nhóm học sinh đã được sắp xếp

theo thứ tự chiêu cao: từ cháu thấp nhất cho tới cháu cao nhất. Thế nhưng Mulla để ý thấy trật tự ấy bị đảo lộn bởi một cậu trai trẻ cao lênh khênh đứng ngay đầu hàng, chính cậu bé đã làm cho đầu hàng cao hơn hẳn cuối hàng. “Tại sao cậu bé này lại đứng ở phía trước?”, Mulla hỏi. Và ông hỏi một cô bé: “Cậu ta có phải là người đứng đầu, lớp trưởng hay vị trí gì tương tự hay không?”

“Không đâu ạ.”, Cô bé thì thầm, “Cậu ta dọa các bạn để được đứng đầu đấy ạ.”

Trí tuệ của nam giới luôn tìm cách để cưỡng đoạt, tìm cách gây rắc rối, rồi chính những kẻ chuyên gây rắc rối ấy lại trở thành những người lãnh đạo. Ở trường, tất thảy các thầy giáo cao tay đều chọn các học sinh chuyên gây rắc rối để làm lớp trưởng, nên nhớ rằng đó toàn là các siêu quậy và những tên cá biệt. Khi đã được giao trọng trách quyền lực rồi, toàn bộ nguồn năng lượng vốn được dùng cho việc phá phách sẽ trở nên hữu dụng đối với các thầy cô. Họ bắt đầu thiết lập kỷ luật, và các học sinh cũng vậy!

Hãy để ý tới các chính trị gia trên thế giới: khi một đảng nắm quyền, đảng đối lập sẽ ra sức gây ra các vấn đề phức tạp trong nước. Họ là những người phá vỡ pháp luật, là thành viên của các cuộc biểu tình phản đối, còn đảng cầm quyền thì ra sức thiết lập nền kỷ luật. Song chỉ cần bị gạt ra khỏi thế cầm quyền thôi, họ sẽ lại là những người gây rối. Còn ngược lại, chỉ cần giành lại được quyền lực, phe đối lập lại trở thành người giữ gìn trật tự cho xã hội.

Bọn họ đều là những kẻ gây rối.

Bộ não của người đàn ông được sinh ra để gây rắc rối, do đó mà nó chiếm được quyền lực và ở thế lấn át. Nhưng nếu nhìn sâu hơn, mới thấy rằng cho dù có chiếm giữ được quyền lực đi chăng nữa, nhưng chúng ta bỏ lỡ cả cuộc đời, và sâu hơn nữa, chúng ta vẫn thấy phần nữ tính trong mỗi con người đang âm ỉ cháy. Rõ ràng là, trừ phi quay trở lại với phần nữ tính, và biết nhún nhường, trừ phi có thể kiềm giữ được tính bướng bỉnh ngoan cố và ham hố quyền lực trong mỗi con người, nếu không sẽ chẳng bao giờ chúng ta biết được đâu mới là cuộc sống đích thực, đâu mới là sự hướng thụ các giá trị của cuộc sống.

Tôi đã nghe được một giai thoại thế này:

Một nhà khoa học người Mỹ trong một lần tới thăm trụ sở làm việc của nhà vật lý học nổi tiếng đã giành giải Nobel, Niels Bohr, tại Copenhağen, đã rất lấy làm ngạc nhiên khi nhìn thấy phía trên bàn làm việc của Niels Bohr là một cái móng ngựa. Cái móng được đóng theo kiểu cắm vuốt vào tường, phần mở của cái móng ngựa nhìn như thế nó có thể thu lấy toàn bộ may mắn mà không để lọt ra ngoài. Nhà khoa học Mỹ nói với giọng nửa đùa: “Chắc hẳn là ngài không tin vào chuyện cái móng ngựa này có thể mang tới may mắn cho ngài đây chứ, thưa giáo sư Bohr? Nhất là sau tất cả những gì đã qua, và nay ngài đã đứng ở vị trí của một nhà khoa học đầu ngành.”

Bohr thủng thẳng: “Tôi chẳng hề tin vào chuyện nào như thế, bạn tốt ạ, không một chút nào. Tôi gần như sợ phải tin vào những điều vô nghĩa lý như thế. Nhưng mà, tôi lại được nghe kể rằng cái móng ngựa sẽ mang tới may mắn hay không phụ thuộc vào chuyện anh có tin vào điều đó hay không.”

Hãy nhìn sâu thêm một chút, sâu hơn cả tư duy logic và chúng ta sẽ tìm thấy nguồn nước ngọt mát lành của trực giác, của lòng tin, đang chảy tràn trề

Hãy nhìn sâu thêm một chút, sâu hơn cả tư duy logic và chúng ta sẽ tìm thấy nguồn nước ngọt mát lành của trực giác, của lòng tin, đang chảy tràn trề.

Thiền là một phương thức rất đối tự nhiên, là nỗ lực không hề tốn sức, là cách thức của trực giác. Ikkyu, một thiền sư và cũng là một nhà thơ vĩ đại, đã nói rằng: “Tôi có thể nhìn thấy mây từ cách xa ngàn dặm, nghe tiếng nhạc du dương vọng từ nghìn thu trong thớ gỗ thông.”

Thiền chính là như thế. Con người ta không thể nào nhìn thấy mây từ cách xa ngàn dặm bằng tư duy logic của mình. Tư duy logic cũng giống như mắt kính, quá bẩn và bám quá nhiều bụi bặm từ những tư tưởng, học thuyết, lý luận. Nhưng con người ta hoàn toàn có thể nhìn thấy mây từ cách xa ngàn dặm với mắt kính của trực giác, và bằng việc gạt bỏ đi mọi suy nghĩ và toan tính, chỉ còn giữ lại nhận thức trong lành mà thôi. Khi ấy, tấm kính sẽ sạch bong, trong suốt và trong sáng vô ngần.

Con người ta cũng không thể nào nghe thấy được tiếng nhạc du dương vọng từ nghìn thu trong thó gỗ thông bằng tư duy *logic* thông thường. Làm sao có thể nghe thấy tiếng nhạc từ xa xưa? Vì tiếng nhạc đã cất lên rồi, thì sẽ tan đi và tan đi mãi mãi.

Nhưng tôi khẳng định với mọi người rằng, Ikkyu hoàn toàn đúng. Chúng ta có thể nghe thấy tiếng nhạc vọng lại từ ngàn thu, tôi cũng đã từng nghe thấy, nhưng phải có một cú trượt, một sự thay đổi tổng thể, nói chính xác thì đó là một hình thức của sự thay đổi trong căn bản. Và rồi chúng ta lại có thể nhìn thấy Đức Phật đang giảng đạo hay đang nói chuyện với môn đồ. Tất nhiên là có thể nghe thấu những điệu nhạc vọng từ ngàn năm qua thó gỗ thông, bởi lẽ chúng là thứ âm thanh vĩnh cửu, mà đã là âm thanh vĩnh cửu, thì sẽ không bao giờ bị mất đi. Con người đã đánh mất khả năng cảm thụ thứ âm thanh đó. Nhưng tiếng nhạc ấy là vĩnh cửu; cho nên chỉ cần khôi phục lại khả năng, thì chúng lại lập tức hiện về rất rõ. Rõ ràng là âm thanh thì luôn hiện hữu, chỉ có điều là con người có ở đó không thôi.

Hãy trở về với tồn tại, ngay chính tại đây, để mỗi chúng ta đều có thể nhìn thấy những đám mây từ cách xa nghìn dặm, đều có thể nghe thấy tiếng nhạc du dương từ ngàn xưa vọng lại trong thó gỗ thông.

Hãy thay đổi từng bước tiến dần về phía bán cầu não phải, hãy từng bước từng bước khơi dậy phần nữ tính trong mỗi con người, hãy ngày càng biết yêu thương và nhường nhịn, và tin tưởng, và tiến tới cái

tổng thể gần hơn. Đừng cố tách mình thành một hòn đảo cô độc giữa đại dương. Sao không trở thành một phần trong đại lục.

CHUYỂN TỪ SUY NGHĨ SANG CẢM NHẬN

Trí năng là một khái niệm ẩn chứa nhiều điều, sự thông tuệ lại còn bao quát hơn. Trí năng là sự vay mượn, còn sự thông tuệ là của riêng mỗi chúng ta. Nói tới trí năng là nói tới tính *logic*, tính lý trí cao; nhưng sự thông tuệ còn vươn xa hơn cả tầm *logic*. Có thể gọi nó dưới cái tên siêu *logic*, đó là một khái niệm thuộc về trực giác. Một người có tri thức thường chỉ sống dựa trên các quá trình tranh cãi. Tất nhiên là, các quá trình tranh cãi này có thể dẫn dắt chúng ta đi tới một tầm nhìn nào đó, nhưng muốn vượt ra ngoài, xa hơn và cao hơn, cần phải có thêm một thứ khác, đó là linh cảm.

Kể cả các nhà khoa học vĩ đại vốn tiến hành hoạt động nghiên cứu dựa trên lý luận, lý trí, cũng phải thống nhất ở một điểm. Đó là: ở những chỗ lý trí cũng phải bỏ tay, họ đều phải trông đợi vào linh cảm, đều phải chờ đợi tia chớp của

ở những chỗ lý trí cũng phải bỏ tay, họ đều phải trông đợi vào linh cảm, đều phải chờ đợi tia chớp của trực giác lóe lên, chờ đợi một nguồn sáng nào đó từ những điều huyền diệu mà chúng ta còn chưa biết tới.

trực giác lóe lên, chờ đợi một nguồn sáng nào đó từ những điều huyền diệu mà chúng ta còn chưa biết tới. Và điều đó luôn có thể xảy ra: nếu làm việc trí óc chăm chỉ, nếu không cho rằng chỉ có hoạt động trí óc mới là tất cả, và sẵn sàng để đón chờ những tầm xa mới, thì chắc chắn một ngày nào đó, một tia sáng kì lạ sẽ thâm nhập qua con người chúng ta. Nó không phải của mọi người, cũng chưa từng của mọi người, nó chẳng phải của riêng ai. Tia sáng ấy xuất phát từ trung tâm bên trong nhất của con người. Và thực ra, nó có vẻ như đang đến với chúng ta từ đâu đó bên ngoài hơn, bởi lẽ chúng ta vẫn chưa biết chính xác được rằng trung tâm trực giác trong mỗi chúng ta đang nằm ở đâu.

Từ *sadhumi* trong tiếng Phạn là một từ rất đẹp. *Mati* có nghĩa là sự thông thái còn *sadhu* mang nghĩa chín muồi, khôn khéo: một sự thông thái chín muồi. Không phải chỉ thông thái, mà là thông thái chín muồi. Có những người sống rất lý trí, nhưng không khôn khéo, sống khôn khéo còn hơn cả sống theo lý trí. Đôi khi, những con người biết sống chấp nhận và thừa nhận cả những người sống phi lý trí, vì họ biết người biết ta và nhìn nhận hợp lý mà. Họ hiểu được rằng còn có sự tồn tại của những điều phi lý trí. Ngay cả những con người duy lý cũng có thể hiểu được điều này, song chỉ trong một chừng mực hay một lối suy luận nào đó mà thôi.

Có điều người ta không thể chứng minh được điều ấy theo logic, và những con người ở trên cũng vậy. Ai cũng biết, nhưng không ai chứng minh được điều này. Tình

yêu là một ví dụ - chưa có ai từng chứng minh được tình yêu là gì và nó có tồn tại hay chăng. Song ai cũng hiểu tình yêu là như thế nào. Kể cả những người vốn một mực cự tuyệt, những người không bao giờ sẵn sàng đón nhận bất cứ thứ gì vượt ra ngoài tầm với của logic, cũng phải yêu. Và khi yêu, họ tự đẩy mình vào một tình thế tiến thoái lưỡng nan, họ tự cảm thấy mình tội lỗi.

Rõ ràng là tình yêu hiện hữu.

Chẳng ai thấy thỏa mãn với nguồn trí năng dồi dào của mình khi mà con tim họ chưa cảm thấy đủ đầy. Đây chính là hai thái cực đối lập bên trong mỗi con người: con tim và khôi óc.

SỰ THÔNG TUỆ LÀ THỨ KHẢ NĂNG BẤM SINH ĐỂ NHÌN NHẬN, và để linh hội. đứa trẻ nào sinh ra cũng thông minh sáng láng, nhưng dần dần sau đó, nó bị xã hội làm cho mụ mị đi. Người lớn chúng ta giáo dục chúng trong một môi trường mụ mị, không sớm thì muộn, đứa trẻ ấy cũng sẽ trưởng thành trong cái mờ mụ mị và khờ khạo ấy.

Sự thông tuệ là một món quà tạo hóa hằng ban tặng, cũng giống như hơi thở, cũng giống như đôi mắt để nhìn. Sự thông tuệ cũng chính là khả năng nhìn thấu đến tận nội tại của con người, nó thuộc về trực giác

Sự thông tuệ là một món quà tạo hóa hằng ban tặng, cũng giống như hơi thở, cũng giống như đôi mắt để nhìn. Sự thông tuệ cũng chính là khả năng nhìn thấu đến tận nội tại của con người, nó thuộc về trực giác

nội tại của con người, nó thuộc về trực giác. Nên nhớ rằng nó không dính dáng gì tới trí năng, cho nên đừng bao giờ nhầm lẫn giữa trí năng và sự thông tuệ (hay trí tuệ), chúng là những thái cực đối lập nhau. Trí năng gắn với cái đầu, do dạy dỗ mà thành, cũng là do xã hội áp đặt mà định hình nên trong mỗi con người. Trí năng muốn tồn tại, cần phải có sự học công nuôi dưỡng của con người. Nói tóm lại, trí năng là thứ đi vay, là cái bên ngoài vào chứ không phải thứ xuất phát từ bên trong.

Còn sự thông tuệ thì ngược lại. Sự thông tuệ nằm trong sự tồn tại, nằm trong cái bản chất tự nhiên của mỗi con người. Loài vật nào cũng có trí thông minh. Thì đúng chúng không phải là trí thức, hay có học thức trong đầu, nhưng chúng đều có trí thông minh. Cây cối cũng có trí thông minh, toàn bộ sự tồn tại này đều có trí thông minh, và tất nhiên, mọi đứa trẻ chào đời đều thông minh sẵn có. Đã ai từng tình cờ thấy một đứa trẻ ngốc nghếch chưa? Đó là điều không thể có! Nhưng bảo rằng tình cờ gặp được một người trưởng thành thông minh thì quả thực là vô cùng hiếm hoi; dường như có điều gì đó đang đi lạc hướng giữa hai khái niệm này thì phải.

Có người bạn từng gửi cho tôi câu chuyện thú vị này. Tôi rất muốn mọi người nghe qua, vì biết đâu nó giúp ích được điều gì chăng. Câu chuyện được đặt tên là “Trường học của các loài vật.”

Một ngày nọ, các loài vật tụ họp lại trong rừng và thống nhất với nhau mở một trường dạy học. Có một con thỏ, một con chim, một con sóc, một con cá, và một con

giun, và chúng bâu nhau làm ban giám hiệu. Thỏ ta thì cứ khăng khăng là trong nội dung giảng dạy phải có môn chạy. Còn chim thì cứ đòi phải đưa môn bay vào giảng dạy. Cá thì lại muốn nhất định phải có môn bơi, ý kiến của sóc là môn trèo cây thực sự vô cùng cần thiết. Gộp tất cả các ý kiến này lại với nhau và viết thành một bản hướng dẫn về nội dung giảng dạy. Năm con vật chờ đợi rằng tất cả các loài vật rồi sẽ đăng ký đủ các thể loại này.

Mặc dù được điểm A về môn chạy nhưng môn trèo cây thẳng đứng với thỏ lại là cả một vấn đề. Cố mãi mà vẫn liên tục bị rơi xuống dưới, cuối cùng thì con thỏ cũng bị chấn thương sọ não, tuy nhẹ thôi, nhưng nó không thể chạy nhảy được nữa rồi. Thỏ nhận ra rằng, thay vì lúc nào cũng được điểm A môn chạy, bây giờ nó toàn nhận điểm C, còn môn trèo cây thẳng đứng thì luôn ăn điểm F mất rồi. Không con nào sánh bằng chim khi nó dang đôi cánh, nhưng chim không tài nào đào nỗi cái hang trên mặt đất. Hết làm gãy mỏ lại đến làm xước cánh, cho nên chẳng bao lâu sau, chim cũng phải nhận điểm C trong môn sở trường của nó và điểm F cho môn đào hang, còn giờ học trèo cây đôi với con chim, chẳng khác nào địa ngục.

Cuối cùng thì con vật tốt nghiệp được trường học này chỉ có con giun chậm phát triển trí tuệ, làm cái gì cũng chỉ được nửa vời. Tuy nhiên hội đồng giáo dục này con nào con nấy đều rất đỗi vui mừng, là vì dẫu sao thì tất cả các con vật đều đã tham gia đầy đủ tất cả các nội dung giảng dạy, và nó được gọi là “phương pháp giáo dục theo chiều rộng”.

Chúng ta đều thấy bặt cười, song mọi chuyện đúng là như thế. Đó là những gì đã xảy ra với con người chúng ta. Chúng ta cứ ra sức làm cho ai cũng giống như ai, bởi thế mà vô hình chung, chúng ta phá hủy đi tiềm năng của sự tồn tại trong chính bản thân mỗi con người.

Sự thông minh sẽ chết đi khi con người ta cứ bắt chước lẫn nhau. Nếu muốn nuôi dưỡng nó, không thể không ngừng lại việc bắt chước lẫn nhau. **Sự thông minh sẽ treo cổ tự vẫn khi con người trở thành những bản sao của người khác**

Sự thông minh sẽ chết đi khi con người ta cứ bắt chước lẫn nhau. Nếu muốn nuôi dưỡng nó, không thể không ngừng lại việc bắt chước lẫn nhau. Sự thông minh sẽ treo cổ tự vẫn khi con người trở thành những bản sao của người khác.

chúng ta chợt nảy ra ý nghĩ phải làm thế nào để giống người nọ, giống người kia, là lúc chúng ta tự đánh rơi trí thông minh của mình, và biến mình thành kẻ ngốc. Chính cái khoảnh khắc tự ta so sánh bản thân với một người nào đó, cũng là lúc chúng ta đánh mất cái tiềm năng tự nhiên của mình. Con người ta sẽ không còn được sống trong hạnh phúc, không còn giữ được sự trong trẻo, thanh khiết và tinh khôi của mình. Mà đánh mất sự thuần khiết kia, cũng có nghĩa là đánh mất luôn khả năng nhìn nhận, thay vào đó là đôi mắt vay mượn từ bên ngoài. Nhưng làm sao có thể dùng mắt của người khác để nhìn cho bản thân mình? Ai cũng cần đôi mắt

cho riêng mình, cần đôi chân của chính mình để bước đi, và cần trái tim để đập nhịp đập của chính chúng ta.

Con người ta đang sống một cuộc đời vay mượn, bởi thế mà cuộc đời của họ tật nguyền. Sự tật nguyền ấy biến con người ta thành kẻ ngốc.

Thế giới cần phải có một phương pháp giáo dục đổi mới một cách toàn diện. Trong thế giới này, những người sinh ra để làm thi sĩ đang cố chứng tỏ rằng họ chẳng biết gì về toán học, còn những nhà toán học vĩ đại bẩm sinh thì đang phải cố nhốt nhét kiến thức lịch sử mà chẳng biết được gì và để làm gì. Mọi thứ đang lộn tung phèo vì căn bản là nền giáo dục của chúng ta không hề thuận theo lẽ tự nhiên. Nền giáo dục ấy chẳng thèm mang tới cá nhân, mà chỉ biết gò ép con người ta vào trong những khuôn mẫu nhất định. Có thể cái khuôn mẫu ấy ngẫu nhiên vừa vặn với một vài người nào đó, nhưng phần lớn những con người tham gia vào công cuộc giáo dục ấy đều không thấy vừa, đều bỏ lỡ cơ hội của chính mình, và đều đang phải sống trong nghèo khó mịt mù.

Cái nghèo đáng sợ nhất trên đời này chính là cảm thấy mình dốt nát, không nên công nên trạng gì và thấy mình đần độn, nhưng thực ra thì chẳng có ai sinh ra không thông minh cả, bởi vì tất cả chúng ta đều được sinh ra từ cùng một sự tồn tại chung.

Cái nghèo đáng sợ nhất trên đời này chính là cảm thấy mình dốt nát, không nên công nên trạng gì và thấy mình đần độn, nhưng thực ra thì chẳng có ai sinh ra không thông minh cả, bởi vì tất cả chúng ta đều được sinh ra từ cùng một sự tồn tại chung.

có ai sinh ra không thông minh cả, bởi vì tất cả chúng ta đều được sinh ra từ cùng một sự tồn tại chung. Sự tồn tại ấy là một sự thông tuệ thuần khiết. Chúng ta mang một chút mùi vị, một chút hương thơm từ một nơi xa xăm bên ngoài kia để bước vào trong thế giới này. Vậy mà bỗng đâu xã hội đó lại nhảy ngược vào, bắt đầu cái công cuộc rèn giũa, dạy dỗ, thay đổi, cắt xén và thêm thắt, không bao lâu sau, chúng ta chẳng còn giữ được hình dạng hay kết cấu ban đầu. Xã hội muốn con người ta phải trở thành những đứa trẻ biết vâng lời, phải trở thành những tín đồ trung thành hoặc trở thành những thành viên chính thống. Và đó chính là cái cách mà sự thông thái trong mỗi con người bị triệt hạ dần dần trong xã hội.

Mỗi trường mà chúng ta đang sống thực sự là một cái xà lim, cái xà lim ấy hoàn toàn có thể bị đập bỏ, nhưng mà khó, bởi ta đã quá quen với nó. Nó không giống như cái quần cái áo bám trên người, mà đã thành da thành thịt, cho nên ta phải sống với nó dài lâu. Lại càng khó hơn nữa bởi vì nó đã đồng nhất với cái tổng thể trong con người ta. Nhưng dù sao, công việc loại bỏ ấy vẫn là điều kiện bắt buộc nếu chúng ta muốn đến với sự tồn tại thật sự của chính mình.

Nếu thực sự muốn có được sự thông thái, phải biết nỗi dậy. Chỉ có những con người biết nỗi loạn mới thực sự thông minh. Tôi có dụng ý gì mà lại nhắc tới sự nỗi loạn ở đây? Nỗi loạn ở đây không có ý gì khác ngoài việc chấm dứt tất cả những gì đang ép buộc chúng ta đi ngược lại với mong muốn của chính bản thân chúng ta. Hãy tìm hiểu

lại xem chúng ta thực sự là ai, hãy bắt đầu lại từ abc. Và hãy nghĩ rằng ta đã lãng phí cả một khoảng thời gian từ bấy lâu nay cũng chỉ vì chỉ biết đi theo kẻ khác.

Con người chẳng ai có thể giống ai, mỗi người đều là duy nhất, đó mới là bản tính tự nhiên của sự thông tuệ - và mỗi người đều không thể đem ra so sánh được. Chớ nên so sánh mình với bất kỳ ai khác. Mà nếu so sánh thì so sánh bằng cách nào? Ta là ta và người khác là người khác. Không có điểm tương đồng thì mọi so sánh đều là vô căn cứ.

Thế mà chúng ta lại cứ được dạy để so sánh, và vì thế mà chúng ta vẫn đang không ngừng so sánh lẫn nhau. Dù trực tiếp hay gián tiếp, dù có ý thức hay vô thức, thì chúng ta vẫn đang sống trong hàng loạt sự so sánh. Và một khi đã so sánh như thế, nghĩa là chính chúng ta đang không còn tôn trọng bản thân mình: người khác đẹp hơn, người khác cao hơn, ai đó khỏe mạnh hơn, người này làm đến vị trí này vị trí khác, người kia sao lại có được giọng hát hay đến vậy... thế rồi con người ta tự chất lên mình hàng đống gánh nặng chất chồng một khi cứ tiếp tục so sánh bản thân mình. Đáng tiếc là có tới hàng triệu người đang bao quanh chúng ta, cứ so sánh như thế, hẳn một ngày nào đó chúng ta sẽ bị đè nghiến tan tành.

Hơn thế nữa, ta còn có một tâm hồn đẹp đẽ ngời ngời, một cuộc sống luôn chực đơm hoa, một bông hoa vàng ngọc, nhưng chính ta lại không bao giờ cho nó cơ hội trở thành hiện thực.

Hãy tự giải phóng mình khỏi mọi gánh nặng. Gác mọi thứ sang một bên. Hãy phục hồi và cải tạo lại sự trong sáng vô ngàn trong mỗi con người, và lấy lại tuổi thơ ngày đã qua đi. Jesus đã không hề sai khi nói rằng: “Các người sẽ không thể bước vào vương quốc của Chúa trừ khi được tái sinh.” Tôi cũng sẽ nói điều tương tự: Trừ khi chúng ta được tái sinh...

Hãy bỏ đi tất thảy những thứ vô nghĩa đang đeo bám con người. Trở về trạng thái tinh khôi, để bắt đầu lại từ đầu, rồi ta sẽ phải sững sốt trước biết bao nhiêu thông tuệ nhanh chóng được giải phóng ra.

**Sự thông tuệ chính là
khả năng nhìn nhận,
thấu hiểu và sống cuộc
đời của chính mỗi người
theo những gì mà tự
nhiên đã trao tặng**

Sự thông tuệ chính là khả năng nhìn nhận, thấu hiểu và sống cuộc đời của chính mỗi người theo những gì mà tự nhiên đã trao tặng. Thế còn sự ngu dốt? Bắt chước kẻ khác, giả làm kẻ khác, nghe lời kẻ khác; nhìn nhận mọi thứ bằng con mắt không phải của mình và ra sức chiếm lấy tri thức của người khác thành của mình, đó chính là sự ngu dốt.

Đó là lý do giải thích cho việc hầu hết các nhà phê bình đều là những gã ngốc. Họ là những con vẹt, chỉ biết lặp lại. Họ chỉ là những cái máy hát. Nói lại thì giỏi, nhưng chỉ cần phát sinh thêm một vài tình huống mới, bổ sung thêm một vài chi tiết không ghi sẵn trong sách vở, là họ mù tịt. Những con người ấy không có sự thông minh. Trí thông minh phải là khả năng đáp trả

tức thì tới những gì xảy ra trong cuộc sống, chứ không hề tuân theo một quá trình hay trình tự nào cả.

Chỉ có những người không có thông minh mới chuẩn bị sẵn những kế hoạch, chương trình. Họ lo sợ, họ tự biết mình không đủ thông minh để đọ sức trong cuộc đời, cho nên họ phải sẵn sàng, phải rèn luyện từ trước. Chuẩn bị sẵn câu trả lời cho những câu hỏi được đặt ra càng thể hiện rõ sự ngốc nghếch của họ, bởi lẽ có bao giờ câu hỏi nào cũng giống nhau đâu. Các câu hỏi bao giờ cũng mang tính mới. Mỗi ngày lại mang đến những vấn đề mới nảy sinh, những thử thách mới, và mỗi giây phút đều mang tới những câu hỏi mới. Cho nên, nếu cứ lôi những câu hỏi đã chuẩn bị sẵn trong đầu ra để ứng phó, thì thậm chí đến câu hỏi ấy như thế nào, chúng ta cũng không kịp nghe qua. Đầu óc chúng ta ngập đầy những câu trả lời có sẵn, và không còn có khả năng lắng nghe để tích tụ thêm. Và dù có làm thêm điều gì đi chăng nữa, thì những điều ấy cũng chỉ vòng quanh những câu trả lời đã biết mà thôi, và tất nhiên, chúng chẳng có mối liên quan gì tới thực tại quanh ta.

Trong khi đó trí thông minh lại không hề có sự chuẩn bị từ trước, và hơn hết, nó có mối quan hệ mật thiết với thực tại mà con người ta đang sống. Còn gì tuyệt diệu hơn là được đối mặt với cuộc đời trong tư thế đầy bất ngờ, không hề chuẩn bị. Khi đó, cuộc sống sẽ đầy những điều mới mẻ, đầy sự trẻ trung, sẽ là một dòng chảy trong lành. Khi đó, cuộc sống sẽ đem tới vô vàn điều bất ngờ thú vị. Và một khi cuộc sống đã ngập

tràn bát ngát thú vị, thì con người ta còn gì phải lo lắng về những buồn phiền tẻ nhạt?

Kẻ ngốc thì lúc nào cũng thấy chán chường, là bởi vì anh ta lúc nào cũng phải đi gom nhặt những câu trả lời từ người khác, để rồi lại rao đi rao lại; cũng là bởi vì trong mắt anh ta, đang đầy ứ những thứ gọi là tri thức, đến nỗi không còn chỗ cho anh ta nhìn thấy những gì đang diễn ra trước mắt mình. Anh ta biết rấy nhiều những điều mà chính anh ta cũng không hiểu nổi, cũng chưa từng trải nghiệm qua.

Cho nên đó không phải là một kẻ khôn ngoan, mà đơn giản chỉ là một người có nhiều kiến thức. Một ví dụ để cho dễ hiểu hơn: khi anh ta nhìn ngắm một bông hồng, thực sự trong mắt anh ta không hề có hình ảnh của bông hồng ấy, mà là những bông hồng nào đó anh ta đã từng đọc qua, những bông hồng đã được thơ ca nhắc tới, trong tranh của các họa sĩ, hay những bông hồng mà các triết gia từng luận bàn đến. Nói tóm lại là hình ảnh hiện ra trong mắt, hoặc là đang xếp hàng trong suy tưởng của anh ta là tất cả các loại hoa hồng đã từng được nghe qua. Duy chỉ có bông hoa đang hiện hữu trước mắt anh ta là không xếp trong hàng dài ấy. Có nghĩa là tuy có nhìn nhưng anh ta không nhìn thấy. “Bông hoa này thật là đẹp!” cũng chỉ là câu nói lặp đi lặp lại vô hồn. Nó không xuất phát từ chính anh ta, không một chút đáng tin cậy, không hề chân thành, và không thành thật. Đó là giọng nói của một người khác, anh ta chỉ đang mở lại một cuốn băng cát xét.

Bắt chước và nhắc lại lời người khác làm nên sự ngu dốt. Nó thật rẻ mạt, là bởi vì chẳng cần phải học cũng có thể có được. Học tập là một quá trình gian khổ, con người ta muốn học được điều gì đều phải đổi lấy từ mồ hôi công sức. Học tập đòi hỏi phải kiên nhẫn, nhún nhường. Học tập có nghĩa là ta phải biết từ bỏ cái lạc hậu, phải luôn sẵn sàng để tiếp thu cái mới. Học tập cũng có nghĩa là không có chỗ cho tính ích kỷ tồn tại trong con người.

Học tập là một quá trình gian khổ, con người ta muốn học được điều gì đều phải đổi lấy từ mồ hôi công sức. Học tập đòi hỏi phải kiên nhẫn, nhún nhường. Học tập có nghĩa là ta phải biết từ bỏ cái lạc hậu, phải luôn sẵn sàng để tiếp thu cái mới. Học tập cũng có nghĩa là không có chỗ cho tính ích kỷ tồn tại trong con người

Và một khi đã bước vào, con người ta sẽ không thể đoán định được rằng con đường học tập có thể dẫn họ tới tận đâu, cũng không thể đoán được về người theo nghiệp học hành; cuộc sống của người đó là không thể nào đoán định trước. Ngay chính bản thân anh ta cũng không đoán được sẽ có chuyện gì xảy ra, hoặc là anh ta sẽ ở đâu vào buổi sớm hôm sau. Tức là người đó đã bước vào trạng thái không tồn tại tri thức. Chỉ có trong trạng thái ấy, và luôn luôn ở trong trạng thái không có tri thức, con người ta mới thực sự là đang học.

Điều này giải thích tại sao trẻ con lại có thể học được một cách dễ dàng. Lớn lên rồi già đi, chúng cũng

ngừng việc học, vì khi ấy tri thức đã được tích tụ lại thành một khối tương đối lớn, mà việc bắt chước khối tri thức này thật không còn gì dễ dàng và rẻ mạt hơn. Vậy thì có ảnh hưởng gì nào? Đúng là đơn giản và dễ dàng để đi theo những khuôn mẫu có sẵn, để quay theo bánh xe vẫn đang quay. Nhưng cũng bởi thế mà con người ta thấy tất cả đều nhảm chán. Sự dốt nát và nhảm chán lúc nào cũng song hành với nhau.

Một con người thông minh lúc nào cũng trong sáng, tinh khôi như giọt sương mai buổi sớm đang ánh lên long lanh dưới ánh mặt trời, và nhấp nháńh như những ngôi sao lung linh trên màn trời đêm. Ai cũng có thể cảm nhận được sự tươi mới và dễ chịu tựa như một cơn gió mát lành từ nơi con người ấy.

Trí thông minh cũng chính là khả năng tái sinh liên tiếp. Chết trong quá khứ và sống trong hiện tại, đó đều là sự thông tuệ của con người.

Trên thực tế, trí tuệ của bộ não con người không phải là khái niệm trí tuệ hay sự thông tuệ mà chúng ta đang nhắc tới, mà đơn giản chỉ là sự am hiểu mà thôi. Chỉ có sự thông tuệ của trái tim mới thực sự và duy nhất là sự thông tuệ mà chúng ta nói tới nay giờ. Cái đầu chỉ giống như một cái khe tích trữ. Đã là tích trữ thì lúc nào cũng toàn cái cũ, không còn gì mới mẻ, cũng không còn là nguyên bản. Cái khe ấy thật là hữu dụng khi con người ta muốn dùng nó cho một vài mục đích cụ thể nào đó, chẳng hạn như mài giũa chẳng hạn. Quả thật là trong cuộc sống, mỗi con người đều cần dùng nó rất nhiều,

để ghi nhớ biết bao nhiêu là thứ. Trí óc trong đầu con người ta chẳng khác gì một cái máy vi tính sinh học thực thụ. Người ta cứ thoải mái nhập dữ liệu vào đó, khi cần chỉ việc lôi ra, bất kể lúc nào. Rõ ràng là trong toán học, trong các lĩnh vực cần tính toán, trong cuộc sống thường nhật và trên cả thương trường, điều đó là vô cùng cần thiết. Nhưng nếu chỉ nghĩ được rằng đây là tất cả những gì thuộc về cuộc sống, thì người có ý nghĩ ấy vẫn chỉ là một kẻ dốt nát không hơn. Con người ta khi ấy, sẽ không thể nào cảm nhận nổi sự thăng hoa tuyệt vời của cảm xúc, cũng không thể nào cảm nhận được những giây phút an lành của trái tim, không biết đến thế nào là sự duyên dáng dịu dàng, sự ngoan đạo mà chỉ có trái tim mới chuyển tải nổi. Thế cũng có nghĩa là sẽ không bao giờ biết thế nào là cầu nguyện, không bao giờ biết tới những vần thơ, và không bao giờ biết tới tình yêu.

Sự thông tuệ của con tim khơi nguồn cho những mạch thơ đạt dào trong cuộc sống, biến mỗi bước đi thành bước nhảy có hồn, thổi những niềm vui vào cuộc sống, và biến mỗi ngày trong cuộc đời của mỗi con người trở thành một bữa tiệc linh đình, một lễ hội tươi vui. Cũng nhờ có trái tim mà

Sự thông tuệ của con tim khơi nguồn cho những mạch thơ đạt dào trong cuộc sống, biến mỗi bước đi thành bước nhảy có hồn, thổi những niềm vui vào cuộc sống, và biến mỗi ngày trong cuộc đời của mỗi con người trở thành một bữa tiệc linh đình

chúng ta biết thế nào là yêu thương và chia sẻ. Đó mới là một cuộc sống đích thực. Nó khác hoàn toàn với cuộc sống đầy máy móc và thụ động mà cái đầu mang tới, với cuộc sống ấy, con người chẳng khác nào những con rô - bốt, chắc hẳn phải là những con rô - bốt rất được việc, xét về mặt hiệu quả mà nói thì một cỗ máy đương nhiên sẽ làm việc hiệu quả hơn là một con người thực thụ. Cái đầu giúp chúng ta kiếm được nhiều tiền, nhưng lại cho ta quá ít thời gian để sống. Con người ta có thể có mức sống tốt hơn thật đấy, nhưng lại đánh mất đi cuộc đời mình.

Như một lẽ tự nhiên, cuộc sống thuộc về trái tim của chúng ta. Chỉ khi được gieo mầm trên mảnh đất màu mỡ ấy, cuộc sống mới đâm chồi nảy lộc và sinh sôi phát triển: tình yêu đâm chồi, cuộc sống sinh sôi, và sự an lành sẽ cùng bén rễ. Tất cả những gì trái tim ban tặng ấy đều là những điều tuyệt vời, đầy giá trị, đầy ý nghĩa, và đầy quan trọng. Thế nên mới nói trái tim là trung tâm của mọi trung tâm trong tổng thể một con người, còn cái đầu mới chỉ dừng lại với vai trò của yếu tố ngoại diên mà thôi. Thế nên mới nói sống bằng cái đầu là cuộc sống mới chỉ dừng lại ở mép của hình tròn, đứng trên đường tròn rìa ấy, con người ta không thể nào nhận thức được đâu là cái đẹp, là giá trị khi đứng trên tâm. Và thế nên khi chọn sống theo cách ấy, chúng ta đã tự biến mình thành kẻ ngốc.

Sống bằng cái đầu là sự ngu ngốc, còn sống bằng trái tim nhưng biết dùng cái đầu khi cần thiết mới là

khôn ngoan, thông tuệ. Có điều là cái trung tâm, cũng là ông chủ của mỗi con người lại nằm ở rất sâu trong lớp lõi. Ông chủ mà tôi nói tới ở đây chính là trái tim, và cũng trong phép so sánh ấy, thì cái đầu phải là kẻ tôi tớ - đó mới là sự thông tuệ. Nó khác với sự ngu dốt khi cái đầu giành lấy vị trí của ông chủ và quên bẵng luôn trái tim đang có vị trí gì.

Quyền lựa chọn hoàn toàn phụ thuộc vào mỗi con người. Chỉ cần nhớ lấy một điều rằng: cái đầu khi giữ vai trò kẻ tôi tớ, sẽ là người giúp việc đắc lực, mang tới nhiều ích lợi, nhưng một khi để cho nó làm ông chủ, cái đầu lại trở lên đáng sợ, nó sẵn sàng đầu độc cả cuộc đời của mỗi con người. Hãy nhìn quanh mà xem! Cuộc sống của con người ta đang bị cái đầu tiêm nhiễm độc hại cả rồi. Họ không còn có thể cảm nhận, không còn đủ nhạy cảm, và không gì còn có thể làm cho con tim những người này rung động nữa. Bình minh có lên thì cũng không gieo ánh sáng ban mai trong tâm hồn của họ, những con người ấy cũng ngược ngǎm nhìn mặt trời mọc thật đấy, nhưng bằng những đôi mắt vô hồn trống rỗng. Bầu trời đêm dù có lung linh với muôn vạn vì sao nhấp nháńh, kỳ vĩ và đầy huyền hoặc, thì trái tim những con người ấy cũng chẳng mấy may khuấy động, không một chút nào tiếng nhạc lời ca. Đàn chim líu lo ca hát, còn con người thì quên mất rằng mình biết hát ca. Những đám mây lững lờ lượn khắp bầu trời còn đàn chim công thi nhau nhảy múa, còn con người thì không biết nhảy múa là gì. Họ đã biến thành những con người

què quặt, tật nguyền. Cây cối nở hoa khoe sắc. Trong khi đó con người ta chỉ biết suy nghĩ và suy nghĩ, không còn chỗ trống nào nhường phần cho cảm nhận, mà một khi đã không còn cảm xúc, thì làm sao còn giữ được ý nghĩa nguyên vẹn của tinh hoa.

Hãy nhìn đi, nhìn thật kỹ và quan sát cẩn thận, hãy nhìn lại cuộc đời này bằng một cái nhìn hoàn toàn mới. Sẽ chẳng còn ai khác có thể giúp được chúng ta. Chúng ta phụ thuộc vào người khác quá lâu rồi; cũng bởi thế mà chúng ta mới trở thành ngớ ngẩn. Cho nên, giờ đây, hãy tự nắm lấy vận mệnh của mình; tất cả đều nằm ở trong tay của mỗi con người. Hãy mang trả những gì mà chúng ta đang nợ chính mình: một cái nhìn sâu sắc và thấu đáo về những gì ta đang áp cho cuộc đời mình. Tự sâu thẳm trái tim, chúng ta có nghe thấy mạch thở nào đang rò rỉ hay chăng? Nếu như không nghe thấy, đừng nên lãng phí thêm một phút giây nào nữa, hãy bắt tay ngay vào việc trợ giúp cho con tim mình thêu dệt nên những tấm lụa thi ca. Và chúng ta nhìn ra lớp khói sương lảng mạn nào đang len lỏi trong tim chăng? Nếu vẫn không, có nghĩa là chúng ta đang chết, đang nằm trong nấm mộ im lìm.

Hãy đạp tung nó mà vùng dậy đi thôi! Hãy mang một chút hương thơm của lảng mạn, một chút hơi thở pháp phỏng của sự phiêu lưu tới cho cuộc sống. Hãy khám phá nó! Triệu triệu vẻ đẹp lộng lẫy và nguy nga đang đón đợi chúng ta. Tại sao chúng ta lại cứ lượn vòng quanh mà chẳng bao giờ tiến thẳng vào thánh

đường của cuộc sống này? Cánh cửa thánh đường chính là trái tim mà chúng ta đã biết.

Bước chuyển từ suy nghĩ sang cảm nhận là một cú trượt bắt buộc phải trải qua. Cảm nhận gần, rất gần, và gần hơn rất nhiều với một thứ bên trong mỗi con người mà chúng ta vẫn gọi là trực giác

Hãy nhớ lấy rằng: bước chuyển từ suy nghĩ sang cảm nhận là một cú trượt bắt buộc phải trải qua. Cảm nhận gần, rất gần, và gần hơn rất nhiều với một thứ bên trong mỗi con người mà chúng ta vẫn gọi là trực giác. Trái lại, suy nghĩ lại là điểm

xa nhất tính từ trực giác trở đi. Những gì được giảng dạy từ người khác mà có, được gọi là sự giác ngộ. Còn những gì đã có sẵn bên trong và đột ngột xòe bung chính là trực giác. Không ai có thể truyền dạy cho chúng ta, không phải ở trường, không phải ở giảng đường đại học hay cao đẳng, chẳng có ai nói gì về nó, chỉ có trực giác, tự nó, bùng nổ mà thôi. Con người ta cũng chẳng cần phải nhọc công đi đâu tìm kiếm, chỉ cần bước sâu vào trong chính mỗi con người.

Sự cảm nhận gần gũi với trực giác hơn. Tôi chẳng bao giờ mơ tưởng tới những điều hão huyền không thể có, cho nên không bao giờ tôi tự nói: "Hãy lôi trực giác ra đi!", đó là điều mọi người, chẳng có ai làm được. Ngay bây giờ, chỉ cần làm một thứ là đủ: hãy bước từ tư duy sang cảm nhận. Và sau đó, chẳng mấy khó khăn để bước từ cảm giác sang trực giác. Nhưng cũng phải nói

trước rằng cái công đoạn chuyển từ tư duy sang cảm giác không hề là một công đoạn dễ dàng. Hai thái cực ấy không hề đồng thuận, chúng trái ngược nhau. Tưởng tượng rằng cảm giác là phần đứng giữa, khoảng cách từ cảm giác đi tới trực giác bằng với khoảng cách từ cảm giác đi tới tư duy. Đi đường này, ta sẽ gặp tư duy, đi đường kia, ta tiến về trực giác.

Cảm giác chính là nơi diễn ra cuộc gặp gỡ và hòa trộn giữa trực giác và tư duy. Cho nên ta vẫn thấy trong cảm giác, một chút dư vị của tư duy, lại cũng có một chút dư âm trực giác.

THƯ GIÃN

Tất cả những gì vẫn được con người ta đánh giá là vĩ đại trong khoa học thực tế lại chẳng phải do trí năng mang đến, chính xác thì chúng nhờ vào trực giác mà có được. Những khám phá vĩ đại, những phát kiến vượt lên trên thời đại đều vượt qua cả tầm với của trí năng để tới đây, từ Archimedes cho tới Einstein - cũng đều như vậy.

Hẳn mọi người đều đã biết tới câu chuyện về Archimedes, người đã có một phát hiện vĩ đại trong khi đang nằm ngâm mình thư giãn trong bồn nước nóng... Ông đã lo lắng suốt nhiều ngày trời về trọng trách được giao: đức vua của vương quốc có một chiếc vương miện vàng rất đẹp, và ngài muốn biết chính xác là chiếc vương miện ấy có được làm bằng vàng nguyên chất hay không.

Có điều là nhà vua không muốn làm hỏng hình dạng của chiếc vương miện ấy. Đó là một nỗi trăn trở lớn với Archimedes: làm thế nào để tìm ra câu trả lời chính xác đây? Làm thế nào để biết bao nhiêu phần trăm chiếc vương miện là vàng và bao nhiêu phần trăm là kim loại khác? Archimedes đã nhiều đêm mất ngủ, nhưng giải pháp vẫn chìm trong vô vọng. Thế mà nó lại xảy ra.

Bồn tắm đầy nước. Khi Archimedes bước vào, một ít nước tràn ra, và thế là nhanh như chớp, ý tưởng vụt đến với ông: “Chỗ nước tràn ra khỏi bồn nhất định có liên quan tới trọng lượng cơ thể của mình.” Và ý tưởng tiếp mạch của nó: “Nếu bây giờ mình đặt vàng vào trong một cái bồn đầy nước, nước sẽ bị trào ra. Chỗ nước đó sẽ phải có mối quan hệ nhất định với trọng lượng của vàng.”

Và thế là ông như bừng tỉnh. Vui sướng tột cùng đến nỗi quên luôn rằng mình đang không có một mảnh vải trên người, Archimedes cứ thế lao ngay ra phố mà hét lớn: “*Eureka! Eureka!* Tôi tìm ra rồi! Tôi tìm ra rồi!”

Rõ ràng đó là một khám phá xuất phát từ sự thông thái tận sâu bên trong của con người, chứ không phải là một kết luận của tri thức bên ngoài.

Albert Einstein cũng ngâm mình trong bồn tắm hàng giờ - chắc có lẽ là do ảnh hưởng từ Archimedes! Một trong những trí thức nổi bật nhất của Ấn Độ là giáo sư Ram Manohar Lohia, đã tới gặp ông, cũng chính giáo sư Lohia là người kể cho tôi nghe câu chuyện này. Giáo sư là một trong những chính trị gia chân thành nhất được biết đến cho tới tận bây giờ, đồng thời cũng là một nhà quan

sát tinh tường, một người có tầm nhìn xa trông rộng, và là một thiên tài. Lohia đã từng có một khoảng thời gian học tập ở bên Đức, cho nên ông có nhiều bạn bè quen biết Albert Einstein. Một số người bạn quen đã sắp xếp cho họ gặp nhau. Lohia đã tới đúng giờ rồi, nhưng vợ Albert Einstein bảo ông rằng: “Ngài phải chờ thôi, bởi vì ông ấy đang trong bồn tắm, mà ông ấy đã ở trong bồn tắm thì chẳng có ai biết được là đến bao giờ ông ấy mới chịu ra.”

Nửa giờ, rồi hết một giờ. Giáo sư Lohia hỏi bà vợ: “Thường thì ông ấy tắm bao lâu?”

Bà ấy trả lời: “Không biết đâu mà lần.”

Giáo sư Lohia hỏi tiếp: “Thế ông ấy làm cái gì khi ngồi trong bồn tắm?”

Bà vợ Albert Einstein bật cười: “Ông ấy chơi với bóng bóng xà phòng.”

“Để làm gì cơ chứ?”

“Trong lúc nghịch đám bọt xà phòng, ông ấy lúc nào cũng tìm ra lời giải sáng suốt cho những thứ mà ông ấy đã nghĩ liên tục và nghĩ rất nhiều mà chưa thể tìm ra lời giải thích. Lúc nào trong bồn tắm, con người ông ấy cũng sáng suốt như vừa có một tia chớp lóe lên trong tâm trí.”

Tại sao lại là trong bồn tắm? Là vì khi đó chúng ta được thư giãn. Và sự thư thái là cơ sở của thiền định. Khi chúng ta thư giãn, tất cả mọi căng thẳng đều ngừng lại. Nước ấm, sự yên tĩnh trong phòng tắm, và ở một mình... Hiện nay ở các nước phương Tây, người ta đang có xu hướng thiết kế phòng tắm thật đẹp mắt, đẹp như

cung điện vậy. Một vài người còn định thiết kế phòng chờ bên trong phòng tắm ấy chứ! Vì nó đẹp, cho nên con người ta thoái mái thư giãn, và thoái mái đắm chìm trong suy ngẫm sâu xa. Trong trạng thái suy nghĩ sâu ấy, mọi chuyện sẽ xảy ra. Cái bồn tắm là một công cụ có tác dụng kích thích tuyệt vời. Tất thảy các nhà khoa học vĩ đại nhất trên thế giới đều phải công nhận điều này. Có khi họ lao động nghiên cứu miệt mài ròng rã hàng năm trời mà không lần ra manh mối gì về đáp án, thế nhưng chỉ cần một ngày, tất cả đột nhiên hiện ra rất rõ ràng...chẳng phải ở đâu ra, mà là từ một nơi chốn không hề biết tới. Chúng ta không thể gọi đó là kết luận, vì thực chất nó không phải là kết luận một chút nào.

Các khám phá khoa học đều bước ra từ trướng mạc tưởng, chứ không phải từ trí óc. Những gì xuất phát từ trí óc chỉ được gọi là công nghệ chứ không được gọi là khoa học. Công nghệ chỉ là thứ tầm thường, không phải là hiểu biết sâu sắc, có chăng cũng chỉ là sự thi hành, thừa hành của hiểu biết mà thôi. Công nghệ xuất phát từ trí óc bởi lẽ trí óc bản thân nó cũng chính là một dụng

Các khám phá khoa học đều bước ra từ trướng mạc tưởng, chứ không phải từ trí óc. Những gì xuất phát từ trí óc chỉ được gọi là công nghệ chứ không được gọi là khoa học. Công nghệ chỉ là thứ tầm thường, không phải là hiểu biết sâu sắc, có chăng cũng chỉ là sự thi hành, thừa hành của hiểu biết mà thôi

cụ có tính chất công nghệ, hay nói chính xác hơn là một thứ công nghệ sinh học. Tất cả các loại máy móc cũng đều do trí óc con người tạo ra, bởi bản thân trí óc cũng là một cỗ máy. Còn sự hiểu biết sâu sắc không bao giờ có thể bước ra từ trí óc, vì không có cỗ máy tính nào từng làm được điều này. Hoạt động trí óc chỉ là bê nổi của sự tồn tại nơi mỗi con người, trong khi sự hiểu biết sâu sắc mới là thứ đến từ trong trung tâm của sự tồn tại ấy. Thiền định là một phương cách dẫn con người ta đi tới được khu vực trung tâm này.

Cho nên, ý của tôi khi nói rằng trí óc là một vùng không đúng đắn có nghĩa là đừng để cho hoạt động trí óc trở nên đồng nhất với con người. Đừng chỉ coi mình là một bộ não không hơn kém, chúng ta vượt lên trên điều đó rất, rất nhiều. Trí óc chỉ mới là một cơ chế hết sức nhỏ nhoi trong mỗi con người; dùng nó thì được nhưng đừng bao giờ đánh đồng với nó. Cũng giống như khi ta lái một cái ô tô, dùng nó thì không sao, nhưng đừng biến mình thành cái ô tô ấy. Tự bó buộc và đồng nhất mình với một cỗ máy bên trong chính mình là điều cực kỳ vô bổ. Sự đồng nhất đó thiết lập nên một không gian sai lệch. Khi chúng ta nghĩ: “Trí óc tôi với tôi là một.” cũng có nghĩa là chúng ta đã bước vào không gian đó. Chỉ khi nào nhận thức rõ một điều: “Ta không chỉ giới hạn trong bộ óc của mình, mà là ông chủ, là người có thể sai khiến nó.” Khi đó trí óc mới thực sự trở thành một cỗ máy hữu dụng với những giá trị to lớn, và khi đó nó có thể tạo ra công nghệ và kỹ thuật tuyệt vời.

Việc khoa học không phải do trí óc hình thành cũng đại loại như sự xuất hiện của niềm tin trong tôn giáo. Tôn giáo và khoa học không phải là hai đối tượng có nguồn gốc xa xôi, trên thực tế chúng có chung nguồn gốc, bởi vì chúng đều phải dựa vào sự xuyên phá thâm sâu, dựa vào sự sáng suốt bên trong, và những chớp sáng của trực giác.

Công nghệ và kỹ thuật bước ra từ trí óc, cho nên cái gọi là công nghệ hay kỹ thuật mang tính chất tôn giáo (kỹ thuật tâm linh) cũng phải có chung nguồn gốc, chẳng hạn như Yoga, Mantra hay Yantra. Yoga tập trung chủ yếu vào những tư thế của cơ thể có thể giúp con người ta đi sâu vào bên trong chính mình, chúng được sản sinh nhờ trí óc, và là một thứ kỹ thuật tâm linh. Đó là lý do Yoga chưa bao giờ được công nhận là một phần riêng biệt của bất cứ tôn giáo cụ thể nào. Có thể là Yoga của đạo Cơ đốc, Yoga của đạo Hindu, Yoga trong đạo Phật, và tất nhiên cũng có Yoga của đạo Giaina, bao nhiêu tôn giáo thì có bấy nhiêu kiểu Yoga. Như đã nói, Yoga chỉ là một kỹ thuật. Chẳng có cỗ máy nào được gọi là đạo Hindu, cũng chẳng có cỗ máy nào được gọi là Hồi giáo. Chúng ta không vào chợ để mua bán một cái ô tô Hồi giáo hay ô tô Hindu. Máy móc chỉ là máy móc. Yoga là một kỹ thuật, Mantra cũng là một kỹ thuật, được sản sinh nhờ trí óc con người. Sự thực là từ *mantra* xuất phát từ cùng một nguồn gốc với từ *trí óc(mind)*, cả hai đều xuất phát từ chữ *con người (man)* trong tiếng Phạn. Một nhánh trở thành trí óc, nhánh

còn lại biến đổi thành *mantra*, nhưng chúng đều là một phần của con người. Cái mà chúng ta gọi là công nghệ hay kỹ thuật mang tính khoa học cũng được tạo ra bởi hoạt động trí óc, và cái mà chúng ta gọi là kỹ thuật mang tính tôn giáo cũng vậy. Toàn bộ những lễ nghi tôn giáo, đèn đài, miếu mạo, nhà thờ, con chiên, kinh kệ - đều là những sản phẩm của trí óc con người.

Nhưng, còn cái chớp sáng lóe lên ấy, cái sâu sắc bên trong kia, và cái đã xảy ra với Đức Phật khi Người ngồi dưới gốc bồ đề năm xưa... Đó là lần đầu tiên Người thấy mình giác ngộ, giác ngộ một cách hoàn toàn, và đó hoàn toàn không phải bước từ trí óc mà ra, không phải là một phần của trí óc, đó là thứ gì khác lạ đã đến với Người từ phía bên ngoài. Thứ ấy chẳng hề dính dáng gì với chúng ta, với bản ngã của mỗi người, với trí óc và thân thể chúng ta. Nó trong lành, tinh khiết, thuộc về cõi vĩnh hằng. Trong cái khoảnh khắc mà tâm trí hoàn toàn thư thái ấy, thế giới bên ngoài đã thâm nhập vào Người. Và thế là Người trở thành Phật.

Tất nhiên, Người đã phải trải qua bảy ngày ròng thịnh lặng. Kết quả của chuyện này là Người đã không thốt ra một lời nào cả. Chuyện kể rằng các vị thần linh trên trời thấy rất khó xử, vì hiếm lắm mới có một người trần trở thành Phật, mà nếu như Người cứ tiếp tục thịnh lặng thế này, thì lấy ai khai sáng cho hàng triệu con người còn đang mò mẫm dò đường trong tăm tối? Đó chỉ là một chuyện hoang đường, một giai thoại hư cấu rất đẹp mà thôi, nhưng nó mang ý nghĩa và đầy ân chứa. Các

thần thánh đó đã tới quỳ lạy trước Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà cầu khẩn: “Xin Người hãy nói ra đi. Xin hãy kể cho mọi người nghe về những gì Người hằng đạt tới.”

Và khi mà Đức Phật thốt thành lời, cũng có nghĩa là nó đã trở thành một hình thái của hoạt động trí óc. Hiện tượng đó tự nó diễn ra trong thịnh lặng, nhưng sau đó, Đức Phật không còn cách nào khác là buộc phải dùng ngôn ngữ. Mà ngôn ngữ lại thuộc về trí óc con người.

Những gì mà tôi biết đều nằm ngoài trí óc, những gì mà tôi nói với mọi người là thông qua trí óc. Lời nói của tôi là một hình thái hoạt động trí óc, song sự hiểu biết của tôi không phải là như vậy.

TÌM NGƯỜI DẪN ĐƯỜNG TỰ BÊN TRONG

Chúng ta đều có một người dẫn đường ở bên trong chính mình, có điều là chúng ta không dùng tới mà thôi. Và thực tế là đã có quá nhiều người bỏ quên nó từ lâu, lâu tới nỗi chính chúng ta cũng không còn nhận ra rằng đang có một người dẫn đường tồn tại trong mình.

Chúng ta đều có một người dẫn đường ở bên trong chính mình, có điều là chúng ta không dùng tới mà thôi. Và thực tế là đã có quá nhiều người bỏ quên nó từ lâu, lâu tới nỗi chính chúng ta cũng không còn nhận ra rằng đang có một người dẫn đường tồn tại trong mình

Tôi đã đọc cuốn sách của Castaneda. Thầy của ông ta, tức là Đông Gioăng đã gợi ý cho ông tiến hành một thí nghiệm. Đó cũng là một trong những thí nghiệm cổ xưa nhất. Vào một đêm tối, trên một con đường đồi hiềm trơ không một ánh đèn, người thầy nói với Castaneda rằng: "Con hãy chỉ đặt niềm tin vào tiếng nói từ bên trong mình và chạy đi nào." Thật là nguy hiểm. Con đường đồi ấy với Castaneda hoàn toàn xa lạ, đầy cây cối, bụi rậm và vực thẳm. Castaneda có thể ngã nhào xuống ở bất cứ chỗ nào. Thậm chí đi qua đây vào ban ngày ông cũng phải dò từng bước một, trong khi đêm tối đang bùa vây mịt mù. Ông không nhìn thấy bất cứ thứ gì, còn thầy ông thì giục giã: "Đừng có đi, mà hãy chạy!"

Castaneda không tin vào tai mình nữa! Như thế có khác nào tự tử. Ông lo sợ - nhưng thầy ông chạy trước. Thầy của Castaneda biến mất trong bóng tối như một con thú hoang, rồi chạy lại. Ông không tài nào hiểu nổi chuyện gì đang xảy ra. Không chỉ là những khi thầy ông chạy trong bóng tối, mà cả những lần ông ấy chạy đối diện với Castaneda, như thể người thầy ấy có thể nhìn thấu bóng đêm. Dần dần, Castaneda cũng có đủ dũng khí. Nếu như một người lớn tuổi như thầy có thể làm được thì tại sao ông lại không? Ông đã thử cố gắng, dần dần, ông cảm nhận được dường như đang có một tia sáng đang tới từ bên trong mình. Và ông chạy.

Chúng ta chỉ có thể như thế chừng nào chúng ta ngừng suy nghĩ. Giây phút mà chúng ta ngừng mọi suy nghĩ, cái bên trong sẽ lên tiếng. Không suy nghĩ, mọi

thú đều vẫn ổn, như thể đang có một người dẫn đường nào đó ở bên trong đang cất tiếng. Lý trí đã khiến ta bị lạc đường. Và sự chỉ dẫn sai nghiêm trọng nhất không gì khác chính là chúng ta đã không đặt niềm tin vào người dẫn đường đang tồn tại bên trong mình.

Trước hết, đó là do chúng ta cứ phải thuyết phục lý trí của mình. Ngay cả khi người dẫn đường bên trong chúng ta thúc giục: “Tiến lên đi!” thì chúng ta vẫn phải mất thời gian thuyết phục, cho nên chúng ta bỏ lỡ mất cơ hội của mình. Cũng bởi vì những khoảnh khắc như thế... ta có thể chớp lấy mà cũng có thể để vuột đi. Trí năng bao giờ cũng cần có thời gian, và trong khi chúng ta còn mải cân nhắc, suy tính, nghĩ ngợi, thì khoảnh khắc ấy vụt qua. Cuộc sống không chờ đợi bất cứ ai. Mỗi người đều phải biết chớp lấy để sống trong từng khoảnh khắc. Mỗi người đều phải trở thành một chiến binh thực thụ, giống như người ta nói trong Thiên; vì khi cầm kiếm gươm lên chiến đấu, đầu óc con người sẽ chẳng còn chỗ cho suy nghĩ, người ta cứ vung, cứ chém, mà chẳng có ý nghĩ gì mấy may xuất hiện.

**Cuộc sống không chờ đợi
bất cứ ai. Mỗi người đều
phải biết chớp lấy để sống
trong từng khoảnh khắc.
Mỗi người đều phải trở
thành một chiến binh thực
thụ, giống như người ta
nói trong Thiên.**

Các thiền sư vẫn thường sử dụng thanh kiếm giống như một thủ thuật trong thiền định, theo họ thì ở Nhật Bản, nếu như hai thiền sư đều là những bậc uyên thâm

TG. 17

giao chiến với nhau bằng kiếm, thì cuộc chiến ấy có khi không bao giờ có điểm kết thúc. Không ai có thể thắng mà cũng chẳng có ai thua, bởi lẽ cả hai đều tách mình khỏi suy nghĩ. Thanh kiếm không phải đang trong tay họ, mà là trong tay của những người chỉ dẫn bên trong con người họ. Người dẫn đường ấy không bị vướng bận bởi tư duy, cho nên ngay khi đối phương còn chưa kịp tấn công, người ấy đã biết và đề phòng từ trước. Nếu cứ để cho trí óc con người suy tính, thì chẳng còn thời gian đâu để nghĩ ngợi và quyết định. Trong khi đó thì đối phương đang nhầm ngực ta đậm tới. Chỉ một chớp, một khoảnh khắc vô cùng ngắn ngủi, thanh kiếm của đối phương đã có thể xuyên thủng trái tim của chiến binh. Không hề có thời giờ để mà nghĩ tới điều đó, hay là nghĩ tới chuyện sẽ phải đáp trả thế nào. Khi ý nghĩ “đâm vào tim” đến với đối phương, thì đồng thời ý nghĩ “phòng thủ” cũng xuất hiện trong ta, ngay lập tức và không chần chờ một giây khắc nào, và sau đó chúng ta chỉ có thể hành động phòng thủ mà thôi. Nếu không thì chẳng còn chúng ta để mà bàn tiếp.

Cho nên, các thiền sư này về sau truyền dạy kiếm đạo như một phép thiền, và họ cho rằng: “Hãy giao phó hoàn toàn bản thân mình cho người chỉ dẫn bên trong, đừng mảy may suy tính. Hãy để cho phần bên trong ấy thực hiện tất cả những gì xảy ra với nó. Đừng lấy trí óc chúng ta ra làm vật cản đường.” Đây mới là vấn đề phát sinh vì con người ta vốn đã được huấn luyện kỹ lưỡng để làm việc với trí óc. Trường học, trường nghề, giảng

đường đại học, tổng thể nền văn hóa, toàn bộ những khuôn mẫu của xã hội văn minh đang hợp sức nhau cùng lèo lái cái đầu của chúng ta. Mỗi liên lạc với người dẫn đường từ bên trong đã bị cắt đứt. Khi sinh ra ai cũng có cho mình một người để dẫn đường, nhưng người dẫn đường ấy đã bị chèn ép, bị tước đoạt mất quyền được hoạt động, được thể hiện và thực hiện các chức năng diệu kỳ vốn có. Tiềm năng ấy của con người đường như đã bị quật què thui chột, nhưng nó vẫn có thể được phục hồi, và được tái sinh.

Đừng mãi miết suy nghĩ bằng cái đầu. Hãy thực sự gạt bỏ mọi suy nghĩ ra khỏi con người chúng ta. Và thực hiện bước chuyển. Hãy thử làm thế trong một số tình huống cụ thể xem sao. Có lẽ sẽ rất khó, vì thói quen cũ lúc nào cũng hướng ta về một cơ chế tư duy nhất định trước mọi vấn đề gặp phải. Điều quan trọng là phải gạt bỏ thói quen ấy, hãy cảnh giác cao độ và cảm nhận những gì đang tới bằng những gì đang có từ trong sâu thẳm con người mình. Có thể ban đầu, chúng ta dễ bị nhầm lẫn và không phân biệt được đâu là cảm giác tới từ người dẫn đường trong nội tại, đâu là thứ xuất phát từ bề mặt của trí óc chúng ta, nhưng chẳng bao lâu, chúng ta sẽ biết cảm nhận ấy, sự khác biệt thực sự thế nào.

Khi phần nội tại đem tới cho con người đôi lời chỉ dẫn nào đó, những lời chỉ dẫn ấy sẽ đến với ta theo con đường từ rốn trở lên trên. Chúng ta có thể cảm nhận được dòng chảy, sự ám áp ấy rất rõ rệt dịch chuyển từ rốn đi lên. Nếu bị hoạt động trí óc, các hoạt động thuộc về phần bê

mặt - chen ngang, dòng chảy ấy sẽ phải cuộn xuống. Nếu trí óc chúng ta quyết định vấn đề, đương nhiên chúng ta phải ghìm những mạch nguồn này lại. Còn nếu người dẫn đường bên trong được quyền ra quyết định, những bong bóng bên trong sẽ vỡ òa. Nó xuất phát từ phần cốt lõi sâu thẳm bên trong sự tồn tại của mỗi người và tiến thẳng về trí óc. Nhưng dù trí óc có đón nhận, thì dòng chảy ấy vẫn không thuộc về trí óc của chúng ta. Nó tới từ một nơi nào đó bên ngoài, và chính vì thế mà trí óc ta thấy sợ. Có những nguyên cớ để mà nghi ngại: đó là vì nó xuất phát từ phía đằng sau, không căn nguyên, không bằng cứ để chứng minh. Nó chỉ dâng lên, và bùng nổ.

Hãy thử điều này trong một vài tình huống nhất định xem sao. Chẳng hạn như khi lạc đường trong rừng rậm hoang vắng. Đừng có suy nghĩ. Hãy nhắm mắt lại,

Thói quen suy nghĩ đã ăn sâu bám rễ vào con người ta tới mức ngay cả trong những lúc suy nghĩ cũng không đưa ra được giải pháp nào, thì con người vẫn cứ mãi mê suy nghĩ. Quá trình tư duy chỉ có thể nhào lộn những gì đã biết, đã quen thuộc để cho ra sản phẩm

ngồi xuống, thiền định và gạt bỏ mọi tư duy. Nếu như mọi suy nghĩ đều vô ích thì chúng ta còn nghĩ ngợi để làm gì? Tôi không biết nữa, nhưng đường như thói quen suy nghĩ đã ăn sâu bám rễ vào con người ta tới mức ngay cả trong những lúc mà suy nghĩ cũng không đưa ra được giải pháp nào, thì con người vẫn cứ mãi mê suy

nghĩ. Quá trình tư duy chỉ có thể nhào lộn những gì đã biết, đã quen thuộc để cho ra sản phẩm. Nhưng khi bơ vơ giữa rừng hoang, không bản đồ, không có người để hỏi, thì ta có thể nghĩ tới cái gì? Thế mà con người ta vẫn cứ nghĩ đấy. Mọi suy nghĩ lúc bấy giờ chỉ còn là nỗi lo lắng, chứ không còn nguyên dạng nữa. Mà con người ta càng lo lắng, người dân đường bên trong càng khó thực hiện nhiệm vụ của mình.

Đừng có lo. Hãy chọn một bóng cây, ngồi xuống, và để cho trí nghĩ hoàn toàn ngồi nghỉ và lắng xuống. Chờ đợi mà không suy nghĩ. Tôi muốn nhắc lại là đừng nên tạo ra thêm rắc rối, thay vào đó hãy ngồi yên chờ đợi. Rồi khi ta cảm thấy có một khoảnh khắc nào đó trí nghĩ đường như biến mất, thì hãy đứng dậy và bắt đầu di chuyển. Để cho cơ thể đi tới bất cứ nơi nao nó muốn. Chúng ta hãy xem mình như người chứng kiến thay vì việc cắt ngang những hành động ấy. Chính chúng ta sẽ tìm lại đường một cách dễ dàng với điều kiện duy nhất là: đừng để cho suy nghĩ chen ngang.

Trên thực tế, chuyện này xảy ra khá nhiều lần mà chúng ta không để ý. Các nhà khoa học cũng nói rằng, mọi khám phá lớn lao trong khoa học đều có được nhờ vào người chỉ dẫn từ bên trong, chứ không phải nhờ vào trí óc.

Một khi trí óc đã rơi vào tình trạng cạn kiệt và bất lực, thì nó cần phải được nghỉ hưu. Khi đó, người dẫn đường bên trong sẽ đảm nhiệm trách nhiệm lần tìm manh mối, dò la mạch nguồn và tìm ra chìa khóa mở

cửa vấn đề rắc rối. Nhà khoa học đã đoạt giải thưởng Nobel do việc tìm ra cấu trúc *gen* của con người cũng đã có được phát hiện này trong một giấc mơ. Trong giấc mơ ấy, ông đã nhìn thấy rõ mồn một cấu trúc *gen* của con người, và sáng hôm sau khi thức dậy, ông chỉ còn phải làm một việc duy nhất là tái hiện lại hình ảnh mình đã từng nhìn thấy đêm qua. Chính bản thân ông cũng không thể tin được rằng những gì mình mơ thấy là sự thực, cho nên sau đó, ông đã dày công nghiên cứu suốt nhiều năm trời, và cuối cùng, cũng đưa ra một kết luận rằng cái cấu trúc kia là hoàn toàn đúng đắn.

Bà Curie cũng đã từng muốn tìm hiểu quy trình dẫn tới những chỉ dẫn tinh thần từ bên trong ấy, cho nên, bà quyết định tiến hành thử nghiệm. Lần ấy gặp phải một vấn đề phức tạp chưa có lời giải, bà tự nhủ: “Tại sao phải lo lắng nhỉ? Tại sao mình không thử xem sao? Chỉ cần ngủ một giấc.” Và đúng là bà đã ngủ rất ngon, nhưng chẳng có phát hiện nào đến cả. Bà hơi nghi ngại. Sau đó, nhà bác học nữ này còn thử rất nhiều lần: cứ mỗi khi xảy ra vấn đề gì, bà lại đi ngủ một giấc, nhưng trong những giấc ngủ ấy, bà không thể tìm lại được điều kỳ diệu đã từng xảy đến.”

Có một điều mà bà Curie chưa biết tới, đó là muốn giải pháp có thể bùng nổ như bong bóng, thì trước hết, trí năng phải dốc hết sức của nó nhằm giải quyết vấn đề rắc rối. Một khi cái đầu còn chưa cạn kiệt khả năng, thì nó vẫn còn tiếp tục thực hiện chức năng của mình, ngay cả ở trong mơ.

Cho nên ngày nay, khi các nhà khoa học nhận định rằng các phát kiến vĩ đại đều là sản phẩm của trực giác chứ không phải của trí tuệ, thì điều đó có nghĩa là các phát kiến này đều được người dẫn đường bên trong chúng ta mách bảo.

Các phát kiến vĩ đại đều là sản phẩm của trực giác chứ không phải của trí tuệ, có nghĩa là các phát kiến này đều được người dẫn đường bên trong chúng ta mách bảo

Hay rời khỏi cái đầu và bước theo lời chỉ dẫn của người dẫn đường giấu mặt ấy. Tất cả vẫn đang chờ đợi con người chúng ta khám phá. Những cuốn kinh thánh cổ có nói tới những bậc thầy, hoặc là nói tới các *guru* (những người có uy tín và ảnh hưởng lớn trong cộng đồng đạo Hindu), ở đây nói tới những *guru* “ở bên ngoài”, có thể trợ giúp hữu hiệu cho con người trong công cuộc đi tìm kiếm và tìm thấy một *guru* bên trong chính mình. Và một khi đã tìm thấy *guru* ở bên trong rồi, thì vai trò của *guru* bên ngoài trở nên thừa thãi.

Con người ta không thể nào vươn tới chân lý nhờ sự giúp đỡ của một bậc thầy nào đó, mà chỉ có thể tìm thấy một bậc thầy bên trong mình nhờ người thầy ấy mà thôi, để rồi từ đó, người thầy bên trong sẽ dẫn dắt ta vươn tới chân lý mà chúng ta đang kiếm tìm. Người thầy bên ngoài cũng chỉ là người đại diện, người thay thế trong chừng mực. Họ cũng có một người thầy bên trong riêng cho mình, và họ có thể cảm nhận được người thầy bên trong của chúng ta, bởi lẽ hai người thầy ấy

đều tồn tại với cùng một bước sóng, tức là tồn tại với cùng tần số và cùng chiều với nhau. Chẳng hạn như, nếu tôi đã tìm thấy được người dẫn đường bên trong mình, thì tôi đồng thời cũng có thể nhìn vào anh và cảm nhận rõ ràng sự có mặt của người dẫn đường bên trong con người anh. Và khi đó, tôi thực sự đã trở thành một người hướng dẫn, để chỉ cho anh cách thức tìm ra người dẫn đường bên trong chính bản thân mình. Đến khi nào anh đã bắt liên lạc được với người dẫn đường bên trong của mình rồi, thì sự chỉ dẫn của tôi thực sự không còn cần thiết, và khi đó anh hoàn toàn có thể tiến bước mà không cần tới sự giúp đỡ của bất kì ai.

Bởi vậy, tất cả những gì mà một *guru* có thể làm chỉ là đưa con người ta dịch chuyển từ trên đầu xuống cuống rốn, từ lý trí sang động lực trực giác, từ tư duy tranh luận sang tâm thế hướng về sự tin tưởng. Và trên thực tế thì điều này không chỉ đúng với mỗi loài người, nó còn đúng với động vật, chim muông, cỏ cây và với tất cả mọi thứ. Sự tồn tại của người dẫn đường bên trong mỗi con người là hoàn toàn có thật, đó là nguyên nhân đem đến những phát kiến vĩ đại bấy lâu nay.

Có rất nhiều trường hợp, chẳng hạn như, con cá mẹ chết đi ngay sau khi đẻ trứng, sau đó con cá đực thụ tinh cho đám trứng, thụ tinh xong nó cũng sẽ chết. Đẻ trứng dật dờ trong nước trong tình cảnh không có cả cha lẫn mẹ. Khi trứng tới thời kỳ nở, một con cá con mới ra đời, nhưng nó không biết một chút gì về cha mẹ của nó, cũng không biết nó từ đâu mà có trên đời. Nhưng dù

có sống ở vùng biển nào đi nữa, thì con cá cũng sẽ tìm được đường quay về vùng biển nơi cha mẹ nó đã tới để đẻ trứng. Con cá sẽ tìm về nguồn của nó. Hành trình này cứ lặp đi lặp lại, cho tới khi nó đẻ trứng, khi đó nó sẽ lại quay về bờ biển cũ, đẻ trứng, và kết thúc cuộc đời ở đó. Rõ ràng là không hề có cuộc trao đổi nào giữa cha mẹ và con cái, nhưng những đứa con, bằng cách nào đó, vẫn biết rằng chúng phải đi đâu, phải về đâu để tìm lại cội nguồn, và điều đáng ngạc nhiên là chúng chẳng bao giờ bị sai đường. Dù cho có cố thì chúng ta cũng sẽ không thể đánh lạc hướng chúng. Việc này đã được thử nghiệm, nhưng không thành, và lũ cá con vẫn cứ tìm về đúng nguồn cội của chúng. Thế lực bên trong nào đó đang lên tiếng dẫn đường cho chúng.

Ở nước Nga Xô viết, người ta tiến hành thí nghiệm với mèo, thỏ, và nhiều loại động vật nhỏ khác. Một con mèo mẹ bị tách rời khỏi đàn con của nó, lũ mèo con bị mang xuống nuôi dưới lòng biển sâu. Mèo mẹ không thể biết được chuyện gì đang xảy ra với lũ con của nó. Người ta gắn đủ các loại thiết bị khoa học lên người con mèo mẹ để đo xem tâm trí và trái tim nó sẽ bị tác động như thế nào. Rồi người ta giết một đứa con của nó, tận dưới biển sâu. Lạ lùng thay, ngay lập tức con mèo mẹ cảm nhận được chuyện chẳng lành đến với đàn con. Nhịp tim của nó thay đổi. Nó trở lên bồn chồn và lo lắng. Nhịp tim mèo mẹ tăng lên rõ rệt ngay khi đứa con bị giết. Và các thiết bị khoa học thì cho biết rằng con mèo mẹ đã cảm thấy rất đau. Một thời gian sau, khi

mọi chuyện trở về trạng thái bình thường, người ta giết tiếp đứa con thứ hai, những biến đổi của con mèo mẹ lại lặp lại. Đến đứa con thứ ba, mọi chuyện cũng hoàn toàn tương tự. Những biến đổi ấy diễn ra bất cứ khi nào mèo con bị giết, chính xác là cùng một thời điểm, không hề có một chút chênh lệch nào về thời gian. Vậy thì rõ cuộc chuyện gì đang xảy ra đây?

Các nhà khoa học giải thích rằng con mèo mẹ có một người chỉ dẫn ở bên trong, một trung tâm cảm nhận từ trong sâu thẳm, và cái trung tâm ấy đã hòa nhập làm một cùng với những đứa con của nó, dù cho chúng có ở chỗ nào đi nữa. Cho nên, mèo mẹ ngay lập tức có thể cảm nhận được sợi dây ngoại cảm. Trong khi đó các bà mẹ của loài người dường như không có khả năng cảm nhận được nhiều lắm. Có chăng chỉ là một chút bồn chồn, lẽ ra thì phải khác chứ nhỉ: các bà mẹ ấy còn có mối liên hệ với những đứa con của họ nhiều hơn như thế chứ? Nhưng họ không thể, là bởi vì cái đầu của con người đã giành lấy hết tất cả vào tay nó, chỉ còn lại phần trung tâm tinh thần đang nằm què quặt bên trong.

Bất cứ khi nào đứng trong một tình thế làm cho ta khó khăn, bối rối mà không biết tìm cách nào để vượt qua, thì hãy đừng nghĩ gì; hãy bước sâu vào trạng thái không vướng bận bởi suy nghĩ và để cho người dân dường bên trong chúng ta đứng ra dẫn lối. Ban đầu, có thể mọi người sẽ thấy sợ hãi hoặc là thấy không an toàn. Nhưng chẳng bao lâu sau, khi mà ta thấy rõ rằng mọi giải pháp mà người chỉ dẫn ấy đưa ra đều thật tuyệt vời, và lần

nào ta cũng mở toang được cánh cửa ta hằng muôn mở, thì chắc chắn mọi người sẽ có đủ mạnh dạn và trở nên tin tưởng vào người chỉ dẫn áy hơn bao giờ hết.

Sự thông thái do con tim mang tới chứ không xuất phát từ trí năng của con người. Sự thông thái ấy đến từ phần sâu thẳm nhất trong sự tồn tại của chúng ta, nơi cái đầu chẳng thể nào với tới.

Sự thông thái do con tim mang tới chứ không xuất phát từ trí năng của con người. Sự thông thái ấy đến từ phần sâu thẳm nhất trong sự tồn tại của chúng ta, nơi cái đầu chẳng thể nào với tới. Hãy cắt bỏ cái đầu đi, thử sống không đầu, và

đi theo chỉ dẫn của sự sống tới bất kể chỗ nào nó đưa ta tới. Ngay cả khi nó dẫn bước ta vào nguy hiểm, hãy cứ bước theo, vì nó có thể là đường dẫn tới những nấc thang tốt đẹp hơn cho chúng ta và cho sự phát triển của chúng ta. Hãy đi theo nó, hãy tin tưởng nó, và chuyền động cùng với chuyền động của nó.

BIẾN HẠNH PHÚC THÀNH TIÊU CHUẨN

Có phải bất cứ ai sống dựa vào trực giác cũng sẽ là những con người thành đạt? Chắc chắn là không, nhưng cũng chắc chắn rằng những con người áy lúc nào cũng hạnh phúc, cho dù có thành đạt hay không được vậy. Còn những người không sống theo trực giác thì lại

luôn thấy mình bất hạnh, cho dù có thất bại hay thành công trên bước đường đời.

Sự thành đạt không phải là tiêu chuẩn, vì sự thành đạt phải phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Trong khi đó, hạnh phúc chính là tiêu chuẩn, vì hạnh phúc chỉ phụ thuộc vào một yếu tố duy nhất, đó chính là bản thân mỗi con người. Con người ta có thể không đạt tới thành công, bởi chúng ta có biết bao đối thủ là những người chung quanh. Cho dù có hành động theo trực giác đi chăng nữa, thì người khác vẫn có thể hành động khôn ngoan hơn, nhanh nhạy hơn, có tính toán hơn, thô bạo hơn và thậm chí là vô đạo đức hơn. Do đó mà thành công phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nó là một hiện tượng xã hội. Và nhìn chung thì không có gì lạ nếu như con người ta không đạt được thành công, hoặc không trở thành người thành đạt.

Ai dám phát biểu rằng Jesus đã thành công? Bi hành hình trên cây thập ác không thể được coi là thành công, nếu như không muốn nói rằng đó là một thất bại thảm hại nhất. Một người đàn ông đã bị đóng đinh trên cây thập ác khi anh ta mới chỉ có ba mươi ba tuổi thì có thể coi là kiểu thành công gì được đây? Chẳng ai biết tới anh ta, trừ một vài dân làng không có nhiều chữ nghĩa, là môn đồ. Ở thời điểm đó, Jesus không có vị trí gì, không uy tín và cũng không quyền lực. Vậy thì đó được gọi là kiểu thành đạt gì đây? Rõ ràng là không thể cố gọi việc bị hành hình ấy là thành công hay thành đạt. Nhưng Jesus thấy mình hạnh

phúc. Người cảm thấy hạnh phúc đang tràn đầy, dù cho có bị đóng đinh trên thân thể. Còn những người đã đóng đinh lên thân thể Jesus, mặc dù sau đó vẫn còn tiếp tục tồn tại thêm một thời gian, nhưng cuộc sống của những con người ấy cứ ngắc ngoài trong khổ sở. Vậy thì thực tế mà nói, ai mới là kẻ bị hành hình? Đó mới là điểm mấu chốt. Người thật sự bị hành hình là Jesus hay những kẻ đã đóng đinh lên Người? Chỉ biết rằng Người đã rất hạnh phúc với hành động của mình, mà hạnh phúc thì liệu có ai hành hình hay đóng đinh lên được? Và Người cũng đã cảm nhận thấy niềm vui sướng tột cùng, một lần nữa tôi lại muốn hỏi rằng niềm vui sướng tột cùng ấy thì có ai đủ khả năng đóng đinh hay hành hình nó? Chúng ta chỉ có thể giết chết thân xác chứ làm sao giết chết được tâm hồn. Những kẻ đã hành hình Jesus, chúng sống, nhưng cuộc đời chúng không có gì ngoài sự kéo dài về mặt thời gian, diễn đạt theo một cách khác, thì cuộc sống như thế cũng chỉ là một quá trình hành hình chậm rãi, tất cả đều chìm trong khốn khổ, thảm thê và bất hạnh.

Cho nên điều đầu tiên cần phải nhấn mạnh chính là tôi không hề nói, nếu chúng ta đi theo lời chỉ dẫn của người dẫn đường bên trong, nhất định chúng ta sẽ thành công theo cái sắc thái mà thế giới này vẫn hiểu về điều đó.

Nhưng theo ý nghĩa mà những người như Đức Phật hay Chúa Jesus vẫn định nghĩa về thành công, thì câu trả lời sẽ là: chắc chắn. Sự thành công ấy được đo bằng

hạnh phúc, bằng niềm vui sướng, hay là bất cứ thứ gì, thậm chí chẳng liên quan. Cho dù cái thế giới này có chế giễu rằng chúng ta đã thất bại, hay biến ta thành ngôi sao, hoặc là tung hô ta như một diễn hình thành đạt thì điều đó cũng chẳng làm nên chút gì khác biệt. Điều quan trọng là đứng ở bất cứ góc độ nào, chúng ta cũng cảm nhận được rằng mình đang hạnh phúc, đang hoan hỉ. Niềm vui sướng chính là thành công đôi với tôi. Chỉ cần mọi người cũng hiểu được điều này, thì tôi có thể khẳng định rằng tất cả chúng ta đều luôn luôn thành công về mọi mặt.

Nhưng có lẽ đối với mọi người, niềm vui sướng không được coi là thành công; thành công phải là thứ gì khác cơ. Thậm chí nó có thể là một bất hạnh, và dù biết rõ nó sẽ dẫn ta tới những điều bất hạnh, thì họ vẫn cứ không ngừng tiến tới. Con người ta dường như sẵn sàng đón lấy những khốn khổ mà thứ vẫn được gọi là thành công kia mang tới. Vậy thì đâu mới là thành công đối

Thành công là sự thỏa mãn cái tôi chứ không phải là hạnh phúc. Thành công là khi người khác nói rằng ta là người thành đạt. Nhưng chúng ta có thể đã mất đi tất cả mà không nhận thấy, mất cả tâm hồn, mất đi toàn bộ sự trong sáng vô ngần

mang tới niềm vui sướng, mất đi sự yên bình trong mỗi con người, sự lảng đọng, và mất đi những gì có thể mang ta tiến gần hơn đến những điều tuyệt diệu nhất. Con người ta có nguy cơ mất đi tất cả đồng thời trở thành một kẻ điên loạn, nhưng trong con mắt của thế giới chung quanh, chúng ta vẫn cứ được tán dương là những con người thành đạt.

Đối với thế giới này, sự thỏa mãn của cái tôi là sự thành đạt; nhưng với tôi thì không phải vậy. Đối với tôi, được sống hạnh phúc mới là sự thành đạt, bất kể có ai biết tới ta hay không. Chuyện có hay không có người biết tới mình, chuyện mình hoàn toàn đứng ngoài những dòng đời hối hả bon chen kia, không có gì quan trọng cả. Nếu chúng ta cảm thấy mình vui sướng, thì có nghĩa là chúng ta đã thành công.

Mong mọi người nhớ rằng sự khác biệt này là do có nhiều người mong muốn được sống theo trực giác, có nhiều người mong muốn tìm ra người chỉ dẫn bên trong mình, nhưng cũng có nhiều người lại chỉ muốn được đánh giá là thành công trong thế giới này. Đối với họ, những chỉ dẫn tinh thần từ bên trong sẽ là một tác nhân dẫn đến thất bại. Đứng ở nấc thang đầu tiên, những con người này không thể tìm ra người dẫn đường ấy. Đứng ở nấc thứ hai, dù có nhận ra đi chăng nữa, với họ cũng chỉ là thảm cảnh mà thôi. Bởi lẽ tất cả những gì họ trông chờ không phải là niềm hân hoan vui sướng, mà là sự đánh giá cao của thế giới này, cộng với sự thỏa mãn cái bản ngã của chính họ.

Hãy nghĩ về cuộc sống tươi vui hạnh phúc. Có thể lúc ấy, cả thế giới không ai không nói rằng chúng ta là người thất bại, nhưng hơn ai hết chúng ta biết mình không hề thất bại. Và sự thực là đã đạt tới thành công thực sự

Hãy tẩy rửa trí óc của mình, đừng biến mình thành người chỉ chăm chăm hướng tối thành công. Cái vẫn được gọi là thành công lại là thất bại thảm hại nhất trên thế giới. Cho nên, đừng cố đấm ăn xôi nếu như không muốn biến chính mình thành kẻ bại. Hãy nghĩ về

cuộc sống tươi vui hạnh phúc. Hướng suy nghĩ của mình về những tầm hạnh phúc cao hơn và xa hơn trong mỗi phút giây. Có thể lúc ấy, cả thế giới không ai không nói rằng chúng ta là người thất bại, nhưng hơn ai hết chúng ta biết mình không hề thất bại. Và sự thực là đã đạt tới thành công thực sự.

Trước đây Đức Phật cũng là người thất bại trong con mắt của bạn bè, gia đình, trong mắt người vợ của Người, vua cha của Người, trong mắt những ông thầy và trong con mắt của toàn xã hội. Người đã từng chỉ là một kẻ ăn xin. Có kiểu thành công nào như thế? Đáng lẽ ra Người đã có thể trở thành một vị hoàng đế vĩ đại dựa trên những phẩm chất, cá tính và trí tuệ vốn có, nhưng sao lại chỉ là một kẻ xin ăn. Hiển nhiên rằng trong mắt của xã hội khi đó, Người là một kẻ thất bại. Nhưng tôi nói với mọi người rằng Đức Phật hoàn toàn không phải là một người thất bại. Chỉ nếu như tiến lên ngai vàng giữ vị trí

của một ông vua vĩ đại, thì khi đó Người mới biến mình thành một thất bại mà thôi, bởi vì khi đó, Người đã bỏ lỡ mất cuộc đời thật sự của mình. Những gì Người linh hôi được dưới gốc bồ đề năm xưa là hoàn toàn có thật, cho nên, những gì mà Đức phật đã quyết định bỏ qua, hoàn toàn không có chút giá trị nào xác đáng.

Sống với những gì có thật, chúng ta có thể gặt hái được thành công trong chính cuộc đời mình; còn với những thứ thuộc về hư ảo, tôi không biết nữa. Những ai muốn được tung hô trong thế giới ảo, hãy cứ đi theo đường dẫn mà những con người đang mải mê vật lộn với gian trá, lanh ma, cạnh tranh, ghen tuông và bạo lực. Chỉ dẫn tinh thần ở bên trong không phải là thứ dành cho họ. Và tốt nhất là đừng có lắng nghe tiếng nói của người chỉ đường ấy nếu như muốn lượm lặt đầy giỏ những gì có thể lượm lặt được trong thế giới này.

Nhưng rồi cuối cùng, người ta cũng phải nhận ra rằng dù cho có chiến thắng cả thế giới này, chúng ta cũng không thể giữ được một thứ ở ngay gần: đó là chính bản thân mình. Jesus đã nói: “Con người ta sẽ được những gì nếu như thu lượm được cả thế giới nhưng lại đánh mất chính tâm hồn mình?” Có ai có thể gọi là thành công trên đời này, là Alexander Đại đế hay là Jesus, người bị hành hình?

Do đó, nếu như, và rằng từ *nếu như* ở đây phải được hiểu thật thấu đáo, thì nếu chúng ta còn ham hố thế giới này, thì người dẫn đường sẽ không bao giờ chỉ lối cho chúng ta đâu. Chỉ có khi nào chúng ta thực tâm

hướng tới khía cạnh bên trong của sự tồn tại, thì khi đó người dẫn đường bên trong kia, và cũng chỉ có người dẫn đường ấy mới có thể cứu giúp con người chúng ta.

GỌI MỜI NHỮNG ÁNG THƠ

Có rất nhiều điều mà người phương Tây không thể nào hiểu nổi, đó là vì cách tiếp cận đối với thực tại của người phương Đông xét một cách cơ bản, hoàn toàn khác biệt so với họ. Đôi khi có những sự việc, mà nếu nhìn nhận theo con mắt của cả người phương Đông lẫn người phương Tây, có vẻ như không có gì sai lệch, nhìn từ ngoài vào, mọi thứ đều tương tự, nhưng thực tế thì không phải là như vậy. Nếu đi sâu hơn một chút, đào sâu hơn một chút, chúng ta sẽ phát hiện ra những khác biệt vô cùng lớn lao, xin nhấn mạnh rằng đó không phải là những sai khác thông thường mà là những khác biệt vô cùng lớn lao.

Đêm hôm đó tôi đang ngồi đọc một bài thơ ngắn (haiku) của nhà thần học và cũng là một thiền sư Basho. Đối với người phương Tây hoặc với những ai đã từng chịu ảnh hưởng bởi nền giáo dục phương Tây, có lẽ đó không phải là một tác phẩm thơ kiệt xuất cho lắm. Còn tính tới thời điểm này thì phong cách của nền giáo dục phương Tây đã tỏa rộng ảnh hưởng của nó khắp thế giới, không còn sự phân biệt phương Đông với phương Tây trong giáo dục nữa rồi.

Mong mọi người hãy yên lặng để nghe, bởi vì dù nó không phải một áng thơ tuyệt tác, nhưng nó thể hiện sự thông thái tuyệt vời, mà điều đó còn quan trọng hơn tất thảy. Tác phẩm đó mang đậm chất thơ, nhưng nếu như không tinh tế, cũng không dễ nhận ra. Xét về mặt kiến thức mà nói thì chúng ta không thể nào hiểu được bài thơ ấy, nó chỉ có thể hiểu được nếu chuẩn theo trực giác mà thôi.

Và đây là bài thơ ấy:

*Khi tôi đưa mắt nhìn chăm chú,
tôi thấy hoa nazunia đang nở
bên hàng rào!*

Đọc xong thì thấy có vẻ như chẳng có chút thơ nào ở đó. Nhưng hãy đi sâu vào những câu chữ ấy với tinh thần đồng điệu xem sao, vì Basho đã dịch bài thơ này sang tiếng Anh, còn trong ngôn ngữ gốc của ông, kết cấu và âm hưởng của nó hoàn toàn khác.

Nazunia là một loài hoa dại dã, mọc hoang bên đường, một loài hoa cỏ. Cho nên cũng chẳng có gì ngạc nhiên nếu như không có ai để mắt tới loài hoa ấy. Nó không phải là một bông hồng kiều diễm, không phải là một bông sen thanh khiết. Người ta dễ dàng nhận ra nét đẹp của một bông sen lạ đang nổi dập dờn trên mặt hồ - một bông sen xanh chẳng hạn, làm sao có thể không ngắm nhìn? Con người ta có thể ngắn ngủi vì vẻ đẹp của nó. Hay là một nụ hồng tươi tắn đang nhảy múa trong gió thoảng qua, dưới ánh mặt trời lung linh

soi rọi... Hình ảnh ấy chiếm lấy ta, khiến ta không khỏi sững sờ. Trong khi đó azunia chỉ là một bông hoa bình thường, một loài hoa dân dã. Nó không cần vườn, không cần bàn tay chăm sóc, nó tự mọc hoang ở bất cứ nơi đâu. Phải có một tâm thế của thiền sư, một cảm nhận tinh tế mới có thể ngắm nhìn loài hoa ấy cho kĩ lưỡng, nếu không, sẽ rất dễ rời mắt lướt qua. Vẻ đẹp của nó không phải là cái bề ngoài, đó là một vẻ đẹp ẩn giấu bên trong. Đó cũng không phải là một nét đẹp thông thường, mà chính cái vẻ bình dị ấy lại đang ẩn chứa một nét đẹp phi thường. Con người ta dễ dàng bỏ đi, hoặc bước qua tất cả những điều này, nếu như không thực sự thâm nhập vào vẻ đẹp ấy với một trái tim đồng điệu.

Khi đọc bài thơ này lần đầu tiên, chắc hẳn mọi người sẽ thắc mắc ngay rằng “Có gì to tát lầm để nói về bông hoa nazunia nở bên hàng rào đâu nhỉ?”

Chữ cái cuối cùng trong bài thơ của Basho trong tiếng Nhật là *kana* đã được chuyển thành một dấu cảm thán trong tiếng Anh, vì chúng ta không tìm thấy cách nào khác để chuyển tải nó. Trên thực tế *kana* có nghĩa là “Tôi thấy thật kinh ngạc!” Vậy thì vẻ đẹp đó tới từ đâu? Liệu có phải nó tới từ bông hoa azunia kia? Bởi vì có hàng nghìn người đã từng đi ngang qua hàng rào ấy, nhưng chẳng có ai nhìn thấy bông hoa nhỏ bé kia. Còn Basho của chúng ta thì đã bị vẻ đẹp của bông hoa chiếm trọn, và đã lạc vào một thế giới khác. Chuyện gì đã xảy ra?

Đó thực sự không chỉ là một bông nazunia bé nhỏ, nếu không thì nó đã có thể thu hút được ánh mắt của ít nhất là một số người đi qua. Thực ra đó chính là sự thông tuệ của Basho, là trái tim rộng mở của ông, là cái nhìn đầy đồng cảm của ông, và cũng là thói quen hay suy ngẫm sâu xa của con người này. Sự suy ngẫm sâu xa là một thuật giả kim: nó có thể biến đổi kim loại cơ sở thành vàng, cũng có thể biến bông hoa azunia bình thường thành một bông sen.

Khi tôi nhìn chăm chú...

Từ *chăm chú* ở đây mang nghĩa là tập trung, với một nhận thức và tâm trí được nâng lên cao độ, với trạng thái trầm ngâm, với tình yêu mến và sự nâng niu. Nếu con người ta chỉ nhìn mà không biết nâng niu, thì cũng sẽ đánh mất những gì vừa nhìn thấy. Cho nên chữ *chăm chú* ở đây cần phải được hiểu một cách đầy đủ nhất có thể, song ý nghĩa quan trọng nhất chính là cái nhìn ấy gắn với sự trầm ngâm mặc tưởng, gắn với những suy nghĩ sâu xa. Và thế nào là nhìn một vật trong trầm ngâm mặc tưởng? Nó có nghĩa là gạt bỏ mọi vướng bận tâm trí sang một bên, cái nhìn ấy không chịu ảnh hưởng bởi vướng bận tâm trí, không lẩn quất những áng mây ý nghĩ trong cái bầu trời ý thức của người nhìn, không một chút ký ức gợn lên, không tham vọng hay ham muộn...nói tóm lại là không gì cả, chỉ có sự trống rỗng hoàn toàn.

Với cái nhìn trong trạng thái không bị vướng bận bởi tâm trí ấy, thì thậm chí chỉ một bông hoa nazunia bé nhỏ

Với cái nhìn trong trạng thái không bị vướng bận bởi tâm trí ấy, thì thậm chí chỉ một bông hoa bé nhỏ cũng có thể biến thành cả một thế giới không lồ đầy mê mẩn.

cũng có thể biến thành cả một thế giới khổng lồ đầy mê mẩn. Nó bỗng chốc vút trở thành một đóa sen giữa thiên đàng, chứ không còn là một vật bé nhỏ trên trái đất. Cái phi thường hiện ra từ trong cái tầm thường nhất. Đó cũng là con đường

thành Phật: tìm thấy cái phi thường từ những cái tầm thường, tìm thấy tất cả bên trong những gì đang có, tìm thấy cả vũ trụ bên trong những thứ này, mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni gọi là *tathata*.

Bài thơ ngắn của Basho chính là một bài thơ của *tathata*. Bông hoa azunia, một khi được nhìn ngắm đầy tràn mến, đầy nâng niu bằng cả trái tim, và bằng một tâm thế sáng trong, trong một trạng thái không vướng bận vì tâm trí - sẽ khiến cho con người ta phải kinh ngạc và khiếp sợ. Lại có một vấn đề nảy sinh ở đây: Chuyện đó liệu có thể xảy ra chăng? Chuyện đó đã xảy ra với bông hoa nazunia hoang dại, mà nếu như có thể xảy ra với bông azunia, thì cũng có thể xảy đến với tất cả mọi thứ trên đời. Nếu bông azunia có thể đẹp được nhường ấy, thì át hẳn Basho đã phải trở thành Phật từ lâu. Mà nếu như chỉ một bông azunia có thể chứa đựng nhiều đến vậy, thì phải chăng mỗi hòn đá cũng có thể mang theo cả một bài thuyết giáo?

Khi tôi đưa mắt nhìn chăm chú, tôi thấy hoa nazunia đang nở bên hàng rào!

Kana, tôi thấy thật kinh ngạc! Tôi kinh ngạc không thốt thành lời vì vẻ đẹp ấy, sự thực là tôi chỉ có thể diễn đạt được chừng ấy.

Thể thơ ngắn haiku chỉ đơn giản là những diễn đạt, những ngụ ý, nó được viết theo lối hàm súc và ẩn ý.

Chúng ta cũng có thể bắt gặp một trường hợp tương tự trong thơ của Tennyson; có lẽ việc đối chiếu và so sánh sẽ giúp cho chúng ta hiểu nhiều hơn. Nếu như Basho đại diện cho trực giác, thì Tennyson lại đại diện cho tri thức. Basho đại diện cho phương Đông còn Tennyson đại diện cho tiếng nói của phương Tây. Basho thể hiện rõ đặc điểm của trường phái Thiền trong thơ, còn Tennyson viết thơ theo lý trí. Nhìn vào ta thấy hai con người ấy giống nhau, đôi khi, những bài thơ của Tennyson còn có mang âm điệu của thơ ca hơn cả Basho, bởi lẽ nó đi vào trực diện, nó rõ ràng và rành mạch.

*Đóa hoa nở trên bức tường nứt nẻ,
Tôi bứt hoa ra khỏi những vết nẻ này,
Nắm lấy hoa, cả rẽ, thân, trên một bàn tay,
Hoa bé nhỏ - nhưng ước gì tôi biết được điều này
Hoa là gì, cả rẽ và thân, và tất cả là chi,
Tôi sẽ nhận ra con người và Thiên Chúa là gì.*

Cũng thật đẹp, nhưng không có gì có thể so sánh với Basho. Chúng ta hãy cùng xem đâu là điểm làm cho Tennyson thành khác biệt hoàn toàn.

Trước hết:

*Đóa hoa nở trên bức tường nứt nẻ,
Tôi bứt hoa ra khỏi những vết nẻ này...*

Basho chỉ nhìn hoa, chứ không bứt nó. Basho nhận thức một cách bị động chứ không chủ động và bạo liệt như Tennyson. Trên thực tế, một khi đã thực sự bị ấn tượng bởi một bông hoa, chúng ta không thể với tay bứt nó. Khi mà trái tim con người đã chạm tới bông hoa ấy rồi, thì còn cần gì bàn tay phải nắm lấy nó thêm lần nữa? Bứt nó ra tức phá hủy nó, giết chết nó, đó là hành động của kẻ giết chóc. Chắc hẳn không ai lại nghĩ rằng trong thơ của Tennyson có hành động giết chóc, nhưng đúng là như vậy. Làm sao con người ta lại có thể tàn phá những thứ đẹp đẽ tuyệt vời như vậy?

Đó cũng chính là cái cơ chế thực hiện chức năng của lý trí con người chúng ta, nó mang tính hủy diệt. Nó muốn chiếm hữu tất cả, và sự chiếm hữu chỉ có thể thực hiện được nhờ sự tàn phá.

Hãy nhớ rằng bất cứ khi nào muốn chiếm hữu người này hoặc vật kia, chắc chắn chúng ta sẽ phải tàn phá người kia hoặc vật này. Anh chiếm lấy một người phụ nữ?, có nghĩa là anh đang tàn phá cô ấy, tàn phá vẻ đẹp và tàn phá cả tâm hồn cô ấy. Còn chị đang chiếm giữ một người đàn ông? Anh ấy cũng không còn nguyên vẹn ý nghĩa của một con người, có lẽ là chị đã làm giảm giá trị và biến anh ấy thành một món hàng hay đồ vật.

Basho nhìn “chăm chú”- tức là chỉ nhìn thôi chứ không hề chầm chầm như chực nuốt gọn bông hoa. Đó

là cái nhìn nhẹ nhàng, dịu dàng như thể sợ đóa hoa nazunia có thể bị đau.

Trong khi đó thì Tennyson giật bông hoa kia ra khỏi tường và thốt lên:

*Nǎm lấy hoa, cả rẽ, thân, trên một bàn tay,
Hoa bé nhỏ- nhưng ước gì tôi biết được điều này...*

Rõ ràng là hoa vẫn là hoa và người vẫn là người, cả đối tượng quan sát và đối tượng bị quan sát không hề có sự giao thoa, gấp gẽ và hòa quyện. Đó không phải là một tình yêu mến. Tennyson đã tấn công bông hoa bé bỏng, nhổ tung cả rẽ và thân, nấm nó trong tay mình.

Trí óc con người bao giờ cũng cảm thấy hài lòng khi có thể chiếm giữ, kiểm soát hay nắm chặt lấy thứ gì. Còn trạng thái thiên định của ý thức thì lại không ham thích quá trình chiếm hữu, là vì tất cả những điều đó đều là cách thức của một bộ óc đầy thô bạo.

Tennyson còn nói rằng “bông hoa bé nhỏ”, đúng là bông hoa vẫn cứ bé nhỏ mỏng manh, còn Tennyson thì vẫn cứ đứng trên bệ cao vời vợi. Tennyson là một con người, một trí thức nổi danh, một nhà thơ tầm tiếng. Có điều là Tennyson vẫn cứ chỉ đứng lại với cái bản ngã của mình: “một bông hoa bé nhỏ.”

Còn với Basho, không hề có sự so sánh ở đây. Ông chẳng nói gì về mình cứ như thể mình không là gì cả. Không thấy bóng sáng của người quan sát. Vẻ đẹp của bông hoa cứ thể toát lên, như thể nó là siêu nghiêm vậy. Bông hoa nazunia vẫn ở đó, tung cánh bên hàng

rào, *kana* - chỉ có Basho là kinh ngạc vì vẻ đẹp, kinh ngạc khi trải nghiệm cái gốc rễ, cẩn nguyên của sự tồn tại. Sức mạnh từ vẻ đẹp của đóa hoa đã bao trùm lên tất cả. Thay vì chiếm giữ bông hoa, chính Basho lại bị bông hoa chiếm lấy. Ông đã dâng hiến tất cả cho vẻ đẹp tuyệt vời của bông hoa, cho khoảnh khắc tuyệt vời này và cho những cảm xúc thăng hoa từ giây phút ấy.

Bông hoa bé nhỏ, Tennyson nói thế, *nhưng giá mà tôi có thể biết được...*

Trí tuệ đã trở thành nỗi ám ảnh! Thưởng thức thôi là chưa đủ, yêu mến cũng vẫn chưa đủ; Tennyson cần phải lôi kéo bằng được sự hiện diện của trí tuệ cũng như nhất định phải tạo ra tri thức ngay trong khoảnh khắc này. Không có tri thức, thì Tennyson vẫn cảm thấy không yên. Thành ra bông hoa xinh đẹp kia lại biến thành một dấu hỏi to tướng. Thực ra phải nói rằng đối với Tennyson nó mới là dấu hỏi, còn đối với Basho nó là một dấu chấm than.

Bây giờ thì điểm khác biệt lớn nhất lại nằm trong dấu hỏi và dấu chấm than.

Đối với Basho, tình yêu là đủ lắm rồi. Tình yêu thể hiện sự thấu hiểu. Còn có gì có thể thấu hiểu tốt hơn nó nữa? Nhưng đường như Tennyson chẳng hiểu gì về tình yêu, chỉ có tâm trí đầy khát khao được biết.

*Nhưng ước gì tôi biết được điều này
Hoa là gì, cả rẽ và thân, và tất cả là chi...*

Trí óc con người ta chính là thứ cầu toàn khiên cưỡng nhất. Không được phép để lại điều gì chưa biết, không chấp nhận được thứ gì còn nằm trong bức màn bí mật. Chừng nào còn chưa biết rõ ngọn nguồn, chừng ấy con người ta còn sợ hãi, vì tri thức đem đến sức mạnh cho con người

Trí óc con người ta chính là thứ cầu toàn khiên cưỡng nhất. Không được phép để lại điều gì chưa biết, không chấp nhận được thứ gì còn nằm trong bức màn bí mật. Cả rẽ và thân, và tất cả, đều phải được hiểu biết tường tận. Chừng nào còn chưa biết rõ ngọn nguồn, chừng ấy con người ta còn sợ hãi, vì tri thức đem

đến sức mạnh cho con người. Nếu như vẫn còn bí ẩn, có nghĩa là con người ta còn phải sợ, bởi lẽ bí ẩn là thứ con người không thể nào khép trong vòng kiểm soát. Ai mà biết được rằng có gì ẩn chứa bên trong những điều như thế? Đó có thể là kẻ thù, có thể là hiểm họa, mà cũng có thể là điều bất an? Và ai mà biết được rằng tất cả những thứ ấy đang chuẩn bị làm gì với con người ta? Cho nên trước khi nó có thể làm được gì nó phải được đưa ra ánh sáng, nó phải được khám phá. Không có gì được phép chìm trong bức màn bí mật.

Nhưng khi mà tất cả những bài thơ, tình yêu, những thứ diệu kì và những điều bí ẩn đều biến mất; tâm hồn cũng biến mất, những bài ca cũng chẳng còn, và những ngợi khen cũng tan theo mây khói; tất cả mọi thứ đều được phơi bày; thì sẽ chẳng còn có thứ gì đáng

giá. Một khi đã biết hết mọi thứ rồi, thì còn có gì giá trị? Một khi đã biết hết tất cả, thì cuộc sống còn có gì gọi là ý nghĩa, còn có gì quan trọng và đáng giữ?

Hãy xem cái sự ngược đời này nhé: đầu tiên trí óc con người ta quả quyết: “Phải biết tất!” và rồi khi con người đã biết tất cả, thì trí óc lại kêu ca: “Cuộc sống chẳng còn ý nghĩa.”

Rõ ràng là con người đã tự mình hủy hoại mọi ý nghĩa, để rồi sau đó lại khát khao tìm lại ý nghĩa cuộc sống của mình. Trí óc là đối tượng hủy diệt ý nghĩa. Và cũng bởi vì trí óc chúng ta lúc nào cũng khăng khăng rằng con người có thể biết được mọi thứ trên đời, cho nên chính chúng ta không thể nào chấp nhận sự tồn tại của cái gọi là những điều không thể biết, là những điều con người sẽ vĩnh viễn không thể nào biết tới. Chính những điều ấy mới làm nên cái giá trị của cuộc sống này.

Những giá trị tuyệt vời nhất, của cái đẹp, của tình yêu, của Thiên Chúa, của con chiên, đều là những giá trị đáng giá nhất, đều khiến cho cuộc đời này đáng để sống, và đều thuộc về nhóm thứ ba: những điều không thể biết. Những điều không thể biết cũng chỉ là một cách đặt tên khác của Chúa, của những điều huyền diệu và bí ẩn. Những thứ ấy nếu mất đi, sẽ chẳng còn những xốn xang kinh ngạc trong trái tim mỗi con người, mà nếu như chẳng còn gì đáng ngạc nhiên như thế, thì trái tim cũng chẳng còn đúng là trái tim. Rõ ràng là nếu mọi cái kinh ngạc đều biến mất, thì ta cũng đánh mất luôn những thứ đáng giá vô cùng. Và rồi trong mắt con người ta chỉ còn

ngập tràn bụi băm, đôi mắt ấy sẽ đánh mất đi sự trong sáng thuần khiết của nó. Chú chim vẫn hót nhưng chúng ta chẳng mấy may rung động hay khuấy động nữa, con tim ta không rộn ràng theo tiếng hót, đơn giản là vì ta đã quá rõ ràng mọi giải đáp về sự việc ấy rồi.

Cây cối vẫn xanh tươi nhưng vẻ xanh tươi ấy không thúc giục con người ta cất cao tiếng hát hay đưa chân nhảy múa. Nó chẳng thể kích thích cho chất thơ tràn trong mạch sống của con người, cũng chỉ đơn giản là vì ta biết quá rõ màu xanh ấy do chất diệp lục mà thành. Cuộc sống không còn chỗ cho thơ ca. Thơ ca biến mất và thay vào đó là giải thích và lý luận. Và tất cả mọi lý thuyết để luận giải ấy đều đi theo thuyết vị lợi, chúng không phải là cái đích đến cuối cùng.

Nếu như không tin vào những điều không thể biết, thì làm sao ta có thể nói rằng bông hoa hồng này thật đẹp? Đâu mới là cái đẹp? Tất nhiên vẻ đẹp không xuất phát từ các thành phần hóa học của đóa hoa. Người ta có thể chê nhỏ bông hoa đem đi phân tích, khi ấy, ta sẽ không còn nhận ra bông hoa xinh đẹp ban đầu nữa. Nếu như không tin vào những điều không biết, chúng ta có thể tiến hành mổ xé khám nghiệm tử thi, sẽ không tìm thấy thứ gì được gọi là tâm hồn trong đó cả. Và dù cho có đi kiểm tìm tới bất cứ nơi đâu, ta cũng không thể nào tìm ra Chúa, vì Chúa hiện diện ở khắp nơi nơi. Trí óc sẽ bỏ lỡ cơ hội nhận ra Chúa, bởi lẽ trí óc lúc nào cũng muốn cụ thể hóa Chúa thành một thực thể, trong khi Chúa vốn không phải là thực thể.

Chúa chính là một cây đàn đang rung, là cội nguồn rung cảm. Nếu ta hòa nhịp được với thứ âm thanh không cất thành lời của sự tồn tại, nếu ta hòa nhịp cùng với một bàn tay đang vỗ, hòa nhịp được với thứ mà các nhà thần học Ấn Độ vẫn gọi là *anahat*, thứ âm nhạc tột cùng của sự tồn tại, và hòa cùng với những điều bí ẩn diệu kỳ, thì chúng ta sẽ hiểu được ngay rằng cuộc đời này chỉ có Chúa mà thôi. Cũng chính khi đó, Chúa cũng chính là sự tồn tại và sự tồn tại cũng chính là Chúa, một sự đồng diệu đến lạ kỳ.

Tuy nhiên, con người ta không thể nào hiểu được điều ấy, nói cách khác là những điều ấy không thể nào giản lược và cắt giảm lại thành tri thức cho con người tiếp cận, đó cũng chính là chỗ Tennyson đã để mất, do đó mà mất đi toàn bộ. Tennyson nói:

*Hoa bé nhỏ- nhưng ước gì tôi biết được điều này
Hoa là gì, cả rẽ và thân, và tất cả là chi,
Tôi sẽ nhận ra con người và Thiên Chúa là gì.
Song tất cả chỉ dừng lại ở “nhưng” và “ước gì” .*

Trong khi đó với dấu chấm than, Basho biết Chúa là gì và cũng biết về con người như vậy. “Tôi thấy thật kinh ngạc, tôi bị ngạc nhiên... *hoa nazunia đang nở bên hàng rào!*”

Có lẽ đó là một đêm trăng tròn, hoặc là vào buổi bình minh. Tôi thực sự có thể nhìn thấy ngay trước mắt hình ảnh của Basho khi ông đang đứng bên con đường nhỏ, không cử động, tĩnh lặng như thế ông cũng đang

ngừng thở vậy. Một bông azunia... đẹp tuyệt vời! Quá khứ thoắt chốc vụt qua đi, mọi tương lai cũng vừa xóa sạch. Trí óc Basho không còn vương một chút băn khoăn, chỉ còn lại ở đó sự kinh ngạc tuyệt đối. Basho bỗng quay lại trở thành đứa trẻ. Thêm một lần cặp mắt thơ ngây trong sáng của đứa bé thơ ngược nhìn bông hoa nazunia chăm chú và đầy yêu mến. Trong tình yêu mến và sự nâng niu ấy, sự hiểu biết đã chuyển sang một hình thái hoàn toàn khác, không còn là tri thức, cũng không còn là những phân tích thông thường của con người. Tennyson đã tri thức hóa toàn bộ hiện tượng, để rồi phá hủy mất vẻ đẹp tuyệt vời của nó.

Tennyson đại diện cho phương Tây. Basho đại diện cho phương Đông. Tennyson đại diện cho trí tuệ của đàn ông, trong khi đó Basho thể hiện tư duy của người phụ nữ. Tennyson cất lên tiếng nói của trí óc, còn tiếng nói Basho cho thấy sự giải phóng hoàn toàn sự ràng buộc của con người vào trí óc.

THAY CHO LỜI KẾT

KHÔNG ĐÍCH ĐẾN

Quả thực là sự khác biệt đó hết sức mờ ảo, nhưng nó cũng không khác gì sự khác biệt giữa trí óc với con tim, giữa tư duy *logic* với tình yêu, hoặc gần gũi dễ hiểu hơn là giữa văn xuôi với thi ca.

Một cái đích để hướng tới là điều đã rất rõ ràng; còn sự định hướng dựa vào trực giác. Một điểm đến nằm bên ngoài con người ta, gần gũi với hình hài một vật nào mà con người hằng nhìn thấy. Sự định hướng là cảm nhận nằm sâu trong mỗi con người, không phải là khách thể, nó chính xác là chủ thể trong ta. Chúng ta có thể cảm nhận được sự chỉ dẫn, chứ không biết nó. Ngược lại, chúng ta hoàn toàn có thể biết đích đến của mình nhưng lại không cảm nhận được nó. Đích tới nằm ở tương lai. Chỉ sau một quyết định, con người ta sẽ lôi kéo và lèo lái cả cuộc đời về phía nó.

Làm sao có thể quyết định được tương lai? Chúng ta là gì mà có thể quyết định những điều còn chưa biết tới? Liệu có thể nào chọn sẵn một tương lai cho mình? Tương

lai là những gì chưa biết tới. Tương lai lật mở những khả năng. Khi con người chọn cho mình một đích đến, tương lai sẽ chẳng còn là tương lai bởi lẽ nó không còn là những khả năng để ngỏ. Lúc này ta đã tự gắn mình với một lựa chọn trong số rất nhiều các cơ hội khác, bởi lẽ chỉ khi các cơ hội còn để ngỏ, chúng mới làm nên tương lai của chúng ta. Một khi đã bị khép lại, chỉ có một phương án được lựa chọn, mọi thứ đã chuyển thành quá khứ.

Cho nên khi ta ấn định một đích đến cho mình, cũng chính là khi quá khứ thực hiện vai trò định đoạt của nó, nói cách khác thì đó là khi những kinh nghiệm, những kiến thức đã có trong quá khứ đứng ra quyết định. Chúng ta giết chết tương lai, để rồi lại tiếp tục lặp lại quá khứ, cũng có thể thêm thắt một vài biến đổi, một chút khác đi ở chỗ này hay chỗ khác cho thuận tiện. Dù cho có được sửa chữa tân trang, thì nó cũng chỉ là sản phẩm của quá khứ. Đây chính là con đường khiến cho con người ta lạc mất chính tương lai của mình: chọn trước đích đến, và rồi lạc mất đường đi. Con người ta sẽ chết dần đi, hoặc sẽ từ từ biến mình thành cỗ máy.

Trong khi đó sự định hướng mang nguyên hơi thở của cuộc sống, ngay chính tại giây phút mà cuộc sống của con người diễn ra. Nó không có khái niệm gì về tương lai, cũng không biết gì về quá khứ, nhưng nó đậm rộn rã, nó giao động, ngân nga vang vọng mãi. Để từ trong khoảnh khắc vang vọng thế này, những khoảnh khắc tiếp sau sẽ bật ra nối tiếp. Không phải là do một quyết định nào đó trong quá khứ, mà chỉ bởi vì ta đã sống và đã sống quá

trọn vẹn trong khoảnh khắc này; cũng bởi chúng ta yêu giây phút này nồng nhiệt quá, cho nên những giây phút tiếp sau cũng sẽ từ khói nồng nhiệt ấy mà sản sinh ra. Tất cả những điều ấy sẽ làm nên chỉ dẫn cho mỗi con người. Và sự chỉ dẫn này không phải do chúng ta đưa ra, không khiên cưỡng, mà rất đỗi tự nhiên.

Chúng ta không thể nào quyết định sự chỉ dẫn ấy cho mình, chỉ có thể tận hưởng từng phút giây ta được sống. Sống trọn vẹn với nó, và thế là sự chỉ dẫn sẽ tự nó bật ra. Nếu như chúng ta nhảy múa trong giây phút này, thì giây phút tiếp theo sẽ là một điệu nhảy quyến rũ hơn. Đừng quyết định, mà hãy khiêu vũ trong cuồng nhiệt. Chúng ta đã thiết lập nên một sự chỉ dẫn, chứ không lôi kéo và lèo lái. Giây phút tiếp theo và tiếp tiếp theo, điệu nhảy sẽ ngày càng nồng nàn và quyến rũ.

Dịch đến trong tương lai là do chính trí óc con người ta quyết định, còn sự định hướng có được nhờ sự sống. Dịch đến kia nằm trong tư duy *logic*: có người muốn trở thành một bác sĩ, có người lại muốn trở thành một kỹ sư, người khác muốn làm nhà khoa học, hoặc là một chính trị gia. Có người muốn giàu có và nổi tiếng, đó là đích đến của họ. Vậy thì đâu là định hướng? Đó là khi con người ta sống với đức tin sâu sắc mà cuộc sống là người định đoạt. Con người ta sống trọn vẹn tới mức sự trọn vẹn ấy giải phóng biết bao nhiêu tươi trẻ, quá khứ tan đi còn tương lai hồi hả thành hình. Có điều là không phải chúng ta đúc ra hình khói ấy, chúng ta chỉ có thể thu nhặt nó mà thôi.

Rinzai, một thiền sư, đang nằm trên giường vào phút lâm chung. Có người hỏi ông: “Thưa thầy, mọi người muốn biết rằng sau khi thầy đi, thầy có muốn dạy lại điều gì? Thầy đã giảng dạy rất nhiều điều, đã nói rất nhiều điều mà chúng con khó có thể cô đọng lại. Trước lúc đi xa, xin thầy hãy tóm gọn lại trong đôi ba câu chữ, để chúng con có thể lưu giữ lời ngọc ý vàng. Và để khi nào có người muốn học hỏi từ thầy, chúng con cũng có thể truyền cho họ những điều cốt lõi.”

Khi chết, Rinzai mở to mắt, hét một tiếng “Thiền” thật lớn, như tiếng gầm sư tử! Tất cả mọi người đều sốc! Không ai ngờ được rằng con người sắp chết ấy lại có thể có nhiều năng lượng tới vậy. Ai nấy đều bất ngờ. Con người đó đúng là không thể nào đoán định, thực ra lúc nào ông cũng thế, nhưng ngay cả khi đã biết điều đó, mọi người chung quanh cũng không thể tưởng tượng được một cái chết nào tương tự. Mới lúc trước, ông còn gầm lên như sư tử, và trong khi mọi người còn đang sững sờ, lẽ tất nhiên trí óc họ đều ngưng lại vì ngạc nhiên- thì Rinzai quay trở lại, nói: “Là đây.”, nhắm mắt lại và ra đi mãi mãi.

Là đây...

Khoảnh khắc này, khoảnh khắc chìm trong im lặng, khoảnh khắc mà tư tưởng không thể quay rày, sự thịnh lặng bao bọc nỗi ngạc nhiên, tiếng gầm của con sư tử vượt lên trên cái chết, là đây.

Vâng, sự chỉ dẫn đến từ nhịp sống của khoảnh khắc này. Nó không phải là thứ nằm trong kế hoạch hay dự

định. Nó xảy đến, mơ hồ và huyền hoặc mà con người ta không bao giờ có thể chắc chắn được điều gì. Đó là lý do tôi nói rằng nó gần với thơ hơn chứ không phải văn xuôi, giống với tình yêu hơn, chứ không như tư duy logic, nó giống với nghệ thuật hơn là khoa học. Và đó chính là vẻ đẹp của nó, không xác định, nó không cụ thể như một giọt sương mai đọng trên lá cỏ, đang trượt đi không biết là tới đâu và tại vì sao. Trong một buổi sớm dưới ánh nắng mai, hãy thử trượt dài trên lá cỏ.

Sự chỉ dẫn thực sự rất đỗi tinh tế, thanh tú và mong manh.

Đích đến lại thuộc về bản ngã; còn sự định hướng thuộc về sự sống, sự tồn tại.

Để sống được trong thế giới của sự định hướng này, con người ta cần phải có niềm tin vô cùng lớn, vì họ sẽ vận động mà không có gì bảo vệ, chuyển động trong bóng đêm mù mịt. Song bóng tối cũng có những nỗi sợ hãi đang run lên trong nó: không bẩn đồ, không chỉ dẫn từ bên ngoài, chúng ta đang mải miết chuyển động trong một vùng thăm thẳm những điều chưa hề biết. Mỗi bước chân đi là một khám phá, không chỉ là những khám phá của con người ta về thế giới bên ngoài. Ngược lại, thế giới bên ngoài cũng đang khám phá ngược trở lại chúng ta. Rõ ràng là người khai phá ấy không chỉ đang đi tìm hiểu những thứ quanh mình, trên thực tế, anh ta đang không ngừng phát kiến những điều mới mẻ còn chưa được lật mở bao giờ, cũng là đang lật mở chính mình. Mỗi một cuộc thám hiểm đều là một cuộc thám

hiểm phần nội tại của mỗi người. Càng biết nhiều, chúng ta càng hiểu thêm về những người làm chủ tri thức, càng yêu thương nhiều, chúng ta càng biết hơn về những người đang nắm giữ tình yêu.

Tôi không có ý định định ra cho mọi người một đích đến, tôi chỉ mong muốn có thể mang đến một sự chỉ dẫn, đánh thức, và thúc giục rộn ràng cuộc sống cùng những điều mới mẻ chưa biết tới, luôn gây ngạc nhiên và dường như không thể nào đoán định nổi. Tôi không định vẽ ra một cái bản đồ, tôi chỉ muốn đưa ra một cách tiếp cận tuyệt vời để chúng ta cùng khám phá.

Vâng, đâu cần tới một cái bản đồ, chỉ cần đam mê, khát khao mạnh liệt. Và rồi tôi sẽ để cho mọi người tự mình đi tiếp. Chúng ta tự bước trên con đường của riêng mình, bước vào chốn bao la không bờ bến, và từ từ, chúng ta sẽ xây dựng được lòng tin. Hãy trao cả cuộc đời ta cho cuộc sống. Con người một khi đã có lòng tin, một khi vẫn biết rung động dù đứng bên bờ cái chết, sẽ có được tiếng gầm của con sư tử. Thậm chí khi đang chết dần, bởi lẽ ông biết rằng chẳng có cái gì là chết cả - thì trong cái thời điểm bước sang thế giới bên kia, vẫn có thể nói rằng: "Là đây."

Bởi mỗi khoảnh khắc, là đây. Đó có thể là sự sống, có thể là cái chết, có thể thành công, cũng có thể là thất bại, có thể hạnh phúc lại cũng có thể là bất hạnh.

Mỗi khoảnh khắc...đều là đây.

VỀ TÁC GIẢ

Bài giảng của Osho không tuân theo bất cứ cách phân chia nào cả, nó bao gồm các câu hỏi riêng rẽ về ý nghĩa của những vấn đề xã hội và chính trị bức xúc nhất trong xã hội ngày nay. Các cuốn sách của ông không được viết ra mà được chép lại từ những buổi nói chuyện ngẫu hứng với các khán thính giả được ghi âm và ghi hình lại trên khắp thế giới trong suốt ba mươi nhăm năm. Osho được miêu tả trên thời báo *Sunday Times* của London là một trong “1000 người tạo ra thế kỷ 20” và được tác giả Tom Robbins người Mỹ miêu tả là “người đàn ông nguy hiểm nhất sau Chúa Jesus”.

Nói về công việc của mình, Osho nói rằng ông đang góp sức cho việc tạo điều kiện ra đời một nhân loại mới. Ông thường miêu tả loại người mới này như “Zorba the Buddha” - vừa có thể vui vẻ với niềm vui tràn thế như Zorba the Greek và với sự thanh tản của Đức Phật Gautam. Mạch tư tưởng xuyên suốt tất cả các khía cạnh công việc của Osho là tầm nhìn bao trùm lấy sự hiểu biết hàng ngàn năm của phương Đông và tiềm năng phát triển của khoa học và công nghệ phương Tây.

Osho cũng được biết đến bởi sự đóng góp có tính cách mạng của mình vào khoa học của sự biến đổi bên trong, với một cách tiếp cận đến sự suy ngẫm để tạo ra bước nhảy vọt trong việc tìm hiểu cuộc sống hiện tại. “Sự suy ngẫm tích cực”¹ độc đáo của riêng ông được thiết kế để giải phóng những căng thẳng tích tụ trong cơ thể và đầu óc, để có thể dễ dàng đạt tới trạng thái không suy nghĩ và hoàn toàn nghỉ ngơi thanh thản.

Trong cuốn “Niềm vui sướng”, Osho thừa nhận rằng vui vẻ là tính chất căn bản của cuộc sống. Niềm vui là trạng thái tinh thần của hạnh phúc, trong niềm vui con người sẽ bắt đầu hiểu được giá trị bên trong của mình và đặt mình vào trong vạn vật. Thừa nhận niềm vui là một quyết định “thuận theo dòng chảy”, là sự biết ơn đối với cuộc sống, với tất cả những thách thức và cơ hội mà cuộc sống mang lại, hơn là đặt ra các điều kiện hoặc yêu cầu để được hạnh phúc.

Bộ sách *The Insight for a New Way of Life* nhằm đem ánh sáng đến cho niềm tin và thái độ của con người, nó ngăn các cá nhân sống với bản chất con người thực sự của họ. Câu chữ được pha trộn một cách tinh vi giữa lòng trắc ẩn và sự hóm hỉnh, và người đọc được tiếp thêm sức mạnh để đương đầu với những việc họ muốn tránh nhất, những việc mà sẽ cung cấp chìa khóa đến với sức mạnh và trí tuệ thực sự.

¹ “Active Meditation”.

Niềm vui sướng là một sự khám phá kỳ lạ về nguồn gốc và tầm quan trọng của sự vui sướng trong cuộc sống của chúng ta.

Việc làm của Osho thách thức người đọc kiểm tra và phá vỡ mọi điều kiện, mọi hệ thống niềm tin và định kiến đã giới hạn khả năng khám phá sự phong phú của cuộc sống. Một trong những giáo viên tinh thần nổi tiếng và khiêu khích nhất của thế kỷ hai mươi, Osho được thời báo Sunday Times của London miêu tả là một trong “1000 người tạo ra thế kỷ hai mươi” và được tiểu thuyết gia Tom Robbin người Mỹ miêu tả là “người đàn ông nguy hiểm nhất sau Chúa Jesus”. Hơn một thập kỷ sau khi ông mất vào năm 1990, sức ảnh hưởng của các bài giảng của ông vẫn còn tiếp tục lớn lên, được mọi người ở mọi lứa tuổi trên hầu hết các quốc gia tìm đọc.

KHU THIỀN ĐỊNH OSHO

Osho Meditation Resort là nơi mọi người có thể đến để được hướng dẫn để có một trải nghiệm cá nhân về cách sống mới tinh táo hơn, thanh thản hơn và vui vẻ hơn. Nằm cách Mumbai một trăm dặm về phía Nam, tại thành phố Pune của Ấn Độ, khu nghỉ dưỡng cung cấp nhiều chương trình khác nhau cho hàng ngàn người đến đây mỗi năm từ hơn một trăm quốc gia trên thế giới.

Ban đầu được phát triển như một nơi nghỉ mát mùa hè cho các hoàng tử và những ông chủ người Anh giàu có, Pune giờ đây là một thành phố hiện đại và phát triển, là quê hương của vô số các trường đại học và các ngành công nghệ cao. Khu nghỉ dưỡng trải dài trên diện tích 40 mẫu Anh ở vùng ngoại ô Koregaon Park. Sân bãi của khu nghỉ dưỡng cung cấp tiện nghi cho một số lượng hạn chế các khách hàng, và có rất nhiều các khách sạn hoặc căn hộ cá nhân ở gần đó để dành cho việc nghỉ lại từ vài ngày cho đến vài tháng.

Các chương trình nghỉ dưỡng được xây dựng dựa trên sự tưởng tượng về một chủng loại người có phẩm

chất mới của Osho, những người có thể tham gia một cách sáng tạo vào các hoạt động của cuộc sống và tìm thấy sự thanh thản trong im lặng và suy ngẫm. Phần lớn các chương trình này đặt ở những nơi hiện đại, đầy đủ tiện nghi và gồm có các buổi học cá nhân, các khóa học khác nhau, và các buổi hội thảo bao trùm mọi thứ từ nghệ thuật sáng tạo cho đến những giải pháp trị liệu y tế, những biến đổi cá nhân và liệu pháp, những kỹ thuật bí truyền, các tiếp cận “Zen” với thể thao và giải trí, những vấn đề về các quan hệ xã hội, và những thời kỳ chuyển tiếp có ý nghĩa trong cuộc đời của đàn ông và đàn bà. Những buổi thảo luận cá nhân và các cuộc họp nhóm được thực hiện trong suốt năm, bên cạnh những lịch trình suy ngẫm đầy kín ngày.

Các nhà hàng ăn uống ngoài trời bên trong khu nghỉ dưỡng phục vụ cả thức ăn truyền thống của Ấn Độ và các món ăn nước ngoài. Tất cả đều được chế biến từ những loại rau quả được trồng ở các trang trại gần đó. Khu nghỉ dưỡng có nguồn cung cấp nước riêng và an toàn.

MỤC LỤC

<i>Lời nói đầu</i>	5
BẢN ĐỒ	14
Khôi óc, con tim, và sự tồn tại	15
Quá khứ, hiện tại, và tương lai.....	21
Ba bậc của một cái thang	36
RÀO CẢN CỦA SỰ GIÁC NGỘ	74
Sự hiểu biết	74
Trí năng	96
Trí tưởng tượng	104
Hoạt động chính trị	124
CHIẾN LUỢC	159
Bóc vỏ hành	159
Trách nhiệm thuộc về phái nữ.....	193
Chuyển từ suy nghĩ sang cảm nhận	229
Thư giãn	248
Tìm người dẫn đường tự bên trong	255
Biến hạnh phúc thành tiêu chuẩn.....	267
Gọi mời những áng thơ.....	274
THAY CHO LỜI KẾT: Không đích đến.....	288
VỀ TÁC GIẢ	294
KHU THIỀN ĐỊNH OSHO	298

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 04-37822844

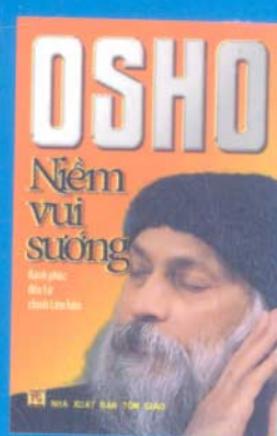
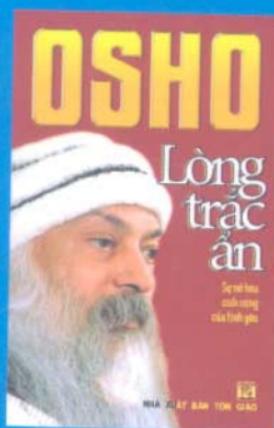
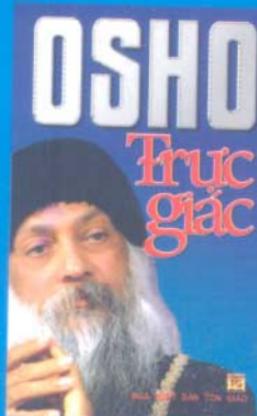
TRỰC GIÁC

*

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập	: VŨ VĂN HIẾU
Trình bày bìa	: NS.MINHLAM DESIGN
Sửa bản in	: NS.MINHLAM
Trình bày	: NS.MINHLAM

In 1.500 cuốn khổ 13,5 x 20,5cm tại **DNTN in Hà Phát**
Số đăng ký KHXB: 492-2010/CXB/06-69/TG
In xong nộp lưu chiểu năm 2010



Trong bộ sách nổi tiếng "Lối sống mới" của OSHO, ông đã đưa ra một cái nhìn sâu sắc và khác biệt về bản chất của trực giác. Ông đã chỉ ra rằng, Trực giác là một miền đất khác lạ, nơi đang diễn ra những sự việc không hề có mối liên hệ nào với trí óc con người, mặc dù nó tồn tại ngay bên trong trí óc của chúng ta. Trực giác bước vào trong trí năng cũng tương tự như sự thâm nhập của một dạng tồn tại ở cấp cao vào bên trong một dạng tồn tại ở cấp độ thấp hơn, có điều, sự thâm nhập ấy chỉ diễn ra theo một chiều, không hề có chiều ngược lại... Trực giác là một bước nhảy vọt; cũng là lý do tại sao nó lại được coi là một bước ngoặt lớn. Trực giác là bước nhảy từ một điểm này tới một điểm khác dù giữa hai điểm ấy không hề có bất cứ mối quan hệ hay sự liên kết nào.

Trực giác đã đem tới cho người đọc những trải nghiệm qua một giọng văn đầy hiểu biết và hài hước.

OSHO là một trong những nhà thuyết giảng về tư tưởng tôn giáo nổi tiếng nhất trong thế kỷ 20. Hơn một thập kỷ sau khi ông qua đời vào năm 1990, những bài giảng của ông vẫn có sức ảnh hưởng sâu rộng tới độc giả mọi lứa tuổi trên toàn thế giới.

PHÁT HÀNH TẠI NHÀ SÁCH MINH LÂM

52 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 043. 9.427.893. 01/Fax: 043. 9.427.407. 043.9.587.391
Website: nesminhlam.com.vn Email: nesminhlam@gmail.com

TRỰC GIÁC



GIÁ: 48.000Đ